IURI MODIN

5 ĐIỆP VIÊN Quý tộc



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

IURI MODIN

5 ĐIỆP VIÊN QUÝ TỘC

(Sách tham khảo)

Người dịch: TÂM HẰNG

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
HÀ NỘI - 2001

[illegible]

Dịch theo nguyên bản: "SUDBA RAZVEDCHIKOV"

Nhà xuất bản "OLMA PRESS", MOSKVA, 1997

THAY LỜI GIỚI THIỆU

Ngày 25 tháng Năm năm 1951, Cục phản gián Anh MI-5 phát hiện ra chánh văn phòng Bộ Ngoại giao Anh tại Mỹ Donald Maclean và Bí thư thứ Nhất sứ quán Anh tại Washing-ton Guy Burgess đã mất tích. Đúng vào ngày hôm đó người ta dự định tiến hành thẩm vấn Maclean về tội hợp tác với tình báo Xô viết.

Cuộc điều tra bị kéo dài đến gần 40 năm. Người ta phát hiện ra rằng, không chỉ có hai nhà ngoại giao này, mà có cả một nhóm gồm 5 nhà quý tộc Anh đã hợp tác với cơ quan tình báo Xô viết trong suốt 17 năm, bắt đầu từ khi chuẩn bị có cuộc Đại chiến thế giới lần thứ hai, đi qua cuộc chiến tranh và cả "giai đoạn đầu của chiến tranh lạnh".

Các phương tiện thông tin đại chúng của Anh và các nước khác ở châu Âu đã mở chiến dịch bôi nhọ "nhóm 5 người". Biết bao dối trá, vu cáo, rác rưởi, những lời buộc tội trắng trợn đã đổ lên tên tuổi của họ, đến nỗi tôi, một người suốt đời gắn bó với ngành báo chí, phải kinh sợ. Tôi không thể giúp gì được họ: việc suốt mấy chục năm

qua báo chí im lặng về hiện tượng hiếm có này trong ngành tình báo không phải do ý muốn của tôi.

Giờ đây tất cả năm người đều không còn nữa. Và tôi coi danh dự và nghĩa vụ sĩ quan của mình là phải tái hiện lại sự thật. Tôi đã làm việc với họ suốt thời gian ấy, đã tham gia tổ chức cuộc chạy trốn của họ và giải quyết những hậu quả của sự tan rã.

Cả năm người đều có tư tưởng chống phát xít triệt để, có người còn là nhà mácxít. Qua nghiên cứu thông tin đối ngoại hồi giữa thế kỷ XX, quan sát những cuộc bạo loạn chiến tranh, cách mạng và những rối ren khác lan tràn khắp thế giới, họ không đánh mất niềm tin tưởng lạc quan rằng có thể ngăn chặn được tất cả những hiện tượng đó. Không phải lúc nào họ cũng tán đồng đường lối của Nhà nước Xô viết, nhưng ít nhất họ tin tưởng vào tính thực tế trong những dự định của nó.

Trong cuốn sách này, tôi muốn thử vẽ nên chân dung chân thực cả 5 người bạn Cambridge của tôi: Kim Philby. Donald Maclean, Guy Burgess, Anthony Blunt và John Cairncross. Hãy để họ hiện lên trong con mắt bạn đọc với tất cả ưu khuyết điểm và những sở thích của mình, bởi vì, dù đã lập được một chiến công anh hùng, nhưng họ vẫn là những con người có tính cách, có những điều gàn dở, có những say mê, như tất cả chúng ta.

Cuốn sách đã được xuất bản ở Pháp, Anh, Mỹ, Canađa, Tây Ban Nha, và qua ý kiến phê bình thì hình như ở đâu cuốn sách cũng đạt được thành công đáng kể.

Tôi hy vọng, cuốn sách cũng sẽ thu hút được bạn. Tôi, cũng như tất cả những người viết hồi ký khác, nói theo lời của V.V. Shulgin, tự thuyết phục mình rằng, những ghi chép là tầm thường đối với người đương đại lại là rất có ích cho hậu thế mai sau.

Phó tiến sĩ sử học, phó giáo sư,
đại tá KGB về hưu

I. MODIN

CHƯƠNG I

LONDON, THÁNG HAI NĂM 1948

Lúc đó tôi đang sống ở London. Đang là tiết tháng hai, tháng hay mưa và gió nhất trong năm. Đã quá nửa đêm. Nhưng tôi không sao ngủ được. Ý nghĩ không hiểu Ủy ban an ninh quốc gia đã biết những gì về John Cairncross không để cho tôi yên. Tôi nghĩ cả về cuộc gặp gỡ sắp tới với ông ta.

Suốt mấy ngày qua, tôi cùng với Nicolai Borisovich Rodin - ông chính là Corovin, cấp trên chính thức của tôi và là điệp viên KGB tại thủ đô nước Anh - nhiều lần rà soát lại các chi tiết của cuộc gặp gỡ sắp tới. Tôi muốn biết tất cả về đời sống và tính cách Cairncross người điệp viên tương lai đầu tiên sẽ cùng tác chiến với tôi mang bí danh "Carel" trong KGB. Sắp tới đây tôi sẽ phải gặp gỡ mặt đối mặt với ông ta. Phải xây dựng cho được bức chân dung tâm lý của John Cairenross. Nó cho phép tôi đoán trước được lối ứng xử của ông trong tình huống này hay tình huống khác.

Trong một lần nói chuyện Corovin đã báo trước với tôi, điệp viên này có hai nhược điểm lớn: tính hay quên và không đúng hẹn. Gần như chưa bao giờ Cairncross

đến đúng hẹn. Tất nhiên là tôi ghi nhớ lời báo trước đó để chuẩn bị cho thích hợp.

Trước tiên là phải suy nghĩ cẩn thận xem nên chọn địa điểm nào cho những cuộc gặp gỡ tiếp theo của chúng tôi sau lần tiếp xúc đầu tiên, vốn không phải do tôi mà là do Milovzorov, lúc đó đang là người liên lạc của Cairncross chuẩn bị Milovzorov sẽ phải giới thiệu tôi với Cairncross và rồi rút lui.

Tôi đã bỏ mấy ngày để tìm ra một chỗ ở London có thể khiến cả tôi, cả Carel hài lòng. Nói cách khác, đó phải là một hiệu cà phê hay một quán ăn có vị trí giúp Cairncross dễ ghi nhớ và cảm thấy mình an toàn trong đó. Nhưng Milovzorov lại là người quyết định cuối cùng.

Sau đó tôi vẽ ra tuyến đường đi đến cuộc hẹn. Một phần đường sẽ phải đi bộ, sau đó là chặng tàu điện ngầm dài, rối rắm với nhiều bến đỗ, bến chuyển tầu, lộn đi lộn lại. Phải kiểm tra chắc chắn rằng không có kẻ nào theo sát gót tôi.

Việc lập nên được một tuyến đường như vậy luôn đòi hỏi nhiều thời gian, nhưng sự thận trọng của tôi có căn nguyên của nó. Tôi phải giữ cho mình "sạch sẽ", theo ngôn ngữ nghề nghiệp của chúng tôi, nghĩa là không có đuôi bám theo. Đáng tiếc là không phải tất cả điệp viên của chúng ta đều cẩn thận như vậy. Sau hai - ba cuộc gặp gỡ thành công là họ xả hơi, mất đi tính cảnh giác, coi thường những biện pháp giữ an toàn sơ đẳng nhất.

Tôi đã nhanh chóng phát hiện ra rằng, Corovin - một điệp viên tích cực của chúng ta, người đã xây dựng được hệ thống cắt đuôi rất thực tế - đã bắt đầu chểnh mảng với chính những qui tắc mà ông đã nghiêm khắc bắt các nhân viên khác phải triệt để tuân theo. Hậu quả là thái độ tắc trách của ông đã làm ta mất đi một số điệp viên.

Corovin đề nghị tôi gặp ông vào buổi tối, trước cuộc hẹn với Cairncross một ngày. Chẳng còn gì phải bàn bạc nữa, nhưng tôi không phản đối và đến phòng làm việc của ông. Vẻ quan trọng, Corovin đứng lên, đẩy mạnh chiếc ghế sang bên, đi vòng qua bàn làm việc và ngồi xuống ghế xalon đối diện tôi.

- Iuri Ivanovich, - ông mở đầu bằng một giọng lên lớp khiến tôi bực mình, - đồng chí có thể dễ dàng nhìn thấy Moscow những hy vọng lớn lao như thế nào vào "Carel", đặc biệt là về lĩnh vực quân sự. Đồng chí thấy đấy, Trung tâm đã rất nhanh chóng gạt Milovzorov khỏi công tác với "Carel", khi anh ta có vấn đề trong quan hệ với điệp viên. Nếu đồng chí cũng hành động như vậy, thì hiển nhiên là sẽ chôn vùi sự nghiệp của mình.

Corovin dừng lời. Vẻ nhẹ nhõm xuất hiện trên mặt. Dường như ông khá hài lòng khi hình dung ra những gì sẽ đến với tôi nếu tôi bị thất bại.

- Mà đồng chí đã chọn bí danh gì cho mình chưa? Tôi cho là đồng chí đã nghĩ đến việc đó, đúng không?

Tôi thì hoàn toàn không nghĩ đến điều đó. Lúc này bí

danh là điều ít làm tôi quan tâm hơn cả. Trước mắt tôi là vấn đề quan trọng hơn nhiều: liệu tôi có thể đảm đương được công việc này hay không? Nhưng vẫn phải nghĩ ra điều gì đó để trả lời:

- Tất nhiên là có. Nếu đồng chí không phản đối, tôi sẽ lấy bí danh "Peter".

Tôi cũng có thể trả lời là "Max", "Harry" hay "Jim", nhưng tôi chọn "Peter", có lẽ là vì thuở nhỏ tôi được xem bộ phim "Dưới mái nhà thành phố Paris", trong đó nhân vật chính tên là "Peter".

"Peter" là tên đầu tiên trong một hàng dài những bí danh của tôi. Các đồng nghiệp biết tôi dưới nhiều tên gọi khác nhau. Tôi sử dụng chúng khi làm việc với các điệp viên, hay ký các điện báo và tài liệu gửi từ trạm tình báo London về Moscow. Đối với một số điệp viên tôi là "Peter", số khác gọi tôi là "George" và v.v. Mỗi một nhóm hoạt động lại biết tôi dưới một bí danh khác nhau.

- Iuri Ivanovich, giờ thì hãy tự hành động, Corovin nói rồi ra khỏi phòng và đóng cửa lại.

Vào đêm trước ngày gặp gỡ, tôi ngủ rất say, vì tôi biết rõ bản thân: khi mối nguy hiểm càng lớn, tôi càng bình tĩnh hơn. Tôi đã nghĩ chính xác những gì nên hỏi người điệp viên tương lai của tôi. Mặc dù vậy, tôi vẫn hiểu rõ rằng, điều chủ yếu trong giai đoạn làm quen đầu tiên là tạo lập được một không khí thuận lợi cho công việc tiếp theo.

Nhưng tận trong tâm khảm tôi lại không yên tĩnh chút nào. Dù sao tôi vẫn thấy lo lắng trước cuộc gặp gỡ với con người này. Ông ta hơn tôi nhiều tuổi và có kinh nghiệm hơn hẳn. Và cùng lúc, niềm hân hoan vẫn tràn ngập trong tôi. Tôi nhận thức rõ rằng, công việc tôi làm gắn liền với mạo hiểm lớn, nhưng tôi tin tôi đã không nhầm khi chọn nghề tình báo, cho dù tạm thời tôi mới chỉ là một "con ốc vít" trong cỗ máy đồ sộ của Trung tâm tại Moscow.

Sáng hôm đó, thời tiết ở London đặc biệt ẩm ướt và ảm đạm. Tôi ra khỏi nhà từ sớm và đi đến Sứ quán Liên Xô như thường lệ. Ngược lại phía tôi là đám đông người đi bộ nhợt nhạt và ướt sũng từ đầu đến chân đang vội vã đến công sở. Giờ đây, khi quan sát họ, tôi không còn băn khoăn nữa. Tôi sẽ hoà vào bức tranh chung kia, không khác biệt gì cả. Người dân London - những công nhân, công chức bình thường, không để ý chút nào đến tôi hết.

Tôi làm việc ở Sứ quán cho tới giờ nghỉ ăn trưa và đi một mình đến nhà ăn, một điều tôi chưa bao giờ làm trước đây. Vì sao? Tôi không biết, nhưng tôi thấy không muốn trò chuyện với các đồng sự. Tất cả mọi suy nghĩ của tôi đều tập trung vào cuộc gặp gỡ sắp tới, mặc dù thoạt nhìn nó không có vẻ quan trọng như vậy. Bản thân tôi chẳng có gì để nói với "Carel" cả, và ông ấy cũng chưa thể có điều gì đặc biệt dành cho tôi. Đó chỉ là cuộc gặp gỡ đầu tiên, thậm chí không phải tay đôi, mà

với sự có mặt của Milovzorov. Dù vậy, đây là nhiệm vụ chủ động đầu tiên của tôi tại London.

Sau bữa trưa tôi đến rạp chiếu phim. Buổi chiếu kết thúc quãng gần 6 giờ chiều, ngoài đường phố trời đã sẩm tối. Mưa lâm thâm lạnh buốt như băng. Tôi dựng cổ áo khoác mùa thu, sụp mũ xuống tai và trông giống một người hoạt động bí mật thực thụ. Dường như tất cả những người đi ngược chiều với tôi đều biết tôi là gián điệp. Thực ra, những người Anh đang rụt đầu rụt cổ vì mưa phùn kia đâu có để ý gì đến Iuri Ivanovich Modin, sĩ quan cấp thấp của KGB, đang sải bước đến cuộc gặp gỡ đầu tiên với điệp viên người Anh của mình.

Trong hai giờ, tôi vượt qua hết, "con đường đau khổ" mà tôi đã vạch ra từ trước: xuyên qua mấy khu dân cư, phố xá và quảng trường, những nơi thậm chí một đứa bé con cũng dễ dàng phát hiện ra kẻ theo dõi nếu kẻ đó xuất hiện. Một trong những nguyên tắc bất di bất dịch của tôi là cố gắng lựa chọn đường phố chỉ có vỉa hè ở một bên. Điều đó cho tôi được cái gì? Thì ví dụ như, tôi đi trên phố đó, đến nửa đường thì đột ngột quay người và đi ngược trở lại. Nếu có "đuôi" bám theo tôi, anh ta sẽ phải chọn lựa: một là chuyển sang phía bên kia và như vậy là tự làm lộ mình; hai là phải chạm trán với tôi, hoặc là chọn một phương án thông minh hơn - đi vòng qua mấy con ngõ nữa rồi mới bám theo tôi. Nhưng thế thì tôi đã có đủ thời gian để cắt đuôi.

Đi hết đoạn đường bộ trong kế hoạch, tôi xuống tàu

điện ngầm, đi tới một ga và bằng những vòng tròn đồng tâm rộng, tôi đến gần nơi gặp gỡ - một quán bar có tiếng ở Tây London. Nhưng tôi chưa đến đây bao giờ. Và, khi vừa nhìn thấy cánh cửa ra vào đầy ấn tượng của nó, cửa sổ bằng kính chia thành từng ô nhỏ và bên trong nội thất ấm cúng, sáng sủa thì tôi thấy rõ ngay tôi không thích chỗ này chút nào: ở đây, chúng tôi sẽ rất lộ liễu. Quán bar này do Milovzorov chọn. Rõ ràng là ông ta muốn lợi dụng cuộc gặp gỡ này như một cơ hội cuối cùng để thư giãn trong quán bia sang trọng bằng tiền của Nhà nước.

Đã là tám giờ tối, mà tôi vẫn mệt mỏi ở phố bên cạnh và thường xuyên kiểm tra xem có bị theo dõi không. Cuối cùng, khi đã tin chắc rằng không có đuôi nào bám theo, tôi mới bước vào quán. Sau khi nhìn quanh, một lần nữa tôi tin rằng những nghi ngại của tôi không phải là không có cơ sở: gặp gỡ với điệp viên ở những chỗ tương tự như thế này là rất mạo hiểm. Vấn đề là những quán bia ở London thực chất là những câu lạc bộ với các khách hàng thường xuyên, biết nhau rõ mặt rõ tên hay lui tới. Tôi có thể đi ngoài phố mà không bị chú ý gì, nhưng trong quán bar thì lại khác. Ở đây tôi thấy bất tiện. Người ta dễ nhận ra tôi là người nước ngoài, hoàn toàn không quen thuộc với chốn này. Tôi sẽ không bao giờ biết được phản ứng của ông khách này hay ông khách khác ra sao, nếu như, tất nhiên, một ngày nào đó tôi không được làm quen với các tư liệu tình báo lưu trữ của Anh (và tôi tin chắc rằng trong đó có hồ sơ về tôi). Còn

lúc này, bước vào trong quán, tôi cảm thấy mọi ẩm khách đều nhìn chòng chọc vào tôi, không mấy thiện cảm.

Và dù Corovin đã đưa tôi xem ảnh của Cairncross, nhưng tôi vẫn không chắc là sẽ nhận ra ông ta ở đây. Tôi đưa mắt tìm một góc tối nhất và trên đường tiến tới chỗ ngồi tôi gọi luôn một vại bia. Vừa ngồi xuống tôi đã thấy Milovzorov đang đi vào, đằng trước anh ta là một người đàn ông mặc áo choàng, chừng 35 tuổi. Tôi nhận ngay ra điệp viên của mình. Họ chọn lấy một bàn. Lúc này tôi đứng dậy và đến ngồi với họ.

Quan sát hai người, tôi thấy rõ họ khó ăn ý với nhau. Milovzorov, một người ủ dột, dễ cáu bẳn, tính khí khó chịu, hiếm khi có tâm trạng vui vẻ. Buổi tối hôm đó anh ta trông lại càng cau có hơn bao giờ hết. Anh ta tránh nhìn tôi và chỉ nói chuyện với Cairncross.

- Đây là Peter, - rút cục anh ta nói và hất đầu về phía tôi. - Từ nay anh ấy sẽ là liên lạc của ông. Một cộng sự đáng tin cậy và ưa sự chính xác đấy. Chúc hai người mọi sự tốt đẹp.

Nói xong anh ta nhấc cốc lên, uống cạn, đứng dậy, kéo lê chân và hấp tấp ra khỏi quán bar, để lại hai chúng tôi bối rối nhìn nhau.

Một vài phút trôi qua, tôi cố thử sắp xếp ấn tượng của mình về con người này. John Cairncross - một người Scotland điển hình, khá cao, khuôn mặt xương và ánh mắt nhanh như cắt. Qua kinh nghiệm tôi biết, những người được giáo dục tốt luôn có những nét khiến

họ không lẫn vào đám đông: giày của họ luôn trông như vừa mới đánh xi; áo sơ mi có thể đã cũ, nhưng cổ phải được hồ cứng; quần dù đã sờn nhưng đường li luôn đập vào mắt. Cairncross không có một dấu hiệu nào như vậy. Ngoài ra, tôi nhận thấy ngay rằng ông bị cận thị, mặc dù ông không đeo kính.

Tôi ghìm lại mong muốn được hỏi Cairncross mấy câu, vì biết rằng, việc này không đúng chỗ và chưa phải lúc. Theo phép xã giao chúng tôi uống cạn vài vại bia, nói những chuyện vụn vặt như những người có giáo dục gặp nhau lần đầu mà chẳng có gì đặc biệt để nói với nhau.

Cuộc trò chuyện của chúng tôi không mang tính công việc, bởi tôi không biết phải vào đề thế nào, mặc dù đó là mục đích duy nhất khiến chúng tôi hiện diện trong quán bar này. Đôi khi xảy ra tình trạng khi bạn không biết phải nói gì với một người mà bạn biết rõ khuyết điểm của anh ta. Nó giống như cuộc hẹn hò đầu tiên của đàn ông và đàn bà. Họ biết ít về nhau, cùng nghĩ đến một điều nhưng lại không tìm được từ ngữ thích hợp. Cairncross hoàn toàn bình thản, tôi cũng không mất tinh thần, nhưng tôi cảm thấy cặp mắt tinh nhanh của ông đang thành thạo đánh giá tôi. Tôi đâu phải là liên lạc viên đầu tiên của Cairncross, ít nhất cũng đã là thứ ba, hay thứ tư gì đấy. Có lẽ ông đang so sánh tôi với họ. Tôi thấy mình là anh lính mới dưới cái nhìn soi thấu của người Anh này và thầm nghĩ, dù ông hơn tôi có chín tuổi, nhưng rõ ràng là có kinh nghiệm hơn.

Chẳng còn lý do gì để kéo dài cuộc gặp gỡ và nấn ná thêm trong gian phòng, nơi bất cứ lúc nào cũng có thể có người quen nào đó nhận ra chúng tôi. Mặc khả năng chịu đựng nghề nghiệp, tâm trí tôi cứ sôi sục cả lên. Tại sao lại đặt tôi vào hoàn cảnh dễ lộ liễu thế này. Tôi cương quyết hứa với bản thân rằng sẽ không bao giờ còn gặp các điệp viên trong quán bar nữa. Việc trang phục của tôi không khác gì người Anh không có ý nghĩa gì cả: dù tôi có thể diện một chiếc váy thì cũng chẳng có ai công nhận tôi là người Scotland cả.

Cairncross và tôi cùng đặt cốc lên bàn. Trước khi tạm biệt, tôi ấn định địa điểm và thời gian cho cuộc gặp tiếp theo - tám giờ tối tại Hammersmit Grov, ngày 12 tháng Ba năm 1948.

Suốt một tháng trước đó tôi đã lên kế hoạch chính xác hành trình của mình đến nơi hẹn. Và trước khi bàn bạc với Corovin , tôi đã tự tập dượt nó mấy lần. Mối quan tâm đầu tiên của tôi là giảm thiểu nguy hiểm cho điệp viên, có tính đến tính đãng trí và thiếu chính xác giờ giấc của ông. Sau này, tôi đã phải thường xuyên chú ý đến điều đó, bởi nhược điểm này có thể gây hậu quả đáng buồn cho cả hai chúng tôi vào bất kỳ lúc nào. Và ngay từ đầu tôi đã quyết định, chúng tôi sẽ gặp nhau tại những nơi Cairncross biết rõ và chỉ vào một giờ nhất định: tám giờ tối.

Đó là kinh nghiệm công tác đầu tiên của tôi với tư cách là người liên lạc với các điệp viên tác chiến. Tất cả đều mới mẻ, và tôi xin thú nhận rằng, tôi chưa được

chuẩn bị đầy đủ để hoàn thành nhiệm vụ đó. Bởi tôi chưa bao giờ là tình báo viên bẩm sinh và thậm chí không hề giống chút nào với James Bond hay viên thám tử trong tiểu thuyết của John le Carreé[1] trong các thể loại tiểu thuyết trinh thám tôi luôn thấy gần gũi với loại của Eric Ambler[2]. Ông ta đưa ra bức chân dung chính xác về người làm nghề này hơn là Fleming[3] hay Le Carreé.

Tôi không phải là người xuất sắc, hay có tài năng đặc biệt gì, và trí tuệ của tôi cũng không hơn mức trung bình là mấy. Tôi luôn học tốt cả ở trường phổ thông, cả ở trường cao đẳng kỹ thuật quân sự, nhưng chưa bao giờ có năng khiếu đặc biệt làm tình báo. Phim ảnh, sách báo thiên về xây dựng hình ảnh các điệp viên như các siêu nhân, nhưng qua thời gian hoạt động tôi đã gặp họ khá nhiều, và theo quan điểm của tôi, văn chương mô tả những nhân vật như vậy là xa rời với thực tế. Trong phần lớn các trường hợp, trí lực của họ đáng để mong muốn nhiều hơn. Mà việc đó cũng không

---

(1). John le Carreé (sinh 1931) - bút danh của nhà văn Anh Cornwell, tác giả các tiểu thuyết trinh thám "Vụ giết người quân tử", "Tại một thành phố nhỏ ở Đức" v.v...

(2) . Eric Ambler - người Anh, tác giả hàng loạt tiểu thuyết trinh thám.

(3) Ian Fleming (1909 - 1964) - nhà văn Mỹ, tác giả tiểu thuyết phiêu lưu mạo hiểm với nhân vật chính là điệp viên 007 - James Bond.

hẳn là không tốt. Qua kinh nghiệm, tôi biết chỉ số trí tuệ hoàn toàn không thể là tiêu chí chính để lựa chọn một điệp viên mật thông thường thực chất chỉ là người lính trong toàn bộ bộ máy tình báo.

Trong lúc đó, nhân viên tình báo cần những phẩm chất, tính cách mà người lính không có. Ví dụ, anh ta cần phải có một tính cách sống động, chất phác, pha chút hài hước. Thật khó tin, nhưng thực tế là như vậy. Bản tính đó giúp anh ta chịu đựng được những stress phát sinh do những nguy hiểm thường xuyên gặp phải trong công việc. Khi một nhân viên tình báo mất đi phẩm chất đặc biệt đó, anh ta sẽ biến thành cái máy, thành con người khô cứng, quá nghiêm khắc và tàn nhẫn, chỉ biết phân tích các sự kiện một cách lạnh lùng và khuôn phép. Anh ta vẫn hoạt động được, nhưng sẽ không chiếm được lòng kính trọng của người đối thoại, bởi vì ở anh ta không tìm đâu ra lòng nhiệt tình, tính trực cảm, sự thán phục, cái cho phép anh ta nhìn thấy điều mà người khác không thể nhìn thấy.

Tôi còn nghĩ, nhân viên tình báo phải là một chính trị gia giỏi. Nếu không anh ta sẽ không mang lại hiệu quả gì, bởi anh ta sẽ không biết đưa ra những câu hỏi xác đáng vào thời điểm thích hợp và sẽ không thu thập được tin tức cần thiết. Tôi rất kính trọng những người có hiểu biết nhiều về chính trị. Thật thoải mái khi tiếp xúc với họ, và chính điều đó làm công việc của tình báo viên nhẹ nhàng hơn. Một tình báo viên hoạt động hiệu quả phải có khả năng phân tích những vấn đề chính trị

không kém gì một chính trị gia có kinh nghiệm. Nếu anh ta muốn thông tin mình gửi về Trung tâm có giá trị thì không nên gửi đúng nội dung mình nhận được. Cần phải xếp loại nó, lọc ra những chi tiết qua đó có thể đoán trước sự kiện sắp xảy ra. Ngày hôm nay tình báo viên đã phải dự báo được những gì ngày mai cấp trên sẽ yêu cầu. Nếu chỉ chờ chỉ thị từ trên, thì anh ta sẽ bỏ qua mất thời cơ, và những mạo hiểm anh ta trải qua khi đi thu thập thông tin sẽ là uổng phí, bởi tin tức anh ta nhận được đã mất đi tính thời sự. Tiếc thay, có quá nhiều điệp viên của KGB chỉ biết ngồi chờ mệnh lệnh.

Tôi tin, và đã khẳng định được niềm tin của mình khi tôi giảng dạy ở trường quân báo sau này, rằng mỗi một tình báo viên cần phải chăm chú theo dõi các sự kiện chính trị, nếu muốn dự báo được kết quả cuối cùng cho nhiệm vụ của mình. Bằng không công việc của anh ta sẽ không có hiệu quả lắm. Điệp viên nào hình dung mình là một James Bond thì sẽ không có chỗ trong ngành tình báo. Tôi có biết những người như vậy, họ cố sao chép theo khuôn mẫu các điệp viên trong truyện trinh thám của Ian Fleming, phô trương những thông tin vặt vãnh họ thu lượm được, ham thích nhục dục, dường như không biết lùi bước và thường xuyên góp mặt trong các cuộc vui. Không ai trong số họ tiến xa.

Một điệp viên mật giỏi phải mạnh về thể chất và tinh thần. Như câu nói, "trong một cơ thể khoẻ mạnh là một tinh thần khoẻ mạnh". Nếu một người mạnh về thể chất, anh ta sẽ vượt qua được những nhiệm vụ nặng nề,

hơn thế nữa, nó cho phép anh ta tiếp cận những vấn đề phức tạp, đánh giá nó một cách chính xác nhất, dù những vấn đề đó có giải quyết được hay không. Nghe có vẻ tầm thường, nhưng công việc nhọc nhằn, đầy căng thẳng thần kinh của nhân viên tình báo, với những cuộc gặp bí mật và lo lắng, hồi hộp thường xuyên luôn để lại những vết sẹo trong tâm hồn con người. Tình báo viên mật dễ bị kích động và tổn thương. Không có nghề nghiệp nào bắt con người ta sống trong mối căng thẳng thường trực như nghề tình báo.

Ngay từ ngày đầu gặp gỡ bí mật với các điệp viên ở nước ngoài, tôi hiểu rằng, việc chuẩn bị về thể lực quan trọng như thế nào. Việc tập luyện thường xuyên sẽ cho bạn thêm một ưu thế, để rồi một khi nào đó nó cứu sống được bạn.

Đối với một tình báo viên, luôn tồn tại một khoảng cách giữa điều mà anh ta thấy là có ích với cái mà cấp trên của anh ta cho là quan trọng. Đó là nét điển hình đối với tất cả các cơ quan tình báo, dù là tình báo Xô viết, Mỹ, Pháp hay tình báo Anh. Luôn luôn có sự bất đồng quan điểm, thậm chí đôi khi là mâu thuẫn giữa chỉ thị của cấp trên với hành động của tình báo viên. Một nhân viên tình báo giỏi phải biết khoác lên mình một tấm vỏ bọc tự kiềm chế lạnh như băng, giúp anh ta có khả năng thực hiện điều mà lãnh đạo muốn. Thường là khi tự mình tiếp cận công việc, nhân viên tình báo hẳn không hề nghĩ tới việc đặt cho mình một nhiệm vụ như vậy.

Còn đôi khi, stress lên cao đến mức không thể chịu nổi. Luôn luôn phải sẵn sàng với những tình huống xấu nhất. Anh ta sợ thất bại, sợ đánh mất sự tự kiểm soát đối với bản thân.

Các điệp viên thường lấy rượu để át đi nỗi sợ hãi và uống rất nhiều. Tất nhiên không thể nói tất cả đều như vậy. Và đôi lúc sự căng thẳng cũng không giải toả được. Một số người luôn bị giày vò bởi cảm giác tội lỗi, số khác có quan hệ phức tạp với phụ nữ, số thứ ba sa lầy vào trò cờ bạc. Để thư giãn, người điệp viên phải có một thú vui nào đó. Những người Nga chúng tôi đặc biệt yêu thích lao động với đất đai, và nhiều cán bộ ngành tôi đã trở thành những người làm vườn say mê. Họ chăm chút cây cỏ trong mảnh vườn quanh nhà nghỉ. Hoặc dành thời gian rỗi để sửa chữa và trang trí nhà cửa, thường là chẳng vì một nguyên cớ gì. Điều mà tất cả chúng tôi tìm kiếm - là cơ hội để được rảnh rỗi, thoát khỏi công việc không ngừng làm kiệt sức. Khi người ta thư giãn, lý trí của anh ta điềm đạm hơn, suy nghĩ mạch lạc hơn. Tôi cũng rất thích trồng rau trong vườn, mê nhất là xalát Bắc Kinh, bắp cải brokol và mọi giống rau ngoại nhập khác ngoài những giống truyền thống của Nga.

Những gì tôi viết ra đây có thể hoàn toàn khác với những gì viết trong biết bao tiểu thuyết trinh thám. Nhân vật trong các cuốn sách đó thường không phải trải qua những vấn đề tâm lý đặc biệt, cho dù trên thực tế là có. Và tôi sẽ còn nói về chúng.

CHƯƠNG II

TÔI ĐÃ ĐẾN VỚI KGB NHƯ THẾ NÀO?

Tôi hoàn toàn không ước mơ trở thành nhân viên tình báo. Cha mẹ tôi chẳng có liên quan gì đến ngành tình báo cả. Họ là những người không quan tâm gì đến chính trị. Tôi sinh ra ở Suzdal, một thành phố Nga cổ kính và lạc hậu, nằm cách xa tuyến đường sắt, vì thế mà bị tách rời khỏi thế giới còn lại. Dù Suzdal chỉ cách Moscow vẻn vẹn có 200km, nhưng tuyến đường nhựa vào thành phố thì tồi tệ như thời xa xưa, khi những đoàn tù khổ sai bị lùa đi bộ đến Siberi. Vào năm 1922, khi tôi ra đời, người dân Suzdal vẫn còn sống nếp sống của thế kỷ trước. Đa số nhà cửa bằng gỗ, phương tiện giao thông duy nhất trong thành phố là ngựa, xe ngựa kéo. Nói chung, đó là một thành phố nhỏ đẹp và yên tĩnh, hiện thân của nước Nga cổ.

Thời đó ở Suzdal còn có nhiều nhà thờ mở cửa, và hai tu viện lớn, hàng năm có nhiều người hành hương về. Trong ký ức tôi còn ghi lại hình ảnh từng đoàn các bà các mẹ lũ lượt kéo đến nhà thờ vào các ngày chủ nhật. Các phố bên cạnh rung lên vì bài thánh ca của các bà luống tuổi và của bè nam trầm. Tôi không được giáo

dục trong tinh thần tôn giáo, nhưng dù vậy tôi vẫn lớn lên trong bầu không khí đạo chính thống và trung thành với niềm tin.

Cách mạng xảy ra ở nước Nga, rồi tới chiến dịch bài trừ tôn giáo, nhưng lòng trung thành với nhà thờ nơi thành phố nhỏ của tôi với số dân 11.000 người không hề bị lung lay. Serghiev Posad và Suzdal là hai thành phố gần Moscow nhất, nơi những người hành hương vẫn đến để tỏ lòng tôn kính những di tích thiêng liêng.

Nguồn gốc xã hội của tổ tiên tôi không thuần nhất. Ông ngoại tôi, một nhà buôn giàu có, đã cưới một phụ nữ trong một gia đình nghèo. Ông mất hồi còn rất trẻ vì bệnh lao phổi. Bà ngoại và mẹ tôi lâm vào cảnh nghèo khó, nhưng nhờ sự quan tâm của họ hàng ở đây mẹ tôi vẫn học hết trung học. Sau khi tốt nghiệp trung học năm 1917, mẹ tôi nói thạo tiếng Anh và tiếng Đức. Đến đây thì học vấn của bà dừng lại.

Cha tôi là sĩ quan chuyên nghiệp và chúng tôi phải theo ông từ thành phố này đến thành phố khác. Trong 10 năm tôi đi học, gia đình tôi đã đi qua không dưới 10 thành phố. Nếp sống không cố định của sĩ quan Nga, thường xuyên thay đổi chỗ ở đã ảnh hưởng đến cuộc sống của tôi. Bên cạnh tất cả những khó khăn do việc phải ở trong các nhà tập thể thiếu tiện nghi, nó cũng có nhiều ưu điểm, ví dụ như nó đã rèn luyện cho tôi khả năng dễ dàng thiết lập được mối giao tiếp với mọi người, tự tin xích lại gần những người xung quanh trong mọi tình huống.

Tôi học không tồi, chỉ có môn tiếng Đức luôn là vấn đề trong suốt quãng thời gian đi học của tôi. Giờ đây tôi không còn nhớ một từ tiếng Đức nào cả. Mẹ tôi có lỗi một phần trong đó, bà đã làm bài tập hộ tôi trong khi tôi chơi ngoài phố cùng các bạn. Còn tiếng Anh thì đích thân bà dạy tôi, và trong lĩnh vực này tôi đã đạt những thành tích to lớn.

Tôi tốt nghiệp trung học ở Lipetsk, một thành phố nhỏ của nước Nga, nơi có một trường đào tạo phi công. Theo hiệp ước liên chính phủ giữa Nga và Đức, người Đức vì không được đào tạo phi công trên lãnh thổ của mình theo hiệp ước Verseile nên họ đã đến học ở trường bay này. Ví dụ như German Goering đã học lái máy bay chính tại đây. Sau này, khi quân phát xít bao vây vùng đó, theo lệnh của chính Goering mà Lipetsk đã không bị phá huỷ như các thành phố khác. Thủ lĩnh phát xít mà đôi khi cũng đa cảm.

Tại Lipetsk, năm 1938 tôi được kết nạp vào Đoàn thanh niên Comsomol. Có điều lạ là bố tôi tỏ thái độ rất lo ngại.

Mặc những lo ngại của cha, tôi vào đời một cách khá suôn sẻ, được bầu vào Ban chấp hành Đoàn trường, nhiệt tình quan tâm đến chính trị, cho dù lúc đó những hình dung của tôi về cuộc đời còn chưa hoàn thiện. Tôi tin tưởng vào khả năng xây dựng nên một xã hội cộng sản. Tôi đã nhiều lần phát biểu tại các cuộc họp, hội nghị với tư cách là uỷ viên Ban chấp hành Đoàn. Việc đó luôn khích lệ tôi, cho tôi ấn tượng là bằng cách đó tôi

đang thực hiện nghĩa vụ người công dân Xô viết của mình.

Cuối năm 1939, chiến tranh nổ ra ở châu Âu. Và dù Molotov và Ribentrop đã ký hiệp ước không tấn công lẫn nhau[1], nhưng chúng ta biết rằng, kết cục rồi chúng ta cũng sẽ bị lôi kéo vào cuộc xung đột đó. Lớp thanh niên thì cố thi vào các trường nào cho phép họ được hoãn nghĩa vụ quân sự để không cắt ngang việc học tập. Sắc lệnh được ban hành trước đó đã ấn định tuổi nghĩa vụ quân sự cho học sinh tốt nghiệp phổ thông là 17 tuổi. Nghĩa là kỳ thi tuyển vào những trường này có rất đông thí sinh và vượt qua nó không phải là dễ.

Khi học xong phổ thông tôi vừa tròn 17 tuổi. Mẹ tôi hết sức lo sợ: bà cho rằng, tôi sẽ bị bắn chết ngay nếu tôi vào quân đội. Phải nghĩ ra một cách nào đó. Dù tôi chưa từng thấy biển, nhưng hồi đó biển cả khiến tôi say mê đặc biệt, nó hứa hẹn những cuộc phiêu lưu trên mặt nước mênh mông và hành trình đến những miền đất xa xôi. Cha tôi thì lại nhận thấy tôi rất có hoa tay. Từ nhỏ tôi đã thích tự tay xây dựng nên cái gì đó. Và ông khuyên tôi thi vào trường Cao đẳng hàng hải Leningrad, nơi có đào tạo kỹ sư xây dựng dân sự.

Cha báo trước với tôi rằng, vào được trường ấy là việc rất khó: thí sinh thì đông mà chỉ tiêu thì ít.

---

(1). Còn gọi là hiệp ước Môlotov - Ribentrop, ký năm 1939 giữa bộ trưởng ngoại giao hai nước Liên Xô và Đức.

- Nhưng một khi con cho rằng mình thông minh hơn người khác, - ông nói, - thì đây chính là cơ hội để con chứng tỏ điều đó. Mẹ con tin rằng con sẽ đỗ, dù có lẽ bà ấy đang nhầm. Ở Liên Xô mọi bà mẹ đều nghĩ con mình là thông minh nhất.

Kỳ thi tuyển rất đông. Một chọi bốn mươi. Đấy là còn có nhiều thí sinh không được dự thi do không đủ điểm thi tốt nghiệp trung học.

Tấm bằng PTTH cho phép tôi được dự thi. Thực ra, bạn bè đều gàn tôi, họ bảo: cậu là dân tỉnh lẻ, trường lại ưa chọn dân Moscow và Leningrad. Khả năng thi đỗ của một học sinh Lipetsk là con số không, kiểu gì họ cũng sẽ tìm ra cách đánh trượt cậu.

Mọi người gợi ý những trường cao đẳng quân sự dễ thi vào hơn, nhưng tôi chẳng mấy thích thú viễn cảnh trở thành thuyền trưởng.

Tôi đi thi. Và - tôi đã đỗ. Mắc míu duy nhất là bài thi toán. Tôi chỉ được điểm "trung bình". Trong các học viên có nhiều người giỏi các môn tự nhiên hơn tôi. Chủ yếu là người Do thái ở Leningrad. Điểm của tôi là thấp nhất. Mặc dù vậy trường vẫn nhận tôi! Tôi vô cùng sung sướng.

Tôi chưa bao giờ mơ ước đến nghiệp binh, nhưng rồi tôi nhanh chóng nhận ra trường này được quân sự hoá khá mạnh. Chúng tôi lập tức bị gọt trọc đầu và khép vào kỷ luật sắt. Bộ trưởng Quốc phòng lúc đó là tướng Timoshenko đã đề ra trật tự này không chỉ cho các

trường quân sự, mà cả các trường bán quân sự như trường tôi.

Chỉ vì một lỗi nhỏ nhất, chúng tôi cũng bị biệt giam. Trong buồng giam bé tí xíu, người bị nhốt chỉ được phép nằm từ 12 giờ đêm đến 6 giờ sáng. Thời gian còn lại, giường nằm bị nhấc lên và buộc áp sát vào tường bằng xích. Ngột ngạt không thể tả được.

Tôi chỉ bị vào phòng biệt giam có một lần, nhưng thế là quá đủ. Số là tôi được giao theo dõi trật tự ở nhà bếp. Khẩu phần ăn của chúng tôi quá mức khiêm tốn, và hầu hết các học viên đánh sạch đĩa trong vòng 1 - 2 giây. Bốn thìa cháo thì có nghĩa lý gì đối với một chàng trai 18 tuổi? Một lần các bạn nổi loạn, la ó, đòi chia thêm, khi một số còn chưa được chia phần. Muốn xoa dịu các học viên đang bất mãn, tôi hoàn toàn quên mất việc đưa bữa trưa cho ông hiệu trưởng. Hậu quả đến rất nhanh và khắc nghiệt: Một sĩ quan trực xuất hiện cùng với lính gác và giải tôi đi.

Tôi kết thúc năm thứ nhất khá tốt, vào tháng Sáu năm 1941. Kỳ thi vừa xong thì chiến tranh nổ ra: quân phát xít Đức tấn công Tổ quốc tôi.

Lớp học viên chúng tôi, những kỹ sư tương lai, được gửi ra công trường xây dựng hệ thống phòng thủ Leningrad. Người ta không lấy tôi, cho rằng tôi còn quá trẻ. Nhưng khi quân Đức bao vây, phong toả thành phố thì tất cả chúng tôi được phát súng trường và phái đi

tuần tra đường phố vào buổi tối và ban đêm. Rất nhiều gián điệp Đức lọt vào Leningrad, đợi khi màn đêm buông xuống là bắn pháo hiệu, chỉ điểm vị trí cho các máy bay ném bom đang vần vũ trên bầu trời thành phố. Mục tiêu chính là toà nhà Bộ dân uỷ nội vụ và điện Smolnyi, nơi Thành uỷ Leningrad làm việc. Và trường tôi lại nằm đúng giữa hai địa điểm đó.

Tháng Mười năm 1941, chúng tôi tiếp tục đi tuần tra hàng đêm. Lúc đó chúng tôi vẫn còn giữ được thể lực khá tốt, hơi gầy một chút, nhưng ít nhất là không bị đói. Vào một đêm tối trời và ẩm ướt, khi kết thúc phiên tuần và phải cố gắng lắm mới khỏi gục xuống vì đói và mệt, thì chúng tôi thấy một quả pháo sáng phóng lên từ một ngôi nhà gần đổ nát, cách chỗ chúng tôi không đến 100 mét. Quả pháo soi sáng cả bầu trời, tàn lửa của nó rơi lả tả xuống dòng Neva.

Trong một khoảnh khắc xung quanh chúng tôi sáng như ban ngày. Tốp chúng tôi có ba người, trưởng nhóm là một cán bộ biên chế tạm thời của Bộ dân uỷ nội vụ (NKVD). Chúng tôi lao bổ đến ngôi nhà, nhảy từng bốn bậc cầu thang một lên tầng cao nhất. Khắp cầu thang vương vãi những chai lọ, hòm gỗ, đồ giẻ rách. Người cán bộ NKVD, hơn chúng tôi nhiều tuổi, bị rớt lại mãi phía sau. Tôi nghe thấy tiếng ông thở phì phò, nặng nhọc dưới chúng tôi phải hai tầng gác. Chúng tôi chặn cửa lên sân thượng và dừng lại chờ ông. Ngay khi vừa lên đến nơi, thậm chí còn chưa kịp lau mồ hôi ông ra lệnh cho chúng tôi quay xuống dưới ngay. Chúng tôi sửng

sốt nhìn ông, không hiểu tại sao ông lại quyết định ở lại một mình đúng vào giây phút quan trọng nhất.

- Xuống dưới ngay, - sếp ra lệnh. - Miệng còn hơi sữa như các anh chưa đến lúc để kết liễu bọn gián điệp. Để đó cho tôi!

Chúng tôi quay đi, dành cho ông thực hiện trọng trách của mình. Ra đến ngoài phố, cả bọn nghe thấy một tiếng súng đơn độc vang lên. Vài phút sau, người cán bộ hiện ra ở cửa. Không nói một lời nào, chúng tôi quay về doanh trại. Thời gian đó, những vụ như thế này xảy ra thường xuyên.

Người dân Leningrad thiếu chất đốt. Mà trên bán đảo, ranh giới tuyến phòng thủ của ta với bọn Đức, có một trữ lượng than lớn. Dải đất không thuộc về ai này còn gọi là vịnh Than. Ban đêm chúng tôi được lệnh tới đó và nhặt thật nhiều than các loại. Tôi cũng đã vài lần được tham gia vào các chuyến mạo hiểm ấy. Than được bốc vào bao chủ yếu bằng tay trần để ít gây tiếng động nhất, sau đó kéo lê xuống thuyền. Chúng tôi coi nhiệm vụ này rất nguy hiểm. Thực tế thì hoàn toàn không phải như vậy, vì quân Đức khó có thể phát hiện ra chúng tôi trong đêm tối. Thỉnh thoảng chúng lại xả một tràng súng lấy lệ. Thực tế tôi chưa bắn một phát nào vào quân Đức, cho dù chắc hẳn bọn Hítle sẽ giết chết tôi ngay khi trông thấy tôi mà không hề do dự. Và tôi có toàn quyền được coi mình là cựu chiến binh tiền tuyến, ít nhất là bởi tôi đã suýt chết vì đói như bao người dân Leningrad bị phong toả khác.

Đến tháng 12 bắt đầu có người chết đói. Ban giám hiệu quyết định đưa trường đi tản cư. Mặt trận cần các kỹ sư, và để bảo vệ các cán bộ quý giá, cần đưa chúng tôi rời Leningrad đến một nơi an toàn hơn. Khó khăn nhất là tìm được cách vượt vòng vây phong toả. Con đường duy nhất là qua đường hồ Lodoga đã đóng băng, được gọi là "Con đường sống".

Chúng tôi là những người đầu tiên tìm cách vượt hồ đến đất Lớn. Phải đi bộ gần 50 km, mà trời thì lạnh đến mức rượu Vodka cũng đông cứng lại. Chúng tôi cố gắng mặc ấm hơn, khoác đủ áo len, áo khoác lên người, tóm lại là tất cả những gì có thể kiếm được. Mỗi người phải mang một ba lô nặng. Đêm đến, từng người nối đuôi nhau trên mặt băng. Trước mặt tối như bưng, không thấy gì cả, ngoài một ngọn lửa hoa tiêu nhỏ đốt riêng cho chúng tôi. Phải hướng thẳng tới ngọn lửa đó và không được dừng lại trong bất kỳ trường hợp nào.

Quân Đức nhanh chóng đoán ra có một hàng quân định vượt hồ. Không đầy một giờ sau, quả đạn pháo đầu tiên rơi không xa chỗ chúng tôi làm vỡ mặt băng. Phải nói là, chúng tôi đã bị cái đói hành hạ quá lâu và yếu sức đến nỗi không còn có thể sợ hãi được nữa.

Tôi gọi các bạn. Phải làm gì đây? Co cụm lại hay tản ra? Chúng tôi chọn cách thứ hai và tiếp tục tiến về phía trước, người nọ cách người kia khoảng 10 mét. Tôi có cảm giác chỉ có một mình trên đời này. Khoảng cách giữa các quả đạn trở nên ngắn hơn. Những chùm lửa toé lên từ dưới lớp băng đang rung chuyển, tiếng nổ

chát chúa vang lên, không khí rung lên vì những quả đạn bắn tới tấp. Lớp băng có thể sụp xuống dưới chân chúng tôi bất cứ lúc nào. Qua màn đêm tôi nhận ra một vùng ánh sáng lay động - đó là một hố băng lớn do quả đạn pháo nổ tạo ra, được ánh trăng chiếu sáng. Tôi báo cho các bạn và chúng tôi đi vòng xa qua hố băng. Phải đi rất thận trọng, dò dẫm từng bước. Mỗi lúc một gặp nhiều hố nước hơn. Chúng tôi đi lách giữa các hố băng, như thể trong một mê cung lớn, vòng qua các miệng nước có chu vi đến vài kilômét. Pháo thủ Đức tiếp tục trùm lửa lên chúng tôi. May là chúng chỉ bắn hú hoạ. Đôi lần đạn rơi chỉ cách chúng tôi bằng tầm ném một hòn đá, đôi khi sang tận bờ bên kia. Bọn Đức đã chọn một chiến thuật quỷ quái: vì không nhìn thấy chúng tôi trong đêm tối, nên chúng quyết định dùng lửa đạn cắt thành một dòng kênh trên mặt hồ đóng băng, ngăn cách chúng tôi với đích tới là bờ bên kia. Nhiều bạn tôi bị lạc trong bóng tối và có lẽ đã hy sinh, nhưng đa phần các học viên đều sang được bến bờ hy vọng.

Năm 1985, tôi có quay lại Leningrad để kỷ niệm sự kiện đáng ghi nhớ đó trong đời tôi. Tôi nhận ra nơi chúng tôi bắt đầu cuộc hành quân qua con đường băng. Tôi lặng nhìn rất lâu ra mặt hồ, lòng nặng trĩu.

Khi chúng tôi đến được bờ bên kia thì hầu như đã hoàn toàn kiệt sức. Nhưng không thể nói đến chuyện nghỉ ngơi được. Ông hiệu trưởng hạ lệnh hướng tới tuyến đường sắt, còn tiếp theo, nếu may mắn, chúng tôi có thể lên tầu và đến nơi tập trung ở Tikhvin. Nhưng

chúng tôi thậm chí không hề nhìn thấy một đoàn tàu nào cả. Bốn con người lê bước trên đồng không mông quạnh, tuyết phủ một lớp dày. Bước đi cũng khó khăn. Tôi nhiều lần bị ngã sóng soài, úp mặt vào tuyết. Đến khi đến được tỉnh lỵ Tikhvin, chúng tôi mới biết, nó đã bị quân thù chiếm đóng. Buộc phải đi vòng, di chuyển chậm chạp và cẩn trọng - bởi chúng tôi không biết địa hình và luôn luôn có nguy cơ chạm trán với lính tuần tra của Đức.

Mùa đông năm đó lạnh kinh khủng, và cho đến tận bây giờ tôi vẫn không hiểu vì sao chúng tôi còn sống sót. Không có gì để ăn. Tôi thông đồng với anh bạn Iuri Proskuriakov bằng tuổi tôi, và hai chúng tôi cố gắng lê tới được ngôi nhà gỗ của người chăn cừu ở một làng hẻo lánh. Chủ nhà ân cần đón tiếp. Bản thân họ cũng rất đói, dù vậy họ cũng chia cho chúng tôi mấy củ khoai tây nhỏ. Dằn bụng chút ít, chúng tôi lại đi tiếp. Lang thang khắp miền phụ cận Leningrad và để cho khỏi chết đói, chúng tôi còn nhiều lần tìm đến những người nông dân. Có thể nói không chút phóng đại rằng, chúng tôi nợ họ mạng sống của mình.

Cuối cùng chúng tôi đến được một ga nào đó - giờ tôi không thể nhớ được đó là ga nào - và leo lên toa chở súc vật đầu tiên chúng tôi gặp, ngã vật vào lớp rơm trải và ngủ mê mệt đến tận Iaroslav. Tại đây chúng tôi gặp được gần hết các bạn bè và thầy giáo của mình. Xô viết địa phương đã xếp chúng tôi vào ở nơi tương tự như trại lính và khoản đãi chúng tôi nồng nhiệt. Đã lâu không

được ăn no, đến nỗi chúng tôi lao bổ vào thức ăn như những con thú. Biết là không nên ăn nhiều quá một lúc nhưng chúng tôi không thể kìm lại được. Nhịn đói là một sự hành hạ khủng khiếp.

Chúng tôi học ở Iaroslav đến tháng 7 năm 1942. Tại đây, lần đầu tiên tôi được đề nghị kết nạp Đảng, nhưng tôi từ chối với lý do là còn quá trẻ.

Chúng tôi sống kham khổ, thực phẩm không phải lúc nào cũng kiếm được, không hề biết đến khái niệm dầu ăn hay bơ là gì. Thời kỳ bị phong toả ở Leningrad đã để lại hậu quả: chúng tôi mắc bệnh thiếu máu. Nói chung, tất cả chúng tôi đều rơi vào tình trạng uể oải. Ban giám hiệu biết rõ điều đó nhưng không thi hành một biện pháp nào cả.

Chính vào thời kỳ khó khăn đó, lần đầu tiên tôi va chạm với Bộ dân uỷ nội vụ (NKVD).

Một lần tôi trực nhà bếp. Tiểu đội trưởng tin cậy giao cho tôi việc chia phần ăn, vì tin rằng tôi làm việc đó công bằng. Demenchiev, học viên năm thứ năm, người mà tôi thay ca, chỉ cho tôi một cánh cửa tủ khoá chặt. Anh nghi rằng có thể trong đó giấu thực phẩm lấy cắp.

- Tôi không mở được. Cậu thử xem, hơn nữa, đây là phiên trực của cậu, - anh ấy bảo.

Tôi hỏi ra thì chìa khoá tủ do người đầu bếp giữ, anh ta đã về nhà. Tôi gọi sĩ quan trực, anh này dùng một thanh sắt phá khoá. Trong tủ có một cân bơ gói trong tờ báo.

Lúc đó là tháng 6 năm 1942. Trước đó không lâu, đã có lệnh, theo đó bất kỳ người nào bị bắt quả tang ăn trộm thực phẩm của quân đội đều bị bắn ngay tại chỗ. Lệnh này là một biện pháp triệt để, vì nạn ăn cắp đã lan tràn và trở thành vấn đề nghiêm trọng cản trở việc tiếp tế cho mặt trận.

Tôi đã nghe nói đến lệnh đó, nhưng cho đến lúc này thì chưa hề trực tiếp gặp phải trường hợp áp dụng nó trên thực tế. NKVD cử mấy sĩ quan đến chỗ chúng tôi, bắt giam người đầu bếp. Bắt đầu cuộc điều tra, và tôi được gọi ra làm nhân chứng.

Thú thực là tôi thấy hãi hùng. Lúc đó tất cả mọi người đều rất sợ NKVD. Trong căn phòng trống không, người sĩ quan an ninh bảo tôi ngồi vào ghế trước chiếc bàn, trên có tờ giấy và cây bút chì.

Người sĩ quan điều tra đặt cho tôi mấy câu hỏi. Tôi có nghi ngờ có trộm trước đây không, tôi có biết trước là anh ta giấu bơ trong tủ không, tôi có tự điều tra không, có ý định bắt quả tang người đầu bếp không và có hành động vì tinh thần yêu nước không, hay là vì một động cơ nào khác...

Tôi giải thích rằng nói chung tôi không biết người đầu bếp đó, và kể lại tất cả những gì xảy ra trong bếp ngày hôm đó. Suốt thời gian đó, người sĩ quan lia nhanh bút trên tờ giấy. Khi ông ta không còn câu hỏi nào nữa, tôi thấy trên trang giấy thứ nhất ông kẻ hàng chữ to trên cùng: biên bản hỏi cung. Đầu tiên thậm chí

tôi còn không hiểu hỏi cung nghĩa là gì, mãi sau mới hiểu vai trò của mình trong vụ này.

Vài ngày sau người ta tập trung tất cả các học viên ở ngoài sân - một hiện tượng lạ. Tôi thì chỉ chờ đợi là kẻ ăn cắp sẽ bị cạo một trận ra trò, ví dụ bị phạt một tuần biệt giam chẳng hạn. Người sĩ quan an ninh tiến một bước lên phía trước và đọc to biên bản hỏi cung. Người đầu bếp bị kết tội và bị xử bắn trước toàn đội ngũ vào rạng đông ngày mai.

Tôi thường nghĩ về sự việc khủng khiếp đó trong suốt đời tôi, cả lúc chiến tranh cũng như khi hoà bình lập lại. Tôi không cảm thấy có lỗi. Như tất cả mọi người khác, tôi biết rằng, chỉ có kỷ luật cứng rắn nhất trong quân đội chúng ta mới đảm bảo được khả năng chống lại quân xâm lược, gìn giữ Tổ quốc, chiến đấu vì từng ngôi nhà, từng tấc đất. Một suy yếu nhỏ nhất cũng có thể trở thành thảm hoạ trong công tác chuẩn bị chiến đấu, phá vỡ ý chí tinh thần của các chiến sỹ.

Tình hình mặt trận lúc đó vẫn còn rất căng thẳng. Quân Đức tiến dọc sông Đông trên đất Ucraina theo hướng Stalingrad. Theo lệnh của Stalin, một nửa quân số hải quân được chuyển sang quân bộ binh. Vậy là chúng tôi trở thành lính bộ binh, nhưng điều đó chẳng mấy làm chúng tôi lo lắng. Khi đó còn chưa ai biết rằng Stalingrad sẽ là chiến trường đẫm máu nhất của cuộc Đại chiến thế giới lần thứ hai, và 190 ngày đêm phong toả sẽ làm thay đổi cục diện chiến tranh, bắt nước Đức cuối cùng phải quỳ gối đầu hàng.

Rồi chúng tôi nhận được lệnh tiến về phía Stalingrad theo dòng sông Volga - tuyến đường dễ dàng hơn nhiều lần so với con đường chúng tôi đã phải vượt qua để đến được Iaroslav. Đến Kostrom hiệu trưởng trường cao đẳng xây dựng, nơi chúng tôi dừng chân, đã thuyết phục được Ban giám hiệu trường tôi rằng, gửi chúng tôi ra mặt trận mà không có bất kỳ một sự chuẩn bị nào là không có lợi. Vì vậy Ban giám hiệu và các cấp chỉ huy quân sự quyết định lưu trường cao đẳng lại Kostrom gần một tháng. Chúng tôi được trao nhiệm vụ nghiên cứu nắm vững trang thiết bị của một trạm thuỷ điện và đảm bảo cho nó hoạt động, cung cấp nguồn điện cho đơn vị pháo "Cachiusa". Ít lâu sau đó, tại Kostrom, số phận riêng của tôi đã được định đoạt.

Cho đến lúc này, quân Đức đã tiến gần đến Stalingrad. Chúng tôi biết, thành phố công nghiệp với dân số gần nửa triệu này không có một công sự nào và nằm trên địa thế không hề có lợi cho việc phòng thủ: thành phố trải dài bên bờ phải sông Volga và hoàn toàn mở rộng trước quân thù.

Cũng giống như tất cả các học viên khác, tôi đoán chúng tôi sẽ nhanh chóng được điều đến Stalingrad. Một bạn học của tôi lại đề nghị kết nạp tôi vào Đảng.

Tôi lại từ chối, vẫn viện cớ còn ít tuổi, nhưng rồi sau đó lại có một lời đề nghị nữa. Chuẩn bị có một cuộc tấn công ồ ạt trên mặt trận Stalingrad, và rất cần đến các chính trị viên tuyên truyền có kinh nghiệm.

Khi được nghe giải thích như vậy, tôi hiểu từ chối nữa là không nên, và ít ngày sau tôi trở thành đảng viên Đảng Cộng sản, tại thành phố Kostrom trên sông Volga, quê hương của gia đình Romanov[1] và tổ tiên của họ. Lúc đó tôi chưa tròn 20 tuổi.

Và còn một sự kiện nữa đóng vai trò to lớn trong sự nghiệp tiếp theo của tôi, cũng đã đến với tôi tại thành phố này. Một lần, có sĩ quan NKVD gọi tôi lên gặp.

Ông mở đầu cuộc nói chuyện bằng việc nói về tình hình ngoài mặt trận, vẽ nên những khủng khiếp của chiến tranh và những tội ác bọn quốc xã gây ra. Sau đó ông mới vào việc.

- Anh đã bao giờ có ý nghĩ là anh có thể phục vụ tốt cho Tổ quốc không? Và để làm điều đó hoàn toàn không nhất thiết phải ra mặt trận. Chúng tôi có một đề nghị. Hãy chuyển sang làm việc chỗ chúng tôi, và sau chiến tranh anh sẽ có cơ hội học tiếp ở trường cao đẳng.

Tôi không biết trả lời thế nào. Tôi ngờ rằng sự việc với người đầu bếp hẳn có liên quan đến cuộc nói chuyện này, nhưng đồng thời lại sợ rằng họ muốn biến tôi thành người chuyên cung cấp tin, nói khác đi là kẻ chỉ điểm.

Nhận thấy thái độ do dự của tôi, người sĩ quan nói thêm:

- Anh có thể làm một nhân viên tích cực của "CMERSH", cơ quan phản gián của ta.

---

(1). Dòng họ sa hoàng Nga - (ND)

Khi đó tôi đã biết, chữ viết tắt đó có nghĩa là "Bọn gián điệp phải chết!".

Tôi nhẹ cả lòng. Như vậy là không phải người ta tuyển mộ tôi làm chỉ điểm. Xin vài ngày để suy nghĩ, rồi tôi ưng thuận, không có ý kiến gì.

Tận đáy lòng tôi vui mừng được nhận công việc đó và không cảm thấy cắn rứt lương tâm gì cả. Tôi tính rằng, cho đến khi chiến tranh kết thúc thì phần tôi vẫn hoàn toàn bình thường nếu tôi thể hiện nghĩa vụ công dân của mình trong cuộc đấu tranh với bọn gián điệp Đức. Làm việc trong cơ quan phản gián trong thời gian chiến tranh, tôi cho là một việc danh dự. Và không chỉ có một mình tôi chọn con đường đó.

Tháng Mười năm 1942 tôi cùng một số bạn cùng khoá lên tàu về Moscow. Người ta giải thích với bọn tôi rằng, ở đó chúng tôi sẽ qua một tháng đào tạo cấp tốc. Chúng tôi phải nắm vững những kiến thức cơ sở của nghề phản gián: học cách theo dõi, bắt và hỏi cung gián điệp của địch, đoạt lấy tài liệu trước khi chúng kịp phi tang.

Một số người nghĩ rằng, hoạt động của NKVD chỉ hạn chế ở việc bắt và xử bắn các gián điệp. Hoàn toàn không phải như vậy. Mỗi trường hợp đều phải điều tra kỹ lưỡng, lập biên bản và tiến hành công việc đến cùng phù hợp với những thủ tục luật pháp hiện hành. Trong thời gian học tập, chúng tôi nghiền ngẫm và phân tích tư liệu của những vụ án có thực đã khép lại. Chương

trình huấn luận đề ra những nguyên tắc nhất định mà chúng tôi không được vi phạm trong bất kỳ trường hợp nào. Việc học tập đã mang lại lợi ích lớn cho chúng tôi, bởi chúng tôi còn trẻ và thiếu kinh nghiệm, thực chất là chẳng khác học sinh trung học là mấy.

Nhưng rồi cả khoá học ấy, cũng như việc học tập ở trường cao đẳng của tôi đều bị dang dở. Khi cấp trên biết được việc tôi nói thông thạo tiếng Anh, họ cử ngay tôi đến chi nhánh NKVD tại Lubianca[1] để hoàn thiện việc thực tập tiếng.

Thời đó, nước ta còn ít những phiên dịch viên tiếng Anh có kinh nghiệm. Nhu cầu về họ đặc biệt cấp bách sau khi quan hệ giữa Nga, Anh và Mỹ xích lại gần nhau.

Hành động tấn công Liên Xô của Hitle đã khách quan tác động đến việc thiết lập khối liên minh. Tháng Sáu năm 1942, chúng ta ký hiệp ước với Anh trong thời hạn 20 năm, tuyên bố mục đích chung: "Cùng hành động vì chiến thắng và thiết lập hoà bình lâu dài". Chúng ta cũng đã ký Hiến chương Atlanta, do Roosevelt và Churchill soạn thảo vào tháng Tám năm 1941[(2)].

---

(1). Trụ sở của NKVD đặt tại phố Lubianskaya (BT)

(2) Hiến chương Atlanta của Mỹ và Anh được ký ngày 14 tháng 8 năm 1941. Ngày 24 tháng 9 năm 1941 tại Hội nghị đồng minh ở London, Liên Xô đã tuyên bố thống nhất với nội dung chính của bản Hiến chương.

Bản Hiến chương tuyên bố quyền không thể tước bỏ của mỗi dân tộc là được tự do, tự quyết và có cơ hội kinh tế bình đẳng.

Bằng cách đó chúng ta tạm thời đứng cùng trong một hàng ngũ với các đại cường quốc phương Tây với mục đích chung - tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.

Các quan hệ ngoại giao của ta với những người bạn mới được củng cố. Cần đến phiên dịch không chỉ ở Moscow, mà cả ở các cảng chính của đất nước, bởi vì thực phẩm và đạn dược từ Anh và Mỹ bắt đầu chuyển đến nước ta. Hàng đoàn hộ tống liên tiếp chuyển vũ khí đạn dược từ các cảng của Anh đến Murmansk và Arkhangelsk. Ở đó những bộ quân phục Anh quốc đã thành bình thường trên đường phố. Còn những chuyến xe vận tải Mỹ thì đến với chúng ta qua đường Iran tới Bacu. Để phục vụ cho tất cả các chiến dịch phức tạp ấy, người ta mở những khoá dạy tiếng cấp tốc trong quân đội và NKVD.

Bởi tất cả đàn ông biết ngoại ngữ đều đã ra mặt trận, nên phụ nữ được tuyển vào học các khoá ấy. Chính ở đây tôi đã làm quen với người vợ tương lai của mình. Chúng tôi học cùng một nhóm tiếng Anh có 4 - 5 người. Sau này cô ấy được phân về làm việc tại trung tâm dịch thuật.

Công việc đang mong chúng tôi đến nỗi, chúng tôi không học gì khác ngoài tiếng Anh. Thậm chí cả môn chủ nghĩa Marx - Lenin, môn bắt buộc trong tất cả các

trường học cũng được rút khỏi chương trình. Đâu như khi người ta đưa trình lên Lavrenti Pavlovich Beria, lãnh đạo Bộ dân uỷ nội vụ lúc đó, danh sách các môn chúng tôi sẽ phải học. Ông ta đã gạch bỏ tất cả, chỉ để lại các môn tiếng. Chúng tôi chuyên sâu nghiên cứu tiếng Anh đến 17 tiếng một ngày đêm. Ban đêm trong phòng ngủ ký túc xá tôi thường nghe thấy các bạn tôi nói mơ bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tiếng Italia. Tôi hoàn thiện tiếng Anh của mình trong suốt mười tháng, nhưng rồi cả lần này tôi cũng phải bỏ dở khoá học.

Tháng Mười Hai năm 1943, người ta đột ngột chuyển tôi sang Cục tình báo nước ngoài. Thậm chí không ai thèm hỏi ý kiến của tôi, mà chưa chắc tôi đã có thể từ chối. Các phiên dịch tiếng Anh đang rất thiếu. Thêm nữa cơ hội được làm việc tại bộ phận quan trọng nhất của cơ quan an ninh mật dành cho tôi quả là rất hấp dẫn, cho dù tôi quá hiểu, họ chọn tôi không phải vì tôi có khả năng đặc biệt gì. Đơn giản là không còn ai để làm việc cả.

Ban Anh của Cục tình báo nước ngoài nhận bảy người, ban Mỹ nhận năm người. Tất cả các sĩ quan - phiên dịch khác đều hoặc đang chiến đấu, hoặc đã hy sinh ngoài mặt trận. Khối lượng thông tin dồn dập đổ về chỗ chúng tôi, chủ yếu là băng ghi âm. Chúng theo tàu thuỷ đến Murmansk. Tồn đọng hàng núi những thông tin tình báo quan trọng. Bảy người làm việc ở Lubianka cả ngày lẫn đêm, gần như là rút hú hoạ cái gì

đó trong chồng tài liệu, dịch qua loa, số còn lại đóng thành tập và để "xem xét". Đó là thuật ngữ ngụ ý đến số thông tin đơn giản là bị quên lãng đi, số thông tin mà các tình báo viên của ta thu thập được ở Anh. Thế mà những người đó đã mạo hiểm vô bờ để khai thác được những tin tức tuyệt mật và gửi về cho chúng tôi. Họ sẽ nghĩ gì nếu họ biết đến một nửa trong số bức điện và thông báo họ gửi về chắc gì đã được đọc đến? Tồi tệ hơn nữa là một phần đáng kể các báo cáo mật vô cùng quan trọng đã bị để lại vĩnh viễn.

Lãnh đạo Bộ dân uỷ Nội vụ hiểu tất cả tính nghiêm trọng của tình hình. Họ biết rằng vì thiếu cán bộ mà chúng ta đã không tận dụng được ưu thế do các điệp viên làm việc ở nước ngoài đem lại.

Vì vậy tôi hiểu ra ngay, vì sao họ nhận tôi về ban này. Đầu tiên cấp trên phân công tôi xem xét số giấy tờ và lọc ra những gì phải dịch.

Nhìn thấy trên bàn mình một núi cặp giấy do người văn thư mang đến, tôi thu hết dũng khí và can đảm bắt tay vào mở chiếc cặp căng phồng đầu tiên, được buộc cẩn thận bằng dây vải. Đọc một vài trang. Tư liệu này có đủ giá trị để dịch toàn bộ nó không? Tôi phải dựa vào cái gì để giải quyết vấn đề này? Tôi để chiếc cặp đầu tiên lại. Vớ lấy chiếc cặp tiếp theo. Rồi lại một chiếc cặp nữa. Xem xong khoảng 10 cặp, tôi dừng lại, suy nghĩ và cuối cùng đặt ra cho mình một tiêu chí phân loại: tài liệu nào quan trọng, còn tài liệu nào có thể để lại xem sau.

Một vài tuần làm việc căng thẳng trôi qua. Cuối cùng tôi cũng được nhận dịch tài liệu đầu tiên. Đó là thông tin của một trong số điệp viên của ta ở London. Giờ đây tôi đã quên mất trong đó nói gì, vì sau đó là liên tiếp các bản dịch, hết bản này đến bản khác. Tôi làm việc như một cái máy, đôi khi chẳng còn hiểu bản báo cáo có nghĩa gì. Ngoài ra tôi còn phải làm nhiều công việc kỹ thuật. Tôi phải cặp tài liệu lại, dán ký hiệu, để sếp của tôi ký, vì lúc đó chữ ký của tôi không có giá trị gì cả. Rồi họ lại cử tôi đến phòng lưu trữ tìm tài liệu này hay tài liệu khác và dịch cho trưởng ban Anh. Công việc máy móc, thuần tuý văn phòng ấy rõ chán ngấy.

Sau này, khi tôi đã chiếm được lòng tin của cấp trên, tôi được giao nhiệm vụ đánh giá các tin tức mới nhận từ bộ phận của ta ở London. Tôi dịch chúng, sau đó gửi đi theo địa chỉ. Tôi nhanh chóng học được cách xác định những tài liệu đáng chú ý đặc biệt, và chỉ gửi chúng cho cấp trên trực tiếp của mình. Đó chủ yếu là các báo cáo về chính sách đối nội và đối ngoại của Anh, những nghiên cứu trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, kinh tế quân sự và quan hệ qua lại giữa Anh với các nước khác. Những vấn đề đó đặc biệt quan trọng đối với Stalin. Stalin biết rõ rằng thủ tướng Anh Winston Churchill đã nói dối khi than phiền với ông, rằng quân Đồng minh có quá ít quân lực và đạn dược. Dựa vào các nguồn tin tình báo, Stalin nắm vững việc phe Đồng minh Anh - Mỹ có đủ tiềm năng, và xác định gần chính

xác họ có thể chi viện đến mức nào. Lòng tin cậy của cấp trên đối với tôi tăng lên. Mọi người khá hài lòng với những phân tích đầu tiên và bản dịch các tài liệu có giá trị của tôi.

Thú thực là tôi đã gặp may: tôi được học nghệ thuật làm tình báo không phải tại trường lớp, một cách lý thuyết, mà là trong thực tế với những tình huống cụ thể. Dù các đồng sự giúp đỡ bằng những lời khuyên và chỉ dẫn, nhưng tôi chịu ơn nhất là người lãnh đạo đầu tiên của tôi, ông Iosf Lvovich Kogen. Lớn hơn tôi khoảng 10 tuổi, ông đến với NKVD với tấm bằng ngoại giao, một người vô cùng am hiểu, có phương pháp, thận trọng, và chủ yếu hơn cả là "rất người".

Không nên quên tôi là một anh chàng tỉnh lẻ. Ở Moscow tôi không có họ hàng, người quen. Tôi sống ở ký túc xá trường phiên dịch và mau chóng phải rời khỏi đó vì lý do cần phòng cho học viên. Lúc này tôi đã làm ở NKVD. Sống trong ký túc xá công nhân, - lúc này chẳng có giải pháp nào khác, - thì tôi không muốn. Kogen đã cứu tôi. Ông tự nhận lấy việc tìm chỗ ở cho tôi. Chỉ bằng sự quan tâm đơn giản đó, Kogen đã chiếm trọn lòng cảm phục của tôi. Cũng chính ông đã dạy tôi những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động nghiệp vụ của điệp viên. Dần dần tôi thấy tự tin hơn và không còn băn khoăn chuyện tôi có đảm đương được nhiệm vụ được giao hay không. Cá nhân Kogen đã bắt tôi phải nghiền ngẫm kỹ lưỡng thông tin nhận được, cho dù nó có vẻ ít quan trọng ở lần đọc đầu tiên. Tôi học cách viết rõ ràng, ngắn gọn và

chính xác, sao cho người nhận có thể hiểu ngay tôi muốn nói những gì. Khi kiểm tra những bài viết đầu tiên của tôi, đôi khi Kogen lịch sự bóng gió rằng, tôi đã bỏ sót mục quan trọng này khác.

Tôi không thể nói rằng chúng tôi là những người bạn lớn, bởi sự khác biệt giữa chúng tôi quá lớn. Ông sinh ra trong một gia đình trí thức, còn tôi, như ở ta thường nói, thuộc tầng lớp "trí thức công nhân". Trong các vấn đề ở phạm vi rộng, không phải chúng tôi đã nhất trí về tất cả, nhưng dù sao tôi cũng có thể tin tưởng nói rằng, nếu không có Kogen thì tôi không bao giờ trở thành một điệp viên giàu kinh nghiệm cả.

Đọc báo cáo của các điệp viên, tôi bắt đầu coi họ như những người gần gũi. Tôi nhận ra những ưu điểm và nhược điểm của họ, đoán trước những lo âu và ngại ngùng. Hình ảnh họ hiển hiện trước mặt tôi.

Tài liệu trong các cuốn băng ghi âm hay các bản tóm tắt giờ đây nói với tôi nhiều điều. Tôi có thể nói chính xác khi nào điệp viên nói thật, khi nào họ muốn lẩn tránh trách nhiệm hay nhận vơ về mình công tuyển một điệp viên mới. Ví dụ tại Nam Phi, chúng tôi có một điệp viên rất tích cực, thậm chí quá năng động, không ngừng tuyển mộ những người mới. Anh ta tới tấp gửi cho chúng tôi những thông tin hoàn toàn vô tác dụng, ví dụ về quan hệ giữa người da đen và người châu Phi di cư hoặc giữa các bộ lạc khác nhau. Anh ta biết mọi thứ về những nhóm theo chủ nghĩa dân tộc tài trợ cho những bộ lạc đó, và họ hành động thay mặt cho ai.

Trong cuộc chiến đấu của chúng ta với quân phát xít Đức tư liệu đó chẳng thể có ích gì, nhưng chúng tôi vẫn cổ vũ hoạt động của điệp viên. Nghiên cứu những thông tin đó tôi hiểu rằng chúng chính là cuộc sống của anh.

Nhưng, cái công việc quan liêu bàn giấy này, như tôi gán cho nó, không làm tôi hài lòng chút nào, nhất là trong lúc đang diễn ra cuộc chiến đấu ác liệt chống chủ nghĩa phát xít, khi các bạn cùng tuổi với tôi đang chiến đấu ngoài mặt trận. Nhưng cũng không phải mất nhiều thời gian để tôi hiểu rằng: Công cuộc chuẩn bị thực tiễn đó đã cho tôi khả năng bước vào một giai đoạn hoạt động mới, cho phép tôi toàn tâm toàn lực phục vụ cho Tổ quốc mình.

CHƯƠNG III

NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC LỰA CHỌN

Thời gian đó tôi được đi du lịch nhiều nơi, nhưng chỉ là trong tưởng tượng của mình, ví dụ như khi nhận tin từ Anh, Úc, Niu Dilân, Ấn Độ, Nam Phi, Canada và các thuộc địa của Anh. Mùa hè năm 1944 tôi phải làm việc tiếp xúc nhiều với các bản kẽm phim, từ London chuyển về.

Công việc vẫn bộn bề như trước, và vẫn không thể xử lý được hết tất cả những gì chúng tôi nhận được. Chúng tôi có một loạt các điệp viên hoạt động rất hiệu quả ở Vương quốc Liên hiệp Anh. Họ đều là người Anh, làm việc cho Liên Xô "trên cơ sở tư tưởng", như chúng tôi nói lúc đó. Tôi lại tiếp tục đánh giá và phân loại những tài liệu chuyển đến theo mức độ quan trọng, rồi trình những giấy tờ có giá trị nhất cho các chuyên viên, những chuyên gia về nước Anh. Khi nào có được thời gian rỗi - mà việc đó hiếm khi xảy ra, - tôi bắt tay vào các tài liệu đã bị gác lại sau, bị coi là kém quan trọng hơn.

Chúng tôi đã lập ra một qui trình làm việc rất hiệu quả. Tất cả hơn ba mươi điệp viên của ta ở London

nhận được chỉ thị khai thác thông tin về cùng một vấn đề. Họ dùng hết nỗ lực để tìm kiếm, sau đó các tư liệu được đưa ra phân tích. So sánh đóng góp của mỗi điệp viên vào công việc, chúng tôi có thể đánh giá phân loại được họ. Trong số này có năm người có khả năng hơn cả. Và thực tế, họ đã nhanh chóng thể hiện mình là những điệp viên có giá trị nhất.

Những thông tin do 25 người còn lại gửi về nếu đem so sánh với của năm người kể trên thì hầu như không đáng giá gì hết.

Năm tháng trôi qua, đến khi tôi giảng dạy ở Trung tâm đào tạo của Ủy ban an ninh quốc gia (KGB[1]), tôi đã cố gắng giải thích cho các học viên hiểu hồi đó chúng tôi đã hoạt động như thế nào. Tôi nói với họ:

- Các bạn hãy hình dung một cái nồi, người đầu bếp cho nhiều loại thực phẩm vào đó để nấu một món hầm. Ông ta đặt nồi lên đun nhỏ lửa, sau vài giờ trong nồi còn lại thứ ông ta cần - đó là cốt lõi sự việc.

Chúng tôi lựa chọn những người chính yếu nhất trong tất cả các điệp viên của ta ở London đúng theo cách này.

"Bộ ngũ Cambridge" - chúng tôi gọi nhóm điệp viên này như vậy - là cái cốt lõi ấy. Nó không phải là một

---

1. Năm 1946, NKVD được chia thành MGB (Bộ An ninh quốc gia) và MVD (Bộ Nội vụ); tháng Ba năm 1954, KGB (ủy ban An ninh quốc gia) được thành lập thay cho các cơ quan này.

thể thống nhất. Mỗi một thành viên trong đó đều có tính cách, thói quen của mình. Họ rất khác nhau, mặc dù gần như biết nhau cả. Những thông tin họ cung cấp cho chúng tôi súc tích và lại cô đọng đến mức phải tuyển một người phiên dịch để chuyên xử lý tài liệu của "bộ ngũ".

Năm 1944, khi mới tròn 22 tuổi, tôi đã trở thành người phiên dịch ấy.

Một thời gian, người ta giữ tôi trong tình trạng "tù mù", không cho biết ngay cả bí danh của những ngôi sao tình báo ấy. Tôi chỉ biết rằng những tài liệu mà tôi dịch ra tiếng Nga là do họ gửi về. Tôi không có một dẫn liệu nào để xác định, ai trong số họ là người gửi báo cáo này hay báo cáo khác. Chỉ sau khi đã làm việc được hai hay ba tháng, cuối cùng tôi mới nhận ra bí danh của họ: trong NKVD họ được gọi tên là "Stewart", "Donkhen" (tiếng Đức có nghĩa là "Xônhia bé nhỏ"), "Menkhen" ("Cô bé gái"), "Johnson" và "X".

Tôi đặc biệt quan tâm đến bộ ngũ ấy, khi hồi tưởng lại trong trí óc những tài liệu đã qua bàn làm việc của tôi. Những năm đó NKVD không lưu lại bản chính các bức điện đã được giải mã, đề phòng có gián điệp trong nội bộ, coi việc không giữ lại một bút tích nào về sự hợp tác của ta với các điệp viên nước ngoài là một việc nên làm. Vì vậy trước khi các nhân viên có trách nhiệm huỷ các bản chính đến, chúng tôi phải tự tay lập một bản tóm tắt ngắn gọn. Sau đó chúng được gửi đến các chuyên viên để họ đính chúng vào hồ sơ của từng điệp

viên. Các hồ sơ này được lưu giữ tuyệt mật, và tôi không được quyền tiếp cận với chúng ngay. Vì vậy, tôi cố gắng ghi nhớ tất cả những gì đã dịch từ báo cáo của "Stewart", của "Donkhen", và của các điệp viên khác.

Tháng 6 năm 1944, lần đầu tiên tôi được biết chính xác - và cũng khá kỳ lạ, tình cờ, - những người Anh bí mật này là ai.

Để đánh giá công lao to lớn của họ, lãnh đạo NKVD đã quyết định cấp cho "bộ ngũ" người Anh một khoản lương hưu suốt đời. Nó được chuyển qua trạm của ta ở London ba tháng hoặc một năm một lần trong sự đảm bảo tuyệt đối bí mật.

Thời đó, khoản tiền lương này là con số khá lớn. "Bộ ngũ" nhận được tin này qua người liên lạc. Họ không có câu trả lời ngay. Một thời gian sau, từng người gửi thư riêng về Trung tâm. Họ cảm ơn chúng tôi về cử chỉ hào phóng, và đồng thời bày tỏ động cơ khiến họ hợp tác với Liên Xô: đó là cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và sự ủng hộ cách mạng thế giới. Họ đều kết lại một điều như nhau là, họ không hề nghĩ đến chuyện làm việc vì tiền, vì vậy càng không thể xúc phạm sự nghiệp mà họ cống hiến bằng cách đồng ý nhận dù chỉ một khoản tiền nhỏ nhất.

Đánh giá tinh thần tận tâm và tính hiệu quả của tôi trong công việc nên trưởng ban Anh đã yêu cầu chính tôi dịch năm bức thư đó ra tiếng Nga. Một bức, ký tên

Guy Burgess, có những dòng khiến tôi suốt đời ghi nhớ như sau:

"Tôi không thể hình dung nổi có người nào biết tôn trọng bản thân lại có thể sống ở nước tôi và không làm việc cho Đảng. (Cộng sản - ND)".

Vậy là cuối cùng tôi đã có thể biết được tên và bí danh của các thành viên trong "bộ ngũ" và hình dung rõ về họ, những điệp viên mà tôi hết sức kính trọng. Người có bí danh "Donkhen", sau này là "Tom" và "Stanly" tên là Kim Philby; "Medkhen" hay "Hiks" là Guy Burgess, "Johnson", "Toni", sau này là "Ian" là Anthony Blunt. Mang bí danh "Steward", "Whise Lirik" hay "Gomer" là Donald Maclean. Về người thứ năm tôi sẽ kể sau.

Tôi vẫn tiếp tục nhận các cuộn phim cực nhỏ, phân tích, dịch thật cẩn thận, lập bảng tóm tắt, kẹp vào cùng với bản dịch. Khi giải quyết những vấn đề phát sinh trong công việc, tôi nhận thấy, mình càng ngày càng hay đưa ra quan điểm của bản thân trực tiếp cho cấp trên. Tất nhiên, cấp trên có thể thu nhận những ý kiến của tôi mà cũng có thể không. Nhưng dù thế nào thì từ thời điểm ấy tôi dần dần chuyển từ vị trí một nhân viên quèn lên vị trí một sĩ quan tình báo thạo nghề.

Trong vòng ba năm, từ năm 1944 đến hết năm 1947, ngày nào tôi cũng xử lý các báo cáo của nhóm người này, lúc này tôi đã biết tất cả những gì có thể biết về cuộc sống của họ. Khi tôi được phép tiếp cận với các tư

liệu lưu trữ, việc đầu tiên là tôi nghiên cứu từ đầu đến cuối hồ sơ riêng của mỗi một thành viên trong nhóm. Trong cặp giấy có ghi chép tiểu sử chi tiết, bao gồm tên, ngày tháng năm sinh và những chi tiết mà các điệp viên tự thông báo. Tôi còn được phép làm quen với một hồ sơ nữa, nó gây cho tôi một ấn tượng đặc biệt. Trong đó có nêu những người cuối cùng nhận tài liệu của "bộ ngũ", cụ thể đó là Stalin, Molotov, Beria. Còn có cả những cái tên khác, nhưng những tên này là thường gặp hơn cả.

Ngày nay, các nhà báo và các nhà sử học nhiệt tâm nghiên cứu cái gọi là hồ sơ lưu trữ của KGB, nhưng ngoài những tóm tắt, nhận xét ít có ý nghĩa ra, họ sẽ không tìm thấy điều gì thực sự thú vị trong công việc của tình báo Xô viết.

Và cái chính là các bản gốc từ lâu đã không còn. Phần lớn hồ sơ về nhóm Cambridge đã bị huỷ từ năm 1953. Hầu như tất cả các tài liệu chuyển trực tiếp về Kremli đã không còn nữa.

Giá như các nhân viên MGB thời đó nhìn xa trông rộng hơn, thì họ đã hiểu được giá trị thực tế của các tài liệu lưu trữ và đã không huỷ chúng đi. Điều này góp phần giảm nhẹ đáng kể nhiệm vụ của các nhà sử học đương thời trong việc tái hiện lại bức tranh các sự kiện của một thời quá khứ đã xa.

Tất nhiên là tôi bị nghiêm cấm ghi chép bất kỳ điều gì cho bản thân khi làm việc với hồ sơ lưu trữ. Vì vậy

tôi ngồi hàng giờ đọc các cặp giấy, cố gắng thuộc lòng các tài liệu.

Tập đầu tiên tôi mở ra đề cập đến "Donkhen" hay "Stanly", tức là Harold (Kim) Philby. Từ năm 1944, Trung tâm coi điệp viên này là điệp viên có giá trị nhất. Ông đã kịp trở thành Cục trưởng Cục IX của Cơ quan phản gián Anh. Nhiệm vụ của Cục này là nghiên cứu hoạt động tình báo của Liên Xô và cũng như hoạt động của Đảng Cộng sản. Thực chất, cơ quan tình báo Anh đã đặt một điệp viên của Nga lên vị trí đứng đầu chính bộ phận có nhiệm vụ đấu tranh với các gián điệp Nga. Từ đó dễ hiểu là vì sao Philby lại là điệp viên quan trọng nhất đối với Liên Xô.

Suốt nhiều năm, tôi chắp vá từng mẩu để vẽ nên chân dung của Philby, người ngay từ đầu đã gây ấn tượng đặc biệt đối với tôi. Đây là những gì tôi biết về ông.

Harold Adrian Rassel Philby sinh ngày 1 tháng Giêng năm 1913 tại Ấn Độ, thành phố Ambala[1], thủ phủ bang Penjab. Cha của ông, Harry San-Jan Bridger Philby là một người trác tuyệt: tốt nghiệp Trường Đại học Tổng hợp Cambridge, nói được tám thứ tiếng, bao gồm cả các ngôn ngữ phương đông - pharxibaluchi và tiếng apgan. Harry San-Jan sinh sống ở Gitda, cải sang đạo Itxlam, lấy tên là Apdula và cưới một nô lệ Ảrập Xêút làm vợ hai, họ có hai con trai, Pharit và Halit, em

(1). Ngày nay Ambala là thành phố ở miền bắc Ấn Độ, thuộc bang Harian.

cùng cha khác mẹ với Harold. Vốn là người bạn gần gũi của quốc vương Ảrập Xêút Ibn Saud, Harry đã cung cấp cho ông ta những tin tức mật từ cơ quan tình báo Anh cho đến khi Chính phủ Hoàng gia buộc Philby phải về hưu non.

Mặc dù cha con sống xa nhau (Kim sống cùng mẹ Dora ở Anh), Harry San-Jan Philby vẫn rất gắn bó với con trai và mỗi lần về Anh ông đều quan sát con lúc chơi bài cũng như khi trò chuyện với người lớn. Ông nhận thấy ở con lòng yêu đời, nhiệt tình và tính kiên gan con trẻ. Ông so sánh con trai với nhân vật trong cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của Rediard Kipling "Kim"[1] và hay nói với con rằng, cậu giống nhân vật Kim của Kipling như hai giọt nước, cũng ngang bướng như lừa vậy.

Tôi đã đọc cuốn "Kim" và thấy rằng Harry San-Jan Philby nhận xét đúng. Chính vì thế mà Harold đã có biệt hiệu là "Kim". Gia đình và bạn bè đều gọi cậu như vậy. Lúc đó cậu chỉ mới 6 tuổi, nhưng việc đổi tên đơn giản này đã kích thích cá tính của cậu. Ít ai lúc đó có thể nghĩ rằng, biệt hiệu đầu tiên đó sẽ kéo theo sau một chuỗi dài cuộc sống và hoạt động hai mặt.

Cách nhìn nhận về cuộc sống của Kim rất giống cha, một người ưa phiêu lưu, bướng bỉnh, kiên quyết chống

---

(1). Kipling Joseph Rediard (1865 - 1936) - nhà văn người Anh. Tiểu thuyết "Kim" được viết năm 1901.

lại chính sách thuộc địa của nước mình, mà điều quan trọng, đây là một người dũng cảm, luôn luôn đưa các ham mê cháy bỏng của mình đến kết thúc lôgic. Kim tôn sùng cha và luôn bắt chước ông. Cả hai đều ngang ngạnh, cương quyết, đôi khi giống Đông Kisốt, nói chung là những người khó mà hiểu được. Ví dụ người Anh hoàn toàn không thể hiểu, tại sao Harry San-Jan Philby, một người giữ chức vụ quan trọng, một nhà quý tộc, người giàu có lại có thể đứng lên bảo vệ quyền lợi cho một giáo chủ nào đó ở một đất nước sa mạc không ai biết đến và thậm chí còn cưới một phụ nữ Hồi giáo. Sau này đến lượt Kim cũng đặt họ vào ngõ cụt như vậy.

Cả những nét tính cách khác của cha cũng truyền sang cho Kim. Cũng như San-Jan, Kim suy nghĩ rất lâu trước một vấn đề dù là nhỏ nhặt nhất, nhưng khi đã quyết định rồi thì không một sức mạnh nào trên thế gian này có thể lay chuyển được ông. Các quan điểm của ông không thay đổi đến cuối cuộc đời, cho dù nguồn gốc xuất thân khá tác động đến ông. Kim coi cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít là mục tiêu cao cả của cuộc đời mình và ông đã không đi ngược lại cho đến tận ngày cuối cùng của cuộc đời.

Vào những năm cuối đời có người đã hỏi Philby, trước sự có mặt của tôi:

- Ông Kim, ông có muốn được an táng ở Anh như Burgés và Maclean không?

- Tất nhiên là không. Hãy chôn tôi trên mảnh đất Nga, - Kim trả lời không do dự.

Mong muốn của ông đã được thực hiện. Kim Philby được chôn cất tại Kuntsev, nghĩa trang dành cho các tướng lĩnh.

Năm 1929, sau một thời gian học trong trường Westminster, Kim thi vào trường Cao đẳng Triniti thuộc Trường Đại học Tổng hợp Cambridge. Năm đầu tiên ông học về lịch sử và gần như ngay lập tức gia nhập Hội xã hội chủ nghĩa của Trường - tổ chức sinh viên của họ gọi như vậy.

Cuộc khủng hoảng kinh tế do vụ vỡ thị trường chứng khoán ở New York đã gần lan đến châu Âu. Thắng lợi của đảng cánh tả - Công đảng tại cuộc bầu cử năm 1929 và việc lập lại quan hệ ngoại giao giữa Anh và Liên Xô đã làm rung chuyển biển sóng cảm tình đối với nước Nga cộng sản. "Cuộc thí nghiệm Nga", như thời đó gọi, đã tác động đến tầng lớp công nhân và trí thức Anh như thôi miên vậy.

Tháng 6 năm 1931, khủng hoảng ở châu Âu đã mang tính chất rất gay gắt, số người thất nghiệp ở Anh lên tới hai triệu sáu trăm sáu mươi nhăm ngàn người. Lực lượng cánh tả nước Anh, mà lý tưởng của họ được rất nhiều đại diện các tầng lớp trung và thượng lưu trong xã hội noi theo, đã không kiểm soát được tình hình đất nước. Chính phủ không biết đối phó như thế nào với đoàn tuần hành của các thợ mỏ đói khát và người thất nghiệp trên cả nước. Những tầng lớp có lý tưởng trong xã hội lúc đó cho rằng, kế hoạch năm năm lần thứ nhất ở Liên Xô đã được thực hiện thành công và có thể đẩy

nhanh công cuộc cải tạo đất nước. Họ nhìn thấy một xã hội mới đang hình thành ở nước Nga đối lập với chủ nghĩa tư bản tự cao tự đại, chế độ đã đẩy hàng triệu người vào vũng lầy cùng khổ. Hình mẫu xô viết quả là vô cùng quyến rũ đối với các nhà trí thức trẻ tuổi, những người chỉ chờ có cớ để nổi loạn ở nước mình.

Tư tưởng xã hội chủ nghĩa cuốn hút Kim Philby, nhưng chủ nghĩa cộng sản lại làm ông cũng như nhiều bạn bè cùng tuổi khác dè dặt. Những quan điểm cấp tiến hơn của ông không phải ngay một lúc đã hình thành. Đầu tiên, Kim chỉ dự các buổi họp của Hội xã hội chủ nghĩa. Nhưng bản chất của Kim là vươn tới vị trí thủ lĩnh, dù chưa bao giờ ông là một nhà tổ chức năng nổ các cuộc biểu tình và chưa lần nào phát biểu những lời lẽ hùng hồn tại các buổi mít tinh. Khi Philby kết thúc năm thứ nhất, ông được cử làm thủ quỹ của Hội xã hội chủ nghĩa. Tháng Mười năm 1931, vào năm học mới, Kim thôi không học sử nữa và chuyển sang học kinh tế. Việc đó xuất phát từ tình hình chính trị trong nước thay đổi. Kim cho rằng, những kiến thức về kinh tế sẽ có ích cho ông trong trận giao chiến chính trị sắp tới. Thời gian này Kim làm quen với Moris Dobb[1], một trong những nhà kinh tế hàng đầu, thầy dạy của ông tại Cambridge. Dobb là một nhà tuyên truyền chính trị có tài và đã gây được hứng thú ở Kim. Thêm

---

(1). Dobb Moris Herbert (1900 - 1983) - nhà kinh tế học Mácxít.

vào đó, ông là một trong những trí thức đầu tiên của Anh gia nhập Đảng Cộng sản Anh và được nhận thẻ đảng viên. Dần dà Philby ngày một thấm sâu hơn những tư tưởng của Dobb, nhưng cùng đó Kim đã mắc một sai lầm: ông bắt đầu chia sẻ những quan điểm của mình với mọi người xung quanh. Giờ thì nhiều giảng viên ở Cambridge cũng đều biết tư tưởng chính trị của Kim là gì. Hậu quả là việc đó đã đem lại cho ông vô số những điều không hay lắm.

Năm 1932, Kim Philby, được biết đến như một người thân cộng sản, nhận được lời mời gia nhập nhóm Apostol - một tổ chức vừa mang tính chất câu lạc bộ, nơi có thể được ăn trưa không tồi, vừa mang tính chất hội kín. Dù không phải là hội viên chính thức nhưng tại đây Kim đã làm quen với hai sinh viên - Anthony Blunt và Guy Burgess. Ba người nhanh chóng kết thân với nhau. Năm 1933, Kim nhận bằng tốt nghiệp. Lúc này ông đã là một người cộng sản trung kiên. Ông nói với Moris Dobb rằng, ông muốn ra nước ngoài, Áo hay Đức chẳng hạn để hoàn thiện vốn tiếng Đức. Dobb nhiệt tình ủng hộ ý kiến ấy. Và ông nói thêm:

- Tôi không còn gì để khuyên anh cả, nhưng nếu anh muốn làm được việc gì đó có ích cho sự nghiệp của chúng ta, trong lúc anh ở nước ngoài, tôi có thể cho anh địa chỉ vài người bạn Pháp. Có thể họ sẽ giúp được anh.

Những người bạn nói trên là những thành viên tích

cực của Ủy ban quốc tế bảo vệ những nạn nhân của chủ nghĩa phát xít Đức, người lãnh đạo là Willy Munsenberg. Từ năm 1930 đến hết năm 1935 Munsenberg đã tích cực và tự nguyện hợp tác với NKVD, tuyển mộ những điệp viên mới. Đầu tiên ông làm việc trong các tổ chức thanh niên cánh tả, sau đó ông lập ra Ủy ban của mình tại Paris với mục đích bằng mọi cách giảm thiểu những luận điệu tuyên truyền của bọn quốc xã đang ngóc đầu dậy ở Đức. Tuy tuyển mộ điệp viên cho NKVD, nhưng bản thân ông chưa bao giờ là điệp viên cả.

Tại Paris các thành viên của Ủy ban đón tiếp Philby rất thân ái. Từ Anh Dobb đã viết thư cho họ khen ngợi lòng chân thành và độ tin cậy của Philby. Họ cũng biết Kim là thủ quỹ Hội xã hội chủ nghĩa của sinh viên ở Cambridge, và cung cấp cho ông địa chỉ các bạn bè ở Viên. Tại một trong các địa chỉ đó có đặt Ủy ban quốc tế giúp đỡ các chiến sỹ cách mạng (MOPR)[1], lúc đó đang cần một thủ quỹ. Họ đề nghị Kim tạm thời giữ chức vụ này nếu ông đồng ý.

Tôi biết rõ tổ chức MOPR, ngay từ hồi học ở Lipetsk

---

(1). Ủy ban quốc tế giúp đỡ các chiến sỹ cách mạng tại các nước tư bản (MOPR) được thành lập năm 1922. Ủy ban này đã giúp đỡ các nhà cách mạng và các chiến sỹ chống chủ nghĩa phát xít. Tiểu ban MOPR tại Liên Xô tồn tại cho đến năm 1947.

tôi đã tham gia vào tiểu ban Xô viết và mỗi tháng đóng vài cô-pếch vào quỹ giúp đỡ các tù nhân cách mạng. Thời đó mỗi một xí nghiệp, trường học và cơ quan nhà nước đều có cơ sở của MOPR. Tiền thu được chia cho gia đình các công nhân bị rơi vào lao tù, cũng như để tìm luật sư bảo vệ cho các công nhân gặp nạn.

Địa chỉ thứ hai là địa chỉ vợ chồng Kolman - một gia đình Do thái di tản từ Ba Lan sang Áo từ trước Đại chiến thế giới lần thứ I. Kolman - cha, người Israel, làm kế toán và dành phần lớn thời gian rỗi để cùng vợ giúp đỡ tích cực cho những người Do thái ở Viên. Nhà Kolman có cô con gái Alisa, ở nhà thường gọi là Litsi.

Tuy hơi bé nhỏ nhưng Alisa là cô gái xinh đẹp tuyệt vời. Năm 18 tuổi, cô lấy Karl Phridman, nhưng chia tay với anh ta ngay sau đó. Litsi và Philby đã yêu nhau ngay từ cái nhìn đầu tiên. Philby không mấy hứng thú với công việc của thủ quỹ tạm thời tiểu ban MOPR địa phương. Ông quan tâm đến chính Litsi nhiều hơn, và dành cho cô tất cả thời gian rỗi của mình.

Litsi là người cộng sản vững niềm tin và cô đã trung thành với lý tưởng xã hội chủ nghĩa đến trọn đời. Cô đã có ảnh hưởng quyết định đến Philby, và chính Litsi đã dẫn dắt ông cống hiến trọn vẹn thân mình cho sự nghiệp chính nghĩa.

Mùa thu năm 1933, tình hình chính trị ở Viên có nguy cơ bùng nổ. Thủ tướng Dolfus[1] lên nắm quyền được hơn một năm đã thiết lập chế độ độc tài, cấm mọi cuộc biểu tình chống lại chính sách thôn tính Áo của Hitler, giải tán Quốc hội Áo, cấm Đảng Cộng sản và Đảng Xã hội chủ nghĩa hoạt động. Đáp lại, phe dân chủ xã hội đã tổ chức cuộc khởi nghĩa và đã bị lực lượng 35 nghìn cảnh sát của Dolfus đàn áp dã man. Kết quả là 1500 người bị giết và 5000 người bị thương. Khi Philby và Litsi tận hưởng mối tình say đắm thì cuộc khủng bố sôi sục quanh họ. Theo án tuyên của toà án quân sự, ngày nào cũng có hàng loạt người bị xử bắn. Tháng Giêng năm 1934, làn sóng căm phẫn đã lan rộng khắp toàn dân. Là một công dân Anh, Kim Philby không thể trực tiếp tham gia vào cuộc đấu tranh đó, nhưng ông đã thể hiện tinh thần dũng cảm chân thực và lòng trung thành để bảo vệ sự nghiệp của công nhân. Được Litsi khích lệ, Kim tham gia nhóm giúp đỡ các đảng viên cộng sản bị truy lùng chạy trốn khỏi Áo: thu thập quần áo cho người tị nạn, tìm kiếm những nơi ở bí mật, thu xếp cho họ vượt biên.

Tháng Hai năm 1934, Philby cưới Litsi và cô được

---

(1). Dolfus Engelbert (1892 - 1934): thủ tướng Liên bang Áo từ năm 1932. Tháng Ba năm 1934 ký nghị định thư Rôma, đặt nước Áo vào vị trí lệ thuộc Italia. Bị những kẻ ủng hộ chính sách thôn tính Áo của Đức giết chết.

nhận quốc tịch Anh. Bằng cách đó, ông đã cứu cô khỏi bị bắt, vì cô được biết đến là một người cộng sản, đã đóng góp nhiều cho sự nghiệp của Đảng. Mặc dù gia đình trẻ lâm vào tình huống vô cùng khó khăn nhưng Kim vẫn là người chồng rất tận tâm và chăm sóc vợ chu đáo. Những hoạt động bí mật của Litsi khiến thần kinh cô khá căng thẳng. Hiểu được điều đó, mỗi khi cô về đến nhà, Kim luôn dẫn cô đi dạo quanh thành phố hay ra ngoại ô. Việc đó đã làm Litsi trấn tĩnh lại và có thêm sức mạnh.

Và như vậy, tôi lại biết thêm một nét tính cách nữa của Kim: suốt cuộc đời, ông luôn luôn tốt bụng và dịu dàng với phụ nữ, dù cũng thường xuyên phụ bạc họ.

Tôi có cảm giác, chính vụ tàn sát đẫm máu những người xã hội và hoạt động công đoàn mà Kim đã chứng kiến ở Viên là một bước ngoặt đối với Philby và là yếu tố quyết định việc ông đến với những người cộng sản. Tại Áo, ông hiểu rằng, chủ nghĩa cộng sản là mối đe doạ thực tế đối với chủ nghĩa tư bản. Sự kiện ở Viên đã để lại dấu ấn không thể phai mờ trong tiềm thức của Kim. Thêm vào đó, những cuộc gặp gỡ và công việc của ông với những người cộng sản ở Viên đã dẫn đến việc Kim trực tiếp phủ nhận những tư tưởng của cha, người đã trở thành một tên phát xít ra mặt, một kẻ sùng bái Hitler nhiệt thành.

Sau này Kim thường nói với tôi rằng, cơ quan tình báo Xô viết đã quan tâm nhiều đến ông khi ông ở Viên. Chưa chắc đã đúng như vậy, mặc dù hẳn là ông có lý do

để cho là như thế. Về phía mình, tôi có đủ tự tin để nói rằng, không phải bạn bè đã tác động và thuyết phục ông trở thành điệp viên cho Liên Xô, mà chính là Litsi như tôi đã nói có vai trò quyết định trong việc này. Không phải là Theodore Mali, điệp viên của NKVD, tuyển mộ ông, và cũng không phải là một người nào khác. Dẫn dắt ông đến quyết định đó chính là vợ ông. Tất nhiên là không công khai. Cô làm việc đó không phải theo chỉ thị của NKVD (Litsi chưa bao giờ là điệp viên của tổ chức này), mà là theo uỷ nhiệm của Quốc tế Cộng sản - tổ chức cộng sản quốc tế do Liên Xô sáng lập, còn gọi là Quốc tế Ba, trong cương lĩnh có nhiệm vụ chuẩn bị cho cách mạng thế giới. Litsi là người của Quốc tế Cộng sản. Cô báo cáo với cấp trên rằng cô đã làm quen được với một người rất thú vị, có thể rất có ích cho sự nghiệp.

Người của NKVD đã gặp Philby một lần ở Viên, nhưng tôi không tin rằng lúc đó là họ tiếp cận ông. Nhưng, sau này khi tôi cùng Philby tưởng nhớ về Litsi, tôi vẫn không thể hiểu vì sao ông luôn không công nhận vai trò của cô trong quyết định của ông.

Vậy là hơn ba mươi năm qua, các nhà báo, nhà văn và các chuyên gia tự xưng đã xây dựng các giả thuyết về việc Philby được tuyển mộ như thế nào. Toàn bộ sự việc này bị lớp màn tin nhảm dầy đặc bao phủ. Ít nhất có năm người suốt những năm qua đã khẳng định rằng, chính họ đã tuyển mộ người điệp viên của thế kỷ.

Chính tôi đã đọc báo cáo của một số nhân viên tình báo. Họ thề rằng họ là người đã lập nên chiến công này. Cũng dễ hiểu thôi. Tình báo viên nào mà chẳng mơ ước làm được điều đó. Nhưng, tất cả những ước đoán trên chỉ là nhảm nhí. Tôi không muốn là người kiêu ngạo, nhưng tôi có đủ dũng cảm để khẳng định điều đó. Ngày tháng, địa điểm, tên tuổi họ nêu ra đều lẫn lộn, không đáng tin cậy chút nào. Còn thực tế lại sáng tỏ như ban ngày! NKVD không có liên quan gì đến việc này, và cũng chẳng có âm mưu kiểu John le Careé nào hết. Xúc động và căm phẫn sâu sắc trước những tội ác thú vật của bọn phát xít ở Viên, Kim Philby đã đi theo con đường của Litsi. Những tư tưởng chính trị tiến bộ, sự cảm tình với chủ nghĩa cộng sản không phải là nguyên nhân chính. Đơn giản, họ chỉ là hai người yêu nhau, cùng căm ghét sâu sắc chủ nghĩa phát xít. Họ đã cống hiến cả tuổi trẻ, lòng gan dạ, trí tuệ và nhiệt huyết của mình cho công cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít ở Đức, Italia, Anh và ở các nước khác đang ngóc đầu dậy.

Và dù Theodore Mali, một trong những điệp viên hoạt động bí mật tốt nhất của ta, không phải là người tuyển mộ Philby, ông cũng không bỏ sót Kim khỏi tầm quan sát của mình. Mali là một trong các điệp viên của ta ở phương Tây hồi trước chiến tranh, được cử đến nhiều nước dưới hình thức người nước ngoài. Từng là

một linh mục, sau đó là xạ thủ trong quân đội Áo - Hung, Mali đã từ bỏ tôn giáo và chuyển niềm tin sang chủ nghĩa cộng sản. Từ Nga, đầu tiên ông tới Đức, và khi Hitler lên nắm quyền thì ông sang Viên, có mặt ở đó khi Philby xuất hiện.

Tại các buổi mít tinh ở Viên mà Philby và Litsi cũng có mặt, Mali đã hùng hồn thuyết phục người nghe rằng, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quốc xã phải được tiến hành cả ở ngoài biên giới nước Đức, và ông kêu gọi hãy làm tất cả những gì có thể để chặt đứt vòi bạch tuộc của bọn quốc xã đã vươn sang các nước láng giềng. Mali nói nhiệt thành và rất thuyết phục. Đôi vợ chồng trẻ lắng nghe với một niềm thán phục.

Tháng Năm năm 1934, Kim Philby quay về Anh và đưa Litsi theo. Họ sống ở nhà bà Dora, mẹ của ông, tại Hampstad. Thường là mẹ chồng nàng dâu ít khi hoà thuận, nhưng Dora và Litsi nhanh chóng trở thành bạn bè và đồng minh của nhau.

Vừa đến London, Litsi đã liên lạc ngay với các đảng viên cộng sản ở đây và liên hệ chặt chẽ với Edit Tudort-Hart. Hai vợ chồng Philby gặp gỡ cả với những người cộng sản tích cực khác, trong đó có các điệp viên NKVD. Họ báo cáo với Trung tâm về người thanh niên đã hoạt động tích cực trong thời gian xảy ra các sự kiện ở Viên và giờ đây tiếp tục làm việc ở Anh. Một ứng cử viên thích hợp để tuyển mộ.

Cần phải nhấn mạnh rằng, mặc dù có ý kiến xác

nhận, nhưng không phải Burgess hay bất kỳ một người nào khác trong số các điệp viên Nga của ta đã thu hút Philby đến với hoạt động của cơ quan tình báo Xô viết. Đó lại là Litsi. Qua cô bạn Edit của mình, cô đã giới thiệu Kim với Arnold Doich, người mới đến London. Ngay từ khi còn ở Viên, Kim đã biết tổ chức chống phát xít bí mật gần gũi với Quốc tế Cộng sản này quan tâm đến mình. Và tại nước Anh, được Doich giác ngộ, ông đã bắt đầu hoạt động bí mật, coi như mình làm việc cho một chi nhánh của Quốc tế Cộng sản.

Cũng như Mali, Doich là một điệp viên hoạt động bí mật. Là một người Áo gốc Do thái, ông nghiên cứu rộng rãi các vấn đề phân tâm học và tham gia vào hoạt động của nhà phân tâm học Wilhelm Reich. Doich gặp Mali đầu những năm 20, năm 1924 gia nhập Đảng Cộng sản, và đến năm 1933 thì cùng vợ qua một khoá đào tạo tại NKVD để chuẩn bị cho hoạt động bí mật. Sau đó ông được phái đến Paris, rồi tới Anh với tên thật, dưới danh nghĩa nhà bác học người Áo. Trong năm 1934, Arnold Doich đã nhiều lần gặp gỡ với Kim Philby. Nhưng Doich không phải là người được Trung tâm giao nhiệm vụ phối hợp hoạt động với Kim. Ai là liên lạc của ông lúc đó, tôi không xác định được.

Kim bắt tay vào nhiệm vụ đầu tiên: tuyển mộ một hai điệp viên để thành lập nhóm tình báo đầu tiên. Tháng Năm, ông đến Cambridge. Gặp Guy Burgess ở đó, Kim kể lại những sự kiện mùa đông ở Viên và việc mình tham gia vào đó. Cuối cùng ông đã thuyết phục

được Burgess gia nhập nhóm của mình. Người ta nói rằng Guy do một điệp viên Liên Xô nào đó tuyển mộ. Hoàn toàn không phải như vậy. Ở đây, chính Philby đã đóng vai trò quyết định, vào tháng Năm năm 1934. Trước khi bắt tay vào việc, Kim đã thảo luận tỷ mỷ về Burgess với người liên lạc của mình và với Arnold Doich, lúc đó mang bí danh "Otto". Cuộc gặp gỡ giữa Burgess và Doich diễn ra vài tuần sau đó, tại một quán bar ở London.

Một thời gian sau, nhóm nhỏ bé này có thêm một "tân binh" nữa. Trước đó Philby đã đề nghị Burgess tìm thêm ai đó trong số bạn bè mình cho nhóm, và Burgess đã chọn Anthony Blunt.

Ngoài việc tuyển mộ những người mới cùng chí hướng người liên lạc của Philby còn giao cho ông tìm cách thâm nhập vào cơ quan an ninh của Chính phủ, nơi đó hẳn phải có những phần tử thân phát xít. Phải tạo dựng được lòng tin đối với những kẻ này. Philby lập tức viết đơn đề nghị nhận ông vào làm ở đây và đưa ra đảm bảo là lời giới thiệu của một giáo viên dạy kinh tế cũ của mình - Dennis Robertson, cộng thêm sự ủng hộ của người cùng họ với ông này - Donald, một người bạn của cha mình. Ông đến thăm cả hai người, họ đã đồng ý nói hộ Kim nhưng rồi lại thay đổi ý định. Chưa đầy một tháng sau, Philby nhận được thư của Dennis Robertson, trong đó ông này nói lấp lửng kiểu Anh

truyền thống với Kim rằng, sự nhạy cảm cao độ đối với những bất công chính trị có thể khiến Kim không thích hợp với công việc trong môi trường Chính phủ này.

Kim Philby hiểu ra ngay, nguyên nhân là do quá khứ thân cộng sản của mình. Ông không cố xin nữa, mà rút lại đơn của mình, và quyết định tạm thời gác lại ý định vào làm tại cơ quan nhà nước. Đồng thời, từng bước nhưng có phương pháp ông cắt đứt mối liên hệ của mình với Đảng Cộng sản. Với tất cả những người có dịp trò chuyện, Kim đều nói rằng, theo ông, những tư tưởng cộng sản đã không còn đất sống nữa. Bắt đầu từ thời gian này, ông theo đuổi một mục tiêu dễ dàng hơn - chiếm một vị trí nhất định trong xã hội thượng lưu ở London.

Chính vào lúc này, người liên lạc đã cho Kim biết cấp trên thực sự là ai. Có một điều đáng nhắc đến là sau khi được biết mình làm việc cho ai, Philby có thái độ bình thản. Tôi nghĩ Kim đã đoán ra từ lâu. Người liên lạc yêu cầu ông tập trung chú ý vào nước Đức và đi đến đó để thu thập thông tin có thể được sử dụng để chống lại chế độ quốc xã.

Cho dù có bằng tốt nghiệp Cambridge, Kim khá khó khăn vất vả khi tìm việc. Ông muốn thử sức trong ngành báo chí và thỉnh thoảng viết bài cho tạp chí "Reviews of Reviews" ở London. Kim biết là làm công việc này thì khó mà có thể thu thập được điều gì có ích cho cuộc đấu tranh chống phát xít. Nhưng qua các mối

quan hệ của cha mình ông đã lọt được vào nhóm của bà Astor, nơi tập trung những kẻ có thiện cảm với chủ nghĩa quốc xã, và gia nhập Hội hữu nghị Anh - Đức. Việc đó tạo cơ hội cho Kim làm quen với Joachim phon Ribbentrop, đại sứ của Hitler tại London, Bộ trưởng ngoại giao tương lai của Đệ tam đế chế. Họ đã có quan hệ tốt, thậm chí thân tình. Ribbentrop rất thích Philby, giới thiệu ông cho Josef Goebels - Bộ trưởng Tuyên truyền của Hitler, đề nghị tên này tìm cho Kim một việc ở Đức. Philby đến Đức và ra mắt Goebels, phỏng vấn hắn. Việc này không đưa lại kết quả cụ thể, nhưng Kim không lùi bước.Cha Kim giới thiệu ông với giáo sư Hauschofer, tổng biên tập của "Địa chính trị" một tạp chí chính trị Đức có tầm cỡ tuyên truyền cho tư tưởng về một trật tự mới trên thế giới của Hitler.

Công việc của Philby bắt đầu mang lại kết quả. Thứ đầu tiên ông chuyển cho người liên lạc là bản danh sách các phần tử ủng hộ quốc xã trong các cơ quan cao cấp của Chính phủ và các phe nhóm chính trị trong giới quý tộc nước Anh. Kèm theo bản danh sách là lược thuật quan điểm của các nhà kinh doanh và hoạt động chính trị về chủ nghĩa quốc xã cũng như những nhận định của họ về Hitler.

Đến giữa năm 1935, Kim Philby và Doich ("Otto") bắt đầu làm việc cùng nhau. Đầu năm 1936, bên cạnh Doich có thêm Theodore Mali. Ông này đến Anh dưới vỏ bọc một nhà hoạt động ngân hàng được trọng vọng, ngài Paul Hardt. Mali có trách nhiệm kiểm tra chung

tất cả các hoạt động bí mật của Liên Xô trên lãnh thổ nước Anh. Trong thời gian ngắn ngủi xuất hiện ở Anh, ông mấy lần thay đổi tên họ. Trong vòng mấy tháng, Mali chính thức làm việc trong cơ cấu của Đại sứ quán Liên Xô. Cơ quan phản gián Anh không nhìn ngó gì đến ông cả.

Mali và Doich là những điệp viên chuyên nghiệp đẳng cấp cao và tuyệt nhiên không muốn lấy thông tin bằng bất kỳ giá nào. Họ hiểu, Kim Philby là một báu vật nhưng không thể thúc giục hay đòi hỏi ông phải thiết lập ngay những mối quan hệ cần thiết hay tìm một vị trí cho mình trong tầng lớp xã hội Anh, nơi ông có thể có ích hơn cho tình báo Xô viết.

Nhưng Kim vẫn bắt đầu tích cực tìm cho mình một công việc không chỉ vì tiền bạc, mà còn giúp ông tiếp cận với thông tin liên quan đến nước Đức. Năm 1936, ông tới Berlin để củng cố mối quan hệ của mình với những tên quốc xã cấp cao. Tại đây, Kim biết nội chiến[1] đã nổ ra ở Tây Ban Nha, và ông quay về London.

"Otto" đề nghị ông chuyển hoạt động về Tây Ban

---

(1). Nội chiến nổ ra ở Tây Ban Nha năm 1936, khi cuộc bạo loạn phát xít - quân sự được Italia và Đức ủng hộ do tướng Franco cầm đầu bùng lên tại nước cộng hoà này. Trong thời gian nội chiến các đội quân quốc tế đã được thành lập. Tháng Ba năm 1939, nền cộng hoà tan rã, chế độ độc tài phát xít được thiết lập ở Tây Ban Nha.

Nha, địa bàn mà Liên Xô mau chóng tham gia tích cực nhất vào tình hình của nó. Kim phải lọt vào được hàng ngũ thân cận của Franco.

Đó là nhiệm vụ đặc biệt khó khăn, bởi Franco, kẻ tự xưng là caudilio (thủ lĩnh), rất ngờ vực những người đến Tây Ban Nha từ các nước phương Tây, đặc biệt là từ Anh và Pháp. Hắn cho người Anh hay người Pháp nào cũng là chiến sỹ tình nguyện quốc tế. Vì vậy Franco chỉ cho phép một số lượng hạn chế nhà báo từ các nước này được vào Tây Ban Nha. Philby phải mở một "chiến dịch" rất thận trọng để gây được lòng tin đối với mình. Và ông lại cầu cứu đến cha, thề rằng, đã thôi đùa rỡn với những người cộng sản và cương quyết làm một bình luận viên quốc tế.

Harry San-Jan đã mắc mưu. Ông ta đã sử dụng tất cả mọi ảnh hưởng của mình để xin thị thực cho Kim. Ở Tây Ban Nha ông ta có một người bạn thân - bá tước Alba, lúc này đang ở Anh với tư cách người đại diện của chính quyền Franco. Bá tước đã chạy vạy giúp đỡ Kim, và đến tháng 2-1937, Philby nhận được thị thực cho phép nhập cảnh vào lãnh thổ bị các lực lượng dân tộc chủ nghĩa của Franco kiểm soát.

Tại Tây Ban Nha, Philby cảm thấy như ở trong môi trường quen thuộc của mình. Kim viết một số bài báo xuất sắc, được tổng biên tập báo "Times" chú ý đến. Ông ta nhận ngay Kim về làm phóng viên quân sự của báo.

Sau này Philby kể lại với tôi, sự nghiệp tình báo của ông suýt nữa thì kết thúc tại Tây Ban Nha. Một lần đến một thành phố nhỏ, Kim quên không đến trình diện ở đồn cảnh sát địa phương. Giữa đêm khuya, đội lính tuần tra bất ngờ dựng ông dậy khỏi giường. Trong túi quần của Kim có giấu mảnh giấy ghi mã số để liên lạc với NKVD. Philby bị áp giải đến đồn cảnh sát. Dọc đường ông nghĩ nát óc cách làm sao huỷ được mảnh giấy nguy hiểm kia đi. Khi chúng lục soát người Kim, ông cố ý vứt cái ví ra bàn sao cho nó trượt rơi xuống sân. Bọn cảnh sát nhào theo cái ví, còn Kim, lợi dụng cơ hội, lén nuốt chửng mẩu giấy tai hại kia đi.

Vụ rắc rối thứ hai xảy ra với Philby ở Tây Ban Nha lại mang lại thắng lợi cho điệp viên tài ba này: ông đã chiếm được lòng tin của chính Franco, điều đó đã lấn át, ít nhất là trong một thời gian, vết tích tai hại của thời thanh niên gần gũi với phe cộng sản. Kim cùng ba nhà báo khác đi ra vùng tiền tuyến, và một quả đạn pháo rơi trúng xe của họ. Một nhà báo chết ngay tại chỗ, sau đó hai người bạn đồng hành nữa của Philby chết vì vết thương còn chính Kim lại chỉ bị xây xước nhẹ. Kết quả là Philby đã trở thành anh hùng trong mắt những kẻ dân tộc chủ nghĩa, và Franco đã đích thân gắn lên ngực ông huy chương "Thập tự Đỏ vì lòng Dũng cảm trong chiến đấu". Phần thưởng rất đúng lúc cho công việc tiếp theo của Philby, giúp ông thâm nhập vào giới chóp bu của phong trào dân tộc chủ nghĩa Tây Ban Nha.

Nhờ có sự kiện này, Kim đã khai thác được những tin tức có giá trị về những con số cụ thể Italia và Đức chi viện cho Franco. Italia gửi bộ binh đến Tây Ban Nha, còn Đức thì cung cấp một số lượng máy bay khá lớn.

Khi ở Tây Ban Nha, Philby đã đề nghị với NKVD: ông xin được đích thân trừ khử Franco. Tôi không biết phản ứng đầu tiên của Trung tâm trước ý kiến này như thế nào, nhưng sau họ cấm ông có những hành động tương tự, hẳn là vì thời kỳ đó trong kế hoạch trước mắt của NKVD là những công việc quan trọng hơn. Trước khi kết liễu Franco, Liên Xô quyết định đập tan các lực lượng cực tả - phe Troskis và phe quân phiệt trong Đảng Công nhân thống nhất ở Tây Ban Nha.

Thời gian này Philby làm quen với Fransis Lindsay-Hogg, thường gọi là Banhi, vợ một nam tước Anh. Bà đã sống vài nằm ở Tây Ban Nha và giao du với giới hoàng tộc và phe Franco. Banhi trở thành tình nhân của Philby, một người đồng phạm bất đắc dĩ trong hoạt động bí mật của ông.

Và như vậy Banhi đã phá vỡ cuộc sống gia đình của ông. Kim thường xuyên đi từ Tây Ban Nha sang Bồ Đào Nha để từ đây chuyển đi thông tin của mình, và đôi khi gặp Litsi tại Lissbton, cô đã chủ động đến đó để được gặp chồng. Bản năng đã nhanh chóng mách bảo cho Litsi rằng chồng cô đang phản bội cô.

Khi Philby quay về London hai vợ chồng không cãi cọ nhau. Họ vẫn là bạn bè, nhưng không thể sống chung với nhau được nữa. Kim vẫn làm việc cho tờ "Times", nhưng sau khi quay về Tổ quốc, địa vị của ông trong tờ báo giảm sút rõ rệt. Nếu trước đây, bài của Kim chiếm hàng mấy trang báo, thì giờ đây chúng khô quắt lại trong một cột báo nhỏ hẹp. Thêm vào đó, Philby lại dường như không có việc gì để làm: Theodore Mali và Arnold Doich đã bị gọi về Moscow. Cả hai người đều biết điều gì đang chờ đợi họ. Nhưng mặc dù vậy họ vẫn chấp hành mệnh lệnh. Nhiều điệp viên khác cũng hành động như vậy.

Một số người bất tuân và bỏ trốn. Trong đó có Lev Lazarevich Pheldbin (ông ta chính là Aleksandr Orlov, là Nikolski). Vào đầu tháng Bảy năm 1938, Orlov, đại diện chính của NKVD tại Tây Ban Nha lúc đó, bị gọi về Moscow. Cảm thấy "gió từ chiều nào thổi tới", ông cùng với vợ và con gái rời sang Canađa, mang theo số tiền quỹ 22.000 đôla Mỹ, sau đó sang sống ở Mỹ.

Orlov, biệt hiệu ở Moscow là "Người Thuỵ Điển", giữ một vị trí quan trọng ở NKVD và được tiếp cận với những thông tin cực kỳ có giá trị. Năm 1936, trong thời gian chiến tranh du kích ở Tây Ban Nha, là một điệp viên ngầm, ông ta đã lập những đội du kích hoạt động trong hậu phương quân Franco, và tổ chức những chiến dịch tình báo cho phe cộng hoà.

Để bảo vệ mình khỏi sự truy bắt, Orlov đã gửi một

bức thư cho một luật sư Mỹ, trong đó có bản danh sách gồm khoảng 100 tên tuổi các điệp viên của Liên Xô, hoạt động tại nhiều nơi trên thế giới. Người luật sư cho biết, ông chỉ được mở thư trong trường hợp Orlov bị chết một cái chết không tự nhiên.

Sau đó Orlov thông báo với NKVD về biện pháp ông sử dụng để phòng vệ của mình. Và bằng cách đó đã cứu sống mình. Cuối cùng bản danh sách đó (nếu quả thực là ông ta biết rõ tên tuổi các điệp viên) trở thành tấm lá chắn đáng tin cậy cho cuộc đời ông. Sau này Orlov có hợp tác với cơ quan tình báo Mỹ, nhưng rất hạn chế, và không lộ với họ một cái tên quan trọng nào.

Chắc chắn Orlov biết bí danh của Philby, Burgess, Maclean, Blunt và "X", nhưng ông ta không ngờ rằng, cũng như không một ai trong NKVD năm 1938 có thể ngờ, chỉ ít lâu sau, năm con người trẻ tuổi đó sẽ trở thành những mắt xích hiệu quả nhất trong ngành tình báo của Liên Xô. Khi Orlov bỏ trốn, năm người còn chưa cung cấp được một thông tin bí mật quan trọng nào.

Philby phải chờ đến đầu Đại chiến thế giới lần thứ hai, tháng Chín năm 1939, mới lại tìm được cho mình một công việc thú vị. Ông được cử đi biệt phái tại Bộ Tổng tham mưu các lực lượng viễn chinh Anh tại Arrase (Pháp) với tư cách là phóng viên quân sự của tờ "Times". Ông lưu lại đây cho đến tháng Sáu năm 1940.

Sau chiến dịch Dunkerk[1] Kim quay về London, tiếp tục làm việc ở "Times", chờ đến lượt đi quân dịch. Bạn ông, Guy Burgess, năm 1939 đã có một chức vụ cố định trong cơ quan tình báo Anh, cho ông một lời khuyên chí lý:

"Hãy nhanh chóng tìm một công việc kha khá, nếu không thì chưa kịp ngoảnh đi ngoảnh lại anh đã ở ngoài mặt trận rồi, chúa mới biết là ở nơi nào, và anh sẽ không thể mang lại lợi ích gì cho chúng ta cả".

Khi Burgess nhắc đến một công việc "kha khá", Kim dễ dàng đoán ra bạn mình muốn nói gì.

Không nghĩ ngợi lâu, Philby viết đơn xin vào trường Mật mã quốc gia tại Blechli Park, cách Oxfocd hai mươi dặm. Trưởng phòng nhân sự của trường này, cựu giáo sư Trường Đại học Tổng hợp Cambridge, đã kiểm tra trình độ và lập tức đề nghị Kim làm việc. Nhưng Philby từ chối: lương trả quá thấp. Thời gian của Kim còn lại rất ít, bất cứ ngày nào cũng có thể có lệnh động viên. Ông đã nhận được giấy gọi đến khám sức khoẻ. Đến lúc này Burgess lại xuất hiện và đề nghị bạn thử xin vào cơ quan ông đã từng làm việc - phòng "D" cục MI-6[2].

---

(1). Chiến dịch Dunkerk diễn ra từ 26-5 đến 4-6-1940 đã rút toàn bộ lính Anh, Pháp và Bỉ ra khỏi khu vực phát xít Đức bao vây ở vùng Dunkerk (Pháp) về nước Anh.

(2). MI-6 thường được gọi là Cục tình báo Anh, - cục Sáu của cơ quan tình báo quân sự và do thám mật của Anh "Secret intelligents service" (SIS).

Phòng này chịu trách nhiệm đào tạo các chuyên gia về tuyên truyền, phá hoại ngầm và nội gián. Ông cho rằng, Philby có thể phụ trách khoá học về chính trị hiện đại, bởi Kim đặc biệt quan tâm đến môn này.

Là một nhà ngoại giao tinh tế, Burgess không giới thiệu Philby trực tiếp với cấp trên của mình, mà đến gặp trưởng phòng nhân sự Marjore Max, đề nghị tìm một giáo viên có thể giảng về chính trị Đức và khoa học tuyên truyền, cho công tác đào tạo học viên. Ít lâu sau Burgess lại nói, ông có nghe nói đến một người thích hợp cho mục đích này, một cựu phóng viên của báo "Times", đã viết bài về Tây Ban Nha trong thời gian nội chiến, khá hiểu biết về phương pháp tuyên truyền của Đức. Burgess hành động rất thận trọng, tỏ ra hoàn toàn không có ý định tác động đến quyết định của Marjore Max. Đơn xin việc của Kim được xem xét, và Philby được mời đến cuộc gặp gỡ bí mật đầy chất kịch tại một ngôi nhà bỏ không, cửa sổ và cửa ra vào thủng lỗ chỗ. Trong căn buồng áp mái bé tí xíu Marjore đã phỏng vấn Kim. Bà ta cố thể hiện mình là một người am hiểu sâu sắc, chuyên nghiệp của ngành phản gián Anh, nắm vững tất cả các uẩn khúc của nó. Philby gặp gỡ bà ta hai lần. Cuộc gặp gỡ thứ hai có cả Burgess chứng kiến.

Philby dễ dàng gây được thiện cảm với Marjore bằng dòng dõi xuất thân hoàn hảo và phong cách lịch thiệp

của mình, và bà ta đã nhận Kim làm giáo viên trường điệp báo nổi tiếng tại Brikkendonberi Holle, cách Herford không xa.

Philby dạy môn chính trị Đức rất thành công và nhanh chóng gây được uy tín. Học viên của trường, các bạn trẻ chân chất, những người chuẩn bị trở thành các điệp viên quân sự (điệp viên chiến trường), chưa hẳn đã là những người trí thức. Philby đã cố gắng khơi dậy ở họ lòng căm thù chủ nghĩa phát xít và giới quân phiệt Đức, mà chủ yếu là dạy họ cách đập tan luận điệu tuyên truyền chủ nghĩa quốc xã. Ông biết cách tác động đến các học viên của mình.

Nhưng việc thâm nhập vào lĩnh vực phản gián Anh kiểu đó không làm NKVD hài lòng. Trung tâm muốn vào được Blechli Park kia. Nhưng việc đó chẳng dễ dàng chút nào. Ngay cả Burgess cũng bất lực ở đây. Ông cố gắng giúp đỡ Philby, khen ngợi Kim với các bạn bè có cỡ của mình trong ngành tình báo, nhưng vẫn không có kết quả gì cả.

Dù sao vị trí đầu tiên của Kim cũng đưa được ông vào vòng cấm của cơ quan tình báo và tạo điều kiện cho ông làm quen với một loạt các điệp viên, các giáo viên tại Brickendonberi Holle, sau đó là ở trường Belu tại Hampsire, nơi ông được cử tới sau khi phòng "D" sáp nhập với một bộ phận hoàn toàn mới "SOE" (Phòng các chiến dịch đặc biệt).

Philby biết cách chiếm được lòng tin. Ông thường uống bia với các đồng nghiệp, đi chơi đâu đó cùng họ hoặc chơi các trò chơi khác nhau, và không giấu diếm họ những quan điểm của mình.

Đúng lúc đó xảy ra một sự kiện, dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng cho tương lai của quan hệ Anh - Xô. Ngày 10-5-1941 trợ thủ thân tín nhất của Hitler - Rudolf Hess - đã bí mật bay đến và nhảy dù xuống Scotland. Ông ta muốn thoả thuận về hoà bình giữa Anh và Đức. Ông ta làm việc đó theo lệnh của chính phủ hay không phải như vậy, chúng ta chắc không bao giờ biết được, nhưng phản ứng của Chính phủ Anh rõ ràng đến độ Liên Xô bắt đầu phải nghi ngờ.

Chuyến công du của Hess làm Kremli phải đau đầu thật sự, bởi một hiệp ước giữa Anh và Đức sẽ có nghĩa là những hậu quả nặng nề cho Liên Xô. Các nhà ngoại giao Nga coi hành động của Anh là bất nhã và vô cùng khó hiểu. Liên Xô kết luận rằng, người Anh đã thương lượng với Hess một cách bất cẩn, và đã quá coi trọng những đề nghị của ông ta, cho dù họ đã tuyên bố công khai, dường như Hess đã bị bắt và nói chung là tâm thần không bình thường.

Philby đã nỗ lực hết sức để tìm hiểu chi tiết vụ việc này, nhưng không đạt kết quả gì cả.

Trong số các đồng sự của Philby ở Brickendonberi Holle có Tommy Harris, một nhân viên của MI-6. Họ chơi thân với nhau. Harris là một người giàu có, chủ

một cửa hàng bán tranh và đồ cổ. Đến những năm 70, khi Philby đã sống ở Moscow, Harris có gửi tặng ông một chiếc bàn khảm lắp ghép đẹp tuyệt - một báu vật. Philby đã vô cùng kiêu hãnh đưa nó cho tôi xem. Harris không ác cảm với Kim vì hoạt động gián điệp của ông, mặc dù chính Harris là người đã giúp đỡ Philby đi lên trên bậc thang sự nghiệp ở cơ quan tình báo Anh. Đó là vào tháng Bảy năm 1941, một tháng sau chiến dịch "Barbarosa" cuộc tấn công bất ngờ của nước Đức vào Liên Xô.

Dưới sự thúc ép ngày một tăng của người liên lạc mới "Henry" (tên thật của ông là Anatoli Borisovich Gorky), Philby đã, như người ta nói, lấy mũi mà cày đất, để mong được chuyển sang Blechli Park đầy mơ ước, có nghĩa là sang nơi ông có thể tìm ra cách tiếp cận với những thông tin quan trọng. Ở đây Kim sẽ có cơ hội lớn để trở thành một điệp viên hiệu quả, bởi nếu vào được cơ quan đó, Kim sẽ có thể lên được đến đỉnh cao nhất của nó. Ngoài những ưu điểm khác, Kim nói tốt được mấy ngoại ngữ, am hiểu về nước Pháp, Tây Ban Nha và Đức. Khi Harris giới thiệu Philby cho phòng nhân sự của MI-6, ông có nói qua rằng cha của Kim là bạn của Valentin Vivian, một người trong số lãnh đạo phòng 5 (phòng phản gián). Vivian là một sĩ quan hàng đầu và rất thông minh - một người am hiểu tuyệt vời nghề tình báo. Ông đã từng phục vụ ở Ấn Độ và vì vậy biết Philby - cha rất rõ. Khi ông nghe thấy bên nhân sự

bàn tán về ứng cử viên Philby nào đó, ông liền hỏi thăm ngay và sau khi biết rằng Kim là con trai của Harry San-Jan, ông liền gọi Kim đến gặp. Hai người thấy hài lòng về nhau và Philby được nhận vào ngay.

Thời gian đó Kim lại có một mối tình say đắm. Lần này là với Ilen Firs, một nhân viên lưu trữ của MI-6. Kim tâm sự với Valentin Vivian rằng mình đã chia tay với Litsi. Lúc này cô sống ở nơi nào đó trong đất liền, tiếp tục hoạt động cộng sản. Kim nói, anh đã mấy năm nay không có liên hệ gì với cô, và không giấu diếm ai rằng anh sẽ cưới Ilen ngay sau khi ly dị xong với Litsi. Sau khi đứa con đầu lòng ra đời Kim và Ilen thực lòng muốn lấy nhau, nhưng Philby không muốn là người hai vợ và quyết định chờ đến khi chiến tranh kết thúc, để ly dị chính thức Litsi. Với Ilen ông rất hạnh phúc, nhưng ngay cả trong những giây phút riêng tư nhất của cuộc sống, Kim vẫn không quên nghĩa vụ điệp viên của mình. Ilen được phép tiếp xúc với hồ sơ lưu trữ và Philby đã lợi dụng điều đó để đọc các hồ sơ về những điệp viên Anh hoạt động ở nhiều nơi trên thế giới. Lập được một danh sách về họ, ông đã gửi nó về Lubianca. Những tin tức này vô cùng quan trọng đối với Liên Xô, vì thế Philby được đánh giá rất cao và kính nể ở cơ quan tình báo Xôviết.

Tôi phải lưu ý rằng, trong bản danh sách của Philby, không cớ một cái tên cụ thể nào hết. Mỗi một điệp viên

đều đánh dấu bằng 5 chữ số, ký hiệu tên nước nơi anh ta làm việc, và bằng số hiệu riêng. Không thể đoán ngay được những người này là ai. Chúng tôi kiên trì chậm rãi giải mã ra họ tên của họ. Một vài thông tin bên cạnh 5 chữ số hay dấu hiệu cũng giúp thêm cho chúng tôi. Chức vụ của điệp viên, tên thành phố và những nơi họ đã đến, những chi tiết tiểu sử - tất cả những cái đó cho phép các giám định viên của ta xác định chính xác tên tuổi của họ. Chúng ta đang trong tình trạng chiến tranh với nước Đức, nhưng tôi phải nói trung thực rằng, chúng ta quan tâm trước hết đến các gián điệp Anh hoạt động trên đất Liên Xô. Còn về những kẻ từ Nam Mỹ, châu Phi và các lục địa khác thì đơn giản là ta không có thời gian để để ý đến họ.

Thông tin do Philby cung cấp chưa được sử dụng toàn bộ như đáng ra có thể làm. Còn đến khi chiến tranh kết thúc thì đã muộn để lôi nó từ trong lưu trữ ra. Mới đây có tin đồn là bản danh sách của Philby chỉ là những cái tên bịa đặt. Điều đó không đúng. Chỉ nhờ có danh sách này chúng ta mới có được gần như đầy đủ tên các điệp viên của Anh rải rác khắp thế giới.

Vào đầu năm 1942, khi Kim Philby vào làm tại MI-6, cấp trên của ông đã mất nhiều thời gian xem xét xem nên sử dụng ông như thế nào là tốt nhất. Cử ông đến châu Âu bị phong toả, ví dụ như đến Pháp, hay để ông lại London xử lý tình hình nước Đức và Italia? Harris, bạn cùng cơ quan MI-6 với ông đã đưa ra đề nghị thứ 3:

tại sao không để Philby về ban Tây Ban Nha? Trong toàn cơ quan không có một ai am hiểu Tây Ban Nha hơn Kim cả. Thời gian trôi đi. Philby sốt ruột chờ đợi. Cuối cùng ông được bổ nhiệm làm phó cho Felix Kautgila, trưởng phòng 5 và phụ trách ban châu Âu, phụ trách về Tây Ban Nha.

Kim hăng hái bắt tay vào công việc trên cương vị mới, và lao động của ông đã gần như đem lại kết quả ngay lập tức. Ông đã gây thiệt hại đáng kể cho mạng lưới gián điệp của nước Đức trong kế hoạch chọn Tây Ban Nha làm căn cứ cho các chiến dịch do thám chống lại nước Anh. Philby và các đồng nghiệp trong ban châu Âu nhận được những thông tin đã được giải mã qua mạng lưới liên lạc và, hiển nhiên, Philby (hay "Stanly" biệt danh lúc đó của ông tại Lubianca) không giữ toàn bộ thông tin lại cho mình, mà thông báo cho liên lạc viên "Henry" tất cả những gì ông biết được về hoạt động của các cơ quan an ninh Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, cũng như về hoạt động của do thám Đức. Nhóm của ông đã bắt được tin về chuyến đi Tây Ban Nha sắp tới của thủ lĩnh Abver[1] đô đốc Wilhelm Canaris. Tài liệu này chỉ ra tất cả những gì liên quan đến chuyến đi của Canaris - ngày giờ, tên các khách sạn ông ta sẽ nghỉ lại, tên những người ông ta chuẩn bị gặp gỡ.

Philby biết rõ một trong những khách sạn ấy -

---

(1). Cơ quan tình báo quân sự của phát xít Đức (ND).

"Parador" ở Mansanares nằm giữa Madrid và Seville. Mansanares là một vùng quê nhỏ, khá biệt lập, có thể lọt vào đó không khó khăn gì. Philby đề nghị cấp trên trừ khử Canaris.

Kế hoạch của ông được chuẩn bị cẩn thận: tất cả cho thấy rằng nó sẽ thành công. Người Anh biết chính xác ngày chuyến thăm và vị trí "Parador". Chỉ số phòng của đô đốc là chưa rõ, nhưng tìm hiểu tại chỗ không phải là việc khó lắm. Thậm chí Philby còn xác định được địa điểm để sát thủ có thể ẩn nấp và lẩn trốn sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ.

Cấp trên trực tiếp của Philby, đặc biệt là Felix Kaudgill, ủng hộ kế hoạch này. Chỉ còn thiếu sự đồng ý của sếp MI-6 Steward Manzis, nhưng ông này phản đối ngay lập tức. Ông ta phát hoảng lên trước đề xuất đó:

- Tôi cấm các anh không được động dù chỉ một ngón tay đến Canaris. Thậm chí đừng có nghĩ đến chuyện đó! Hãy để ông ta yên! - Manzis nói:

Mọi người trong tổ Tây Ban Nha đều sững cả người. Tại sao họ phải khước từ cơ hội tuyệt vời như vậy để trừ khử tên quốc xã đầu sỏ ấy? Vì sao Manzis lại cương quyết tha bổng cho Canaris, kẻ thù độc ác, mà ông ta chưa gặp bao giờ? Một số nhân viên trong phòng 5 đưa ra giả thuyết rằng, Manzis sợ rồi ông ta cũng sẽ chịu chung số phận. Bởi ông ta giữ một vị trí ở nước Anh y

hệt như Canaris ở nước Đức. Tuy nhiên giả thuyết đó thật khó tin.

Philby lại đưa ra lời giải thích khác. Ông ngờ rằng, giữa MI-6 và cơ quan tình báo Đức có thể có một thông mưu nào đó. Kim không có một bằng chứng nào, nhưng trong thông báo của mình, ông lưu ý với NKVD khả năng đó. Trung tâm rất chú ý việc này và đề nghị Philby gửi những thông tin cụ thể về những năm tháng thanh niên của Canaris, về sự nghiệp và bạn bè của hắn ta. Sau khi nhận được câu trả lời, lãnh đạo của chúng ta đã có kết luận rằng, viên đô đốc quốc xã luôn có quan hệ mật thiết với người Anh, biết họ khá rõ và nói chung là có nhiều điểm chung với họ. Trước khi có báo cáo của Philby, không ai có ý nghĩ ấy trong đầu, nhưng sau khi phân tích tất cả các sự kiện mà ông thông báo, chúng ta đi đến kết luận rằng, mối liên hệ giữa Canaris và MI-6 là hoàn toàn có thể và thậm chí hiển nhiên. Đó lại là một nguyên nhân nữa khiến chúng ta không thể tin cậy các đồng minh Anh của mình. Phỏng đoán của Philby đã được khẳng định. Thời gian cho thấy rằng Canaris và cơ quan tình báo Anh đã có những quan hệ sau lưng Hitler. Tháng 7 năm 1944, Canaris đã bị treo cổ vì bị nghi ngờ là có dính dáng đến vụ mưu sát quốc trưởng.

Âm mưu của những kẻ hoạt động nhà nước quốc xã riêng lẻ muốn đạt được hoà bình cá nhân với người Anh

và người Mỹ (có thể dẫn đến hậu quả là thay đổi thành phần phe đồng minh, trường hợp này là đặt nước Đức vào cùng một phe với họ chống lại Liên Xô) đã gây cho lãnh đạo nhà nước Liên Xô mối lo lắng lớn. Cho đến cuối cuộc chiến tranh, năm 1944, chúng tôi nhận được thông tin, được khẳng định sau đó, về việc người Anh và người Mỹ quả là đã có những cuộc thương lượng riêng lẻ với Đức. Người Mỹ hoạt động công khai, còn người Anh thì bí mật thông qua Thuỵ Điển. Như vậy là Philby đã đúng khi suy luận về mối liên hệ bí mật của người Anh với người Đức.

Tại tổ Tây Ban Nha, Kim thể hiện mình là một nhân viên cần cù và đắc lực. Những thành tích nổi bật của ông chính là nhờ những phẩm chất đó. Các đồng sự khác sau giờ làm việc thì vội vã về nhà, còn Kim thì ngồi lại phòng làm việc đến khuya. Và không chỉ vì Kim có nhiều việc, mà còn vì ông yêu thích nó. Khả năng làm việc và tính tập trung của ông đã gây được ấn tượng tốt đẹp không chỉ với người Anh mà còn với chúng tôi ở NKVD. Sau này khi đã sang nước Nga, ông luôn hoàn thành bất kỳ nhiệm vụ nào của chúng tôi, rất nhanh và thành thạo, đó là phong cách của ông.

Cấp trên không thể phàn nàn gì về ông được. Ông biết chính xác làm thế nào để vừa lòng những người xung quanh. Ví dụ, Valentin Vivian đã có lần nói:

- Trong cơ quan ta, tôi có thể nói, Philby là người

duy nhất hoàn toàn không có kẻ thù. Ai cũng có một - hai kẻ ghen tỵ và không có thiện cảm. Riêng Philby thì không.

Valentin Vivian có uy tín lớn, tên tuổi ông được nhiều người kính trọng. Trước kia ông đã làm việc trong cơ quan cảnh sát ở Ấn Độ, tương lai ông sẽ là Phó cục trưởng MI-6. Vivian biết rõ các điệp viên mật của Anh, công việc và cách suy nghĩ của họ hơn bất kỳ người nào.

Ngoài công việc hàng ngày, Vivian còn dành nhiều thời gian để suy tính về các dự án sẽ phải tiến hành ngay sau cuộc chiến tranh. Một số tài liệu được soạn thảo dưới sự lãnh đạo của ông ta cho thấy, sau khi kết thúc chiến tranh với nước Đức, Liên Xô sẽ trở thành kẻ thù số một của Tây Âu. Vivian cho rằng Chính phủ Anh phải thi hành ngay những biện pháp chống lại tính bành trướng ngạo mạn của Liên Xô và nói chung là bắt đầu cuộc đấu tranh tích cực chống lại ảnh hưởng cộng sản ở châu Âu và các quốc gia khác trên thế giới. Với mục đích này, ông ta đã đề nghị thành lập phân ban chuyên chống cộng sản. Thậm chí ông ta còn dự lập cơ cấu của ban đó, tất nhiên là nằm trong cơ quan tình báo. Trong các báo cáo Vivian đặc biệt nhấn mạnh các phương pháp có thể sử dụng để chống lại tình báo Xô viết, áp dụng trong cuộc đấu tranh chống lại sự tuyên truyền của hệ tư tưởng cộng sản. Ông ta đưa ra những kỹ thuật và biện pháp khiêu khích và gây rối hoạt động của các đảng phái. Tất cả những báo cáo Vivian chuẩn

bị để trình chính phủ phê chuẩn này, ông ta cất giữ trong một cái cặp đặc biệt. Chúng ta biết về nó và rất muốn được làm quen với các tài liệu cất trong đó. Người ta hỏi Philby, liệu có làm việc đó được không và nhận được câu trả lời khẳng định. Kim đã thành công trong vụ này vượt quá mọi mong đợi của chúng ta mà không hề gặp một mạo hiểm nào cả.

Khi tài liệu của Vivian đã nằm ở Lubianca, nó ngao du từ trưởng ban này đến trưởng ban khác, nhưng cũng thường nằm bên bàn tôi một vài giờ. Tôi hăm hở xông vào chúng. Hồi đó tôi còn trẻ và ít kinh nghiệm để có thể đánh giá khách quan những gì tôi được đọc, nhưng giờ đây khi nhớ lại, tôi hiểu rằng, Vivian đã làm được một khối lượng công việc khổng lồ, phân tích sâu sắc và khách quan tình hình lúc đó. Vivian là chuyên gia tình báo đối ngoại ở đẳng cấp cao.

Tôi đánh giá rất cao cơ quan tình báo Anh: nó luôn luôn giữ vị trí hàng đầu trên thế giới. Cặp hồ sơ với các báo cáo của Vivian được chúng tôi gọi tên là "Cặp Vivian" và được xem như một chiến lợi phẩm quý giá - một bằng chứng chói ngời về công việc hoàn hảo của Kim Philby. Hồ sơ đó hiện nay vẫn còn trong kho lưu trữ của KGB, và những nhân viên ở đây canh giữ nó rất mẫn cán.

Một năm sau khi Philby về tổ Tây Ban Nha, công việc của ông tăng lên khá nhiều. Là trợ lý cho trưởng ban, ông đã mở rộng tầm hoạt động của mình, nhận

theo dõi cả Bắc Phi và Italia. Sau sự việc đó là sự kiện phân ban chống cộng sản, mà Vivian nói tới, được thành lập. Nó được gọi tên là "Tiểu ban IX".

Đó hầu như là tất cả những gì tôi biết về Kim Philby, trước khi tôi đích thân xử lý thông tin của ông và các đồng sự.

*

* *

Hai hồ sơ tiếp theo mà tôi hứng thú nghiên cứu là của Guy Burgess và Anthony Blunt.

Cha của Guy Burgess là sĩ quan trong hạm đội hải quân Hoàng gia. Mẹ là một phụ nữ rất giầu có, bà còn sống đến thập kỷ 60. Guy sinh năm 1910. Tổ tiên đằng nội của ông là cả một hàng dài các tướng và đô đốc, bản thân ông lúc đầu cũng theo con đường hải quân, thi vào trường trung học hàng hải Hoàng gia ở Darmut từ khi còn là một cậu bé.

Cậu học rất giỏi, nhưng đến cuối năm học thứ hai thì đột ngột rời Darmut. Việc này giải thích bằng hai nguyên nhân: bác sĩ của trường đã phát hiện ra Guy bị khuyết tật về thị lực và bảo cậu rằng, cậu sẽ không bao giờ trở thành một sĩ quan hải quân được. (Bản thân tôi không thấy ở ông một chút khiếm khuyết nào về thị lực, cho dù tôi biết rõ Guy trong nhiều năm). Giải thích thứ hai và xác thực hơn cho hành động này là Burgess không thể chịu đựng được thành phố Darmut. Mặc dù

còn ít tuổi nhưng cậu độc lập và bướng bỉnh đến mức đã tuyên bố thẳng với cha mẹ: "Tiếp nhận Guy Burgess là một vinh dự quá lớn đối với hải quân Hoàng gia".

Vì thế cha mẹ đành đưa cậu vào học ở Iton - trường tư dành riêng cho những người giàu sang. Guy học xuất sắc ở trường này. Cậu được giải thưởng Rosebery và Gladston vì thành tích trong môn sử. Sau giờ học ở trường Iton, cậu theo học G.M. Trevian, tác giả cuốn "Lịch sử xã hội Anh", người đã nhận ra ngay ở cậu học trò trẻ tuổi những tư chất của một nhà bác học - nghiên cứu.

Burgess tốt nghiệp trường Iton và được nhận vào Trường Cao đẳng Triniti thuộc Trường Đại học Tổng hợp Cambridge và đến tháng Mười năm 1930 thì vào học ở đó. Lúc này cha ông đã mất, mẹ đi bước nữa. Bà lấy một người mà Guy rất kính trọng.

Tại Cambridge, Guy nhanh chóng trở thành một người nổi tiếng: sức hấp dẫn, tính hài hước vô song và văn hoá của ông đã chinh phục cả giáo viên và sinh viên. Ngoài ra Guy còn rất đẹp trai. Tất cả hợp lại, cộng thêm phong thái tự nhiên, tự tin giữa đám đông khiến Guy được rất nhiều người biết đến. Tất cả đều mong được kết bạn với Guy.

Người hâm mộ Guy nhất là Anthony Blunt. Anthony, một thanh niên trẻ có thân hình vận động viên điền kinh, lớn hơn Burgess ba tuổi và đã hoàn thành chương trình ở trường tổng hợp, có cả một bộ sưu

tập đầy đủ các loại học hàm, học vị về toán, tiếng Pháp và tiếng Đức. Cha ông là tu sĩ giáo hội Anh. Mẹ là một phụ nữ học vấn cao, ngoan đạo, hiền từ nhất trên đời. Bà là chị em họ với bá tước Strasmorski, cha của công nương Elisabeth Bowes Lion, người lấy vua George VI và là mẹ của Nữ hoàng Elizabeth II đương thời. Như vậy là Blunt có họ với Hoàng gia. Và dù ông không bao giờ khoe khoang về điều đó, nhưng dòng dõi quyền quý khiến ông không ít tự hào. Ít nhất là Blunt có phần dè dặt với các sinh viên.

Arthur Wogan Stanly Blunt - cha của Anthony là người thông minh và biết nhìn xa trông rộng, rất được kính trọng trong giới tăng lữ. Ông đã phục vụ mười năm tại giáo hội Anh ở Paris, nơi con trai ông học tiếng Pháp đến nơi đến chốn. Blunt - cha đã cho con một nền học vấn tuyệt vời và truyền sang con nhiều nét tính cách của mình: lòng tự trọng và xét đoán nghiêm khắc về cuộc sống và con người. Anthony đã sống 15 năm ở thủ đô nước Pháp và điều đó đã tác động đến số phận tiếp theo của ông.

Sau khi về đến nước Anh, Blunt thi vào trường Marlboro. Tại đây ông có được nền học vấn tuyệt vời và tiếc thay, không chỉ có điều đó. Chính tại đây, thiên hướng đồng tính luyến ái của ông đã bắt đầu bộc lộ, đến giai đoạn Cambridge thì phát triển. Ông chưa tròn 18 tuổi khi cha mất, điều này khiến Anthony càng gần gũi với mẹ hơn. Anthony đọc nhiều, và mặc những quy tắc

ước lệ của tầng lớp trung lưu, ông ít quan tâm đến chính trị, cho nó là bẩn thỉu.

Niềm say mê nghệ thuật, cụ thể là lịch sử nghệ thuật, đã sớm bộc lộ trong ông. Nhưng, thời gian đó, ở Anh người ta chưa dạy môn lịch sử nghệ thuật trong các trường trung học và đại học. Năm 1926, sau khi tốt nghiệp trung học ở Marlboro, Anthony thi vào Trường Cao đẳng Triniti thuộc Đại học Tổng hợp Cambridge, và, lạ thay, ông không chọn học môn văn và ngôn ngữ, mà chọn môn toán. Hết năm thứ nhất, Blunt được khen thưởng về thành tích trong học tập. Năm học sau, ông chuyển sang hoàn thiện tiếng Pháp và tiếng Đức - hai ngôn ngữ ông đã nắm rất vững. Khi còn chưa nhận được bằng, mới chỉ qua nửa khoá học, Blunt được giải nhất về tiếng Pháp, còn tiếng Đức thì được giải đặc biệt (theo thang điểm của trường cao đẳng).

Những năm đầu tại Cambridge, bệnh tình dục đồng giới của Blunt vốn chỉ âm ỉ trong những năm phổ thông, nay phát triển hoàn toàn. Anthony có một vài mối quan hệ, nhưng ông không muốn công khai nó. Trong chuyện này, cách cư xử của Blunt hoàn toàn đối lập với Guy Burgess, người ông gặp gỡ vào những năm đó. Cả hai chàng trai đều say mê nhau cả về thể xác lẫn trí tuệ.

Blunt trung thành với Burgess đến cùng. Trong bài trả lời phỏng vấn báo "Times" năm 1979, sau khi

Margaret Thatcher chính thức gọi Blunt là gián điệp của Liên Xô, ông đã tuyên bố để bảo vệ bạn mình: "Guy Burgess là một trong những người thông minh nhất mà tôi được gặp. Nhưng đúng là đôi khi anh làm người khác phải căng thẳng thần kinh".

Guy Burgess, bạn bè vẫn gọi thân mật là Jim, là một nhân vật phức tạp. Trí tuệ sắc sảo của con người văn hoá cao đặc biệt này cho phép ông tiếp cận được cả những khái niệm khó nhất. Ý kiến của ông luôn chính xác, độc đáo và rất thú vị. Năm 1932, mặc dù không chỉnh chu trong học hành nhưng Burgess vẫn được điểm cao nhất về môn lịch sử trong học kỳ đầu tiên. Những thiếu hụt trong tính tổ chức và chuyên cần được bù lại bằng cả một dòng thác kiến thức khiến ban hỏi thi phải kinh ngạc.

Thế nhưng ông bắt đầu uống rượu thường xuyên, lại thêm bệnh đồng tính luyến ái bộc lộ rõ rệt. Chính lúc này Blunt dẫn ông đến với hội sinh viên bí mật Apostol. Tại đây ông được Moris Dobb, người dạy môn kinh tế ở trường cao đẳng Pembrok để ý đến. Như đã nói ở trên, Dobb là nhà tuyên truyền chủ nghĩa Mác nổi tiếng, là giáo sư đại học đầu tiên gia nhập Đảng Cộng sản Anh. Chính Dobb đã giới thiệu Guy làm quen với người sinh viên trẻ tài năng Harold (Kim) Philby.

Lúc đó Moris Dobb hẳn không thể nghĩ được rằng, ông đã tạo điều kiện hình thành nên nhóm tình báo có hiệu quả nhất của thế kỷ XX.

Mặc dù có dòng dõi quý tộc và là người trong giới thượng lưu, Guy Burgess có lòng cảm thông sâu sắc với nhân dân lao động. Đang học năm thứ ba, năm cuối cùng của Trường Đại học Tổng hợp (1932 - 1933), ông đã đứng lên bảo vệ những nhân công của trường Cao đẳng Triniti. Họ không biết sống bằng gì trong kỳ nghỉ hè, vì Trường Đại học Tổng hợp chỉ trả tiền công trong năm học. Ông đã tham gia vào cuộc bãi khoá của một nhóm sinh viên và cuối cùng đã kết thúc thắng lợi nghiêng về phía những nhân công. Trường Cao đẳng Triniti thuộc Trường Đại học Tổng hợp Cambridge phải trả tiền cho các nhân viên trong kỳ nghỉ hè. Mãi sau này việc đó mới được thực hiện trên cả nước Anh. Phải nói rằng, Guy Burgess cùng với một số sinh viên nhiệt tình của Cambridge không chỉ tham gia vào các cuộc biểu tình, mà họ còn tổ chức những cuộc mít tinh và đình công của các lái xe buýt thành phố và những người dọn vệ sinh đường phố đòi cải thiện điều kiện lao động.

Nhiều sinh viên Cambridge, dù có lĩnh hội được tư tưởng và lời kêu gọi của Moris Dobb hướng tới cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, chỉ hạn chế ở các cuộc trò chuyện và không làm gì cụ thể. Còn ở Burgess thì lời nói không tách rời với hành động.

Điều kiện xã hội và chính trị của thời kỳ trì trệ đã làm u ám năm học thứ ba của Burgess tại Trường Đại học Tổng hợp, và ông kết thúc nó chẳng mấy vinh quang. Tôi còn ngợ rằng, thậm chí Guy còn không thi

tốt nghiệp vì bệnh nặng vào học kỳ cuối cùng. Việc đó không ngăn cản Guy bắt tay vào viết cuốn sách "Cách mạng tư sản ở Anh thế kỷ XVII", vào quãng năm 1933 - 1934. Đó cũng là tên luận án Guy viết để bảo vệ học vị tiến sỹ. Nhưng cuối cùng Burgess cũng bỏ dở việc đó.

Ông là người đối thoại tuyệt vời, và trong xã hội thượng lưu, ông luôn cảm thấy tự tin, thoải mái. Trí tuệ của Guy đã chinh phục được tất cả. Goronve Riz, một trong những người bạn học gần gũi của ông, nói rằng, Burgess là sinh viên xuất sắc nhất ở Cambridge thời đó. Ông khá độc đoán, biết cách đơn giản buộc người khác phải nghe theo ý muốn của mình và bắt họ phục tùng, mặc dù ông chịu đựng được điểm yếu của người khác.

Mỗi khi nhìn lại cuộc đời Burgess, lần nào tôi cũng thấy khó mà hiểu được, vì sao một sinh viên tài ba xuất chúng như vậy lại có thể hy sinh sự nghiệp sáng chói mở ra trước mắt? Vì sao một nhà quý tộc, một nhà ngoại giao lại đứng về phía chúng ta trong sự nghiệp đấu tranh cho phong trào cách mạng thế giới.

Như trên đã nói, Anthony Blunt và Guy Burgess rất thân thiết, gần gũi nhau trong thời gian ở Cambridge. Guy cố gắng hướng Blunt đến với niềm tin của mình và giúp Blunt trở thành một người cộng sản kiên nghị.

Trong việc này còn có một người nữa giúp Guy - một hội viên hội Apostol, làm thủ thư tại "Trường Trung học Anh tại Rôma" Alister Watson. Cuộc "tấn công" đầu

tiên của họ vào Blunt không đem lại kết quả gì hết. Họ không thuyết phục được Blunt, cho dù, hình như ông tỏ ra chú ý đến tư tưởng của họ. Họ nói chuyện hàng đêm liền tại câu lạc bộ "Pitt" yêu thích của mình, nhưng Blunt vẫn không lay chuyển. Ông từ chối tham gia vào các cuộc mít tinh và biểu tình, và gần như không chờ đợi gì việc ông sẽ tiếp nhận các tư tưởng đó. Nhưng nhiều năm sau, các nhà bác học khi phân tích các công trình của Blunt giai đoạn đó đã đi đến kết luận rằng, lúc này các quan điểm của ông đã mang tính chất mácxít.

Burgess đã nỗ lực không ít và cuối cùng đã thành công trong việc kêu gọi Blunt đứng về phía mình, đưa ông vào nhóm các phần tử chống phát xít cốt cán. Thời điểm quyết định là chuyến đi của Anthony đến Roma năm 1933. Blunt lúc đó đang viết sách về lịch sử và học thuyết nghệ thuật tạo hình Pháp - Italia thế kỷ XIV-XVII, thường xuyên có mặt ở Italia, nơi ông cộng tác với Ellis Waterhauz. Burgess, Blunt và Waterhauz cùng nhau đi dạo quanh thành phố, thăm các viện bảo tàng, thỉnh thoảng vào các quán bar và tổ chức những chuyến đi dài ra ngoại ô. Không ai nói về chính trị, ngoài Burgess, chốc chốc lại đề cập đến Marx. Waterhauz nhận thấy, rõ ràng là Burgess đã chinh phục được Blunt. Lúc này Guy Burgess còn chưa hề có ý nghĩ về hoạt động tình báo cho Liên Xô, hay về cơ quan tình báo, do thám. Tất cả mọi ý nghĩ của ông chỉ

tập trung vào cuộc đấu tranh với chủ nghĩa phát xít. Còn phản ứng của Blunt cùng lắm chỉ thể hiện ở thái độ kiên nhẫn với các cuộc đối thoại về cuộc đấu tranh này. Khác với các bạn cùng học ở Cambridge - Burgess, Maclean và Philby - Blunt chỉ tỏ ra đồng cảm với sự nghiệp của họ.

Mối quan tâm của Blunt đến chủ nghĩa Marx xuất hiện một cách hơi đặc biệt. Burgess đã thức tỉnh nó và chỉ có một mình ông làm được điều đó. Tôi không thể hình dung việc Blunt hoàn toàn đồng ý với những quan điểm của Burgess, mặc dù ông này đã cố gắng bằng mọi cách buộc Blunt phải xem lại một số khía cạnh của lịch sử nghệ thuật và mối liên hệ của chúng với cuộc sống xã hội. Như tôi được biết, Marx chưa bao giờ đề cập đến điều này, nhưng việc đó không ngăn cản Burgess thuyết phục bạn mình làm quen với học thuyết Marx về việc xác định vị trí của nghệ thuật trong cuộc sống.

Bởi chính Guy cũng say mê và yêu thích nghệ thuật, ông đã thuyết phục được Anthony, khi đưa ra lập luận rằng nghệ thuật sẽ khô héo đi trong bầu không khí của xã hội tư sản. Thương gia không bỏ tiền vào nghệ thuật. Ông ta có thể xây dựng một bộ sưu tập riêng, nhưng chỉ có số ít những cá nhân có đặc quyền mới được chiêm ngưỡng nó. Kẻ tư sản ích kỷ không giúp gì cho sự phát triển văn hoá của tầng lớp xã hội cùng khổ. Chỉ có nhà nước xã hội chủ nghĩa mới có thể là người tuyên truyền chân chính cho nghệ thuật trong thế kỷ

XX; còn nhà nước tư bản chủ nghĩa chỉ từ từ bóp chết nghệ thuật mà thôi.

Tất cả những lý do mà đích thân Burgess nói với tôi không chỉ một lần ấy có thể có phần ngây thơ, nhưng Guy bướng bỉnh bảo vệ nó. Thời Phục hưng, - ông nói, - là một kỷ nguyên vĩ đại, tôi đồng ý với điều đó. Nhưng lúc đó có những Mạnh Thường Quân dùng tiền của mình để phát triển nghệ thuật. Họ không bị lo lắng bởi vấn đề tăng năng suất lao động của công nhân. Và khi nào họ còn dùng tiền của mình để nâng đỡ nghệ thuật thì nó còn sống. Nhưng khi những Mạnh Thường Quân không còn nữa, thì trình độ nghệ thuật giảm xuống một cách thê thảm. Lúc này nó cần sự ủng hộ tiền của hơn bao giờ hết, nhưng nhà nước tư sản lại không làm gì để tác động đến sự phát triển của nó hết. Chỉ có một chế độ chuyên chế mới có thể nhận về mình vai trò người bảo trợ cho mọi loại hình nghệ thuật". Hẳn là chỉ một lý lẽ đó thôi cũng đã đủ để thuyết phục Blunt. Nó đã đặt nền móng cho những quan điểm chính trị sau đó của ông.

Không thể đứng vững trước sức mạnh thuyết phục của Guy Burgess, Blunt quan tâm đến các tư tưởng cộng sản chủ nghĩa một cách nghiêm túc hơn bất kỳ một học sinh phổ thông nào học môn triết học chính trị. Và dù gì thì sự thật vẫn là sự thật: chúng ta vẫn không tin chắc, Blunt có là một người cộng sản chân chính hay

không? Quen biết với cá nhân ông, tôi nghĩ, trong sâu thẳm tâm hồn ông không phải là người như vậy, mặc dù Blunt có chia sẻ một số quan điểm của chủ nghĩa Marx. Ông không bao giờ công khai nói về lý tưởng của mình. Đúng là trong các bài báo ông viết thời đó, đôi khi thấp thoáng một con người mácxít. Chúng tôi đã có lần nói với ông về điều này, Anthony trả lời:

- Tôi không thể nói đó là quan điểm mácxít hay là một cái gì khác. Đơn giản đó là quan điểm của riêng tôi.

Nhưng phải nói công bằng là, học thuyết ông tin theo lúc đó không bảo thủ chút nào. Đối với ông nghệ thuật và con người là không thể tách rời. Ví dụ như, theo một phát biểu của Blunt, các tác phẩm nghệ thuật trong lịch sử chỉ nên đánh giá trong vai trò tác động nhân văn có nghĩa là trong ý nghĩa xã hội của nó.

Cách suy nghĩ như vậy đã đưa ông đến kết luận rằng nhà nước có trách nhiệm bảo vệ và bảo trợ văn hoá và nghệ thuật. Sau này Blunt thường nói với tôi, theo quan điểm của ông, cả truyền hình lẫn điện ảnh đều không phải là nghệ thuật. Theo lời ông, chúng luôn ở vị trí thứ yếu, "bởi không mang lại điều gì cho con người cả", "Mêdichi bây giờ ở đâu?[1]" - ông đặt ra câu hỏi.

---

(1). Mêdichi Lorenzo Tuyệt diệu (1449 - 1492) - nhà thơ Italia, người bảo trợ thành phố Florenxia, một Mạnh Thường Quân, người có công phát triển nền văn hoá Phục hưng.

Mối quan tâm nữa của Blunt là việc cứu nghệ thuật thoát khỏi sự tha hoá của đồng tiền. Ông nói, người Mỹ đã làm ngập lụt châu Âu bằng đồng đô la và du nhập vào đây một thứ văn hoá mà ông không hiểu nổi. Anthony cho rằng, nghệ thuật hiện đại là sự dối trá quy mô. Theo ông, chỉ có Picasso là đáng giá chút ít, và bức "Gernica" của hoạ sĩ là một tuyệt tác, có thể đặt ngang hàng với các tác phẩm cổ điển vĩ đại nhất. Như vậy, quan điểm của Blunt với nghệ thuật gần gũi với quan điểm của chủ nghĩa Mác.

Vài tuần trước khi đi Roma, trong vai trò người phát hiện tài năng, Burgess có thêm một "tân binh" rất xuất sắc nữa. Ông đã thu phục được một sinh viên Cambridge có nhiều hứa hẹn về trí lực và có thể là cả về thể chất - Donald Maclean, người đã trở thành thành viên trung thành của nhóm các tình báo viên tích cực này.

Đầu năm 1934, ngoài Burgess, Blunt và Maclean, nhóm này còn có thêm mấy người nữa. Tất cả đều sẵn sàng tham gia vào cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và biến đổi bộ mặt thế giới sang hình thức mác xít. Philby đã tốt nghiệp Trường cao đẳng Triniti vào tháng Sáu năm trước đó.

Hoạt động chống phát xít của Guy Burgess đã thể hiện trong việc học của ông: Guy từ chối viết luận án tiến sĩ về

cách mạng tư sản ở Anh mà bắt tay vào tập chuyên khảo về cuộc khởi nghĩa Ấn Độ năm 1857 – 1858[1].

Tháng Năm năm 1934, Kim Philby đã đến Cambridge để gặp Burgess. Nếu như trước đây tất cả những người đã tiếp xúc với Burgess đều rơi vào ảnh hưởng của ông, thì lần này lại ngược lại. Guy bị mê hoặc bởi câu chuyện của Kim về lòng dũng cảm vô song của ông tại Viên, khi Philby giúp đỡ các công nhân bị chính quyền Áo truy đuổi.

Bước một của việc tuyển mộ Burgess và các bạn của ông vào cơ quan tình báo mật của Liên Xô được tiến hành. Hầu như Guy không để phải thuyết phục. Ông lập tức tới London để gặp Arnold Doich ("Otto"), người vừa mới đến Anh.

Theo đề nghị của Doich, Burgess đã dành một phần thời gian nghỉ hè năm 1934 ở Đức, tại đó ông hoàn thành khoá đào tạo chính trị của mình. Chuyến đi này trùng vào thời điểm khủng hoảng trong lịch sử quốc xã. Ngày 30 tháng Sáu năm 1934, tại Berlin xảy ra vụ gọi là "Đêm của những lưỡi dao dài", khi Hitler thực hiện vụ án đẫm máu, giết hại tám mươi đối thủ của mình.

Từ Đức về, Burgess cùng với nhóm bốn sinh viên,

---

1). Khởi nghĩa nhân dân ấn Độ (1857 - 1859) chống lại ách thống trị của thực dân Anh. Cuộc khởi nghĩa mà hạt nhân là nghĩa quân Sipai đã bị ng ời Anh đàn áp tàn nhẫn.

trong đó có Blunt, đã quyết định đến Liên Xô. Chuyến đi này, cũng do cả Doich tổ chức, có một mục đích - tạo cho Burgess và Blunt tình thế ngoại phạm. Sau khi trở về họ có thể rêu rao ở khắp các nơi rằng, họ đã tỉnh ngộ và họ đã nhìn thấy thực trạng ở Liên Xô tồi tệ như thế nào. Từ nay, họ sẽ cắt đứt mối quan tâm đến chủ nghĩa cộng sản trước đây của mình. Trước khi rời Anh, họ đã được chỉ dẫn và biết chính xác cần phải nói những gì sau khi về nhà.

Nhóm bọn họ đi đường biển đến Leningrad rồi đi tầu đến Moscow, nơi Oxip Piatnhitski, uỷ viên văn phòng phương Tây của Quốc tế Cộng sản, và Nicolai Ivanovich Bukharin, nhà tư tưởng của Đảng bôn sê vích đón họ. Họ được đón tiếp thân ái, trí tuệ và lý luận của Bukharin rất hợp với tâm hồn Burgess. Bukharin đã củng cố niềm tin của những thanh niên người Anh trẻ tuổi rằng, chỉ có cuộc đấu tranh sát cánh với Quốc tế Cộng sản mới có thể đập tan được chủ nghĩa phát xít.

Thực ra, Anthony Blunt nhìn ra mục đích chuyến đi đến nước Nga Xô viết của mình hoàn toàn khác. Thu hút ông chủ yếu là cuộc sống văn hoá của Liên Xô. Ông khao khát được xem bộ sưu tập nghệ thuật ở Bảo tàng Hermitage tại Leningrad và ở điện Kremli - Moscow. Hermitage đã khiến Anthony phải thán phục và củng cố niềm tin vào chủ nghĩa Marx như một hệ tư tưởng bảo vệ văn hoá và nghệ thuật.

Dưới ảnh hưởng của những gì nhìn thấy ở Đức và những cuộc đối thoại ở Moscow, Burgess đã không ngần ngừ nhận lời đề nghị của Doich và bắt đầu chuẩn bị cho hoạt động bí mật, công khai phủ nhận những quan điểm cộng sản trước đây của mình. Ông đã thành công, thể hiện tất cả tài năng trác tuyệt và thái độ cương quyết của mình. Với các bạn cùng trường tổng hợp, các giáo sư và tất cả những ai ông đã từng thổ lộ về lý tưởng mác xít của mình, Guy tuyên bố đã quyết định đoạn tuyệt với chủ nghĩa cộng sản. Ông tiến hành những cuộc trò chuyện một cách thận trọng, dần dần thuyết phục người nghe về sự thay đổi quan điểm của mình. Kết quả là không ai nghi ngờ gì việc thực chất sự thay đổi đó có nghĩa gì. Trổ tất cả tài hóm hỉnh, hài hước của mình ra, Burgess kể cho tất cả những ai sẵn lòng nghe ông về nỗi thất vọng và hoàn toàn mất lòng tin của bản thân vào lý tưởng cộng sản. Sau đó ông chuyển sang chủ đề khác, khẳng định rằng chủ nghĩa phát xít ở Đức có một tiền đồ xán lạn.

Guy không khó khăn gì để thuyết phục Maclean cũng diễn một màn kịch tương tự và làm việc cùng ông cho tình báo Xô viết. Ông vẫn tiếp tục tìm kiếm những điệp viên mới. Guy bắt đầu thuyết phục bạn mình, anh sinh viên Goronve Riz. Lần này áp dụng phương pháp đã được thử nghiệm, ông tuyên bố, cách tốt nhất để chiến thắng chủ nghĩa phát xít chính là sự tích cực giúp

đỡ người Nga. Riz, bản chất là người khiêm tốn, đã chịu sự tác động mạnh mẽ của Guy Burgess và coi đề nghị của ông là một vinh dự lớn đối với mình. Mặc dù vậy ông từ chối, và không bao giờ hé răng về đề nghị của Burgess với bất kỳ một ai. Năm 1951, khi bị gọi đến Cục MI-5, Riz tuyên bố, ông đã cố thuyết phục Burgess không hợp tác với NKVD và thậm chí còn cản trở việc thu nhận Burgess vào làm việc tại cơ quan tình báo Anh, bởi ông biết chắc chắn là bạn mình sẽ chuyển những thông tin mật cho người Nga.

Trở thành điệp viên của chúng ta rồi, Burgess có ý định xây dựng một tổ chức làm việc cho NKVD, trong đó chỉ có bạn bè gần gũi của ông và chỉ có một mình ông có liên lạc với họ. Nhưng Doich không đồng ý với ý tưởng của Burgess. Sẽ thuận tiện hơn, và theo ông tính, an toàn hơn cho ông khi được tự liên lạc với từng điệp viên. Cách sắp xếp đó không hợp ý Burgess. Cho đến cùng, ông vẫn tiếp tục coi mình gắn bó với một nhóm bạn bè gần gũi.

Cuối năm 1934, Burgess bỏ dở luận văn tốt nghiệp thứ hai của mình và rời khỏi Cambridge để bắt đầu cuộc sống lao động. Guy coi thường và từ chối đề nghị của Trường Cao đẳng Triniti về việc ở lại làm việc với các sinh viên đã kết thúc khoá học. Thực ra là lúc này Guy đã nhận nhiệm vụ của NKVD tìm cho mình một công việc nào đó để có thể gây thiệt hại cho chủ nghĩa

phát xít, thâm nhập vào hàng ngũ thân quốc xã lúc này đã xuất hiện không ít ở Anh. Và Guy đến London.

*

* *

Sau chuyến đi đến Liên Xô, Anthony Blunt giữ liên lạc thường xuyên với Arnold Doich. Burgess đã giới thiệu họ với nhau. Và mặc dù Blunt không đặt một câu hỏi nào cả, nhưng tất nhiên ông ngờ rằng, ông sẽ phải làm việc cho tình báo Xô viết dưới vỏ bọc Quốc tế Cộng sản. Đối với ông, cũng như đối với các đồng chí khác, đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít là nhiệm vụ chính. Ông không cần phải tuyên bố đoạn tuyệt với Đảng Cộng sản: ông chỉ đơn giản là tiếp tục thể hiện thái độ hoàn toàn thờ ơ với chính trị của mình.

Hai năm trước khi rời Cambridge, Blunt (lúc đó đã nổi tiếng trong NKVD dưới bí danh "Tony") đã tuyển mộ và thử tuyển mộ một số sinh viên có mầm mống tư tưởng mác xít theo nhiệm vụ của Burgess giao phó. Và trong tương lai, nhiệm vụ của ông vẫn gồm cả việc tuyển mộ những người có thể có ích cho Quốc tế Cộng sản. Cũng có người trong số các sinh viên trẻ có thái độ đồng cảm với đề nghị đó: họ muốn tham gia vào cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít lúc này đang lớn mạnh. Không một lời nào về hoạt động tình báo. Chỉ đặt ra có một nhiệm vụ chân chất và cao cả là chống lại Hitler, Mussolini và các đồng minh của chúng ở châu Âu.

Giữ vị trí đại loại một trưởng tràng ở Trường Tổng hợp, Anthony Blunt thường xuyên có liên hệ với hàng chục sinh viên. Nhiệm vụ tuyển mộ điệp viên rất hợp với ông, và Anthony thường đạt được thắng lợi. Một thời gian sau, Anthony giới thiệu với Burgess một sinh viên tên là Cairncross, sinh viên môn văn học Pháp của ông. Blunt và Cairncross là những người hoàn toàn khác nhau. Anthony đánh giá Cairncross như một con người ít thú vị về phương diện cá nhân và không có một tài năng xuất chúng nào, cho dù tiếng Pháp của Cairncross rất hoàn hảo. Lời nhận xét dè dặt của Blunt không ngăn cản Arnold Doich tuyển mộ Cairncross. Nhưng đó lại là một câu chuyện khác mà tôi sẽ kể sau.

Ứng cử viên thứ hai của Blunt là Leo Long, một người cộng sản trẻ tuổi, vào học tiếng Pháp tại Cambridge tháng 10 -1935. Long có cha là thợ mộc, anh sống ở phía bắc London và suốt một thời gian dài bị thất nghiệp, bất bình với sự bất công bằng xã hội. Ngay lập tức anh trở thành thành viên tích cực của chi bộ cộng sản Trường Cao đẳng Triniti, cố gắng thu hút thêm được các sinh viên khác vào đó. Đối với Blunt, không có khó khăn gì trong việc tuyên truyền với Long và lôi kéo anh làm việc cho Quốc tế Cộng sản, lại thêm việc Long là học trò của anh môn tiếng Pháp.

Ít thành công hơn là cố gắng của Blunt tuyển mộ Michael Straight, một thanh niên Mỹ, học kinh tế tại Cambridge. Straight, con trai một triệu phú, không che

giấu những thiện cảm với chủ nghĩa cộng sản của mình, mà thời đó có rất nhiều người có khuynh hướng này.

Tháng Hai năm 1937, Blunt và Burgess, lúc này đã biết rõ họ làm việc cho ai, quyết định lôi kéo Straight về phía mình mà không thông báo trước cho Trung tâm về dự định đó. Thoạt đầu họ thuyết phục anh phục vụ cho sự nghiệp đấu tranh tư tưởng chống chủ nghĩa phát xít, đó là một việc không khó. Vấn đề hoạt động cho Liên Xô tất nhiên không đưa ngay ra từ đầu: họ chỉ hơi đẩy người thanh niên Mỹ về hướng đó. Kết quả là Straight tuyên bố, Liên Xô đang đấu tranh cho sự nghiệp chính nghĩa và từ lâu đã đến lúc xông ra chiến trận chống chủ nghĩa phát xít. Thậm chí anh còn đồng ý làm việc cho Liên Xô, nước duy nhất có khả năng đương đầu với hiểm hoạ quốc xã.

Để bắt đầu, Michael Straight quyết định xin nhập quốc tịch Anh và trở thành nghị sĩ Quốc hội. Nhưng Blunt đã thuyết phục anh đi bằng con đường khác và quay về nước Mỹ. Ý định của Blunt là để Straight trở thành chủ nhà băng và thâm nhập phố Wall, với tư cách là điệp viên Xô viết. Ý tưởng này hoàn toàn khả thi vì cha của Straight là một trong các cổ đông chính của Ngân hàng Morgan.

Nhưng Straight lại không muốn nghe theo. Blunt cố gắng tìm ra một giải pháp nhượng bộ: thôi được, hãy gác nhà băng lại, ta sẽ chỉ giúp đỡ Quốc tế Cộng sản. Ông nịnh Straight rằng Kremli quan tâm ưu ái đến

việc tuyển dụng anh. Straight do dự. Nhưng tôi có cảm giác, thực tế Straight chưa bao giờ có ý định làm việc cho Liên Xô.

Trước khi Michael Straight rời khỏi Anh, Anthony Blunt đã xé đôi tấm vé và đưa cho anh một nửa, nói rằng, sau này sẽ có người mang nửa tấm vé thứ hai đến gặp anh, và anh phải tin cậy người được cử đến.

Quay về Mỹ, Michael Straight vào làm việc tại Bộ Ngoại giao. Tại đây anh thu thập tài liệu về tình hình tài chính của đảng quốc xã Đức. Ít lâu sau "nhân viên hoạt động bất hợp pháp" của NKVD Michael Green bắt liên lạc với anh. Họ gặp nhau một vài lần, nhưng Straight nghi ngờ Green, vì người này không đưa ra nửa tấm vé thứ hai, Green chỉ nhận được một ít thông tin không mấy quan trọng. Tuy nhiên điều đó không làm Blunt và Burgess phiền lòng, vì họ coi Straight như một "kho dự trữ" lâu dài.

Tháng Mười Một năm 1939, nổ ra cuộc chiến tranh Nga - Phần Lan. Nó đã làm tê liệt hoàn toàn hoạt động tuyên truyền của Blunt và Burgess.

Thời gian này Straight vẫn tiếp tục làm việc tại Bộ Ngoại giao Mỹ, nơi soạn thảo những bài phát biểu của Tổng thống Roosevelt và các thành viên Nghị viện. Straight và Green thỉnh thoảng gặp nhau, nhưng đến năm 1942, Michael quyết định hoàn toàn cắt đứt mối quan hệ này và thông báo về điều này cho người liên lạc với lời hứa danh dự sẽ không kể với ai về những gì ít ỏi

mình đã làm cho người Nga. Green không cố thuyết phục anh.

Chúng tôi không bao giờ còn tiếp cận Straight nữa, và anh giữ đúng từng ly từng tý thoả thuận đã hứa, không tiết lộ ra với ai một lời nào về Blunt và Burgess. Theo tôi, đơn giản là anh sợ họ. Hẳn là anh nghĩ, nếu tố giác Blunt và bạn bè, những người này sẽ tìm ra cách trả thù. Chỉ sau khi Burgess chết năm 1963, Michael Straight mới thú nhận và viết một cuốn sách rất chân thực về sự hợp tác của mình với tình báo Liên Xô. Sự thực là anh ta cũng không nói vì sao lại im lặng trong suốt ba mươi năm qua, cho dù có một việc rõ ràng rằng, đó là do nỗi sợ hãi trước KGB. Straight từ chối không nhận bất cứ vị trí nào trong bộ máy chính quyền của Mỹ, cho dù Franklin Delano Roosevelt, và sau này là John F. Kennedy, có đề nghị, và không chỉ một lần.

Rời Cambridge, Guy Burgess nhanh chóng tìm được công việc đầu tiên của mình. Ông nhận làm trợ lý về tài chính cho mẹ của Victor Rotshild, một người bạn cùng học ở Triniti. Bà đã bảo ông: "Trong nhà tôi ai cũng là nhà tài chính, nhưng không ai biết đặt tiền vào đâu cả". Với 100 bảng Anh mỗi tháng, ông sẵn sàng dẫn dắt quý bà này vào những bí mật của nghệ thuật đầu tư tiền và đã thu xếp khối tiền của phu nhân Rotshild rất thành công, như một nhà tài chính bẩm sinh vậy.

Tất nhiên là Burgess muốn có thu nhập khá, nhưng ông còn có những kế hoạch riêng của mình. Burgess có

mưu đồ lợi dụng mối quan hệ của mình với gia đình Rotshild để len lỏi vào giới quan chức cấp cao, hoặc, nếu may hơn, vào ngành tình báo Anh. Qua nhà Rotshild, ông làm quen với Steward Manzis, giám đốc MI - 6 - cơ quan tình báo Anh, và với Dick Whites, trưởng phòng "B" của cơ quan này. Ông cũng tạo được lòng tin cậy với Robert Wansittartd, phó ngoại trưởng thường trực, "con chó săn" của SIS. Dù Wansittard chẳng ưa gì bọn quốc xã, nhưng ông ta vẫn giữ mối quan hệ hữu hảo với giới chóp bu của chính quyền Đức. Hồi đầu chiến tranh, ông ta lãnh đạo bộ tuyên truyền, và radio ở Anh nức nở khen ngợi hình thức cầm quyền dân chủ trong nước. Khi Churchill lên nắm quyền, ông ta bổ nhiệm Wansittard làm trợ lý cho mình về các vấn đề ngoại giao. Sau đó Guy Burgess được giới thiệu với chính Winston Churchill, và Thủ tướng rất thán phục trí tuệ tinh tế và nhạy bén của ông.

Nhà Rotshild đã giúp Burgess làm quen với những nhân vật có ảnh hưởng khác của Đảng Bảo thủ, cụ thể là với Joseph Boll, nhân viên của SIS, đồng thời là người sáng lập Trung tâm nghiên cứu (tình báo) của Đảng này.

Năm 1935, Guy được giữ trọng trách trợ lý nghị viện của nghị sĩ trẻ thuộc Đảng Bảo thủ cực hữu Jack Macnamara thành viên Hội hữu nghị Anh - Đức, người tập hợp được hàng loạt các vị có máu mặt thân quốc xã

mà không cần đến nỗ lực gì đặc biệt. Jack Macnamara cũng là người đồng tính luyến ái, và ông ta cùng Burgess đã hoà hợp với nhau đến mức chỉ ít lâu sau đã cùng đi sang Đức, nơi Macnamara có nhiều bạn bè đồng giới trong hội thanh niên Hitler. Cuốn sổ địa chỉ của Burgess nở bung như cho bột nở vì tên họ những người sinh sống ở tất cả các nước châu Âu. Tại Paris, ông làm quen với một "gay" nữa - Eduard Pfaifer, trợ lý chính của Bộ trưởng Quốc phòng Eduard Daladier. Ngoài ra, Pfaifer còn là điệp viên của Phòng nhì Pháp và cả SIS của Anh. Chỉ có điệp viên của NKVD là không phải.

Cuối năm 1935, Burgess chia tay Macnamara và vào làm việc tại đài phát thanh BBC, phụ trách phần chính trị trong nước và phóng sự là chủ yếu. Chương trình "Tuần lễ ở Wetmenster" của ông nhanh chóng trở nên nổi tiếng. Guy bình luận những cuộc tranh cãi trong nghị viện và cùng với các vị khách được mời đến phòng thu thảo luận những vấn đề thời sự nóng hổi khác nhau.

Cuộc phỏng vấn của Burgess nhanh chóng mang tính "chuyên môn": những vị khách là những người có hay còn giữ liên hệ với cơ quan tình báo. Trong số đó có David Futman, theo ý kiến của Burgess, có quan hệ trực tiếp với MI-6. Cụ thể Futman làm gì thì Guy không biết chính xác. Ông chỉ nhận xét rằng, Futman quan tâm đến phái dân tuý Nga, biện hộ cho khủng bố như một phương tiện để đạt đến mục đích. Burgess gọi

điện thoại cho Futman và đề nghị ông này tham dự vào chương trình phát thanh của mình nói về những người dân tuý. Futman đồng ý. Guy không mất nhiều thời gian để khám phá ra khách mời của mình là ai. Đó không phải là ai khác mà chính là Phó Cục trưởng Cục 1 - Cục tình báo chính trị SIS. Tất nhiên là Burgess cố gắng dành cho Futman thời lượng thuận lợi nhất trên đài phát thanh. Là một người khá sắc sảo nên đến lượt mình, Futman cũng quan tâm xem Burgess có thể lấy đâu ra những kiến thức rộng rãi như vậy trong lĩnh vực chính trị quốc tế và vì sao ông có được sự phân tích sắc sảo đến thế.

Cuối cùng, đến đầu năm 1938, hoạt động của Burgess đã mang lại kết quả mỹ mãn: Ông là người đầu tiên trong bộ ngũ Cambridge được nhận vào làm việc tại SIS với tư cách một tình báo viên thử nghề.

Guy còn chưa được công nhận chính thức thì Futman đã yêu cầu ông sử dụng mối quan hệ trong giới đồng tính luyến ái của mình để thu xếp cuộc thương lượng bí mật giữa Thủ tướng Anh Neville Chamberlain và Thủ tướng mới của Pháp Eduard Daladier, lên thay Leon Blum ngày mùng 10 tháng Tư năm 1938. Chamberlain bực mình trước thái độ thù địch không che giấu đối với phe quốc xã của một số thành viên trong chính phủ, ví dụ như các quan chức cao cấp của Bộ Ngoại giao như Robert Wansitard, người đã bị ông ta cách chức.

Mùa xuân năm đó, tất cả các nước phương Tây đều thật sự lo ngại trước hành động của Hitler. Sau khi làm thủ lĩnh quân đội của đế chế Hitler đã thôn tính nước Áo mà không mất một tiếng súng nào. Giờ đây, các nước này hiểu quá rõ rằng Hitler không dừng lại ở đó. Tình hình ở Tiệp Khắc trở nên căng thẳng. Được sự ủng hộ của đảng quốc xã, đa số kiều dân Đức ở Sudet đã đòi được sáp nhập vùng này vào lãnh thổ nước Đức. Một số đại diện của giới cầm quyền ở hai bên bờ biển Manche sẽ vui mừng khôn xiết nếu cuộc xâm lược của tên độc tài lan rộng ra phía đông, về phía Liên Xô. Nhưng công khai nói lên điều đó thì họ sợ, vì dư luận xã hội ở Anh và Pháp còn chưa xác định được quan điểm của mình. Một số thì ủng hộ sự bành trướng của nước Đức về phía đông, số khác lại kiên quyết phản đối điều đó. Dù quan điểm của họ có thế nào, thì giữa hai vị nguyên thủ Anh và Pháp có một điểm chung - nỗi lo sợ đặt không đúng vào con ngựa cần đặt!

Đó là nguyên nhân giải thích tính chất siêu bí mật của cuộc thương lượng giữa Daladier và Chamberlain. Các thành viên nghị viện cũng không biết gì hơn các bộ trưởng về những gì đang xảy ra trong thực tế. Nếu như Hitler hướng mũi nhọn chiến tranh về phía Liên Xô, thì các quốc gia ở phương Tây sẽ được cứu thoát khỏi mối đe doạ quốc xã, dù chỉ tạm thời. Việc Liên Xô thua cuộc, mà lúc đó là khả năng không tránh khỏi, có nghĩa là chấm hết chủ nghĩa cộng sản, còn Hitler thì bị suy yếu

đi sau cuộc chiến tranh. Và như vậy là Anh và Pháp đã bằng một phát tên diệt hai con thỏ. Đó là thực chất đường lối mà một số thành viên chính phủ Chamberlain và Daladier bí mật âm mưu thực hiện.

Burgess là người trung gian quan trọng cho cuộc thương lượng tế nhị bậc nhất này. Mối liên lạc giữa người đứng đầu hai chính phủ được thực hiện trên giấy tờ, người Anh chuyển thư từ qua Guy cho người bạn Eduard Pfaifer mà Burgess tin cậy hoàn toàn. Mùa hè năm 1938, Guy đã thông tin cho NKVD về việc Daladier cử Pfaifer và người sáng lập ra uỷ ban Pháp - Đức, thành viên tương lai của Chính phủ, Visa Bernanda de Brignon, đến Đức để bí mật thương lượng với phe quốc xã.

Đường lối hoà hoãn tội ác đó của bọn quốc xã đã dẫn đến hiệp ước Munich tháng Chín năm 1938, khi Chamberlain và Daladier đã nhượng bộ, cho phép Hitler xâm lược vùng Sudet. Sau đó, tháng Mười Hai hiệp ước Pháp - Đức về hữu nghị và hiểu biết lẫn nhau được ký kết. Những năm sau này, Liên Xô kiên quyết khẳng định rằng, bắt đầu từ năm 1938, phương Tây đã thúc đẩy nước Đức tấn công nước Nga. Lời khẳng định này không phải là sự tuyên truyền hay phao tin đồn nhảm, mà là sự thật đích thực, được các tài liệu do Guy Burgess cung cấp khẳng định. Nhờ có chúng, chính phủ Liên Xô đã nắm được động cơ của người Anh và người Pháp. Liên Xô hiểu rất rõ rằng, nhiệm vụ chính của

phương Tây là chống lại chủ nghĩa cộng sản và vì nó, Anh và Pháp sẵn sàng liên kết với chính quỷ sa-tăng mang tên Adolf Hitler.

Burgess thôi không gửi cho chúng tôi thông tin thu thập được qua trạm ở London, bởi Arnold Doich ("Otto") và Theodore Mali ("Hardt") đã bị gọi về Moscow. Lợi dụng những chuyến đi thường xuyên đến Pháp, ông chuyển tài liệu cho NKVD qua trụ sở ở Paris. Guy cũng kiêm luôn làm tuỳ phái cho số ít điệp viên của Liên Xô vẫn còn ở Anh.

Tất cả những điều đó là việc của ngày hôm qua, nhưng mỗi khi nhớ lại, trong đầu tôi không thể nào hiểu nổi làm sao Chính phủ Liên Xô lại có thể chỉ trong vài năm trước Đại chiến thế giới lần thứ hai cho gọi gần như hết tất cả các điệp viên ở nước ngoài về. Mà chính vào thời kỳ đó, các cơ quan tình báo của tất cả các nước đều hoạt động điên cuồng. Chính vì lý do đó mạng lưới các điệp viên tài ba do các đại diện của chúng tôi lập nên ở Cambridge đã bị bỏ rơi trong một thời gian.

Guy Burgess tiếp tục làm việc có phương pháp. Ông nắm được tin chuyện gì đang diễn ra tại các cơ quan chính phủ khác nhau, thiết lập được những mối quan hệ có thể có ích cho sự nghiệp cũng như cho tình báo của chúng tôi. Guy kiên nhẫn củng cố mối quan hệ của mình với Dich Whites, người mà ông được nhà Rotshild giới thiệu.

Lorens Grand - trưởng phòng "D", chịu trách nhiệm

về các chiến dịch bí mật, giao cho Guy nhiệm vụ khiêu khích gây chia rẽ trong phong trào phục quốc của người Do Thái. Thật ra không ai chờ đợi Burgess sẽ hoàn thành được nhiệm vụ này, thế mà ông đã làm được.

Cơ quan phản gián Anh đã lên kế hoạch chia rẽ phái phục quốc thành những nhóm thù địch lẫn nhau để trả thù cho thất bại của Anh tại Palestine và sự phá sản của Tuyên bố Balfure[1]. Tôi không thể khẳng định điều đó, nhưng tôi nghĩ, người Anh muốn xây dựng một lực lượng cánh tả mạnh chống lại thủ lĩnh những người phục quốc Haim Weizman.

Guy Burgess bắt tay vào công việc có sự giúp đỡ của Victor Rotshild. Ông quả quyết với bạn mình rằng, phong trào phục quốc đã không còn đủ sức hoạt động tích cực, còn thủ lĩnh Haim Weizman thì đã đi chệch hướng, vì vậy những người phục quốc chân chính không nên tiếp tục tin cậy ông ta nữa. Victor chia sẻ mối lo ngại của mình với cha, huân tước Rotshild. Weizman bị mất tín nhiệm đến mức Rotshild thực tế đã lập nên phong trào phục quốc đối lập, có điều nó tồn tại không lâu.

Burgess đã hoàn thành chiến dịch này một cách xuất sắc. Tuy nhiên, NKVD không dính dáng chút nào đến

---

(1). Balfure Arthur James (1848 - 1930) - Thủ tướng Anh từ 1902 - 1905, ngoại trưởng từ 1916 - 1919. Tác giả cái gọi là Tuyên bố Balfure (1917) về sự thành lập "Bếp lửa dân tộc" của người Do Thái tại Palestine.

món ăn nấu dở do chính cơ quan phản gián Anh là tác giả này.

Tháng Giêng năm 1939, nhờ có lời giới thiệu của David Futman, Guy chính thức được nhận vào phòng "D" và ngay lập tức được giao nhiệm vụ xây dựng một đài phát thanh có thể vô hiệu hoá được luận điệu tuyên truyền quốc xã và làm nhụt ý chí chiến đấu của quân Đức. Các chương trình phát thanh phải do các trạm phát ngầm phát đi từ các thành phố và làng mạc trong lục địa. Nhờ vào đông đảo bạn bè ở châu Âu và sáng kiến của riêng mình, Guy đã nhanh chóng tìm ra các địa điểm đặt đài phát. Sang xuân, đài phát thanh đã bắt đầu hoạt động.

Tại NKVD, nơi có quyền tự hào về kinh nghiệm đáng ghen tỵ trong lĩnh vực tung hoả mù và chống tuyên truyền nhờ các đài phát thanh bí mật, đã ngấm ngầm thoả thuê cười nhạo việc cuối cùng thì người Anh cũng phải lao vào lĩnh vực mà nói theo ngôn ngữ chuyên môn là "những biện pháp tích cực".

Năm 1937, vào cuối học kỳ, Anthony Blunt đã rời trường Cambridge và vào làm tại trường Voburg tại London, nơi ông có những giờ giảng về nghệ thuật. Năm 1939, ông bỏ việc và gia nhập quân đội trước sự sửng sốt của mọi người. Blunt đúng là người yêu nước chân chính! Biết tin chiến tranh sắp nổ ra, Blunt muốn thực sự phục vụ cho Tổ quốc mình. Cá nhân tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, nếu như nhân viên của chúng tôi

có thể nói chuyện được với Blunt vào thời gian đó, dứt khoát họ sẽ thuyết phục được ông không hành động như vậy.

Ngày 23 tháng 8 năm 1939, toàn thế giới xáo động vì một tin giật gân: Liên Xô và nước Đức quốc xã đã ký hiệp ước không tấn công lẫn nhau. Việc ký kết diễn ra tại Moscow giữa hai vị bộ trưởng ngoại giao Ribbentrop và Molotov trước sự chứng kiến của Stlain. Điều 4 của tài liệu này có nói, không bên nào trong các bên ký kết được tham gia vào bất cứ một liên minh nào nhằm chống lại nước kia.

Đối với tất cả các điệp viên của ta tại London, những người hiến thân cho cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quốc xã, việc ký kết hiệp ước không tấn công lẫn nhau đó hệt như một quả bom vừa nổ. Đang đi nghỉ ở Pháp, Blunt và Burgess quyết định trở về Anh ngay. Burgess thất vọng đến nỗi bỏ lại vật quý giá duy nhất của mình là chiếc xe hơi yêu thích tại bãi đỗ xe ở Kale: không còn thời gian để đưa nó lên tàu thuỷ - họ vội vã đến vậy. Ba ngày sau, Guy mới quay lại Kale để lấy chiếc xe. Chi tiết dường như không mấy đáng kể đó đã chứng minh, sự kiện xảy ra đã tác động nghiêm trọng đến Burgess thế nào.

Mấy người bạn mời Philby đến và cùng nhau gặp gỡ ở London. Họ nghiên cứu kỹ bản hiệp ước, cân nhắc ý nghĩa từng điều khoản và hậu quả của nó, bình tĩnh thảo luận và sau khi tranh luận hàng mấy giờ liền, đã

đi đến kết luận thống nhất rằng: hiệp ước này chỉ là một tình tiết trên con đường dẫn đến cách mạng thế giới. Trong tình hình hiện tại, nó có thể được biện minh, bởi nó không phải là lý do đủ thuyết phục để họ cắt đứt sự hợp tác với Liên Xô. Nói tóm lại, những người bạn đã quyết định rằng, dù thế nào cũng vẫn tiếp tục đấu tranh với chủ nghĩa phát xít.

Chúng tôi ở nước Nga mãi nhiều năm sau mới biết đến cuộc gặp gỡ này. Còn suốt trong thời gian đó, "bộ ngũ" Cambridge không có một động tác nào làm thay đổi mối quan hệ với chúng tôi đã được thiết lập một lần cho mãi mãi.

Phục vụ được vài tháng trong quân đội, Anthony Blunt đề nghị anh trai Christopher giúp mình được tuyển vào Minli Manor, một trường ở lãnh địa Hamphshire, để tham dự khoá học phản gián kéo dài năm tuần. Nhưng sự nghiệp trong cơ quan tình báo của ông suýt nữa thì bị đứt đoạn. Một lần Blunt bị gọi lên Bộ Tổng tham mưu ở London. Có tin báo về mối quan hệ trong quá khứ của Blunt với những người cộng sản. Nhưng bởi vì không phải là người duy nhất có mối quan hệ đó nên Anthony đã thuyết phục được cấp trên rằng, ông hoàn toàn trung thành và không gây mối nguy hiểm nào cả. Rút cục là Cục tình báo quân sự đã yên tâm và gửi trả Blunt về Minli Manor.

Hoàn thành xong khoá học, Blunt quay về London với hàm đại uý và ngay lập tức được cử sang Pháp

trong thành phần lực lượng viễn chinh Anh. Từ đây bắt đầu một thời kỳ khó khăn đối với Blunt. Ông được giao giữ vị trí đội trưởng đội cảnh binh, có nhiệm vụ bắt giữ những kẻ đào ngũ. Đơn vị ông đóng tại biên giới với Bỉ. Cuộc sống doanh trại không phù hợp với Blunt. Công việc thì bận rộn túi bụi với những việc không đâu, và không có gì chung với hoạt động của một sĩ quan tình báo. Tất cả thời gian của ông dành để tổ chức những cuộc tuần tra, theo dõi những quán bar và những câu lạc bộ ban đêm đáng ngờ, bắt giữ những người lính hoặc là say rượu, hoặc là không có giấy đi phép.

Mặc dù có tinh thần yêu nước nhưng Blunt rơi vào một bầu không khí không thể nào chịu đựng nổi. Ông không có gì chung với những người lính khác cả. Việc thường xuyên tiếp xúc với tầng lớp bình thường có mối quan tâm duy nhất là cuộc sống thường nhật, tương phản sâu sắc với nền giáo dục và môi trường quý tộc của ông.

Cuộc sống ở Bỉ đáng ghét đối với Blunt đến mức ông đã viết thư cho Victor Rotshild và Guy Burgess, van nài họ hãy lôi ông ra khỏi quân đội. Guy lập tức ra tay, và Blunt được quay về London. Ông đến ở tại căn hộ của Burgess trên phố Bentink, do Victor Rotshild thuê cho Burgess. Mối quan hệ tình ái giữa Blunt và Burgess chắc chắn lúc đó đã chấm dứt, nhưng họ vẫn là những người bạn gần gũi và thậm chí còn trao đổi tình nhân với nhau. Ví dụ như anh lính trẻ Jack Hueat, luôn xuất hiện ở nhà họ mỗi khi được nghỉ phép.

Phải nói rằng tôi không bao giờ chú ý đặc biệt đến khía cạnh đó trong cuộc sống của họ, không hỏi họ những câu khó xử, mà họ cũng không nói với tôi về chuyện đó. Trong hồ sơ của tôi không nhắc gì đến tật xấu của họ, một việc chắc chắn là tôi đã làm đúng.

Dù Blunt là người đồng tính luyến ái, nhưng ông có nhiều bạn bè trong đám phụ nữ, và thậm chí còn có quan hệ yêu đương với một số người. Và các bạn gái của Blunt luôn trung thành với ông. Năm 1930, Blunt đã đính hôn với một tiểu thư trẻ và định cưới cô, nhưng tình yêu của họ không được lâu. Cô đã lấy Philipp Dann, con trai một nhà công nghiệp, ngài James Dann. Anthony Blunt cũng giữ tình bạn gần gũi với Theresa (Tess) Maijor, vợ tương lai của Victor Rotshild. Trong thời gian chiến tranh, cô sống trong ngôi nhà bên cạnh căn hộ của Burgess tại Bentink - street. Burgess cũng đôi lần có những mối tình với các phụ nữ.

*

* *

David Futman rất hài lòng với công việc của Burgess, ông đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Và Guy đã sẵn sàng nhận nhiệm vụ mới. Ngay trong cuộc gặp gỡ đầu tiên với Valentin Vivian, trưởng Cục 5 của SIS, Futman đã cho Burgess được điểm cao nhất. Ông cũng không giấu việc trong quá khứ Guy đã từng liên quan đến những người cộng sản, biết rõ lịch

sử của phong trào cộng sản và nắm vững học thuyết mác xít.

Tháng 6-1940, Valentin Vivian có sáng kiến cử Burgess sang làm việc tại Đại sứ quán Anh ở Moscow dưới vỏ bọc ngoại giao, như một điệp viên của mình.

Burgess không thể từ chối, mặc dù cả ông, cả NKVD đều không vui mừng gì trước viễn cảnh ấy. Trung tâm cho rằng, tốt nhất đối với Burgess là ở lại London. Và cả chính Burgess sau khi đến thăm Moscow, cũng hiểu rằng, thành phố đó không phải dành cho ông. Thậm chí trong thời gian chiến tranh ở thủ đô nước Anh ông còn thấy dễ chịu hơn nhiều so với ở Moscow. Sau này, Guy có nói với tôi rằng, ông không thích rời nước Anh và nói chung cảm thấy chán ghét về mặt vật chất đối với các thủ đô nước ngoài, đặc biệt là với Paris. Ông nói ông sẵn sàng tới Tangier hoặc Tây Ban Nha, nhưng chỉ trong một thời gian ngắn.

Nhưng biết làm thế nào được. Buộc phải đi thôi. Burgess xếp đồ đạc vào va ly và rời khỏi London cùng với Isaia Berlin, nhân viên của Foreign Office[1], người được bổ nhiệm làm tuỳ viên đại sứ quán. Berlin cũng không thích chuyến đi này, bởi ông ta cho rằng, chưa chắc đã tìm được việc gì cho mình: khả năng lập được quan hệ ở Moscow là hoàn toàn bị loại trừ.

Vì không thể đi thẳng đến Moscow được nên hai

---

(1). Foreign Office - tên thường gọi của Bộ Ngoại giao Anh.

người bạn đồng hành phải hành trình qua Washington, Thái Bình Dương, tiếp theo xuyên qua vùng Siberi bằng đường sắt đến nơi được bổ nhiệm. Hai ngày sau khi đến Mỹ, họ nhận được điện khẩn lệnh cho họ quay lại. Hẳn là, đại sứ Anh tại Moscow, ngài Stafford Chripps đã phản ứng gay gắt với Bộ Ngoại giao về việc bổ nhiệm hai nhân viên mới vào sứ quán mà không trao đổi ý kiến trước với ông ta.

Vivian lại nảy ra sáng kiến mới - sử dụng Burgess như một điệp viên - nội gián, gài ông vào hàng ngũ Đảng Cộng sản Anh. Ông giao cho Futman truyền đạt đến Burgess lời đề nghị thâm nhập vào Đảng Cộng sản và quấy rối nó từ bên trong, sử dụng sự hậu thuẫn của cơ quan tình báo Anh. Guy lắng nghe đề nghị đó, chần chừ một lát rồi cương quyết từ chối. Thất vọng, Futman áp dụng chiến thuật mới, đề nghị Burgess tổ chức một số cuộc mít tinh khiêu khích trước Đại sứ quán Liên Xô tại London. Thái độ của Guy vẫn như trước: im lặng, suy nghĩ và từ chối. Là một người cộng sản kiên trinh ông không thể đồng ý làm một việc tổn hại danh dự như vậy.

Mãi sau này, tôi được làm quen với bức thư Burgess viết cho một người bạn hồi đầu chiến tranh. Guy viết:

"Tôi buồn nhất là việc những người bạn trước đây của tôi, những người tôi đã cùng hoạt động trong Đảng Cộng sản, cho rằng tôi đã phản bội lại sự nghiệp. Họ nghĩ tôi đã từ bỏ lòng trung thành với chủ nghĩa cộng

sản vì sự nghiệp của một viên chức trong cơ quan nhà nước".

Còn trong cặp hồ sơ ở Moscow, tôi đọc được ghi chép của một điệp viên của ta tại London vào năm 1937: "Burgess rất buồn vì những người bạn biết anh là một người cộng sản, lại tin rằng anh đã từ chối hợp tác với họ".

Nhưng điều quan trọng nhất đối với chúng tôi trong câu chuyện này là cấp trên của Burgess đã dễ dàng đồng ý với những tuyên bố từ chối chống lại cộng sản của ông mà không nghi ngờ gì cả. Thay vào đó, Guy được cử đến trung tâm đào tạo Brikendonery để huấn luyện cho các chiến dịch gây nổ phá hoại. Đối với một người nào khác thì công việc này có vẻ là ngõ cụt của sự nghiệp, nhưng Burgess lại hoàn toàn hài lòng. Nhờ các mối quan hệ của mình, ông đã thu xếp cho Philby vào làm tại trường đó.

Burgess và Philby thường xuyên gặp gỡ nhau. Họ cùng lên kế hoạch hoàn thiện hoạt động đặt bom, mìn, thảo luận các vấn đề chính trị, nhưng gần như không bao giờ nói về công việc của mình trong đường dây của NKVD. Giai đoạn này, hoạt động của họ không được hiệu quả lắm, bởi họ không tiếp cận được các thông tin có giá trị thực tế. Philby không bao giờ can thiệp vào đời sống riêng của bạn mình. Một lần Kim nói với tôi rằng ông coi thói đồng tính luyến ái của Burgess là một căn bệnh và điều đó chẳng liên quan gì đến ông. Tôi

nhanh chóng hiểu rằng, không nên đề cập đến chủ đề này với Burgess, và không bao giờ để cho cả Burgess lẫn Blunt biết rằng tôi biết "khẩu vị" của họ. Tôi cư xử dường như không nhận thấy bất kỳ điều gì không bình thường trong hành vi của họ. Tôi nghĩ tôi đã hành động đúng. Tránh né động chạm đến vấn đề này, chúng tôi đã thiết lập được mối quan hệ qua lại tốt đẹp.

Thời gian này, Anatoli Borisovich Gorky ("Henry") đã đến Anh để thay "Otto" và "Hardt" làm liên lạc cho nhóm Cambridge.

Ngay sau khi đến nơi, Gorky đã gửi thư về Moscow than phiền về việc các điệp viên thuộc trách nhiệm của ông đã bỏ qua những nguyên tắc bảo mật tối thiểu nhất. Ông đặc biệt kinh hãi trước việc Burgess và Blunt sống chung tại căn hộ ở Bentink-Street. Ông cố gắng hết sức thuyết phục họ rời nhau ra, nhưng không ai mảy may chú ý đến lời ông cả. Họ cho Gorky hiểu rằng, không một tin báo cáo nào với Moscow có thể giải quyết được gì. Burgess và Blunt không đổi ý.

*

* *

Đầu mùa thu năm 1940, sau khi tổ chức lại cơ quan tình báo, phòng "D" được sáp nhập với SOI thành một tổ chức mới chuyên thực hiện các chiến dịch đặc biệt. Nó chủ yếu gây các vụ rối loạn trên đất Đức và các lãnh thổ khác bị quốc xã phong toả. Philby tiếp tục làm việc

trong tổ chức này, còn tên của Burgess không xuất hiện trong cơ số nhân viên. Nguyên nhân thì chúng ta không biết, nhưng tôi cho rằng, việc đó liên quan đến khuynh hướng tình dục đồng giới của ông.

Vì vậy, ngay đầu năm 1941, Burgess lại quay về BBC. Một người bạn học Cambridge cũ, George Barns phụ trách "câu lạc bộ" tranh luận của BBC đã nhận ông về làm việc. Guy tích cực hoạt động báo chí: tổ chức các buổi toạ đàm và phỏng vấn những nhà hoạt động chính trị và các nhân vật có ảnh hưởng khác. Ông đề nghị cấp trên cho phép phỏng vấn đích thân Winston Churchill cho chương trình riêng của mình. Thủ tướng đã cho mời Burgess đến để bàn bạc trước về chủ đề buổi phỏng vấn. Họ nói chuyện rất lâu, nhưng không có kết quả. Do một nguyên nhân kỹ thuật nào đó, buổi phỏng vấn không được thực hiện. Mặc dù vậy, dường như Churchill (trước đây đã có gặp Burgess) rất thoả mãn với cuộc gặp gỡ này. Có lần ông đã hỏi:

"Tại sao trong số các chính trị gia trẻ tuổi của Anh lại có ít những người giống như Guy Burgess đến vậy, những người ta có thể tin cậy vào cách đánh giá của họ?".

Cho đến tháng Sáu năm 1941, Burgess hầu như không nhắc nhở gì về mình cả, và chỉ có cuộc tấn công vào Liên Xô của quân Đức mới tạo nguyên cớ cho ông lên tiếng với một loạt phóng sự và chương trình phát thanh về nước Nga - đồng minh mới của Anh. Guy nói trên đài về những chủ đề đa dạng nhất: văn học, kinh

tế, nghệ thuật và khoa học của nước Nga. Thậm chí Guy còn đề cử Anthony Blunt vào vị trí bình luận viên nghệ thuật với lãnh đạo. Guy còn hóm hỉnh nói thêm:

- Tiến sĩ Blunt sẽ là người thuyết trình tuyệt vời nhất về nghệ thuật, vì ông ấy không phải là cộng sản.

Trong việc tiến hành tuyên truyền thân Liên Xô, Guy được một nhà báo Anh, người gốc Áo, Peter Smollett, cũng là một điệp viên của NKVD, giúp đỡ. Smollett làm quen với Philby năm 1934 tại Áo và thỉnh thoảng có liên lạc với "bộ ngũ" Cambridge. Năm 1940, ông được vào làm việc tại Bộ Thông tin. Tháng 6 -1941, khi người bạn của ông - Brendon Breeken giữ chức Bộ trưởng trong Chính phủ liên hiệp của Churchill, Smollett được giao vị trí Vụ trưởng Vụ Liên Xô. Gần như suốt thời gian chiến tranh, Smollett đã bảo vệ quyền lợi của Liên Xô trên mọi lĩnh vực, dù đó là kinh tế, văn hoá, chính trị hay quân sự. Ông tổ chức những cuộc triển lãm cố định và lưu động về Liên Xô trên khắp đất nước Anh. Hiển nhiên là công việc ở đài BBC chiếm của ông khá nhiều thời gian, nhờ vào Burgess, đồng minh chính của ông tại cơ quan này. "Kiểm soát" cả hai người là "Henry".

Vào lúc này, Guy lại đi một nước cờ khôn khéo, có lẽ là sáng giá nhất. Ông phỏng vấn một đồng nghiệp - nhà báo Ernst Henry ("nhân viên chìm" của NKVD), ông này đã tuyên bố tin tưởng rằng, ông không nghi ngờ vào chiến thắng của quân đội Liên Xô, cho dù lúc này

đang rút lui trên mọi tuyến mặt trận. Từ một loạt những lời lẽ giả bộ anh hùng đó, ông còn dám hết lời khen ngợi ngành tình báo Xô viết, đánh giá nó là "giỏi nhất trên thế giới".

Năm 1943, Burgess lại một lần nữa tỏ rõ tài năng của mình. Stalin quyết định giải tán Quốc tế Cộng sản. Việc giải tán Quốc tế Cộng sản - biểu tượng cho cách mạng thế giới vốn luôn khiến phương Tây lo sợ phải nhằm cho thế giới thấy, một kỷ nguyên mới đã bắt đầu trong quan hệ giữa Liên Xô và các quốc gia khác. Trong các buổi phát thanh của mình, Burgess cố gắng hết sức để đưa ý tưởng này đến với nhận thức của bạn nghe đài.

Theo chỉ thị của "Henry", Guy mở rộng các quan hệ của mình, kết bạn với những người có vị trí quan trọng trong các cơ quan như Bộ Ngoại giao hay Bộ Quốc phòng. Khi còn chiến tranh, ông có thể ra vào các cơ quan đó bất kỳ lúc nào. Tất cả người gác cửa đều biết mặt ông, và ông có thể dễ dàng đi lại ở những nơi ngay cả các nghị sĩ cũng không được phép.

Cũng vào những năm này, Guy đặt quan hệ bạn bè với một nhân vật rất thú vị - Dennis Proctor - thư ký riêng của cựu Thủ tướng Stanly Bolduin. Proctor cũng tốt nghiệp Cambridge như Burgess, là thành viên hội Apostol và biết Burgess từ lâu trước khi Guy thi vào trường Đại học Tổng hợp. Proctor đã thẳng thắn tiết lộ

cho Burgess những khía cạnh khác nhau trong mối quan hệ chính trị giữa Anh và Mỹ. Ông đã chẳng ngần ngại kể chi tiết cho Burgess về các cuộc thương lượng bí mật giữa Rooserelt và Churchill trong thời gian hội nghị Casablanca tháng Giêng năm 1943. Ptoctor cũng thông báo với Guy một tin vô giá rằng quân Đồng minh dự định đổ bộ xuống Sisilia vào tháng Sáu năm 1943, còn cuộc đưa quân ồ ạt vào lãnh thổ Pháp bị hoãn đến năm 1944.

Tháng Tám năm 1943, quân Đức bị thất bại nặng nề trong trận đánh tại vòng cung Kursk, và vào lúc đó, trong một lần trò chuyện với Burgess, Proctor có nhắc đến "Góc phần tư" - cuộc gặp gỡ bí mật giữa Churchill và Roosenvelt diễn ra ở Quebec. Tại cuộc gặp gỡ này, hai vị nguyên thủ đã quyết định biến chiến dịch Overlord (đổ bộ lên bờ biển nước Pháp nhờ các xe tăng lội nước) thành mắt xích chính của giai đoạn kết thúc chiến tranh, cũng như tán đồng kế hoạch Địa Trung hải của Einsenhower dự định đổ bộ lên bán đảo Italia. Thông tin quý báu này được chuyển cho Stalin qua Burgess và đến nơi sớm hơn nhiều trước khi hai đồng minh của chúng ta báo cho Stalin về dự định của mình.

Địa vị của Proctor cho phép ông tiếp cận với không chỉ các tài liệu mật mà với cả các thông tin mật truyền miệng, mà người Anh không tin cậy giấy tờ do ý thức thận trọng sơ đẳng. Tất cả những gì viết ra đều để lại dấu vết. Anh chỉ cần nguệch ngoạc vài chữ ra giấy, thế

là đã có sự rò rỉ tin tức. Các tài liệu có cuộc sống và tương lai của nó, không khuất phục bất kỳ ai hết. Tại một vài cơ quan siêu bảo mật, nói chung không được phép viết lách để tránh cho mình mối nguy hiểm to lớn. Phương pháp duy nhất là truyền thông tin bằng miệng. Việc đó được thực hành ở tất cả các nước trên thế giới. Các nhà hoạt động chính trị và những người có chức trách gặp nhau, thảo luận công việc của mình, ra những quyết định, nhưng không có một ghi chép nào cả và không ghi biên bản. Như đã nói, Dennis Proctor tiếp cận được với những tài liệu đó và, ông chuyển chúng cho chúng tôi qua Guy Burgess, dù không hề ngờ rằng mình làm điều đó. Đó là một ví dụ khi giá trị của một điệp viên không chỉ được đo bằng việc được tiếp cận các tài liệu mật, mà còn bằng khả năng thu được các thông tin truyền miệng.

Điều đó không chỉ một lần được Guy Burgess chứng minh.

Burgess đặc biệt có tài trong việc thiết lập mối giao tiếp cần thiết với những người thuộc các tầng lớp xã hội khác nhau. Năm tháng đi qua, và giá trị chính của ông như một điệp viên của KGB đã chuyển từ kỹ năng tuyển mộ được những điệp viên hạng nhất sang việc thu thập thông tin mà không gây cho nguồn tin một mảy may nghi ngờ nào cả. Burgess có quan hệ thân thiện với người lao công, tài xế tắc xi, tuỳ viên của bộ

trưởng, các viên chức và nhà hoạt động chính trị, nhưng không một ai trong số họ là điệp viên của ông cả, mà điều đó cũng không cần thiết.

*

* *

Giống như Burgess, Anthony Blunt "chiến đấu" tích cực theo cách của mình. Ít lâu sau khi từ Bỉ trở về, Victor Rotshild đã giới thiệu ông với Guy Liddell, phó giám đốc Cục phản gián Anh. Tất cả những nghi ngờ ban đầu về lòng trung thành của Blunt hẳn là đã tiêu tan, bởi vì Liddell đã đề nghị ông giữ một vị trí ở MI-5. Khi Blunt vào làm việc ở đó, một phần nhiệm vụ do "Henry" (Anatoli Gorky) giao cho đã được hoàn thành.

Blunt nhanh chóng chiếm được cảm tình của cấp trên, mà chủ yếu là của Guy Liddell, người đã trở thành bạn thân của ông. Liddell là một nhân vật quan trọng trong số các nhân viên phản gián Anh; ông ta yêu thích công việc của mình, hoàn thành nó một cách khéo léo và tinh tường. Ông ta cũng rất thích Blunt, đến mức ông ta sẵn sàng kể cho Blunt nghe về những điều mà trong hoàn cảnh bình thường anh sẽ không dám kể, ngay cả cho vợ mình. "Ian" (bí số của tên Blunt) cũng có quan hệ tốt đẹp với Dick Whites - sếp tương lai của SIS. Họ thường xuyên gặp nhau, cùng ăn trưa tại nhà ăn và chuyện trò về mọi thứ trên đời. Blunt không bỏ lỡ bất kỳ một cơ hội nào để nói chuyện với Whites. Cả hai

đều rất yêu nghệ thuật; Whites là người văn hoá cao, ông cũng quan tâm đến những gì Blunt quan tâm, đặc biệt là kiến trúc, văn học và chủ yếu là hội hoạ. Họ nói không biết mệt về chúng. Những cuộc gặp gỡ cho họ dịp nghỉ ngơi khỏi công tác tình báo căng thẳng thời chiến và Whites cũng mừng rỡ được dịp trò chuyện thư giãn về những chủ đề ưa thích với nhân viên cấp dưới. Cũng như Liddell, Whites tự nhiên và chủ động chia sẻ với Blunt những ý nghĩ thầm kín.

Nhiều năm sau, khi biết Blunt là điệp viên của Liên Xô, Dick Whites rất thất vọng. Ông cay đắng vì Blunt đã "phản bội" lại tình bạn của họ. Vậy mà ông thực đã rất tin cậy bạn, kể cho bạn nghe những chi tiết, mà nếu để nó riêng rẽ thì tưởng chừng như vô hại, nhưng nếu tập hợp với những chi tiết khác thì nó lại mang tính chất sống còn.

Guy Liddell và Dick Whites quá đà trong các cuộc trò chuyện thân mật với Anthony Blunt đến nỗi tôi thậm chí cảnh giác: các tài liệu gửi đến khiến tôi phải nghi ngờ rằng dường như người Anh đã cố tình mớm cho chúng ta những tin tức giả. Blunt biết được rất nhiều so với những gì một nhân viên phản gián trẻ được phép biết. Vì thế tôi càng ngày càng ngờ vực, liệu họ có đang xỏ mũi chúng ta hay không? Nhưng thực tế chứng minh rằng tôi đã nhầm.

Qua Blunt, Đại sứ quán Liên Xô tại London được thông báo trước về bất kỳ một hành động nào của phản

gián Anh âm mưu chống lại chúng ta. Chúng ta biết được, họ đang quan tâm đến ai trong số cán bộ sứ quán và khi nào họ sẽ tiếp cận những người này. Chúng ta nắm được tên tất cả những người, theo ý kiến của người Anh là có thể có khả năng phản bội.

Chúng tôi cũng được thông báo tỷ mỷ về những hoạt động chống lại Đảng Cộng sản Anh của cơ quan phản gián Anh. Chúng ta biết, họ gài "bọ" ở đâu, tên những kẻ phản bội, ai làm gián điệp cho họ và họ thu thập những tin tức loại nào cho cơ quan phản gián. Một lần chúng ta còn nhận được tin tức cụ thể về chiến dịch được người Anh chuẩn bị chống lại Đảng Cộng sản Đan Mạch. Và tất cả các thông tin quan trọng đó là do Blunt cung cấp. Có thể, nó không ẩn chứa bí mật quốc gia hay vấn đề chiến lược toàn cầu, nhưng dù sao cũng làm cho vị thế của ta ở London thêm vững chắc.

Nhìn lại quá khứ, tôi có thể hoàn toàn tin tưởng mà nói rằng, trong phần lớn thời gian chiến tranh, chúng tôi có thể hoạt động ở thủ đô nước Anh trong những điều kiện lý tưởng là vì hầu như chúng tôi đã không mạo hiểm. Chúng tôi có một lợi thế to lớn: chúng tôi được biết trước, mình có thể tiến xa đến đâu trong công việc của mình trên thế giới. Có rất ít tình báo viên được hoạt động trong những điều kiện đảm bảo phi thường như vậy. Blunt là một kho tàng vô giá - và ông luôn là như vậy, bởi ông biết cách hoà hợp với lãnh đạo cơ quan phản gián nước mình, và họ không ngừng tin cậy ông.

*

* *

Nhiệm vụ riêng biệt đầu tiên mà người Anh giao cho Blunt là nghiên cứu các phương pháp giúp cho các nhân viên phản gián bộ phận theo dõi từ xa, theo dõi được đối tượng họ quan tâm, sau đó trình bày những đề nghị để hoàn thiện những phương pháp đó. Phải nói rõ rằng, mỗi một cơ quan tình báo đều có những ban có nhiệm vụ duy nhất là theo dõi mọi người, dù đó là nhà hoạt động chính trị, nhà báo hay các điệp viên nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước họ.

Blunt đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc, mất hàng tháng trời quan sát chăm chú các nhân viên theo dõi từ xa của tình báo Anh hoạt động như thế nào trong thực tế. Ông nghiên cứu kỹ lưỡng các phương pháp cải trang và định vị, quan sát các đội "từ xa" thay ca cho nhau và cách họ cắt liên lạc khi có nguy cơ bị phát hiện.

Sau đó ông viết một bản báo cáo, trong đó chỉ ra những điểm yếu trong hoạt động của đội theo dõi và đưa ra một số đề xuất giúp cho công việc của họ đạt hiệu quả hơn. Blunt đề nghị một loạt các phương pháp mới ngoài những phương cách tinh quái theo dõi đối tượng trong các tình huống khác nhau. Người theo dõi có thể đi bộ, đi xe, ngồi lỳ tại một điểm trong hàng rào mai phục vây quanh toàn bộ một khu vực nào đó, hoạt động một mình hoặc cả nhóm. Những phương pháp do

Blunt đặt ra đã được nhất trí, mã hoá và giới thiệu cho các điệp viên nghiên cứu. Và tất nhiên NKVD cũng gặt được phần của mình, bởi vì "Ian" đã chuyển bản phôtô báo cáo cho "Henry".

Tôi đọc bản báo cáo rất thích thú và phát hiện ra trong đó có nhiều mánh lới có thể dễ dàng áp dụng vào thực tế. Ví dụ khi bạn theo dõi một ai đó đang đi ngoài phố, bạn phải ở vị trí nào để không bị phát hiện? Đi cùng bên phố, đằng sau lưng đối tượng? Hay là đi bên vỉa hè đối diện? Không nhất thiết phải như thế. Có thể cách tốt nhất là bạn đi phía trước đối tượng, nếu có điều kiện thích hợp để làm việc đó, bởi vì người nghi ngờ khả năng có đuôi thì thường hay ngoái lại và quan sát những ai đi sau anh ta. Còn một thủ thuật nữa. Lần này là bạn cần cắt đuôi. Bạn bất ngờ quay người và đi ngược lại. Bạn sẽ bắt chộp được hắn; bạn đi ngang qua sát người hắn và hắn không thể lẩn theo bạn mà không bị phát hiện.

Báo cáo của Anthony Blunt giúp chúng tôi thích ứng được với các phương pháp của đối phương. Mà cái chính là chúng tôi hoàn thiện được hệ thống kiểm tra mà mỗi một điệp viên của ta buộc phải thực hiện trước khi bắt liên lạc. Tài liệu này rất bổ ích cho chúng tôi. Ví dụ, từ đó chúng tôi nhanh chóng xác định được ai trong số các cán bộ ngoại giao ta bị theo dõi, theo dõi khi nào và ai theo dõi. Từ ngày đó chúng tôi đánh lừa đội quân theo dõi từ xa dễ như trở bàn tay mà kẻ theo dõi không đoán ra gì cả. Họ không thể nào nghĩ được rằng, từ bên trong

cơ quan theo dõi của họ, nhân viên ngầm của ta đã dạy chúng ta mọi mánh lới.

*

* *

Guy Liddell hài lòng với công việc của Blunt đến mức nhanh chóng giao cho ông nhiệm vụ thứ hai: nghiên cứu những thông tin khai thác được ở các gián điệp Đức bị bắt làm tù binh. Các nhân viên trong cục của Liddell đã rất thành công trong việc bắt giữ các điệp viên Đức trên lãnh thổ Anh và ở nước ngoài - ở châu Phi hay các nước Cận Đông. Các gián điệp được đưa về London bị hỏi cung riết róng, lời khai của họ được ghi vào băng ghi âm, còn sau đó được các chuyên gia mang đi phân tích và so sánh với những tin tức nhận được từ các nguồn khác. Cuối cùng là lập ra được bản báo cáo tổng kết đặt lên bàn làm việc của Bộ trưởng Quốc phòng. Blunt nhanh chóng chiếm được uy tín của một nhà phân tích bẩm sinh: trực giác, sự nhậy cảm của một hoạ sĩ cộng thêm tính chính xác của nhà toán học đã khiến ông trở thành một chuyên gia rất có giá trị.

Sau thành công thứ hai, Dick Whites và Guy Liddell giao cho Blunt một nhiệm vụ quan trọng hơn, có phần mạo hiểm hơn. Họ muốn biết nội dung thư từ trao đổi của các chính phủ lưu vong được London cho phép cư trú, sứ quán các nước tham chiến và sứ quán các nước

trung lập (Thuỵ Sĩ và Thuỵ Điển), vốn luôn thu hút sự chú ý của tình báo Đức và Italia.

Lúc đó chỉ có một phương pháp vận chuyển thư tín ngoại giao. Các giấy tờ được chuyển đi trong valida[1], có dấu niêm phong quốc gia. Không một ai có quyền mở bao thư, chứ chưa nói đến việc chiếm cái bao ngoại giao ấy. Các chính phủ lưu vong không có điều kiện để sử dụng thủ tục ấy, vì vậy họ gửi thư tín ngoại giao qua bưu điện thường, chỉ niêm phong bao đựng chắc chắn hơn.

Các điệp viên của Blunt tất nhiên là chặn lấy các bao đó, chuyển ngay đến các chuyên gia, những người này mở bao mà không để lại một dấu vết nhỏ nào. Các tài liệu được lấy ra, chụp lại, rồi để vào như cũ, đóng dấu niêm phong và gửi đi tiếp theo cách thức hợp pháp thông thường nhất. Mẻ lưới thường là rất nặng tay: trong bao không chỉ có những xuyên tạc ngoại giao thú vị, mà còn có cả ý kiến của các nhà ngoại giao đang sống lưu vong về đường lối của Anh, liệt kê những sự giúp đỡ họ nhận được từ các nhà lãnh đạo Anh, và thông tin về tư tưởng chống đối của một số người khác. Trong đó có thông tin về việc tổ chức phong trào chống

---

(1). Valida - bao đựng thư của giao thông viên ngoại giao, là thứ bất khả xâm phạm.

đối tại đất nước mình, về những bất đồng nội bộ trong phong trào đó và cả đống những thông tin khác, có thể là mối quan tâm to lớn của KGB trong thời gian chiến tranh khi những nước này chuẩn bị được giải phóng khỏi sự xâm lược của phát xít Đức. Vì thế ngay từ trước tháng Hai năm 1944, chúng tôi đã biết rằng, chính phủ Ba Lan lưu vong không đồng ý công nhận "Phòng tuyến Kerdon"[(1)] như đường biên giới tương lai giữa Ba Lan và Liên Xô.

Như vậy là "Ian" đã thành chuyên gia mở các bao thư ngoại giao, nghiên cứu các tài liệu có thể được một trong hai sếp quan tâm đến, và chụp ảnh chúng. Thư tín ngoại giao của Thuỵ Sĩ, Thuỵ Điển, Đan Mạch, Bỉ, Ba Lan và Tiệp Khắc luôn luôn đến tay Blunt trước, rồi mới gửi đi theo địa chỉ. Hiển nhiên là bản chụp bất kỳ tài liệu nào có thể khiến chúng ta quan tâm đều được chuyển cho "Henry". Không ít lần, Blunt đã bổ sung vào các tài liệu lời bình luận của mình, làm rõ mặt trái của tấm huân chương - nói cách khác, ông đã cho biết ý kiến của Chính phủ Anh về các chính phủ lưu vong và về mối thiện cảm cũng như ác cảm giữa những người đứng đầu cơ quan tình báo Anh và một số nhà hoạt

---

(1). "Phòng tuyến Kerdon" - Tên gọi quy ước đường ranh giới, do hội đồng Xô viết tối cao Antanta đề xuất tháng Mười Hai năm 1919 như là đường biên giới phía đông của Ba Lan.

động nổi bật của Ba Lan, Tiệp Khắc, Bỉ và Đan Mạch, lúc đó đang có mặt ở Anh.

Một thời gian Blunt còn chỉ đạo việc tuyển mộ điệp viên trong hàng ngũ đại diện các chính phủ lưu vong cho ngành phản gián. Trong việc này ông đặc biệt thành công và đã chuyển tên của họ cho chúng tôi.

Vào năm thứ hai và thứ ba của cuộc chiến tranh, tin tức do "Ian" cung cấp đã biến ông thành một trong các điệp viên xuất sắc nhất của ta ở Anh, dù giờ đây tôi khó mà nói được, ai trong số thành viên "bộ ngũ" có cống hiến to lớn nhất cho chúng ta. Blunt làm việc trong một chương mục khác so với Maclean. Mặt khác, ông lại cung cấp những thông tin cùng thể loại với thông tin của Philby, điều đó cho phép chúng tôi so sánh độ tin cậy nguồn tin của họ, mà điều đó luôn rất có lợi.

Anthony Blunt thường thức trắng đêm, làm việc cho cả hai ông chủ - phản gián Anh và tình báo Liên Xô. Cuộc sống hai mặt đó hình như không làm ông lúng túng chút nào. Blunt vẫn khéo ăn ở và lịch sự với đồng nghiệp của mình, nhưng đồng thời giữ một khoảng cách nhất định với họ. Tại KGB còn lưu giữ hồ sơ của ông trong đó có kèm thêm một tài liệu đáng tò mò về thời ấy. Tôi không biết tại sao (bởi việc này không lặp lại với bất kỳ người nào khác), nhưng Trung tâm muốn bằng mọi cách để Blunt nhận tiền của chúng ta vì công việc của mình. Có lẽ, đây là cách khống chế ông chăng? Suốt mấy năm liền ông kiên quyết chối từ đề nghị nhận tiền

của Henry. Nhưng rồi một lần, việc này khá là khó hiểu, Blunt đã đồng ý nhận một khoản tiền nhỏ - 200 bảng Anh. Tờ giấy biên nhận của ông đập ngay vào mắt khi ta giở hồ sơ của ông tại Moscow ra, nhưng lưu nó lại để làm gì, không ai có thể đoán được. Một tờ biên nhận duy nhất chưa chắc có khả năng chứng minh là ta đã mua được Blunt và trả tiền đều đặn cho công sức của ông.

Qua "Henry" Trung tâm đã mấy lần chúc mừng Blunt vì thành tích nổi bật trong công việc: cụ thể là khi ông gửi cho ta lịch hoạt động cụ thể của cơ quan phản gián Anh và danh sách đầy đủ các điệp viên của họ ở nước ngoài. Bất kỳ một mẩu thông tin nào do ông thu nhặt được trong công việc hàng ngày của mình ở cơ quan hay từ các bạn bè và đồng nghiệp đều được Blunt sắp xếp lại rõ ràng và chính xác tuyệt vời rồi chuyển thẳng cho điệp viên ngầm của ta tại London.

Cái tài khiêm tốn nhất của Blunt chính là khả năng khéo léo chiếm được sự tin cậy của tất cả các đồng nghiệp, từ những người cấp cao nhất đến cấp thấp nhất. Blunt được tin cậy đến mức người nào cũng "giao phó" những ý nghĩ của mình cho ông mà không lo ngại mảy may. Ví dụ, ông đã mấy lần thông báo cho chúng tôi chi tiết về chiến lược của Wehrmacht[1] và những

---

(1). Tên gọi đội quân phát xít Đức trong những năm 1935 - 1945 (BT)

chiến dịch nó tổ chức tại nước Nga. Để có được những thông tin này, Blunt đã nhờ đến bạn mình, Leo Long, người cùng học ở Cambridge với ông và do ông tuyển mộ năm 1935. Long làm việc tại bộ quân quản, được tiếp cận với công tác giải mật mã ở Blechli Park và có thể thoải mái đọc những tin báo đã được các chuyên viên của Blechli giải mã. Những tin tức được sàng lọc qua Long và được Blunt chuyển cho chúng tôi đã bổ sung hoặc khẳng định những sự kiện mà Philby cung cấp. Trong thế giới tình báo, càng có nhiều thông tin từ nhiều nguồn khác nhau về cùng một vấn đề thì tính xác thực của nó càng cao.

NKVD chưa bao giờ liên hệ trực tiếp với Long. Chúng tôi biết ông ta là người cung cấp tin chính của Blunt, nhưng riêng tôi không thể nói được cụ thể những tin nào khởi nguồn từ ông, bởi vì tất cả đều được coi là của Blunt, như một điều hiển nhiên nhất trên đời. Trong hồ sơ lưu trữ của KGB, tên Leo Long không xuất hiện trong tập tài liệu do các điệp viên của ta ở Anh cung cấp và được sắp xếp theo trình tự thời gian.

Blunt càng quý giá gấp đôi với chúng tôi, bởi vì ông có thể đọc được hồ sơ của ngành phản gián Anh về các nhà ngoại giao của ta ở London. Và ông không bao giờ do dự: đọc hay là không đọc chúng. Như tôi được biết, những hồ sơ này không chứa đựng điều gì thực quan trọng cả, nhưng khi người Anh âm mưu một hành động nào đó chống lại các công dân Xô viết, ví dụ như muốn tuyển mộ hay thậm chí bắt giam người nào đó, có thể

tin tưởng rằng Blunt sẽ cho chúng tôi biết ngay lập tức.

*

* *

Còn một tập hồ sơ nữa tôi được tự do nghiên cứu là hồ sơ về Donald Maclean, người mang nhiều bí danh khác nhau - "Steward", "Waise", "Lirik", "Gomer". Trong tất cả các điệp viên Cambridge của ta, tôi biết riêng về Maclean ít nhất. Và lần đầu tiên tôi gặp ông là tại Moscow, sau khi nhiệm vụ hoạt động của ông đã chấm dứt. Nhưng tôi đã từng xử lý phần chính nhất các tài liệu do ông gửi cho Trung tâm, vì vậy tôi biết rất rõ, ông là ai, làm việc như thế nào và cung cấp những thông tin gì.

Cha của Donald Maclean, ngài Maclean, - tín đồ Canvanh giáo, là luật sư, đã từng hoạt động chính trị vào buổi đầu lập nghiệp. Ngài Donald là người theo phái tự do. Ông giữ chức vụ Bộ trưởng Giáo dục trong Chính phủ Stanly Bolduin[1], và cũng như cha mình, ông khá hờ hững với các con. Donald Maclean - con lớn lên là một đứa trẻ nhạy cảm, ít giao tiếp, sống co kín.

Khi cậu còn rất bé, người ta gửi cậu đi học ở trường Greshem tại lãnh địa Norfolk. Cậu bé có nhiều khả năng tốt, nhưng cậu không kết bạn với các bạn cùng học (ngoại trừ James Crugman), và các bạn cũng không

---

(1). Bolduin Stanly (1867 - 1947) - Thủ tướng Anh những năm 1923 - 1929 và 1935 - 1937.

thu nhận cậu vào hội của mình. Sự cô đơn theo suốt tuổi thanh niên không thể không để lại dấu ấn không phai mờ trong quãng đời tiếp theo.

Tốt nghiệp phổ thông ở Greshem, năm 1931 Maclean thi vào Trường Cao đẳng Triniti thuộc Trường Đại học Tổng hợp Cambridge, khoa ngoại ngữ và văn học. Tại đây Maclean gặp Guy Burgess, hai người đôi khi nói chuyện về chính trị và học thuyết mácxít đến tận đêm khuya. Càng ngày càng bị rơi vào ảnh hưởng của Burgess, ông không thể không tiếp nhận thái độ ác cảm ra mặt đối với nước Mỹ nói riêng, và đối với chủ nghĩa tư bản nói chung.

Ông nổi tiếng giữa các sinh viên như là người ưa phù hoa do vẻ ngoài chải chuốt và khinh thị, nhưng thực ra, lòng tự cao tự đại chỉ là tấm bình phong che đi những niềm say mê sôi sục. Như phần lớn các sinh viên Cambridge và Oxford thời đó, ông chủ yếu chỉ quan tâm đến thể thao và chính trị. Sự khổ cực của dân lao động những năm 30 đã gợi lên niềm phản kháng mãnh liệt trong Maclean và ông đã dễ dàng xích lại gần những người cộng sản. Khác với Blunt không thích công khai nói lên tư tưởng chính trị của mình, và khác cả Blunt dù có nói đến khàn giọng về chính trị vẫn không để lộ quan điểm của riêng mình, Maclean tham gia vào các cuộc biểu tình và cho mình là một chiến sĩ đấu tranh không nhân nhượng và cứng rắn vì sự công bằng.

Một lần tôi nhìn thấy bức ảnh đăng trên báo Anh:

Donald Maclean quả quyết sải bước đi đầu đoàn công nhân. Đó là một con người sẵn sàng hy sinh tất cả vì sự nghiệp chính nghĩa.

Maclean trung thành với lý tưởng cộng sản đến ngày cuối cùng của đời mình. Ông tin rằng, chủ nghĩa Mac - Lênin là học thuyết đúng đắn duy nhất. Thậm chí ở Cambridge, các bạn thường nghe ông nói, ước mơ tha thiết của ông là dạy các trẻ em Nga học tiếng Anh. Tại sao lại tiếng Anh? "Bởi vì, ông trả lời, - cách mạng thế giới sẽ kết thúc theo kiểu Anh. Người dân Nga phải biết tiếng Anh".

Suốt đời Maclean ấp ủ ước mơ làm thầy giáo, rèn giũa và dạy dỗ lớp trẻ. Ông không phải là người sinh ra để sống trong môi trường gián điệp nặng nề, đòi hỏi người điệp viên phải có sức chịu đựng lớn lao. Cuộc sống đó vô cùng hành hạ ông.

Khác với nhiều người, Maclean không công khai ủng hộ Đảng Cộng sản. Ông tham dự vào đường dây ngầm, dường như lúc đó Maclean đã đoán được trước số phận mình. Biểu hiện đầu tiên đời sống hai mặt của ông là việc phải giấu diếm cha - lúc đó ông này vừa mới nhậm chức Bộ trưởng Giáo dục trong Chính phủ Ramsey Mc Donald[1] - về chủ nghĩa vô thần vừa mới tiếp nhận cũng như mối cảm tình với chủ nghĩa xã hội. Nhưng số

---

(1). McDonald James Ramsey (1866 - 1940) - Thứ trưởng Anh năm 1924 và từ năm 1929 - 1931.

phận đã sắp đặt ngài Donald không được ngồi lâu trên địa vị của mình: Năm 1932, ông đột ngột qua đời.

Maclean hoạt động ngầm cho đến năm 1934 thì được nhận vào đường dây Cambridge. Có ba giả thuyết về sự thực này. Giả thuyết thứ nhất - đưa Maclean vào đường dây là James Crugman, bạn học ở trường phổ thông Greshem và sau này cùng là sinh viên Trường Cao đẳng Triniti. Nguồn tin khác lại cho rằng Burgess đã tuyển mộ ông. Maclean và Burgess từng có mối quan hệ đồng tính luyến ái trong thời gian ngắn. Giả thuyết thứ ba lại là chính Philby đã thuyết phục được Maclean làm việc cho Liên Xô chống lại chủ nghĩa phát xít. Tôi không biết giả thuyết nào trong số đó là chính xác. Và mặc dù vấn đề đó làm tôi rất quan tâm nhưng tôi cũng không tìm thấy trong hồ sơ của Maclean chút dẫn chứng nào về việc ông đã được tuyển mộ ra sao. Phải thú nhận rằng, thời đó công việc của các điệp viên ngầm khó có thể gọi là xuất sắc được. Họ gửi về Moscow những bản báo cáo cẩu thả, không đầy đủ, và một sự kiện quan trọng như việc tuyển mộ Maclean đã bị bỏ qua.

Tháng Sáu năm 1934, Donald Maclean tốt nghiệp Cambridge với bằng hạng nhất. Tiếp theo đó, liên lạc của ta với ông được thực hiện qua Philby. Một số chuyên gia cho rằng, Theodore Mali và Arnold Doich đã bắt liên lạc với Maclean vào thời kỳ này. Họ còn khẳng

định rằng, Maclean đã cắt đứt liên hệ với cộng sản theo yêu cầu của Doich. Những người này đã nhầm. Mãi tháng Năm năm 1934, Doich mới đến London, và ông làm quen với Maclean còn muộn hơn, gần như là cuối năm. Còn Mali thì không có mặt ở London cho đến đầu năm 1936.

Cũng như trong trường hợp với Burgess, Trung tâm đề nghị ông tìm việc làm trong các cơ quan chính phủ, tốt nhất là ở Bộ Ngoại giao. Donald đồng ý, nhưng có thể thấy rằng, ý tưởng đó chẳng làm ông thích thú.

Mùa hè năm 1934, ông nói với mẹ rằng mình không định đi dạy tiếng Anh ở nước Nga nữa, mà muốn thử sức trong lĩnh vực ngoại giao. Mary Maclean, vốn biết rõ quan điểm chính trị của con trai, rất ngạc nhiên, nhưng đồng thời rất vui mừng trước sự thay đổi đột ngột này.

Donald bắt đầu chuẩn bị cho kỳ thi bắt buộc vào Bộ Ngoại giao được ấn định vào tháng Tám năm 1934. Ông tốt nghiệp xuất sắc Trường Đại học Tổng hợp, nhưng cơ hội của ông không lớn do có quan hệ với những người cộng sản. Có khoảng một trăm người - mà đó đã là quá nhiều - biết chắc chắn rằng, Donald nằm trong một đường dây cộng sản bí mật. Phòng nhân sự tất nhiên là nắm được tin tức này.

Ông qua tất cả các kỳ thi một cách tốt đẹp. Đến lượt kỳ phỏng vấn, người ta tuyên bố thẳng thừng với ông:

- Ngài Maclean, có tin đồn là ngài có những tư tưởng cộng sản, mà như ngài biết, điều đó làm khả năng ngài vào Bộ Ngoại giao là không thể.

Donald đã sẵn sàng với câu hỏi này.

- Đúng, đã có lúc tôi tin vào lý tưởng cộng sản, - ông trả lời. - Nhưng không phải chỉ có một mình tôi tin. Và đến bây giờ tôi cũng vẫn chưa hoàn toàn đoạn tuyệt chúng, nhưng tôi đã rút ra được những kết luận dứt khoát cho mình.

Câu trả lời nhằm mục đích xua tan mối nghi ngại của các quý ông đáng kính nắm quyền quyết định số phận của ông. Và quả nhiên, tháng Mười năm 1935, Donald Maclean đã được nhận vào Bộ Ngoại giao làm thư ký vụ phương Tây, gồm Hà Lan, Thuỵ Sĩ, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Ông là người đầu tiên trong bốn người bạn chiến đấu của mình lên được đến bộ máy quyền lực cao cấp nhất của nước Anh.

Đến London vào đầu năm 1936, Theodore Mali đã nhận Donald Maclean về chỗ mình. Ông huấn luyện Maclean về những cơ sở của công tác tình báo. Ông dạy cách khai thác thông tin, cách gửi nó về Trung tâm, cách thoát khỏi bị theo dõi. Mali còn dạy cho người thanh niên trẻ tính kiên nhẫn. Để kiểm tra khả năng, ông đã giao cho Maclean cùng với các thành viên còn lại của nhóm nhiệm vụ đầu tiên, là theo dõi các nhân vật

thân phát xít trong giới cầm quyền Anh. Maclean đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ đó, và còn thu thập được thêm một số những tin tức, tất nhiên là loại hai, về cuộc chiến tranh ở Tây Ban Nha. Tuy nhiên, chúng không xuất hiện trong hồ sơ mà tôi được đọc tại Moscow.

Nhưng cả NKVD, cả Doich, cả Mali lúc này đều chưa quan tâm đến chất lượng thông tin Maclean thu thập được. Họ quyết định "để dành" ông, để sau này khi có thời điểm thích hợp, nói cách khác là dành cho ông cơ hội chiếm được vị trí đáng kể trong Bộ Ngoại giao. Doich và Mali, những người đang đến gần kết cục bi thảm, những bậc thầy trong nghề của mình, đã đặt hy vọng vào Donald Maclean. Ông đã thể hiện mình xuất sắc trong công việc đến nỗi, vào đầu năm 1938 Bộ đã cử ông giữ chức vụ Bí thư Sứ quán Anh tại Paris. Maclean đã rất vui khi nhận nhiệm vụ này. Trong bức thư gửi Đại sứ Anh tại Pháp, sếp của Maclean đã viết: "Sau hai năm làm việc tại Bộ Ngoại giao, Donald Maclean đã tỏ ra là một công chức tuyệt vời. Đây là con người lịch lãm thông minh và được rèn giũa tinh xảo". Nhưng cũng phải nói ở đây rằng, đồng nghiệp trong Bộ không có thái độ thán phục Maclean đến như vậy.

Donald thấy yêu mến Paris. Ông nhanh chóng hoà nhập vào bầu không khí tự do nghệ sĩ của thủ đô nước Pháp, gặp gỡ với các hoạ sĩ, nhà văn, những người Mỹ

giàu có, giới sinh viên. Những thông tin của ông về cuộc chiến tranh Tây Ban Nha, cuộc chiến đã gần kết thúc, giờ đây quý giá hơn nhiều: trong đó có nói đến người tị nạn, các tù binh chiến tranh và về thái độ của Chính phủ Pháp đối với chế độ Franco. Tất cả những gì ông thấy đáng quan tâm, ông đều dễ dàng gửi về trụ sở của NKVD tại Paris. Nhưng không có một dấu vết nào về các báo cáo của Maclean trong hồ sơ lưu trữ của KGB. Tôi nghĩ rằng chúng đã bị huỷ trong cuộc tản cư khi quân Đức tiến công gần đến Moscow.

Trên cương vị mới của mình, Maclean đã làm việc nỗ lực và có hiệu quả, dễ dàng bỏ xa các đồng nghiệp khác. Mùa xuân năm 1940, ông đã là Bí thư thứ Ba sứ quán. Bạn bè và đồng nghiệp dự đoán ông sẽ là Bí thư thường trực Bộ Ngoại giao - chức vụ cao nhất trong cơ quan ngoại giao Anh.

Thời kỳ này, Donald gặp người vợ tương lai Melinda Marling, một phụ nữ Mỹ thông minh, giàu có, lúc này đang sống ở Paris. Donald yêu Melinda đến mất trí, còn Melinda lúc đầu lại lạnh nhạt với ông. Nhưng sự chống cự của cô nhanh chóng yếu đi, và đôi trẻ cưới nhau, họ đăng ký kết hôn tại Phòng số bảy của Toà Thị chính tại Ru de Grenel.

Vài ngày trước đám cưới, Donald đã thú thật với vợ, mình là điệp viên của NKVD. Bà chấp nhận dễ dàng tin này và hứa sẽ luôn ủng hộ chồng, cho dù có chuyện

gì xảy ra đi chăng nữa. Melinda đã trân trọng giữ gìn lời hứa với chồng. Để có thể nhận gánh nặng suốt đời ấy lên đôi vai mình, phải là người yêu rất mãnh liệt. Tôi nghĩ sự thực là như vậy. Đến bây giờ, Marling vẫn khẳng định rằng cho đến trước cuộc chạy trốn bất ngờ khỏi nước Anh của ông vào năm 1951 bà không biết gì về mối quan hệ của chồng với NKVD.

Năm 1940, quân Đức vượt biên giới Pháp và đến gần cửa ngõ Paris. Thay cho tuần trăng mật, vợ chồng Maclean phải lo cứu mạng mình. Sứ quán Anh hỗn loạn: cả đại sứ lẫn nhân viên đều tầm thường như nhau, người nào cũng chỉ nghĩ làm sao nhanh chóng quay về được Anh. Chỉ có Maclean và thêm một vài cán bộ nữa là không mất bình tĩnh. Họ lên kế hoạch tản cư rõ ràng, gom tất cả các tài liệu của sứ quán lại, huỷ một số, chỉ đưa theo những gì quan trọng hơn. Thái độ tự chủ, nhanh trí và lòng quả cảm của Maclean sau này đã được cấp trên đánh giá và ghi nhận.

Maclean và vợ là những người cuối cùng rời toà nhà sứ quán. Họ không để lại gì cho quân Đức cả. Họ đi ô tô đến hải cảng. Và thật đúng lúc: chiếc tàu ca nô phóng ngư lôi cuối cùng đang rời bến đến nước Anh.

Ngay sau khi về đến Anh, Donald được điều về làm việc tại Bộ Ngoại giao với chức vụ Bí thư thứ Hai. Mặc dù đó chưa phải là địa vị đặc biệt cao cấp, nhưng nó cũng cho phép ông tiếp cận được với nhiều tài liệu, cụ

thể là những tài liệu liên quan đến mối quan hệ của Bộ Ngoại giao với Bộ Tư lệnh hải quân, Bộ Cung ứng và Bộ Quốc phòng.

Sau khi ổn định cuộc sống gia đình ở London, Melinda về Mỹ với người thân một thời gian. Cô cần phải nghỉ ngơi. Tháng 12 năm 1940, cô sinh một đứa con, nhưng nó chết trong bụng mẹ. Một mình ở London, Donald đã rơi vào trầm uất nặng nề, điều đó ảnh hưởng đến công việc của ông. Mặc dù vậy Donald vẫn tiếp tục chuyển cho liên lạc viên của mình - Gorky ("Henry") nhiều thông tin có giá trị. Ông được tự do tiếp cận với thư tín ngoại giao, cụ thể là với thư từ trao đổi giữa người Anh và người Mỹ. Len lỏi trong giới cao cấp Bộ Ngoại giao, ông cũng chuyển cho chúng tôi nội dung những cuộc nói chuyện diễn ra ở đó.

Sau cuộc tấn công vào Liên Xô của quân Hitler, Maclean như rũ được cơn trầm uất khỏi mình. Cùng lúc đó ông được phép tiếp cận với những nguồn thông tin quan trọng hơn, bao gồm điện tín và tài liệu xuất phát từ Phòng quân sự Văn phòng bộ trưởng. Cơ quan mới thành lập này có nhiệm vụ phối hợp giải quyết tất cả các vấn đề liên quan đến diễn biến hàng ngày của cuộc chiến tranh. Có mặt trong các kỳ họp của phòng là tất cả thành viên nội các, những người có trách nhiệm định ra đường lối quân sự của Anh đối với nước Đức.

Donald Maclean cũng nhận được hàng đống tài liệu từ Bộ Tổng tham mưu, cộng thêm việc được xem qua thư tín của Bộ Ngoại giao và các đại diện của nó ở nước ngoài. Việc trao đổi thư từ với Washington khiến chúng tôi vô cùng quan tâm, cũng giống như thư tín của Bộ Ngoại giao Anh với đại diện lực lượng Đồng minh đóng ở Anh. Stalin, dù được coi là đồng minh chính thức của tướng Vladislav Sikorski, người đứng đầu Chính phủ Ba Lan lưu vong, nhưng lại rất nghi ngờ ông này. Vì thế Stalin đã vui mừng vô cùng khi một buổi sáng, người ta đặt lên bàn làm việc của ông tại Kremli bản tóm tắt cụ thể về các cuộc trao đổi của Sikorski và người Anh, trong đó phía Anh đã cho phép mình có những nhận xét thiếu tôn trọng về Stalin. Toàn bộ tài liệu này do Maclean cung cấp cho ta.

Tin tức của Maclean chỉ hạn chế ở những vấn đề liên quan trực tiếp đến Liên Xô. Ông được tiếp cận với cả những tin tức khác, nhưng bao quát tất cả thì không thể được. Tuy vậy, ông cũng cung cấp cả những tin tức chúng tôi đặc biệt quan tâm theo những nhiệm vụ riêng rẽ khác. Ví dụ, năm 1943 "Henry" yêu cầu ông tập trung chú ý vào quan hệ Anh - Pháp. Thời gian này, Anh và Pháp bất đồng ý kiến về số phận sau chiến tranh của các thuộc địa của Pháp và các nước vùng Cận Đông. Liên Xô, sau khi đã nhanh chóng công nhận Ủy

ban giải phóng dân tộc của Pháp và tướng De Gaulle[1], giờ muốn biết, Pháp có khôi phục lại đế quốc của mình sau khi chiến tranh kết thúc hay không. Và người Anh cũng tỏ rõ mong muốn cho một số thuộc địa của Pháp được độc lập. Maclean đã cung cấp tin tức chính xác về vấn đề này cho chúng tôi.

Tháng Ba năm 1944, khi tôi bắt đầu phụ trách đường dây Cambridge, Donald Maclean đã nhận chức vụ Bí thư thứ nhất sứ quán Anh tại Washington. Đối với KGB, đây là chiến thắng đáng kể, còn đối với chính Maclean, đây là bài ca khải hoàn của riêng mình. Vì ông đã khôn khéo che giấu được mối ác cảm nội tâm đối với người Mỹ. Khi vợ chồng Maclean đi qua cửa sát hạch nhập cư vào Mỹ, Melinda đã nói rất tự nhiên địa chỉ tương lai của mình là Đại sứ quán Anh tại Washington, còn Donald thì khai sẽ sống tại New York với bố vợ, ngài Danberg, chồng thứ hai của mẹ Melinda.

Trung tâm đã gắn hoạt động của Maclean với một ý nghĩa nghiêm túc và đặt vào ông niềm hy vọng to lớn

---

(1). Charles de Gaulle (1890 - 1970) - Tổng thống Pháp từ 1959 đến 1969. Năm 1940, ông đã thành lập tại London phong trào yêu nước "Nước Pháp tự do" (từ năm 1942 "Nước Pháp chiến đấu"). Năm 1941, ông trở thành người lãnh đạo Ủy ban dân tộc Pháp, năm 1943 - 1944 phụ trách Ủy ban giải phóng dân tộc được thành lập ở Angiêri.

đến mức đồng ý với yêu cầu của ông: chỉ tiếp tục liên lạc với liên lạc viên "Henry" tại London. Vì lẽ đó, tháng Mười năm 1944, "Henry" được cử đến Mỹ, tại đây ông chỉ chú tâm vào một mình Maclean, giờ được Trung tâm đặt cho bí danh mới "Gomer". Nhu cầu được luôn luôn làm việc với cùng một nhóm người là một trong những điểm yếu riêng của Maclean. Ông thể hiện nguyên tắc rất kỹ lưỡng về an toàn của bản thân. Là người rất thận trọng, Donald kiên quyết từ chối gặp gỡ bất kỳ ai trong trạm NKVD ở Washington nếu như ông chưa biết rõ người ấy.

Lãnh đạo NKVD không thể kìm nổi niềm vui. Chúng ta không hình dung được Maclean hoạt động như thế nào tại Washington, nhưng qua các thành công đã có của ông, ta tin chắc rằng ở đây hoạt động của Maclean sẽ có hiệu quả. Chúng ta đã thể hiện lòng kiên nhẫn và tầm nhìn xa khi gài điệp viên của mình vào chức vụ quan trọng trong giai đoạn quyết định của cuộc chiến tranh. Quân Đồng minh sắp đổ bộ xuống Normandie và chúng ta sốt ruột chờ đợi diễn biến của sự kiện này.

Khi tôi được giao nhiệm vụ chỉ đạo đường dây Cambridge tất cả nhân viên của Cục I (Cục tình báo nước ngoài) đều cảm thấy niềm tự hào to lớn trước việc sử dụng thành công hai điệp viên hiệu quả Donald Maclean và Kim Philby. Họ chiếm được vị trí rất trọng

yếu trước ngưỡng cửa cuộc chiến tranh lạnh như Sứ quán Anh tại Washington và Cục tình báo chỉ đạo cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cộng sản của Anh.

Chưa một cơ quan tình báo nào trên thế giới, cả trước và sau chiến tranh, đạt được một thắng lợi to lớn đến như vậy.

CHƯƠNG IV

NHỮNG NGƯỜI TRONG BÓNG TỐI

Vào năm 1944, khi tôi bắt đầu xử lý các tài liệu do các điệp viên Cambridge gửi về, thậm chí tôi còn không dám mơ ước đến một ngày sẽ được gặp họ. Tôi chỉ biết họ qua các tài liệu của KGB và qua các báo cáo của các nhân viên tình báo của ta tại London. Những tài liệu này tôi phải thu thập từng mẩu một, hiểu đúng theo nghĩa đen của từ này. Tôi nhanh chóng hiểu ra người chỉ đạo họ, lúc đó là Anatoli Borisovich Gorsky ("Henry"), đã đánh giá không đúng về những người dưới quyền mình. Đặc biệt là về Burgess, ông ta cho Burgess là kẻ bịp bợm, phiêu lưu, dối trá và say rượu. Bản thân Gorky là nhân viên quèn ở NKVD, sau đó, trước khi chiến tranh nổ ra, vào làm việc tại sứ quán và được thăng tiến nhờ có cuộc thanh lọc năm 1938. Ông ta cũng có những ưu điểm, ví dụ như tính kiên trì, nhạy cảm ngoại giao, nhưng còn cách nhìn nhận các điệp viên nói chung và quan hệ với họ thì đáng phải phàn nàn.

Áp lực thô thiển của Gorky cho phép ông vắt được tối

đa tiềm năng ở một số điệp viên, nhưng trong tâm khảm ông, tâm khảm của một nhà lãnh đạo thì chỉ có một nguyên tắc, theo tôi là xúc phạm đến người khác: "hãy đòi hỏi nhiều hơn, sẽ nhận được nhiều hơn". Ông ta giữ thái độ kiêu ngạo đối với các điệp viên, thể hiện mình là cấp trên quan trọng, hạ thấp kết quả lao động của họ, thậm chí cả khi họ mang được về những tài liệu xuất sắc. Tất cả những cái đó khiến các điệp viên của ta ở Anh phải bực mình. Họ vẫn nhiệt tình giúp đỡ ta, vì chúng ta sẵn sàng chịu mạo hiểm, nhưng họ không kính trọng Gorsky.

Lúc đầu tôi coi báo cáo của Gorsky là sự thật thông thường, nhưng khi "Henry" bị thay bằng Boris Mikhailovich Kretensind (ông là Kreshin, sau là Krotov), thì ý kiến của tôi về các điệp viên Cambridge hoàn toàn thay đổi. Kreshin cũng hiệu quả và thông minh không kém gì người tiền nhiệm, nhưng sự giống nhau của họ chỉ dừng lại ở đó. Là người lịch thiệp, nhã nhặn, Kreshin đã làm mọi cách để các điệp viên của ta thấy hứng thú khi làm việc với ông và sau này đã có những nhận xét rất ấm lòng về ông. Kreshin đối với họ rất thân tình, không bao giờ ra lệnh, mà chỉ lịch sự nhận xét: "Sẽ rất tuyệt vời nếu anh làm được việc đó". Chỉ có thế.

Theo nhận xét của Kreshin, Burgess hiểu rất sâu sắc các vấn đề của cuộc sống. Ông đặc biệt thán phục học vấn sâu rộng của Burgess. Khi tôi gặp Kreshin tại

Moscow, ông nói ngay với tôi rằng theo ông, Burgess trọn vẹn tâm hồn trung thành với chúng ta, đó là sự thật: ông uống rượu và bị bệnh tình dục đồng giới, khó tính, có khi còn hay gây gổ, hay làm náo động. Mặc những điều đó, bức chân dung Burgess do Kreshin vẽ nên rõ ràng là hấp dẫn.

Đến cuối năm 1944, bên cạnh bốn điệp viên mà tôi được giao trách nhiệm chỉ đạo xuất hiện thêm một cái tên nữa - John Cairncross ("Carel"). Ông trở thành người thứ năm trong đường dây Cambridge. Trước đó, Cairncross đã thỉnh thoảng tiếp xúc với các điệp viên khác của ta, nhưng không gia nhập nhóm của họ.

Khi nghiên cứu hồ sơ của ông, tôi có cảm giác, con đường của người điệp viên này hoàn toàn không thông thường chút nào. Ông sinh năm 1913 (ở Glasgow) trong một gia đình thuộc tầng lớp trung lưu. Tuy vậy, anh trai Aleks của ông, người không có quan hệ gì với chúng ta, đã xây dựng được một sự nghiệp sáng chói. Là một chuyên gia kinh tế, ông giữ chức vụ cao trong một cơ quan Chính phủ. Hai anh em luôn giữ quan hệ thân tình với nhau.

Sau khi tốt nghiệp Học viện Hamilton ở gần Glasgow John Cairncross thi vào khoa ngôn ngữ hiện đại Trường Đại học Tổng hợp Cambridge. Ngay từ đầu, ông đã cảm thấy rằng, nguồn gốc xuất thân "thấp kém" sẽ không cho phép ông thăng tiến. Phải khó khăn lắm John mới chịu đựng được những lời mỉa mai khinh rẻ

và những trò tai quái của các bạn cùng khoá. Tuy vậy, ông học rất tốt, được chọn làm ứng cử viên nhận học bổng học môn văn học Pháp tại Trường Đại học Sorbonne. Thời đó, cơ hội như vậy rất hiếm gặp. Chàng thanh niên Cairncross phải đua tài với các đối thủ có trong tay các loại đặc quyền, đặc ân tại Oxford và Cambridge. Những người này có những mối quan hệ rất mạnh và sử dụng chúng không chút ngại ngần. Sau này, ông đã kể lại điều đó với tôi một cách phẫn nộ. Và tôi có cảm giác, chính sự bất công trong xã hội đã thúc đẩy ông trở thành người cộng sản.

Rồi ông cũng nhận được giấy báo đi học ở Sorbonne, mặc thái độ của Ban giám hiệu Trường Đại học Tổng hợp công khai phản đối. Năm học 1933-1934 của Cairncross trôi qua tại Sorbonne. Ông thấy thích cuộc sống tại Paris. Tại đây ông kết bạn với những sinh viên có tư tưởng cộng sản. Lúc này cuộc đấu tranh giữa hai phe tả, hữu diễn ra công khai và càng ngày càng mang tính khốc liệt. Cuộc biểu tình do phe phát xít tổ chức ngày mùng 6 tháng Hai năm 1934 trên quảng trường Hoà thuận đã đụng độ với cảnh sát, kết quả là có 16 người bị thiệt mạng. Ngày mùng 9 tháng Hai, những người cộng sản đã tổ chức biểu tình đáp lại. Cuộc biểu tình này cũng kết thúc bằng đầu rơi máu chảy: bảy người đã hy sinh. Cairncross theo dõi rất chăm chú những sự kiện này. Tổ chức công đoàn bị cấm hoạt động tại Đức, và một sắc lệnh ra ngày mùng 1 tháng Một

năm 1934 đã đưa luật lệ kỳ thị có hiệu lực, trong đó có luật triệt sản cưỡng bức. Hitler bắt đầu tích cực vũ trang hoá đất nước, kiên quyết gây chiến tại châu Âu.

John Cairncross phân tích như một nhà xã hội học thực thụ. Bạn bè không lôi kéo John vào Đảng Cộng sản và không cản trở ông học tập xuất sắc tại Trường Đại học Tổng hợp. Ông đã đạt được những kết quả xuất sắc và được nhận bằng tốt nghiệp loại I. Cũng vào thời gian này, Cairncross say mê Moliere và sau này đã trở thành nhà nghiên cứu xuất sắc các tác phẩm của nhà viết kịch vĩ đại này. Mùa thu năm 1934, John trở về Trường Cao đẳng Triniti thuộc Trường Đại học Tổng hợp Cambridge. Ông nhận bằng tốt nghiệp hai năm sau đó. Theo những ghi chép trong hồ sơ, cho tới lúc này John đã là người cộng sản.

Không phải Theodore Mali, nhân viên ngầm của ta tại Anh là người tuyển mộ Cairncross, mà cũng không phải là một người trong bộ ngũ Cambridge của chúng ta. Cho dù có thể Burgess và các bạn ông biết rõ Cairncross, nhưng họ hoàn toàn không quan tâm đến ông. Ông không thuộc giai cấp xã hội của họ và vì vậy không thể hoà nhập vào giới sinh viên quý tộc ở Cambridge.

Năm 1936, người phụ trách công việc tình báo của ta tại London đã đề nghị bốn sinh viên Cambridge, những người đã được tuyển mộ cho biết ý kiến về John Cairncross. Họ nghiêm túc tra cứu các hồ sơ của

trường, và mỗi người đưa ra nhận xét của riêng mình về Cairncross. Nhưng không người nào trong số họ có liên quan đến việc tuyển mộ ông. Tất nhiên, họ biết ta quan tâm đến John, và hẳn là ta tính đến việc qua họ tìm ra cách tiếp cận ông, ngoài ra không có gì khác. Dù thế nào thì các câu trả lời của bốn người đã cho thấy, hình dung của họ về Cairncross khá là mờ nhạt. Trong báo cáo gửi về Trung tâm có nói, con người này "không biết cách cư xử trong tập thể, không biết cách giao tiếp với mọi người". Mặc dù vậy, Burgess, Philby, Blunt và Maclean đều công nhận rằng, Cairncross thông minh, có học thức, nhưng sẽ không bao giờ gần gũi với họ. Cuối cùng thì bước tiếp cận quyết định với John không thuộc về ai khác, mà chính là James Clugman, một sinh viên Cambridge, con nhà giàu, bạn học phổ thông với Maclean.

Clugman là người của Đảng Cộng sản Anh, một đảng viên kiên trung. Là người thành lập nên chi bộ cộng sản tại Cambridge, ông có quan hệ gần gũi với cơ quan tình báo của ta, cho dù không trực tiếp làm việc với KGB. Nếu như ông được yêu cầu thực hiện một nhiệm vụ nào đó, ông thường trả lời:

- Tôi sẽ chỉ hoạt động theo chỉ thị trực tiếp của Đảng tôi.

Điều kiện đó đã phức tạp hoá quan hệ của ta với Clugman. Để tác động được đến ông, phải tìm được cách

tiếp cận với Harry Polit, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Anh. Nếu Polit ra lệnh, Clugman sẽ chấp hành.

Lần này lệnh của Harry Polit là tuyển mộ Cairncross. Và Clugman đã tuyển mộ được ông.

Không dễ mà hiểu được con người Clugman. Dù ông không hề giấu diếm những quan điểm macxit của mình, nhưng vào năm 1939, ông vẫn được tuyển làm tình báo viên quân sự. Sau này James được cử làm điệp viên tác chiến tại Bari - một thành phố Italia, nơi đặt trung tâm phát thanh, phối hợp hoạt động du kích chống quân Đức và Italia tại vùng Balkan. Ông nhận nhiệm vụ bắt liên lạc với Iosip Bros Tito, người lãnh đạo phong trào kháng chiến Nam Tư.

Ai đó có thể lấy làm lạ là ở Anh một người cộng sản rõ rệt lại có thể dễ dàng vào phục vụ tại cơ quan tình báo quân sự. Clugman cũng không phải là một ngoại lệ. Nhiều người cộng sản lúc đó đã lọt được vào các cơ quan Nhà nước và cơ quan tình báo quân sự, chỉ vì một nguyên nhân là cơ quan này không thể kiểm tra kỹ lưỡng hết quá khứ của họ. Vào thập kỷ 30, có nhiều sinh viên có cảm tình với chủ nghĩa cộng sản. Khi nổ ra chiến tranh và các cơ quan đặc biệt cố gắng rà soát lại công tác cán bộ, những cựu sinh viên theo cộng sản này tuyên bố các quan điểm chính trị của mình chỉ là mối say mê nhất thời của tuổi trẻ. Trong lần quân quốc xã ném bom London nhà tù Warmwood Skrabs, nơi vào năm 1966, điệp viên George Bleik của ta đã chạy trốn

khỏi đó, đã bị cháy. Cơ quan tình báo và phản gián Anh đã vô cùng thất vọng vì toàn bộ kho lưu trữ của họ được cất giữ trong khu vực nhà tù đã bị cháy sạch. NKVD thì thở phào khi nghe tin này. Nó cho phép ta bình thản mà làm việc, bởi tất cả hồ sơ chi tiết của các đảng viên cộng sản tích cực và những người có cảm tình cũng bị thiêu cháy. Người Anh thì không tài nào lập lại được hồ sơ lưu trữ của mình. Giờ đây, những sự việc có thể phủ "bóng đen" lên quá khứ của Clugman và một số đảng viên cộng sản khác đã không còn tồn tại nữa. Tất cả số giấy tờ gây tổn hại đến họ đã biến mất trong ngọn lửa. Năm 1939, khi Clugman phải trải qua một cuộc kiểm tra tỷ mỷ, trong tiểu sử của ông thậm chí còn không nhắc nhở gì đến việc ông là người lãnh đạo chi bộ cộng sản tại Cambridge.

Trong thời gian Clugman ở Bari, Trung tâm biết rõ rằng ông được tiếp cận với các thông tin mật quý giá. Nhưng Clugman không hề nghĩ đến việc chia sẻ nó với chúng ta.

Khi ông tuyển mộ John Cairncross, người đàn ông Scotland này đã là một người cộng sản vững vàng nhưng còn chưa sẵn sàng trong vai trò một tình báo viên. Thêm vào đó, ông không hăng hái lắm trong việc chính thức hoá mối ràng buộc của mình với Đảng. Kết quả là ông đã dễ dàng thực hiện chỉ thị của Clugman - công khai cắt đứt với chủ nghĩa Mác.

Cairncross chú tâm vào việc nghiên cứu các ngôn

ngữ phương Tây và được nhận bằng loại I vào năm 1935. Người hướng dẫn khoa học môn văn học Pháp cho ông là Anthony Blunt. Về thuần tuý con người thì họ ít điểm chung với nhau. Mối quan hệ của Cairncross với Guy Burgess có tốt hơn, nhưng nhìn chung ông vẫn là một người xa lạ đối với họ. John tuyệt nhiên không biết hoà nhập với mọi người, và điểm yếu đó đã theo đuổi ông suốt cuộc đời.

Sau khi tốt nghiệp xuất sắc Cambridge, Cairncross đã viết đơn xin việc tại Bộ Ngoại giao và ông được nhận ngay mà không phải qua kỳ thi bắt buộc, bất chấp luật lệ hiện hành ở Anh. Suốt trong năm đầu tiên, ông làm việc tại nhiều ban khác nhau, nhiều nhất là ở Ban Mỹ. Điều này khiến ông không kịp kết bạn với ai trong các đồng sự cả. Các bạn đồng nghiệp cho ông là người cục cằn, ăn mặc tồi tàn, kiêu ngạo và coi thường mọi quy tắc ngoại giao cao cấp. Ông ấy "không phải là người của mình" - họ thường nói như thế, và chẳng che giấu ông điều đó.

Chân thành mà nói, tôi cho rằng chính lòng căm ghét vô bờ bến mà những lời châm chọc độc địa của các đồng sự gợi nên trong ông đã thúc đẩy John hợp tác với NKVD. Nói như người Anh là Cairncross có quá đủ nguyên nhân để sẵn sàng ẩu đả.

Tôi luôn ngạc nhiên, vì sao John lại được nhận vào Bộ Ngoại giao. Những người như ông chắc chắn là bị từ chối ngay ở phòng tiếp đón. John rất thông minh, nhưng đó đâu phải là phẩm chất duy nhất làm tiêu chí

để tuyển nhân viên. Nguồn gốc xuất thân, phong cách ứng xử tốt và mối quan hệ có thế lực được coi là những ưu điểm quan trọng hơn cho một ứng cử viên. Cha Cairncross chỉ là một nhân viên văn phòng vô danh người Scotland, còn bản thân John, tính tình vụng về, nóng nảy không làm sao hoà nhập vào tập thể được. Donald Maclean, người thường tiếp xúc với ông thời đó, đã viết cho chúng tôi rằng "Cairncross không phải là mẫu người thú vị lắm; ông ta không nói chuyện với bất kỳ ai ở trong Bộ cả".

Mặc dù vậy, trong nhiều tháng liền, Cairncross đã cung cấp cho NKVD được nhiều thông tin về tình hình ở Đức. Ông giữ liên lạc với Theodore Mali và Arnold Doich. Cairncross thông tin cho chúng tôi gần như tất cả những gì lọt vào tầm mắt của ông. Thông tin của ông luôn ngắn gọn và đi thẳng vào vấn đề.

Chính bởi tính cách của Cairncross không có khả năng gây được cảm tình ở các đồng nghiệp nên ông bị chuyển hết ban này đến ban khác. Ông cảm thấy mình bị dồn vào góc tường và ông đã thở phào nhẹ nhõm khi được chuyển sang Ngân khố quốc gia vào cuối năm 1938. Lúc này, NKVD mất liên lạc với ông, chứ nếu không chắc chắn đã thuyết phục ông ở lại Bộ Ngoại giao, nơi ta quan tâm nhiều hơn là Ngân khố quốc gia.

Tôi không biết thời gian này ông gửi về những thông tin nào và nói chung có gửi hay không. Không nên quên rằng trong NKVD lúc này cuộc thanh lọc đang kỳ sôi sục. Lubianca còn rất ít cán bộ, mà những người chưa

bị động đến thì chẳng còn tâm trí đâu mà quan tâm đến Cairncross. Là sao họ có thể nhớ đến các điệp viên tân binh ở phương Tây trong khi nhiệm vụ chính của họ lúc này là giữ lấy đầu của chính mình. Suốt cả giai đoạn đó, chúng ta tuyệt nhiên không có người chỉ đạo mạng lưới điệp viên ở London và chẳng có ai để cử đến đó được cả.

Trong tập niên biểu thông tin lưu trữ do Cairncross cung cấp trong giai đoạn 1938 -1940, tôi phát hiện ra một khoảng khuyết. Nhưng sau khi chiến tranh bùng nổ, vị trí của ông thay đổi căn bản, và ngay lập tức John trở thành nguồn tin quan trọng sống còn đó đối với ngành tình báo của ta. Lại thêm việc ông được bổ nhiệm làm thư ký cho huân tước Henki.

Huân tước Henki là một trong những nhân vật thú vị nhất trong đời sống chính trị nước Anh thế kỷ thứ XX. Ông khởi đầu sự nghiệp là một sĩ quan tình báo của hạm đội hải quân và dần dần trở thành một trong những người đặt nền móng cho cơ quan mật vụ Anh. Vào đầu thập kỷ 30, ông đã có bản báo cáo hết sức cụ thể về cuộc chạy đua vũ trang ráo riết ở Đức và rung tiếng chuông báo động đầu tiên, khi thông báo rằng phe quốc xã đang tiến hành các cuộc thử nghiệp vũ khí sinh học. Năm 1938, ngay sau cuộc xâm lược nước Áo của nước Đức phát xít (ngày 11-12 tháng Ba năm 1938), ông được giao một nhiệm vụ quan trọng - dựa vào kế hoạch tổ chức tuyến phòng thủ dân sự trong những

trường hợp khẩn cấp để thành lập nên những đơn vị đặc biệt ở Anh.

Khi Cairncross trở thành thư ký của Henki, Churchil đã lên nắm quyền. Henki, cựu bộ trưởng "không cặp" trong Chính phủ Chamberlain, có mất đi ít nhiều ảnh hưởng của mình, nhưng vẫn tiếp tục là nhân vật chính trong cơ quan mật vụ. Ông đã lập cho Chamberlain bản tổng kết rất quan trọng về tình hình các cơ quan phản gián, tình báo và mật mã của Anh. Cũng trong bản báo cáo này, Henki đã đề nghị tiến hành một loạt các cải cách và thành lập một cơ quan hoàn toàn mới - nhóm đặt mìn phá hoại SOE 9 (Ủy ban những chiến dịch đặc biệt).

Song song với công việc tại cơ quan tình báo, Henki còn làm chủ tịch ít nhất hàng chục hội đồng về các vấn đề quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học và thậm chí cả bưu điện. Một thời gian ông còn giữ chức Bộ trưởng Bưu điện và Điện báo. Chỉ cần xảy ra một vấn đề nào đó là nội các Anh triệu tập ngay một uỷ ban hay một tiểu ban đứng đầu là đức ông Henki không biết mệt mỏi. Đó là một nhà hoạt động quên mình, luôn sẵn sàng giải quyết hàng núi công việc, mà chỉ riêng một ý nghĩ về loại việc đó cũng đủ làm các bộ trưởng khác muốn né tránh.

Một siêu vị trí như vậy đảm bảo cho ông đủ mọi thứ đặc ân. Ông không phải bộ trưởng theo ý nghĩa đầy đủ

của nó, nhưng ông có quyền tiếp cận với tất cả những tài liệu quan trọng nhất của Chính phủ. Đôi khi ông còn được đọc cả điện tín của Bộ Ngoại giao. Những thông tin tối quan trọng, liên quan đến chính sách đối ngoại, quốc phòng, công nghiệp và các thử nghiệm khoa học là những thứ nằm thường xuyên trên bàn làm việc của ông. Và John Cairncross - thư ký riêng của Henki - ngay lập tức trở thành vật báu của chúng ta. Cứ mỗi lần tên sếp của ông không xuất hiện trong danh sách các địa chỉ được nhận các tài liệu siêu mật, ông lại viết đơn lên chính Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Kết quả không phải đợi lâu: viên tuỳ phái xuất hiện và trao tài liệu tận tay điệp viên của chúng ta.

Cũng vào khoảng thời gian này, liên lạc của Cairncross được thực hiện qua Gorsky. May cho chúng ta là John đã không ngờ rằng, thông tin quan trọng và hàm súc ông gửi về Moscow lại không được sử dụng xứng đáng. Lúc này chúng ta đang vô cùng cần những tin tức về tình hình các mặt trận phía tây và bắt đầu từ tháng Sáu năm 1941 là về quan hệ giữa các nước Đồng minh. Chúng ta cần những thứ cụ thể hơn nhiều so với bản phân tích các báo cáo về các nghiên cứu khoa học.

Rồi một ngày có sự thay đổi. Thư ký riêng của Henki là điệp viên đầu tiên của ta báo về NKVD rằng từ cuối năm 1940, người Mỹ và người Anh bắt đầu cộng tác trong lĩnh vực chế tạo bom nguyên tử.

Theo thông báo của Cairncross, phe Đồng minh hoàn toàn có thể chế tạo ra vũ khí nguyên tử trên cơ sở chất uran 235. Chúng ta đã gặp may lớn khi huân tước Henki được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng cố vấn khoa học Anh. Điều đó có nghĩa là giờ đây Cairncross có thể được đọc, sao chụp và "mượn tạm" hàng nghìn tài liệu khác nhau mà Liên Xô quan tâm. Một điều lạ là ông không bao giờ sử dụng máy ảnh cả. Ngay này, đích thân tôi đã thử dạy ông một số cơ sở của kỹ thuật chụp ảnh, nhưng không đạt kết quả. Ông không thể tiếp thu được gì.

Lần giở hồ sơ riêng của Cairncross, tôi đặc biệt quan tâm đến bản danh sách và tóm tắt các tài liệu ông đã chuyển cho Trung tâm. Tập hợp chúng lại được một khối lượng quả là đáng kể. Ví dụ trong đó có lời dự báo về diễn biến tiếp theo của chiến tranh của đức ông Henki hồi cuối năm 1940. Trong tài liệu quan trọng đặc biệt đó, với cương vị một cựu sĩ quan tình báo hải quân, Henki đã tiên đoán bất kỳ một cố gắng nào đổ bộ lên lãnh thổ Anh của quân Đức sẽ thất bại, cũng như dự báo việc mở rộng chiến tranh dưới nước trên Đại Tây Dương. Ông đã đúng trong cả hai trường hợp.

Churchil không loại trừ khả năng quân Đức tấn công lên vùng bờ biển nam nước Anh. Ông ra lệnh củng cố khu vực này: gài mìn, đào chiến hào và hào chống tăng - những kế hoạch rất tốn tiền mà Henki phản đối. Ông tin tưởng rằng quân Đức sẽ không bao giờ thực hiện hành động xâm lược nước Anh. Sau chiến tranh, tôi đã

có chuyến đi tới miền nam nước Anh để nhìn tận mắt những công sự này. Phải nói rằng quang cảnh rất gây ấn tượng.

Thông báo của Cairncross về chiến lược của Anh, cũng như các đánh giá của Henki về sự bất đồng quan điểm giữa các nhà hoạt động chính trị của Anh về vấn đề chiến lược đã rất có ích cho chúng ta.

Khi quân Đức tấn công Liên Xô vào tháng 6 năm 1941, "Carel" bắt đầu gửi những tin tức cụ thể về hoạt động của phía Anh trong Ủy ban Xô - Anh được thành lập để phối hợp hoạt động cung cấp quân sự cho Liên Xô. Ông thông báo về thái độ Anh không muốn và thậm chí từ chối thẳng thừng cung cấp những vũ khí mà Hồng quân đặc biệt cần, trong lúc kẻ thù chung của hai nước là quân Đức đã mở rộng tấn công Liên Xô trên toàn bộ mặt trận, từ bắc xuống nam. Cairncross không gặp khó khăn gì để thu thập được tin tức này, bởi người đứng đầu Ủy ban nói trên không phải là ai khác mà chính là đức ông Henki. Chúng ta biết được rằng dưới cái vỏ nhiệt tình và sẵn sàng hợp tác của nhà hoạt động chính trị đáng kính này của nước Anh ẩn giấu một kẻ phản đối gay gắt bất kỳ một sự giúp đỡ nào cho Liên Xô. Ông ta không bao giờ bỏ qua cơ hội trách móc Churchill vì thái độ kiên nhẫn đối với đất nước Xô Viết.

Tháng Ba năm 1942 "Henry" yêu cầu Cairncross thử tìm đến một nguồn tin mới, tức là thâm nhập vào Trường mật mã ở Blechly Park. Việc người Anh thu được nhiều chương trình phát thanh đã khiến ta lo

ngại. Có lời đồn đại rằng họ giải mã được điện tín của cả Liên Xô và Đức. Thật ra tôi không nghĩ như vậy. Có thể là họ giải mã được 2-3 bức điện, không thể hơn. Nhưng một khi đã có nghi ngờ thì nên kiểm tra.

Và John Cairncross được nhận vào Trường mật mã, được giao trách nhiệm phân tích các thông tin thu bắt được của lực lượng không quân Đức. Vị trí mới này của Cairncross rất quan trọng nếu như tính đến việc ngay từ năm 1940, người Anh đã giải mã được các thông báo được mã hoá của Bộ Tổng tham mưu quốc xã và các trả lời từ mặt trận gửi về.

Người Đức sử dụng loại máy dịch mật mã "Enigma" thao tác nhanh, tốt và nhẹ, do một người Hà Lan kiệt xuất sáng chế ra ngay sau chiến tranh thế giới lần thứ I. Theo ý tưởng của ông, chiếc máy đó phải được sử dụng phục vụ cho mục đích hoà bình. Một thời gian sau, người Đức mua lại bằng sáng chế và đưa ra sử dụng trong thời gian chiến tranh. Sau đó, vào đầu những năm 30, điệp viên người Đức Hans - Tilo Shmidt, người có thâm niên 10 năm cung cấp cho Anh và Pháp những tin tức quan trọng về tình hình trang bị mới của Đức và ý đồ của Hitler, đã chuyển được cho người Pháp bản hướng dẫn hoạt động của "Enigma" và một số chìa khoá giải mã. Nhưng người Pháp không thể phân tích được mớ tài liệu đó và cầu cứu đến người Anh. Phía Anh nhanh chóng nhận thức được tầm quan

trọng của công việc và lôi kéo người Ba Lan vốn nổi tiếng thời đó trên lĩnh vực giải mã cùng hợp tác. Nỗ lực chung của cả ba nước đã có được thành công bước đầu, nhưng khi họ tiến được một bước thì người Đức lại thêm thắt một chi tiết mới nào đó hoàn thiện thêm quá trình mã hoá. Lúc này sếp Stewart Manzis của MI-6 bèn mời nhà toán học tài ba Alan Turing tham gia nghiên cứu "Enigma". Việc hợp tác giữa Anh, Pháp và Ba Lan được tiếp tục cho đến đầu chiến tranh ở châu Âu, tháng Chín năm 1939, và cuộc tấn công của quân đội Xô Viết lên lãnh thổ Ba Lan. Trong thời gian chiến tranh, phía Ba Lan chiếm được một số chiến lợi phẩm là những chiếc "Enigma" đã bị hư hỏng nặng. Nhưng người Đức vẫn tiếp tục hoàn thiện hệ thống của mình. Mùa hè năm 1940, Turing và các đồng nghiệp ở Blechly Park, nhờ sử dụng một trong những máy tính đầu tiên (Kolossius) cuối cùng đã giải được mã của "Enigma". Không thể nói hết được tầm quan trọng của thắng lợi này, bởi vì nó cho phép phe Đồng minh tiếp cận được tất cả các chương trình truyền qua radio giữa Chính phủ Đức và Bộ Tư lệnh tối cao quân đội Hitler. Tất cả các đơn vị quân đội Đức đều được trang bị máy Enigma.

Trong trận đánh Stalingrad, quân đội Xô Viết đã chiếm được 26 chiếc Enigma, nhưng tất cả đều đã bị hư hỏng nặng, vì các sĩ quan Đức đã nhận được mệnh lệnh nghiêm ngặt phải phá huỷ chúng trong trường hợp nguy hiểm. Sau khi các tù binh Đức khai ra các mã số

sử dụng cho các máy này, các chuyên gia Xô Viết đã giải mã được một số đoạn điện tín của Đức nhưng vẫn chưa tìm ra được chìa khoá chính của hệ thống Enigma, mà lúc này các chuyên viên của Blechly Park đã nắm trong tay. Các chuyên gia Anh nói riêng với nhau việc thu bắt được các văn vản mã hoá là "siêu tình báo".

Cơ quan tình báo của Anh cũng nắm được mã số của lực lượng hải quân và không quân Đức. Họ chỉ cho phép một số ít các sĩ quan tác chiến tuyệt đối tin cậy được tiến hành hoạt động "siêu" này. Các bức điện đã giải mã được gửi cho số địa chỉ rất hạn chế: các sếp tình báo, thủ tướng và một vài thành viên Chính phủ.

Ngay cả Philby, người lúc này đã có chức vụ cao trong ngành tình báo, cũng không được phép tiếp cận với số tài liệu này. Ông chỉ được nhìn thoáng qua chúng trong phòng làm việc của cấp trên trực tiếp của mình. Chính phủ Anh theo dõi cẩn thận việc cất giữ các tài liệu được giải mã và không cho phép gửi chúng xuống các cấp thấp hơn đã nêu. Đặc biệt là các tài liệu đề cập đến các đồng minh, mà nói chung là tất cả những gì có thể khiến phía Nga quan tâm.

Để che giấu việc giải được mã của Enigma, người Anh thường nói rằng, những công việc loại này do các điệp viên tại Đức hoặc tại các đất nước bị quân quốc xã phong toả làm cho họ. Họ thậm chí còn viết hẳn lên các tài liệu: "Nhận từ X. ở Áo" hoặc "từ Y ở Ucraina". Chỉ một số ít các nhân viên ở Blechli Park được biết về

nguồn gốc thật của những tài liệu đó. Ngoài Turing và các trợ lý của ông, chỉ có Churchill, một - hai sếp bên tình báo và Liên Xô nhờ mạng lưới gián điệp của mình, là nắm được bí mật này.

Người Anh từ chối không chia sẻ với chúng ta thông tin của mình không chỉ do các nguyên nhân chính trị. Họ tin rằng gián điệp Đức đã thâm nhập vào hàng ngũ của Hồng quân. Niềm tin này cũng có cơ sở. NKVD đã có những mối nghi ngờ về việc đó. Trong thời gian chiến tranh, có hai hoặc ba nhân viên của Bộ Tổng tham mưu Xô viết bị bắt và bị xử bắn vì tội làm gián điệp cho Đức; có thể còn có những người khác đã trốn tránh được hình phạt.

Nhờ công việc mới của mình, Cairncross có thể chuyển cho chúng ta tất cả những gì Chính phủ Anh giữ kín cho riêng mình. Ví dụ như mùa đông năm 1942-1943, ông đã khai thác được một số tài liệu tối quan trọng, cứu sống được hàng chục nghìn người lính Xô viết trong cuộc tấn công cuối cùng của quân Đức mùa hè năm 1943, chiến dịch mang tên "Thành trì".

Ít lâu sau "Henry" chuyển Cairncross sang mối liên lạc với Kretenshild (Kreshin). "Carel" thích phong cách làm việc của người liên lạc mới và số thông tin ông cung cấp tăng lên gấp đôi. Kreshin quan hệ với người trực thuộc mình rất chân tình, điều đó đã đem lại những kết quả tuyệt vời.

Cairncross bắt đầu cung cấp cho ta những tài liệu có

thể được chia thành hai thứ bậc. Cấp thứ nhất liên quan đến số liệu kỹ thuật của loại xe tăng "Con Cọp" mới của Đức. Được sáng chế năm 1942, loại xe tăng này lần đầu tiên được sử dụng trên quy mô lớn tại vòng cung Kursk trong lần tấn công thứ ba và lần tấn công cuối cùng của quân Đức. Đặc điểm khác biệt của nó là độ dầy của vỏ bọc thép, đạn pháo của ta bắn không thủng. Quân Đức tin rằng, người Nga không thể cản nổi loại xe tăng mới này. Nhờ có các tài liệu nhận được từ Cairncross mà chúng ta có thể nghiên cứu tính chất thép và độ dầy của vỏ bọc, sau đó chế ra loại đạn pháo có thể đánh bại được "Con Cọp".

Một phần công lao trong chiến thắng của quân đội Xô viết tại trận đánh xe tăng nơi vòng cung Kursk ngoại ô Prokhopvka tháng Bảy năm 1943 khi hai nghìn chiếc xe tăng Đức chất chồng lên nhau cháy trụi trong một trận đánh đẫm máu kéo dài hai ngày hai đêm, ta có thể ghi nhận thuộc về John Cairncross.

Loại tài liệu cấp hai đề cập đến kế hoạch của chính quân Đức. Mùa xuân năm 1943, Chính phủ Anh thông báo cho Bộ Tổng tham mưu quân đội Xô Viết về kế hoạch tấn công tại vòng cung Kursk. Họ cũng cho biết, quân Đức nắm vững chính xác việc bố trí của từng đơn vị Hồng quân tại khu vực này. Nhưng Cairncross đã đi trước họ nhiều: ông chuyển cho Kreshin văn bản đầy đủ của các thông tin nghe trộm được, trong đó có đưa ra mọi số liệu liên quan đến các đơn vị quân đội Xô Viết:

quân số của các binh chủng và vị trí đóng quân chính xác. Biết được điều này, các sĩ quan chỉ huy đơn vị có thể tiến hành việc di chuyển quân vào phút cuối cùng và đánh lừa được kẻ thù. Và còn một điều quan trọng hơn, đó là Kreshin còn nhận được danh sách tất cả phi đội của không quân Đức tập trung ở vùng này. Nó cho phép Bộ Tổng Tư lệnh Xô Viết tiến hành những cuộc tấn công tập trung vào hàng chục các sân bay dã chiến. Kết quả là quân Đức đã mất năm trăm máy bay và không còn giữ được vị trí thống trị trên không. Và điều đó diễn ra chỉ vài tuần trước cuộc tấn công của quân Đức vào Kursk!

Sau chiến thắng Kursk, cuộc phản công hùng mạnh của quân đội ta đã đẩy lùi quân xâm lược ra ngoài biên giới đất nước.

Vì hai chiến công đáng kinh ngạc ấy, John Cairncross đã được tặng thưởng Huân chương Cờ Đỏ. Huân chương được chuyển đến London, tại đây Kreshin đã long trọng trao cho Cairncross, ông tuyên bố đây là một trong những huân chương cao quý nhất ở Liên Xô. Cairncross hai tay nâng chiếc hộp bọc nhung đỏ, ngắm nghía tấm huân chương lấp lánh bằng đôi mắt nhoà lệ. Chắc chắn là ông rất hài lòng. Sau đó Kreshin sẽ sàng nhận lại tấm huân chương, đóng nắp hộp lại, mang về trạm và gửi về Moscow.

Ít lâu sau cuộc gặp gỡ với Kreshin, Cairncross đã nói

với sếp của mình rằng ông muốn bỏ công việc ở Blechly Park và làm một việc gì khác trong cơ quan tình báo. Đầu tiên ông chuyển đến phòng Đức của Cục V, từ đó lại sang Cục I (Cục chính trị), và ở đó cho đến khi chiến tranh kết thúc.

Khi đến lượt tôi nhận đầu mối liên lạc với ông, Cairncross vẫn tiếp tục gửi cho chúng ta tất cả những gì ông có thể. Nhưng vào giai đoạn này, tầm quan trọng của những tài liệu ông cung cấp không còn đáng kể như trước nữa. Chúng không thể so sánh được với những gì Philby, lúc này giữ địa vị rất cao trong ngành tình báo, cung cấp. Còn Cairncross dù rất cố gắng phục vụ cho đất nước mình, cũng mới chỉ là một công chức cấp thấp.

Tôi lật trang cuối cùng của hai chiếc cặp giấy bìa nâu nhạt - hồ sơ cá nhân của John Cairncross. Tôi đã xây dựng được cho mình hình dung khá đầy đủ về cuộc đời ông, nhưng tôi không hề ngờ đến một điều rằng sẽ đến lúc tôi phải dành trọn thời gian của mình cho con người này.

Các thông tin từ London, đặc biệt là các thông tin quan trọng, được chuyển về Moscow phần lớn là dưới dạng điện tín mật mã. Lúc này, bộ chỉ huy tình báo nước ngoài của ta chủ yếu là làm việc cho Bộ Chính trị, có nghĩa là cho Stalin, Molotov, Beria. Các tài liệu của chúng tôi ít khi đến được các cấp thấp của Bộ Ngoại giao và các cơ quan khác. Tất cả các tư liệu Bộ Ngoại

giao nhận được đều nằm dưới sự kiểm soát của một mình Molotov.

Các giấy tờ có chứa thông tin tình báo quân sự được gửi thẳng đến Cục tình báo hoặc trực tiếp cho Bộ Tư lệnh tối cao quân đội Xô Viết. Còn những cơ quan nhà nước khác thì ban lãnh đạo Bộ Dân uỷ Nội vụ không tỏ ra sốt sắng lắm trong việc thông báo cho họ biết công việc của mình. NKVD chỉ coi việc cung cấp thông tin là cần thiết trong trường hợp khi không thể tránh khỏi và muốn tập trung nỗ lực của các điệp viên nước ngoài của mình thu thập tin tức cho điện Kremli hơn.

Tại tất cả các nước khác trên thế giới, cơ quan tình báo cố gắng khai thác được càng nhiều càng tốt các thông tin về các lĩnh vực khác nhau, sau đó thông tin được đánh giá và phân chia về các tổ chức chính phủ tuỳ theo nơi cần. Phương pháp làm việc của ta thì hoàn toàn khác. Chúng tôi luôn nhận mệnh lệnh ở trên khai thác loại thông tin đã được xác định. Ví dụ như Stalin muốn biết chính xác về tất cả các cuộc nói chuyện của Churchill và Roosevelt. Và thế là các điệp viên của ta ở nước ngoài nhận được chỉ thị bằng mọi giá phải moi bằng được những thông tin đó. Cách làm việc như vậy luôn đưa đến kết quả xuất sắc. Thông tin mà chúng ta nhận được từ trạm London là vô cùng quan trọng. Ví dụ, vào năm 1942, khi các đồng minh của ta bàn vấn đề mở mặt trận thứ hai, Churchill đã hứa danh dự với Stalin rằng sẽ thực hiện việc đó ngay năm sau. Còn khi

ông ta nói chuyện với người Mỹ thì lại thông qua một quyết định hoàn toàn ngược lại. Họ nói rằng, thời điểm còn chưa chín muồi, quân Đồng minh phương Tây chưa sẵn sàng để đổ bộ lên đất liền. Phe Đồng minh hoàn toàn hài lòng với tình hình lúc đó. Ông ta bảo, cứ để quân Đức đánh nhau ở phía đông thêm một năm nữa. Họ muốn nhìn thấy người Nga phải quỳ gối, sức cùng lực kiệt rồi mới bắt đầu cuộc tấn công làm nhẹ tình hình cho nước Nga.

Mặc cho Churchill nhiều lần đoán chắc, Stalin nhanh chóng hiểu ra rằng, không thể chờ đợi quân Đồng minh mở mặt trận thứ hai vào năm 1943 được. Vì vậy tin tức tình báo từ London chuyển về cho ông có một giá trị vô cùng to lớn trong việc dự đoán tiến triển tiếp theo của cuộc chiến.

Tình hình tương tự cũng diễn ra vào năm 1944, khi Liên Xô đề nghị quân Đồng minh cung cấp thuốc nổ. Chiến tranh đang gần kết thúc, và chất nổ cần thiết một cách sống còn cho quân đội ta để mở rộng tấn công về phía tây. Vậy mà người Anh và người Mỹ lại ngầm phá hoại. Không có một tầu chở thuốc nổ nào cập bến Murmansk. Stalin hết sức giận dữ. Nhưng ông lại lập tức trấn tĩnh lại khi qua Burgess và Philby ông biết quân Đồng minh hành động như vậy là do cố ý. Họ hoàn toàn không muốn để quân đội Xô Viết thần tốc tiến về biên giới nước Đức. Do được thông tin trước nên

Stalin đã có thể tự quyết định mà không chờ đến lòng "thương hại" của Đồng minh.

Tại NKVD, chúng tôi biết rõ rằng, Stalin và Kremli không tin vào Churchill cho dù ngài thủ tướng Anh có "hào phóng" đưa ra những lời hứa chính thức giúp đỡ Liên Xô trong các bài phát biểu và các cuộc gặp gỡ lãnh đạo Xô Viết. Chúng tôi hiểu vì sao Stalin lại quan tâm như vậy tới các cuộc hội đàm Anh - Mỹ. Ông cần biết, hai nước đồng minh đã thoả thuận riêng với nhau những gì. Nỗi lo ngại của Stalin tăng lên vào năm 1944 khi có lời đồn đại về cuộc gặp gỡ ba bên Đức - Anh - Mỹ diễn ra tại Thuỵ Sĩ và Thuỵ Điển. Ông e rằng, giờ đây, khi kết cục chiến tranh đã rõ ràng, phe Đồng minh có thể nghĩ đến chuyện phản bội. Một liên minh chống Nga của Anh, Đức và Mỹ cũng có nghĩa là sự hy sinh vô nghĩa của hàng triệu người lính Nga trong chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Phân tích tình hình lúc đó, có thể dễ dàng hiểu rằng, vì sao đường lối đối ngoại của phe Đồng minh lại làm ta quan tâm đến như vậy. Không phải ngẫu nhiên mà cơ quan tình báo Xô Viết đã tập trung nỗ lực chính vào phương diện này.

Đầu năm 1945, ta thu được tin tức rằng người Mỹ đang thương lượng với Đức tại Thuỵ Sĩ. Tôi đã tận mắt nhìn thấy một số tài liệu khẳng định sự thật này. Nội dung cuộc thương lượng không phải về hoà bình riêng của ai, mà về một công ước cho phép quân Đức tập

trung tất cả quân đội sang phía đông để chống lại nước Nga.

Suốt trong thời kỳ gay cấn đó, tôi thường xuyên nhận được thông tin về các cuộc hội đàm bí mật giữa bộ tham mưu Anh và Mỹ về khả năng sẽ có một cuộc chiến tranh chống lại nước Nga trong trường hợp quân đội Xô Viết tiếp tục tấn công về phía tây sau khi chiếm được Berlin. Nhưng Stalin không cho tin tức đó là xác thực.

Nếu Stalin đau đầu với những âm mưu có thực và tưởng tượng của phe Đồng minh chống lại Liên Xô, thì đối với Molotov, vị trí số một trong danh sách những thông tin cần thiết là các cuộc thương lượng Anh - Mỹ về việc chế ra bom nguyên tử. Nhiệm vụ đó được trao cho các điệp viên của ta ở nước ngoài. Ngay một thông tin nghèo nàn nhất cũng được coi là có ý nghĩa đáng kể. Các bức điện đánh bằng mật mã mà chúng tôi nhận được không chứa những thông số kỹ thuật. Chúng tôi thường gặp các biên bản thảo luận chính trị và tóm tắt các cuộc nói chuyện hơn. Từ năm 1942, các điệp viên của ta, đặc biệt là Cairncross, bắt đầu cung cấp tin tức về việc Anh và Mỹ cùng với sự tham gia của Canada đã tiến hành đề án bí mật về chương trình hạt nhân. Mỹ tìm mọi cách lôi kéo các nhà bác học tài năng về nước Mỹ để làm sao nhanh chóng chế tạo được bom nguyên tử. Chúng ta cũng biết rằng người Mỹ đánh lừa người Anh trên mỗi bước đi. Họ thua kém nhiều so với người

Anh về mặt lý thuyết, và họ toan tính âm mưu tiến lên phía trước trên cơ sở các thành tựu của anh bạn đồng minh và nhờ sự giúp đỡ của các nhà bác học như nhà vật lý người Đức lưu vong Claus Fuks, người sau này bị vào tù vì hoạt động gián điệp cho Liên Xô. Sau khi đuổi kịp người Anh rồi, Mỹ đã cố gắng bỏ xa họ.

Tôi có thể nói không phóng đại rằng, ở Liên Xô, ta biết tất cả về các phương diện kỹ thuật và chính trị cần thiết cho việc chế tạo bom nguyên tử.

Trong số các nguồn cung cấp tin cho ta có một người có ý nghĩa quyết định cho việc thu nhận các thông tin chính trị về chương trình nguyên tử Anh - Mỹ. Đó là "Gomer" (Donald Maclean). Đầu năm 1944, ông là Bí thư thứ nhất Đại sứ quán Anh tại Washington.

Melinda không theo chồng đến Washington, mặc dù bà khai địa chỉ chính thức là Đại sứ quán. Bà đưa con trai Fergus đến New York sống với cha dượng và mẹ đẻ mình, quý bà Danbar. Lúc này bà đang chờ đợi đứa con thứ hai. Còn về Maclean thì người ta nói, trong thời gian ở Mỹ, ông không muốn sống cùng vợ. Thực chất thì Melinda về sống với gia đình ở New York chỉ là vì người liên lạc của "Gomer" ở tại thành phố này. Mỗi tuần một hoặc hai lần Donald lại từ Washington về Mahattan với lý do rất hợp lý là thăm gia đình.

Thỉnh thoảng ông lại đi London gặp gỡ Guy Burgess và chuyển thông tin thu thập được cho Guy.

Ngay sau khi đến Washington, Maclean được đưa ngay vào thành phần uỷ ban Anh - Mỹ chuẩn bị dự thảo hiệp ước hoà bình với Italia. Ngài đại sứ Anh, huân tước Gallifax, từng là bạn thân của cha Maclean đã để ý đến anh thanh niên Maclean, tin tưởng vào sự am hiểu, tính chăm chỉ của anh cán bộ trẻ cũng như thái độ sẵn sàng cống hiến mọi sức lực cho công việc được giao. Maclean được giao phó những tài liệu lưu hành diện hẹp nhất và được phép tiếp xúc với gần như tất cả các thư tín siêu mật đi và đến.

Tháng Ba năm 1945, chiếc máy bay chở mười sáu nhà lãnh đạo "AK" (Army Krayova[1]), trong đó có Sikorski đã cất cánh từ Ba Lan đến London. Các lực lượng quốc phòng của ta đã giữ máy bay lại và bắt nó hạ cánh xuống Moscow.

Tiếp sau sự kiện đó là sự trao đổi dồn dập thư tín giữa Churchill và Truman. Họ tỏ ý phản kháng gay gắt Stalin do hành động đó. Vị Thủ tướng nước Anh luôn quan tâm sâu sắc đến số phận Ba Lan, thường đề cập đến nó trong các cuộc hội đàm với Truman. Ông ta hiểu rằng, Ba Lan có vai trò quan trọng như thế nào trong quan hệ giữa phương Đông và phương Tây.

---

(1). Army Krayova (quân đội ái quốc) hoạt động từ 1942 đến 1945 tại nước Ba Lan bị phát xít Đức chiếm đóng dưới sự lãnh đạo của Chính phủ Ba Lan lưu vong tại London.

Sứ quán Anh ở Washington đã nhận được bản sao đầy đủ hoặc tóm tắt các bức điện trao đổi giữa hai vị nguyên thủ Anh và Pháp. Tất nhiên là "Gomer" được đọc nó và chuyển ngay cho người liên lạc mỗi khi đến New York. Người liên lạc mã hoá thông tin và gửi về Trung tâm. Có hai bức điện số 72 và 73 gửi ngày mùng 5 tháng Sáu năm 1945 đã thực sự có ý nghĩa lịch sử. Nhưng tôi sẽ nói về chúng sau.

Mùa hè năm 1945, Donald Maclean làm việc tại Ủy ban đường lối chung đã nhận nhiệm vụ mật phối hợp hoạt động của "Dự án Manhattan" Mỹ với "Dự án Tub Alois" của Anh - hai tổ chức chịu trách nhiệm về vấn đề chế tạo bom nguyên tử. Mùa hè năm 1941 Ủy ban tư vấn khoa học do huân tước Henki (thư ký riêng của ông là John Cairncross) đứng đầu đã xúc tiến những bước đi đầu tiên cho tổ chức này của Anh. Mà như trên đã nói, NKVD có thể theo dõi tiến trình của chương trình nguyên tử của phương Tây từ thời điểm nó ra đời cho đến vụ nổ thử đầu tiên ở gần Alamos, bang New Mexico. Tôi còn chưa nói đến mặt kỹ thuật của chương trình. Trong lĩnh vực này đã có các nhà bác học Clauss Fuks, Bruno Pontekorvo và Daniell Greenglass giúp cho chúng ta.

Bởi Maclean không phải là nhà vật lý nên ông không được tiếp xúc với thông tin khoa học. Nhưng tất cả những gì liên quan đến đường lối của Anh - Mỹ trong

lĩnh vực năng lượng nguyên tử, thì sớm hay muộn dứt khoát sẽ nằm trên bàn làm việc của ông tại Đại sứ quán.

Đối với người Anh cũng như đối với chúng ta thì việc người Mỹ thành lập "Ủy ban năng lượng nguyên tử" vào năm 1946 chỉ dành riêng để soạn thảo nên chương trình nguyên tử của riêng nước Mỹ. Một năm trước đó, Ettle đã lên thay Churchill, còn Truman thì thay Roosevelt. Khởi xướng từ Nhà trắng, quan hệ Anh - Mỹ đã trở nên lạnh nhạt hơn, và kết quả là người Anh bị cắt đứt với mọi thông tin về tiến triển dự án nguyên tử của Mỹ. Chính phủ Anh không còn cách nào khác là phải tiếp tục chương trình của riêng mình. Anh coi quyết định của phía Mỹ như một xúc phạm nặng nề, còn Donald Maclean thì càng thấy ác cảm hơn với người Mỹ.

Suốt mấy năm ròng, Chính phủ Anh đã gửi các chuyên gia hàng đầu của mình sang Mỹ, nhưng không thu được chút lợi lộc nào từ việc theo dõi các nghiên cứu khoa học được tiến hành ở đó. Người Anh bèn triệu hồi các chuyên gia về và yêu cầu họ bù lại thời gian đã bị bỏ phí. Hạn chế trong việc sử dụng chung các thông tin không dính dáng gì đến các cuộc thử nghiệm họ cùng tiến hành trong cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai. Chúng cũng không động chạm đến nguyên liệu chiến lược. Như vậy Maclean vẫn có khả năng tiếp tục, cho dù là ở mức độ hạn chế, việc thu thập tin tức mật cho

Trung tâm. Là người trong Đại sứ quán tại Washington chịu trách nhiệm về vấn đề nguyên tử nên ông có quyền ra vào trụ sở làm việc của "Ủy ban năng lượng nguyên tử" của Mỹ. Ông đã sử dụng hết công suất quyền đó và trong mấy tháng liền thậm chí ban đêm cũng ra vào đó. Tổng cộng Maclean có mặt ở đó đến hai mươi lần và thu thập được nhiều tin tức có giá trị, đặc biệt là các thông số về tính chất uran cần thiết để chế tạo ra bom nguyên tử, mà người Mỹ đã sản xuất được hoặc đang chuẩn bị sản xuất ra.

Donald Maclean làm việc tốt đến mức tháng Hai năm 1947, ông được bổ nhiệm làm Chủ tịch Ban thư ký về vấn đề phối hợp chính sách nguyên tử giữa Anh - Mỹ - Canada. Nhờ làm việc tại vị trí này, ông tiếp tục cung cấp cho chúng ta các tin tức bí mật, chủ yếu là các công văn khẩn trao đi đổi lại giữa Mỹ và Anh.

Trong thời gian ở Washington, Maclean đã nhận và chuyển cho chúng tôi thông tin về thái độ của phe Đồng minh về "cuộc đấu trí" mà Stalin tiến hành mong cố tìm ra đường rời khỏi Biển Đen qua các eo biển có tầm chiến lược quan trọng là Bosfor và Dardanell tại Địa Trung Hải. Liên Xô muốn có được con đường thông ra Ấn Độ Dương, điều đó cho phép nắm được quyền kiểm soát đối với Thổ Nhĩ Kỳ. Nước Anh bị chiến tranh làm suy yếu thôi không còn là cản trở nghiêm trọng đối với ông nữa. Theo ý Stalin, chỉ còn Truman là có thể ngăn cản ông đạt được mục đích. Nhưng cả London và

Ancara đều không biết ngài tổng thống Hoa Kỳ có muốn chống lại ý muốn của người Nga hay không.

Trung tâm giao cho "Gomer" nhiệm vụ tìm hiểu xem phương Tây sẽ đi tới đâu trong vấn đề các eo biển. Maclean hoàn toàn có khả năng thực hiện nhiệm vụ đó vì ông được tiếp xúc trực tiếp với các cuộc mật đàm giữa Ancara, London và Washington. "Gomer" gửi cho chúng tôi cả một tập các đề xuất của hai phía Anh - Mỹ về vấn đề kiểm soát eo Bosfor do Uỷ ban song phương tập hợp lại. Vài ngày sau khi ta nhận được tài liệu quan trọng đó, báo "New York Times" tuyên bố trên trang nhất rằng Chính phủ Anh và Mỹ thoả thuận với Thổ Nhĩ Kỳ một điều khoản chung, điều căn bản trong điều khoản đó là chống đối lại nỗ lực kiểm soát các eo biển của người Nga. Molotov làm ra vẻ phẫn nộ vì sự "thổi phồng" đó và đòi phải giải thích. Còn phe Đồng minh không biết vì sao "New York Times" lại đánh hơi được về hiệp ước đó và hoàn toàn lúng túng. Tình trạng căng thẳng ngày một tăng. Stalin rút ba sư đoàn quân đội Xô Viết khỏi biên giới Tiệp Khắc để phái đến Rumani và Bungari, đến lượt mình, người Thổ lại đưa quân về biên giới Bungari và Gruzia.

Đại sứ Mỹ tại Ancara, Edroin Wilson, được lệnh gặp gỡ và thương lượng với đại sứ của ta Sergei Aleksandrovich Vinogradov. Wilson đưa ra trước Vinogradov đề nghị của Anh - Mỹ về eo biển Bosfor và

thêm vào đó một điều kiện quan trọng cho phép tàu chiến của các nước trung lập thả neo trên hải phận Dardanell. Điều đó có nghĩa là các hạm đội của Anh và Hoa Kỳ sẽ có thể thường xuyên có mặt tại khu vực này. Ngài đại sứ Mỹ chờ một cuộc gặp chính thức theo phong cách ngoại giao quen thuộc của Liên Xô: phía Nga sẽ không đưa ra một quyết định nào khi chưa hỏi ý kiến Moscow. Nhưng chờ đợi của ông ta đã không thành hiện thực. Vinogradov tỏ ý kiến chắc chắn về các đề nghị đưa ra, đặc biệt chú ý đến cố gắng hợp pháp hoá việc các tàu chiến nước ngoài thả neo trong khu vực eo biển, một điều hoàn toàn không hợp ý Liên Xô. Wilson rất ngạc nhiên. Vị đại sứ Nga đến với cuộc thương lượng rất chủ động và kèm theo những câu trả lời có sẵn. Wilson đã không ngờ được rằng, ngày hôm trước cuộc thương lượng, "Gomer" (Maclean) đã gửi cho chúng ta bản sao các đề nghị của Mỹ.

Người Mỹ bực bội đổ tội để rò rỉ thông tin cho người Anh, công khai lên án họ không biết giữ bí mật. Quan hệ giữa hai nước vốn là đồng minh xấu đi nhiều đến nỗi họ không thèm tham dự vào việc soạn thảo điều khoản chung về Dardanell. Thổ Nhĩ Kỳ và Anh không còn muốn nghe tới việc thành lập Ủy ban quốc tế theo đề nghị của Mỹ.

Ít lâu sau, "Gomer" cho chúng ta biết, Truman, người lúc đó đưa ra học thuyết kiềm chế nhằm mục đích ngăn

chặn không cho chủ nghĩa cộng sản lan rộng khắp thế giới, và sẽ không bao giờ cho phép chúng ta động chạm đến quyền lợi của Thổ Nhĩ Kỳ. Một câu hỏi phải đặt ra ở đây, kết quả là thế nào? Stalin đã cài số lùi. Lần này thông tin của "Gomer" đã cứu cả thế giới khỏi một cuộc tàn sát mới.

Nói một cách ẩn dụ, hàng ngày Lubianca đều gặt được một vụ mùa các tin tức tình báo. Và chúng ta nhận được đúng các thông tin cụ thể mà ta đang cần, - hệt như một bộ quần áo may đo đúng kích cỡ vậy. Chúng tôi nhận được chỉ thị tìm cho ra các sự kiện mà lãnh đạo cần đến, bằng mọi phương tiện trong tầm tay của mình.

Tôi cùng với hai đồng nghiệp ngồi trong phòng làm việc bé tí chật chội với cuốn từ điển Anh - Nga để trên bàn chất đống các cặp tài liệu. Tôi phải ngày đêm dịch và viết các báo cáo ngắn. Thêm vào đó phần tôi còn thêm một công việc nặng nhọc nhất: một mình tôi là người nhận các vi phim. Để tránh rò rỉ thông tin, cho dù tất cả chúng tôi đều đã qua kiểm tra hết sức ngặt nghèo, tôi phải thường xuyên tự tay in tráng phim tại phòng làm ảnh. Đôi khi để tiết kiệm thời gian, tôi còn đọc và đánh dấu những chỗ đáng chú ý ngay khi phim âm bản còn chưa khô hẳn.

Nếu công việc không gấp lắm, các vi phim được in ra giấy ảnh. Lúc này tôi có thể đọc chậm rãi các nội dung và đánh giá xếp loại thông tin theo mức độ quan trọng

trước khi đưa đi dịch ra tiếng Nga. Nếu tôi cho tài liệu là rất quan trọng thì tôi tự dịch lấy. Công việc này đòi hỏi trách nhiệm vô cùng nặng nề. Thứ nhất, phải tránh các lỗi dịch thuật có thể làm sai ý nghĩa của tài liệu. Thứ hai, phải luôn luôn nắm được các tin tức mới nhất, hiểu biết lịch sử, ngoại giao và thậm chí cả kinh tế, để cho ra được một đánh giá có chất lượng về tư liệu được đọc.

Tôi không lo lắng khả năng đánh giá quá mức mức độ quan trọng của một tài liệu nào đó (nếu có trường hợp đó chắc chắn là tôi đã bị khiển trách) bằng lo bỏ sót một chi tiết mà có thể số phận hàng nghìn người phụ thuộc vào đó. Nỗi lo sợ tai hoạ xảy ra dai dẳng theo đuổi tôi trong những cơn ác mộng ban đêm.

Hoàn thành việc viết báo cáo hay giải mã các tài liệu xong, tôi đến gặp cấp trên của mình, Ioxif Lovovich Kogen. Là người hiểu biết hiếm có, ông thường bận bề bộn công việc và suốt đời vội vã, bởi ông chỉ đạo hoạt động của mấy nhóm điệp viên như nhóm của tôi. Khi Kogen có được một phút rỗi rãi giữa hai cuộc họp, ông đọc các tài liệu do tôi mang đến. Thỉnh thoảng đưa ra nhận xét, nhưng thường là đồng ý với tôi và không quên nhắc nhở:

- Iura, hãy theo dõi gửi số tài liệu này đến ba địa chỉ.

Điều đó có nghĩa là Stalin, Molotov và Beria. Sau đó một sĩ quan KGB nhận phong bì được chúng tôi niêm

phong kín đem đến điện Kremli. Gửi đi rồi, chúng tôi lại thấp thỏm chờ đợi phản ứng dội về. Nhưng chúng tôi chỉ biết đoán rằng có lẽ là ban lãnh đạo Liên Xô thích các thông tin do các điệp viên của ta ở London gửi về và họ hài lòng với công việc của ban tôi.

Giờ đây Kim Philby là ngôi sao mới nổi trong cơ quan tình báo Anh. Ông trở thành nguồn cung cấp tin quan trọng nhất của chúng ta. Năm 1944, khi tôi nhận làm việc với nhóm Cambridge ông đã chuẩn bị giữ vị trí lãnh đạo Cục IX, chịu trách nhiệm chống lại chủ nghĩa cộng sản. Nhưng Philby không phải là ứng cử viên duy nhất cho chức vụ đó. Felilx Kaudjill, cấp trên trực tiếp của ông, cũng mong được bổ nhiệm vào vị trí đó. Cuối cùng lợi dụng tình bạn với Valentin Vivian, Kim Philby đã vượt qua được đối thủ. Kaudjill thất vọng đến nỗi xin ra hẳn khỏi ngành tình báo.

"Henny", người liên lạc của Kim thì vui mừng không tả xiết. Kim đã có một bước đi tinh quái. Một gián điệp của Liên Xô lại trở thành một cục trưởng trong cơ quan tình báo, có nhiệm vụ duy nhất là đấu tranh chống lại NKVD và ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản lan rộng ra toàn thế giới.

Trong cuộc kiểm tra quá khứ của Philby bắt buộc phải có trước khi bổ nhiệm, người ta lại đặt cho Kim nhiều câu hỏi đề cập đến đời sống riêng tư của ông. Một lần nữa ông giải thích tỷ mỷ với Vivian rằng Litsi vợ ông là một người cộng sản nhiệt thành. Tư tưởng gắn

bó của cô với chủ nghĩa Mác chính là nguyên cớ dẫn tới sự tan vỡ của vợ chồng họ, và nếu cuộc ly dị còn chưa được chính thức hoá thì đó chỉ là vì ông không có tin tức gì về vợ mình ngay từ hồi đầu chiến tranh. Tiếp đó Philby lại khẳng định thêm một lần nữa quyết định sẽ cưới Ilen Firs ngay khi liên lạc được với Litsi để tiến hành thủ tục ly dị.

Valentin Vivian rất bình thản lắng nghe những lời giải thích đó. Ông trả lời Kim rằng Kim có quyền hành động như ông cho là đúng, và cuộc sống riêng của Kim không ảnh hưởng gì đến việc bổ nhiệm ông. Và thực tế đã đúng như vậy.

Thực sự là Kim đã mất dấu vết của Litsi. Ông đã chung sống một thời gian dài với Ilen Firs. Họ có ba đứa con và sống rất hạnh phúc. Kim là một người chồng lý tưởng, người cha nhân hậu, luôn giúp đỡ Ilen làm việc nhà, rất hay xăng xái với công việc bếp núc. Nói chung, ông tham gia nhiều vào cuộc sống gia đình. Về mặt này thì Kim là người không thể chê trách được. Ông đặc biệt yêu quý Tomy, đứa con trai lớn.

Đến cuối chiến tranh, Philby cũng tìm ra Litsi. Họ viết thư cho nhau và bà đồng ý ly dị, thủ tục được tiến hành vào tháng Chín năm 1946. Việc đó chẳng gây vấn đề gì cho Litsi cả: đến lúc này bà đã sống chung với George Hongman, một phần tử tích cực của Đảng, người không có liên quan gì đến NKVD. Sau khi Berlin được giải phóng, Litsi sống ở khu vực phía đông. Bà

sinh cho Hongman một con gái, nhưng đến năm 1966 thì ly dị. Tôi được biết là bà và Kim Philby tiếp tục thư từ cho nhau đến tận khi ông mất.

Tôi nghĩ rằng Litsi vẫn còn sống. Mấy năm trước, tôi được biết hồi những năm 80 bà đã chuyển sang sống ở Tây Đức, sau đó cùng với con gái và cháu ngoại sống ở Áo hay đâu đó trên đất Đức. Tôi khâm phục sức mạnh niềm tin của người phụ nữ này và thương mến bà sâu sắc.

Philby bắt tay vào công việc trên cương vị mới cũng kiên quyết và nhiệt tình như bản tính của ông. NKVD gần như tôn sùng ông. Ông có đầy đủ mọi tư cách để trở thành người đứng đầu cơ quan tình báo Anh.

Nhưng một sự kiện xảy ra, có thể đã để lại dấu ấn sâu sắc trong sự nghiệp của Philby. Ngày mùng 4 tháng Chín năm 1945, nhân viên KGB Konstantin Volkov hoạt động dưới vỏ bọc nhân viên phòng lãnh sự quán Liên Xô ở Ancara đã đến lãnh sự quán Anh tại Istambul. Với dáng vẻ lo sợ và hoảng hốt, ông ta đề nghị được gặp tổng lãnh sự Chantri Peidg.

Peidg tiếp Volkov trước sự chứng kiến của John Red, Bí thư thứ nhất sứ quán Anh tại Ancara, lúc đó ông này tình cờ có mặt tại phòng lãnh sự quán. Red nói tiếng Nga rất thạo nên làm phiên dịch luôn. Volkov đã ấp ủ kế hoạch chạy trốn từ lâu, nhưng giờ ông ta thấy sợ hãi. Để đổi lấy 27,500 bảng Anh và vé tầu miễn phí đến Ai Cập cho mình và vợ, ông ta sẽ nói ra tên ba điệp

viên của Liên Xô giữ chức vụ rất cao ở Anh: hai người làm việc tại Bộ Ngoại giao, còn người thứ ba lãnh đạo cơ quan phản gián. Ông ta nói với Peidg như vậy và còn thêm là mình có thể chỉ ra một số căn hộ bí mật tại Moscow và cung cấp danh sách đầy đủ các điệp viên Liên Xô trên đất Thổ Nhĩ Kỳ.

Red là nhà ngoại giao có kỷ luật, ông ta không vi phạm nguyên tắc làm việc và thông báo ngay tin này cho ngài Moris Peterson.

Peterson sợ tất cả những gì dính dáng đến gián điệp như sợ lửa. Vì thế ông ta từ chối không tiếp Volkov và giao cho người phụ trách hoạt động gián điệp Siril Macrei báo cáo với London về chuyến viếng thăm của Volkov. Rồi Peterson phủi tay.

Thông tin do Volkov gạ cung cấp dựa vào số tài liệu ông ta đã đọc trong thời gian còn làm việc ở Lubianca tại phòng 3 Cục I, bộ phận chuyên trách về Mỹ và Anh. Tôi có thể khẳng định chính thức rằng ông ta được tiếp cận với những tài liệu tuyệt mật.

Red truyền đạt với Volkov về quyết định của đại sứ. Volkov đồng ý chuyển đề nghị của mình tới London nhưng ông ta nêu ra ba điều kiện bắt buộc. Red phải tự tay viết báo cáo về London chứ không giao việc đó cho nhân viên mật mã của sứ quán: bởi người này có thể không đáng tin cậy. Báo cáo không được chuyển đi qua điện báo mà phải bằng hộp thư ngoại giao, vì người Nga

nắm được số ký hiệu mật mã của Anh. Toàn bộ kế hoạch không được kéo dài quá ba tuần.

Red chấp nhận điều kiện của Volkov và hắn ta lặng lẽ rời lãnh sự quán Anh, nói rằng sẽ liên lạc sau.

Báo cáo của Siril Macrei đến London vào đầu tháng Chín. Là trưởng Cục 9 nên Philby được đọc bức thư mang theo đề nghị của Volkov chuyển qua hộp thư ngoại giao. Hoá ra là thỏ tự chui đầu vào lưới. Nhưng Philby phải hành động hết sức thận trọng. Cấp trên cao nhất đã được thông báo về bức thư này nên ông không thể xếp xó nó một cách đơn giản được.

Tối hôm đó "Stanly" ngồi viết báo cáo đến khuya để chuyển cho liên lạc của mình Boris Mikhailovich Kretenshild (Kreshin) vừa mới thay "Henry". Kim thông báo tỷ mỷ chuyện xảy ra cho Kreshin và yêu cầu ông liên lạc gấp với Trung tâm.

Đọc xong báo cáo, Moscow nhanh chóng hiểu ra vụ việc nghiêm trọng đến thế nào. Volkov hoàn toàn có thể nắm được người điệp viên Liên Xô, đứng đầu một ban quan trọng của cơ quan tình báo Anh là Kim Philby, còn hai điệp viên còn lại làm việc tại Bộ Ngoại giao là Guy Burgess và Donald Maclean. Volkov cũng có thể bán cả các điệp viên khác. Vậy nhưng không ai làm rối lên cả. Chính Volkov đã dành cho NKVD ba tuần để quyết định những biện pháp cần thiết. Kreshin khuyên "Stanly" kéo dài vụ việc càng lâu càng tốt, tranh thủ

thời gian để Trung tâm nghĩ cách vô hiệu hoá kẻ phản bội đang mưu đào ngũ một cách êm thấm.

Người của ta hoạt động ở nước ngoài thường rất thận trọng, và khi quyết định phản bội, Volkov hiểu quá rõ trò chơi của hắn ta nguy hiểm như thế nào. Trường hợp bị lộ, án tử hình đã chờ sẵn hắn. Vì thế Trung tâm quyết định tiến hành mọi biện pháp phòng bị để Volkov không biến mất ngay khi có tín hiệu báo động đầu tiên.

Tại London, lãnh đạo cơ quan phản gián Anh ngay lập tức đánh giá được tầm quan trọng lời đề nghị của Volkov. Nhưng theo họ, thời hạn ba tuần có thể hoàn toàn làm đổ vỡ kế hoạch. Tại cuộc triệu tập khẩn cấp có Philby tham dự, một số sĩ quan đã một mực đòi phải có hành động ngay lập tức.

Còn Philby thì đề nghị người đứng đầu cơ quan tình báo Steward Manzis cử một nhân viên có kinh nghiệm đến Istambul trực tiếp phụ trách vụ này. Manzis dừng sự lựa chọn lại nhóm trưởng Duglas Roberts, người làm việc tại cơ quan an ninh về vùng cận Đông, nói tiếng Nga thông thạo và đã từng phục vụ mấy năm tại Thổ Nhĩ Kỳ. Philby hoàn toàn không ưng ý điều đó, nhưng ông lại một lần nữa gặp may.

Roberts từ chối sứ mệnh được giao, lý do vì ông ta rất sợ đi máy bay và không bao giờ đi ra nước ngoài nếu không phải là đi đường biển. Vậy là Manzis giao cho Philby đích thân tới Istambul.

Cuộc chạy đua với thời gian bắt đầu. Nhưng cơ quan tình báo Anh không biết rằng chúng ta đã vượt trước họ.

Kim vẫn luôn gặp may. Do có cơn giông mạnh hoành hành trên biển Malta nên máy bay của ông phải hạ cánh xuống Tunisie. Khi Philby đến được Ai Cập thì ông đã lỡ chuyến bay đi Istambul. Mãi đến thứ sáu, ông mới đến nơi, nhưng người ta trả lời ông là ngài đại sứ đã xuống du thuyền đi Biển Đen nghỉ cuối tuần. Đến trưa thứ hai, ngài đại sứ mới xuất hiện ở lãnh sự quán. Ông ta cùng với John Reed cố gắng liên lạc với Volkov. Họ yêu cầu Chanri Ppeidg gọi điện đến sứ quán Liên Xô, vì Peidg và Volkov giữ chức vụ ngang nhau.

Reidg yêu cầu nhân viên trực tổng đài nối máy với Konstantin Volkov. Một người tự xưng là Volkov nhấc ống nghe, nhưng Peidg nhận ra ngay đó không phải là người ông nói chuyện ở tổng lãnh sự. Ngày hôm đó ông còn gọi đến mấy lần nữa, nhưng Volkov vẫn không xuất hiện. Đến sáng thứ ba, Peidg được trả lời là Volkov đã bay về Moscow.

Tại Istambul lan truyền tin đồn trong các nhân viên sứ quán rằng một nhà Ngoại giao Liên Xô bị ốm nặng, người ta phải đưa ông ta bằng xe cấp cứu ra sân bay và bay chuyến đầu tiên về Moscow.

Tôi cũng không biết đích xác chuyện gì xảy ra với Volkov ở Moscow. Có lẽ là bị kết án rồi bị bắn. Chỉ có thông báo chính thức là ông ta mắc bệnh ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Tôi thì nghĩ, người ta đã tiêm cho ông ta một ống thuốc ngủ, sau đó chuyển ông ta đi như chuyển một người ốm về nhà. Chuyện đó cũng thường xảy ra.

Kim Philby chờ đợi sự bổ nhiệm vào ghế trưởng phòng của cơ quan trinh sát tình báo. Đó sẽ là khúc khải hoàn lớn nhất trong sự nghiệp tình báo hai mặt của ông. Nhưng tạm thời người ta mới chỉ bổ nhiệm ông phụ trách các điệp viên của MI-6 - những người làm việc tại Liên Xô. Ông cũng có trách nhiệm tuyển mộ điệp viên và tiến hành các chiến dịch phá hoại chống lại Đảng Cộng sản Liên Xô và các nước khác. Hiển nhiên là ông thông tin tỷ mỷ cho chúng ta về các chiến dịch ấy, thường thường là do người Anh, và chỉ đôi khi là do người Mỹ thực hiện. Do thận trọng nên không phải lúc nào chúng ta cũng sử dụng báo cáo của ông để tiêu diệt hang ổ gián điệp. Nếu có hoạt động phá hoại nào của người Anh có thể gây thiệt hại lớn cho chúng ta thì các biện pháp triệt để sẽ được tiến hành ngay lập tức, còn nếu không thì ta không hành động gì cả. Bởi Philby còn phải cho cấp trên xem hàng tận mắt. Thời gian đó ở Liên Xô nhung nhúc đầy gián điệp và mọi loại người tay sai, chủ yếu là dân địa phương thuộc các nước cộng hoà vùng Bantich gia nhập Liên bang Xô Viết sau năm 1940.

Mỗi lần Philby lại báo trước cho chúng ta theo những cách khác nhau. Đôi khi ông thông báo tên kẻ

gián điệp, đôi khi báo cáo thời gian và vị trí có kẻ nhảy dù xuống Liên Xô, để ta có thể đặt bẫy sẵn. Gián điệp thì được tuồn vào qua các nước Bantích, Ucraina, Belorusia và Thổ Nhĩ Kỳ. Chúng ta được biết trước về từng chiến dịch tiến hành qua đường không, đường biển hay đường bộ, thậm chí tại các vùng núi cao và đường sá hiểm trở.

Người Anh có thói quen thả gián điệp nhảy dù ở vùng Pribaltic, nơi họ có những căn cứ chuẩn bị chu đáo. Philby thông báo chi tiết về từng chiến dịch ở Litva và Estonia; chúng thường gắn với việc cung cấp vũ khí, cũng như các lực lượng chiến đấu và liên lạc tinh nhuệ qua đường Thuỵ Điển và Pribaltic. Chúng ta biết được ai sẽ đến và đến lúc nào, và vô hiệu hoá được số gián điệp ấy. Phần lớn bị bắt, một số thì phải tiêu diệt. Chiến tranh mà! Để không đặt Philby vào tình thế bị nghi ngờ, ta cho phép một số gián điệp hoạt động dưới tầm kiểm soát một thời gian. Một số khác thì ta tuyển mộ lại, biến họ thành những điệp viên hai mang. Những chiến dịch này được thực hiện tinh tế đến nỗi người Anh không hề nghi ngờ vào những thành công của Philby. Mong muốn tột đỉnh của Trung tâm là nhìn thấy ông trên cương vị cao nhất của ngành tình báo Anh. Vì vậy, đội trưởng các đội biên phòng của KGB được tuyển chọn rất cẩn thận, có trách nhiệm tóm gọn số gián điệp do Kim Philby gửi tới, luôn nhận được những mệnh lệnh hết sức chính xác và nghiêm ngặt.

Bất kỳ một sơ xuất nào của họ cũng có thể làm đổ vỡ tất cả.

Cuối năm 1946, tương lai nghề nghiệp của Philby không còn khiến ai phải nghi ngờ. Ông được tặng thưởng huân chương của Hoàng gia Anh.

Steward Manzis sắp về hưu. Trong vai trò một tình báo hành động ông không xuất sắc gì, nhưng trong giới thượng lưu ở London thì ông là một nhân vật rất nổi. Ông thích những phụ nữ đẹp, các buổi tiệc tùng, ông là người bạn lớn của nhà vua. Tóm lại là ông có ảnh hưởng to lớn. Manzis có cảm tình với Kim Philby, ông thường nhắc đến Philby như người kế vị tương lai của mình. Nhưng còn Goger Hollis, lúc đó là phó giám đốc Cục phản gián lại cho rằng, dù cho Philby là một ứng viên khá hấp dẫn nhưng ông còn chưa đủ kinh nghiệm thực tế. Kim là nhà lý thuyết thì đúng hơn. Và theo hình dung của tôi thì Hollis nói đúng. Chính vì thế mà họ đã cử Kim đi Thổ Nhĩ Kỳ để từ đó ông thực hiện các chiến dịch chống lại Liên Xô. Chắc chắn là lãnh đạo cơ quan tình báo muốn Philby thu được ở đó những kinh nghiệm thực tế trước khi đặt ông lên vị trí cao cấp đó.

*

* *

Từ năm 1944 đến hết năm 1947, tôi tập trung hết thời gian và chú ý của mình vào việc nghiên cứu các tài liệu do nhóm điệp viên Cambridge gửi về. Tôi luôn thảo luận với liên lạc của họ mỗi khi người này về Moscow.

Dần dà công việc tỉ mẩn này đã giúp tôi hiểu rõ năm con người này.

Ngay từ hồi đầu, khi mới chỉ là học viên tại NKVD, tôi đã luôn thích thú đọc và ghi nhớ tất cả những gì rơi vào tay tôi. Tôi làm quen với các phương pháp tác chiến của cơ quan tình báo của ta. Và dần dần tôi bắt đầu nhận ra những sai lầm họ mắc phải và phân tích chúng.

Trong những năm chiến tranh và ngay sau khi chiến tranh kết thúc, nhân viên của NKVD rất hỗn tạp. Trong đó có cả những cựu nhân viên ngoại giao có kinh nghiệm, những cán bộ cấp cao của Bộ Ngoại giao, cả người của Tsêca[1]. Những người của Tsêca làm việc trong cơ quan tình báo từ thời cách mạng Tháng Mười và hồi những năm 20 đấu tranh cống lại "bọn kẻ cướp", như thời đó người ta gọi "kẻ thù của nhân dân". Có thể họ rất nguyên tắc nhưng không thích hợp lắm với công việc ở ngành tình báo: họ thiếu sự đào tạo chuyên nghiệp và kiến thức văn hoá chung. Và điểm yếu nghiêm trọng nhất là họ không biết trình bày suy nghĩ của mình dưới dạng viết. Họ có nhạy cảm chính trị nhưng khi đụng chạm đến việc trình bày quan điểm của mình ra giấy là họ lúng túng. Mà lãnh đạo của ta thì luôn luôn đòi hỏi phải có giấy tờ.

---

1. Uỷ ban đặc biệt chống phá hoại và phản cách mạng - ND.

Kho lưu trữ của KGB luôn rối tinh rối mù. Khi tôi được nghe chuyện các nhà báo phương Tây cố sống cố chết để lọt được vào Lubianca tìm kiếm những tài liệu giật gân liên quan đến hoạt động của KGB giai đoạn từ 1917 đến 1950, tôi chỉ cười. Thực tế trong đó không có gì có thể gợi cho họ chút quan tâm.

Bất kỳ người nào biết đến nước Nga đều có thể coi đây là một nghịch lý, nhưng quả thực tệ quan liêu chỉ chiếm lĩnh KGB vào những năm sau khi chiến tranh kết thúc, mà chính xác là năm 1948-1950. Việc này trùng vào giai đoạn cơ quan này nhận thêm nhiều nhân viên mới, những người có bằng đại học và chỉ chăm chăm nghĩ đến công danh của bản thân mình. Cũng khoảng vào thời gian đó, ngành tình báo Liên Xô bắt đầu đi xuống.

Suốt bốn năm tôi sống cuộc sống một công chức bình thường. Bầu không khí tại Lubianca nói chung là chấp nhận được, và quan hệ của tôi với cấp trên khá là thân ái. Giờ ăn trưa, chúng tôi đi cả đoàn xuống nhà ăn, ngồi cùng bàn, không phân biệt quân hàm và chức vụ, nhận bữa trưa theo phiếu ăn. Câu chuyện trong bữa ăn thường là về thể thao, các cô gái, sinh hoạt, và không bao giờ đả động đến công việc.

Khi có một ngày rỗi hiếm hoi, chúng tôi cùng đi ra ngoại ô. Mùa đông thì đi trượt tuyết, mùa hè thì dạo chơi trong rừng hoặc tắm sông, thỉnh thoảng tới nhà nghỉ. Cơ quan tôi có khu tập thể thao và nhà văn hoá

riêng. Năm 1945, tôi là người chiến thắng cuộc đua trượt băng và trượt tuyết toàn Cục I.

Cuộc sống ngoài công việc của chúng tôi cũng tầm tầm, ít sự kiện như phần đông các công dân Liên Xô thời đó. Tôi gặp gỡ các bạn bè, chủ yếu là các đồng sự, làm quen với các cô gái gặp ở nơi làm việc. Có một số cán bộ làm tôi thấy ác cảm. Đặc biệt là một nhà bác học nổi tiếng, chịu trách nhiệm về hoạt động của bộ phận kỹ thuật thuộc vụ Anh - Mỹ. Ông ta làm tôi rất bực mình, vì lúc nào cũng muốn thể hiện tầm quan trọng của mình trước mắt bọn tôi.

Trước chiến tranh, vào kỳ nghỉ hè ở trường phổ thông, tôi đã mấy lần đi Sudak. Tôi yêu một cô gái ở đó. Chúng tôi thường xuyên viết thư cho nhau, nhưng khi chiến tranh nổ ra thì việc trao đổi thư từ bị gián đoạn. Quay về Moscow năm 1944, tôi quyết định đi tìm cô. Tôi nhanh chóng tìm ra địa chỉ. Hoá ra, cô sống ngay tại thành phố với mẹ đẻ là một cô giáo. Đóng bộ quân phục NKVD với quân hàm mầu xanh da trời, tôi đến tìm cô. Nhưng cô gái tiếp tôi rất lạnh nhạt, hẳn là do bộ quân phục của tôi. Không còn hy vọng gì nối lại mối quan hệ nữa.

Lý do là thời ấy, cảm tình của nhân dân đối với những người thuộc NKVD đã thay đổi căn bản. Mọi người gặp chúng tôi mỗi ngày một thiếu thiện cảm hơn. Thời gian đầu tôi mặc quân phục đi ngoài phố mà không thấy cần phải giấu diếm mối quan hệ của mình

với cơ quan này. Tôi cũng không thử giấu kín điều đó với bạn bè dân sự của mình. Nhưng chẳng bao lâu thì không còn cư xử như vậy được nữa, mặc dù các sĩ quan NKVD không bị cấm có bạn bè trong thành phố, trái với tin đồn lan truyền rộng rãi lúc bấy giờ.

Một người bạn của tôi, một thanh niên trẻ rất thông minh, thổ lộ rằng muốn rời khỏi Moscow (lúc đó là năm 1945). Quyết định của anh hơi kỳ lạ đối với tôi, bởi vì lúc đó gần như tất cả mọi người đều muốn sống ở thủ đô. Anh giải thích là anh không thể ở lại thành phố vì nguồn gốc Do thái của mình.

- Thế thì sao nào? - tôi hỏi. - Trong NKVD đầy người Do thái. Sếp của tớ cũng là người Do thái, ông ấy chẳng gặp vấn đề gì cả.

Anh bạn tôi chỉ biết lắc đầu và về Dinhepropetrovsk sống.

Ngoài gia đình mình ra, không có ai khiến tôi quan tâm đặc biệt cả. Tôi hoàn toàn chuyên tâm vào công việc. Philby và Maclean vẫn là những ngôi sao trong con mắt của NKVD, so với họ các điệp viên khác không còn giữ được giá trị như trước nữa, bởi chiến tranh đã kết thúc.

"Paul", "Madhan", cũng là "Hix", như người ta gọi Guy Burgess lúc đó, cũng không cung cấp được thông tin quan trọng gì cho chúng tôi. Trước khi rời sang Mỹ vào tháng 10 năm 1944, "Henry" đã đề nghị ông làm tất

cả những gì có thể để được vào làm việc tại Bộ Ngoại giao, vì sau khi Maclean ra đi thì không còn người nào của ta ở đó cả. Burgess hoàn thành được nhiệm vụ, nhưng việc đó chiếm mất của ông gần một năm. Đầu tiên ông làm việc tại vụ báo chí, nơi không cho phép ông tiếp cận được với các thông tin có ích. Khó khăn lắm ông mới "nuôi" được Kreshin, nhưng ông này không lo lắng, bởi ông biết rõ Burgess và hoàn toàn tin tưởng rằng bản thân Burgess cũng không muốn ở lại làm việc tại một nơi khiến ông không thể mang lại lợi ích gì cả.

Và Kreshin đã đúng. Năm 1946, Burgess trở thành thư ký riêng cho Hector Macneil, gương mặt thứ hai trong Bộ Ngoại giao của Chính phủ công đảng Clemente Ettle. Chức vụ mới quan trọng mang đến cho ông vô số các thông tin. Giờ đây ông đã tiếp cận được với toàn bộ thư tín ngoại giao của Bộ Ngoại giao Anh.

Burgess và Kreshin thường gặp nhau ngoài phạm vi London và chỉ đôi khi mới gặp nhau trong thành phố. Guy thường tha theo mình những chiếc cặp giấy dầy cộp. Các tài liệu được sao chụp và lặng lẽ trả lại phòng làm việc của Hector Macneil. Những gì quan trọng nhất chúng ta gửi ngay về Moscow.

Một lần, sau khi gặp gỡ với Burgess, chiếc va ly của Kreshin bất ngờ bị bật nắp, các tài liệu siêu mật và điện tín của Bộ Ngoại giao tung toé ra cả sàn quán bar. Kreshin chửi thề như một gã đánh xe và bổ đi nhặt lại. Một người Anh trẻ tuổi có lòng giúp đỡ ông. Không ai nhận thấy có gì đáng nghi ngờ, và Kreshin an toàn ra

đi. Thật đáng sợ khi nghĩ đến vụ bê bối chính trị và ngoại giao tầm cỡ có thể xảy ra, nếu như người ta bắt được tại London một điệp viên Liên Xô với chiếc va ly đầy tài liệu ăn cắp từ Bộ Ngoại giao. Không nên quên rằng, lúc đó là năm "chiến tranh lạnh" đầu tiên với biết bao căng thẳng tích tụ lại.

Vị Bộ trưởng Ngoại giao thứ hai (do phe Công đảng bổ nhiệm để hỗ trợ cho Bộ trưởng thứ nhất), ngài Hector Macneil là người thông minh và trực tính. Thêm vào đó ông cư xử chân thành và không bao giờ đề cao tầm quan trọng của mình. Ông ta rất ăn ý với Burgess. Ngoài những ưu điểm lớn, Hector Macneil còn có những điểm yếu, chủ yếu là tính lười. Thay vào việc gò lưng sau bàn làm việc, ông thích la cà các nhà hàng, rạp chiếu phim và rạp hát hơn. Guy nhận thấy ngay điều đó và nhận về mình toàn bộ công việc của Macneil không một lời phàn nàn. Mỗi khi ngài Bộ trưởng được yêu cầu làm báo cáo và lập bản phân tích cho cả một tập tài liệu, ông đều giao việc này cho Burgess. Mà Guy thì luôn vui lòng giúp đỡ sếp. Tất cả đều được làm rất bài bản. Macneil chỉ còn việc đặt bút ký và gửi văn bản trình Chính phủ hay Thủ tướng. Sau này vị thủ trưởng đầy biết ơn tin tưởng Burgess đến nỗi giao cho ông thống kê tất cả các báo cáo và điện tín gửi về từ các hội nghị quốc tế sau chiến tranh.

Tháng 4 năm 1946, Burgess có trong tay tất cả các tài liệu do Bộ chuẩn bị cho Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao bốn cường quốc, sẽ diễn ra ở Paris. Viacheslav

Molotov (Liên Xô), Ernst Bevin (Anh), James Berns (Mỹ) và Giorgo Bid (Pháp) sẽ phải quyết định số phận các cựu đồng minh của Đức quốc xã. Nhờ có Burgess, Molotov đã biết trước được rằng, đề nghị của phía Nga thiết lập sự kiểm soát uỷ nhiệm bốn bên đối với vùng Rua và chuyển quyền kiểm soát vùng Triest cho Nam Tư không có một cơ hội nào đạt được thành công.

Tình hình tương tự cũng diễn ra vào tháng 3 năm 1946 tại hội nghị Moscow Molotov được thông tin trước về những gì các thành viên tham dự hội nghị khác nói đến đằng sau lưng ông. Molotov biết rằng, người Mỹ, đại diện là ngài ngoại trưởng mới George Marshall, sẽ phản đối đề nghị của phía Liên Xô về vấn đề tương lai nước Đức. Có thể họ sẽ bỏ dở hội nghị, - điều sau này đã xảy ra, - còn hơn là đồng ý với quan điểm của Molotov.

Bậy là Burgess vẫn tiếp tục giúp đỡ chúng ta cả vào đầu giai đoạn hậu chiến.

Còn Anthony Blunt lại chọn một con đường hoàn toàn khác. Mối liên lạc giữa ông với NKVD gần như bị cắt đứt. Sự hợp tác của Blunt với cơ quan phản gián Anh mang tính chất tạm thời: người ta giữ ông ở đó chỉ trong thời gian chiến tranh. Giai đoạn đó, cơ quan tình báo nhận về tất cả các chuyên gia dân sự cần thiết: kỹ sư, giáo sư đại học tổng hợp, đại diện các nghề trí thức. Còn vì một nguyên nhân không nhỏ nữa: Chính phủ không muốn đưa tinh hoa dân tộc ra làm bia đỡ đạn.

Sau chiến thắng, những người này lại quay về nơi

làm việc trước của mình, chỉ có những người chuyên nghiệp là ở lại cơ quan tình báo. Blunt và nhiều người khác rời khỏi MI-5 và trở thành người giữ phòng tranh của nhà vua, việc này rất hợp ý ông. Chức vụ này do CharlesI quy định vào năm 1625. Người giữ tranh phải đảm bảo sự nguyên vẹn cho bộ sưu tập tranh của hoàng gia và đưa ra lời khuyên cho nhà vua trước khi mua những bức tranh mới. Lúc đó Blunt mới 36 tuổi và chức vụ vinh dự đó là vòng nguyệt quế cho sự nghiệp nghiên cứu nghệ thuật của ông. Ông trao đổi ý kiến với Kreshin và ông này trả lời rằng MGB không phản đối việc Blunt rời khỏi công việc ở MI-5.

Tôi nghĩ, khi đồng ý để Blunt rời MI-5, Moscow đã có những mục đích riêng của mình. Trung tâm đã biết rằng Blunt có quan hệ bạn bè với vua George VI. Hai người thường gặp nhau, dành nhiều thời gian cùng nhau đi thăm các phòng tranh, trò truyện về nghệ thuật. Ban lãnh đạo hẳn phải cho rằng nếu Blunt bảo đảm được đường tiếp cận trực tiếp tới điện Buckingham thì ông sẽ thu nhận được những tin tức có giá trị mới.

Kreshin và Blunt đã hẹn trước là nếu Anthony biết được điều gì quan trọng, ông sẽ liên lạc ngay với chúng ta, trực tiếp hoặc qua Burgess.

Sau này thái độ đồng ý để Blunt rút lui khỏi MI-5 của MGB khiến cho cả các nhà báo Anh lẫn các sĩ quan tình báo phải khó hiểu. Trong cuốn "Thợ săn gián điệp" của mình, Peter Wright cho rằng, MGB cho phép Blunt

rời khỏi ngành phản gián chỉ là vì họ đã cài được một điệp viên khác vào MI-5. Wright đã khá vội vã khi cho rằng người điệp viên khác đó là Roger Hollis. Tôi không có trách nhiệm chứng minh điều ngược lại, nhưng tôi nghĩ, ở đây Wright đã mắc một sai lầm. Năm 1987, sau khi cuốn sách của Wright được phát hành, cơ quan tình báo Anh đã mở một cuộc điều tra kỹ lưỡng, nhưng cũng không khẳng định được ý kiến của Wright, bản thân ông này cũng không tìm ra được một chứng cứ nào. Việc phủ bóng tối ngờ vực vô căn cứ lên người đồng nghiệp như vậy thật là thiếu đứng đắn!

Theo quan điểm của tôi, MGB còn có một nguyên nhân rất quan trọng khác để đồng ý với sự thuyên chuyển của Blunt. Nguyên nhân đó hoàn toàn không dính dáng gì đến hy vọng có được thông tin quan trọng nhờ vào tình bạn của Blunt với nhà vua. Thực chất là vì Blunt không phải là một điệp viên bình thường, mà là nhà bác học - nhà nghiên cứu nghệ thuật xuất sắc, các công trình của ông nổi tiếng khắp thế giới. Một chuyên gia như vậy không thể làm việc trong ngành phản gián: điều đó là ngu xuẩn và thậm chí đáng ngờ vực. Nếu Blunt vẫn ở lại MI-5 sau khi chiến tranh kết thúc, khi mà ai nấy đều rõ ông khao khát được làm công việc yêu thích của mình, ông hẳn sẽ gây nên mối nghi ngờ.

Hơn nữa trong tất cả các thông báo ta nhận từ "Henry", sau đó là từ Kreshin năm 1945 đều nói đến việc Blunt đang ở trong tình trạng thần kinh quá tải và có thể "vỡ ra" bất cứ lúc nào. Biết làm sao được, nguy cơ nghiêm

trọng đó treo lơ lửng trên đầu mỗi người làm việc trong ngành tình báo, với Blunt lại càng đáng sợ hơn.

Trong thời gian chiến tranh, ông đã cho chúng ta sự giúp đỡ vô giá. Tôi có thể nói không chút phóng đại rằng, trong ngần ấy năm hoạt động, Blunt đã cung cấp cho chúng ta có đến hàng nghìn tài liệu. Ông đã góp phần làm thay đổi tiến trình của cuộc chiến tranh, và nhờ có ông, hàng chục nghìn chiến sĩ Xô Viết đã được cứu sống. Nhưng điều đó không thể tiếp tục mãi được.

Vậy là Trung tâm thôi không đòi hỏi ở ông nữa và để cho ông có cơ hội đến với những công việc "hoà bình" hơn. Năm 1947, Blunt được bổ nhiệm làm giám đốc Viện Curtold vô cùng danh tiếng, chuyên về nghiên cứu lịch sử nghệ thuật. Ông vẫn đảm nhiệm chức vụ người trông coi bộ sưu tầm tranh của Hoàng gia. Blunt đã cùng chia sẻ với nó vinh quang tầm cỡ thế giới của mình.

John Cairncross phục viên năm 1945 và trở lại làm việc ở Bộ Tài chính. Ông không cắt đứt liên lạc với MGB, mặc dù quan hệ căng thẳng của ông với Milovzorov - người liên lạc mới sau Kreshin đã dẫn đến hậu quả là ta nhận được ngày một ít thông tin từ ông.

Năm 1947, cấp trên quyết định cử tôi đến công tác tại London, để có thể xử lý tại chỗ những tài liệu do các điệp viên Anh cung cấp. Sau bốn năm, tôi đã trở thành chuyên viên chính về hoạt động với nhóm điệp viên mà MGB yêu mến gọi là "bộ ngũ Cambridge". Thêm vào đó,

tôi nắm khá rõ cách làm việc của Bộ Ngoại giao và dịch rất nhanh hàng trăm công văn hoả tốc gửi đến chỗ chúng tôi hàng tháng.

Thời kỳ này, MGB chỉ còn lại ít các tình báo viên tích cực tại nước ngoài. Phần đông những người có nghiệp vụ đều làm việc ở Moscow, và số người ít ỏi ở nước ngoài phải gánh một khối lượng công việc quá tải đến mức đôi khi họ không chịu đựng nổi căng thẳng. Họ chỉ nghĩ đến việc nhanh nhanh chóng chóng trở về nhà, cho dù điều kiện cuộc sống ở Liên Xô không hứa hẹn gì nhiều lắm. Đó thuần tuý là nỗi nhớ nhà kiểu Nga, và cấp trên của tôi hiểu rõ điều đó. Phải trả họ về nhà, nhưng cũng cần tìm người thay thế.

Tôi trả lời khẳng định ngay cho câu hỏi, tôi đồng ý làm việc tại London không. Kogen nói rằng, do Bộ Ngoại giao phản đối nên tôi không có được vỏ bọc ngoại giao, và chính thức tôi sẽ là nhân viên dịch mã. Kém danh giá đến đau lòng, nhưng không có lối thoát nào khác: quan hệ giữa MGB (Bộ An ninh)và MID (Bộ Ngoại giao) thời đó vẫn còn khá căng thẳng. Nếu Ban chấp hành Trung ương ra lệnh cấp cho ai đó trong chúng tôi hộ chiếu ngoại giao, bên ngoại giao sẽ chấp hành chỉ thị nhưng không hài lòng ra mặt. Phải nói thêm ở đây là điều đó không quan hệ đến đại sứ của ta tại London Georghi Nikolaevich Zarubin. Quan hệ của ông với MGB rất tuyệt vời.

Cấp trên của tôi đã giải quyết được phần lớn các vấn đề liên quan đến chuyến đi London của tôi, nhưng mọi sự sắp đặt không đơn giản. Thứ nhất, nhân viên dịch mã không nhất thiết phải biết tiếng Anh và như vậy là tôi phải giấu sự hiểu biết của mình trước các nhân viên sứ quán. Thứ hai, tôi không thể vào thành phố một mình, bởi vì nhân viên dịch mã chỉ được phép đi hai hoặc ba người, để còn giám sát lẫn nhau. Ngoài ra, họ còn là miếng mồi khá hấp dẫn cho cơ quan tình báo Anh. Và cuối cùng, thứ ba, họ bị cấm không được có liên hệ với người nước ngoài, mà điều đó hẳn là không làm cho công việc của tôi nhẹ nhàng hơn. Nhưng tôi còn trẻ, và tất cả những trở ngại đó đối với tôi chỉ là chuyện vặt. Tôi tự hứa sẽ vượt qua tất cả khó khăn ngay sau khi đặt chân đến London.

Và thế là tôi khởi hành đến thủ đô nước Anh ngày 29 tháng 6 năm 1947, đi qua Paris. Vợ tôi - Anna - và đứa con gái bé bỏng cùng đi với tôi. Tôi là một ngoại lệ được phép lên đường không cần có những nhân viên dịch mã khác đi theo.

CHƯƠNG V

NHỮNG CUỘC GẶP GỠ TẠI LONDON

Nhờ có ngài Zarubin về Moscow có công việc nên lãnh đạo đã thu xếp thủ tục bổ nhiệm tôi đi London mà không gặp khó khăn gì. MGB đã cương quyết đề nghị sứ quán cho phép tôi được gặp gỡ với những người nước ngoài cần thiết cho công việc. Zarubin không phản đối.

Chúng tôi bay từ Varsava đến Paris. Vừa mới đặt chân xuống cầu thang máy bay tại sân bay Le Burge, tôi lo ngại cảm thấy tất cả mọi người đều chú ý đến chúng tôi. Chưa nói đến quần áo, mọi thứ ở chúng tôi đều khác xa với người dân phương Tây.

Những ngọn đèn lung linh của Paris, những tủ kính choáng lộn, mật độ giao thông và dòng xe hơi vun vút trên quảng trường Elysses - tất cả khiến chúng tôi hoa mắt, ù tai.

Tại Pháp lúc này đang diễn ra cuộc thảo luận sôi nổi về kế hoạch của Marshall[1]. Thành phố tập trung nhiều

---

(1). Chương trình khôi phục và phát triển châu Âu sau Đại chiến thế giới lần thứ 2, do tướng Mỹ George K. Marshall đề xướng năm 1947.

thành phần tham dự đến nỗi chúng tôi không thể tìm được phòng ở khách sạn với giá tương đối vừa phải. Người nhà mình đã cứu nguy cho chúng tôi, cho chúng tôi vào trú tại sứ quán trên đường Ru de Grenel. Nhưng lại xảy ra một vấn đề mới: hoặc là do lo lắng, hoặc là do chuyến bay vất vả mà vợ tôi đột ngột mất sữa. Và khi chúng tôi tạm trú trong sứ quán thì bé Olia cứ khóc triền miên vì đói.

Người dẫn đầu đoàn đại biểu Liên Xô tại cuộc thương lượng là Molotov cũng đến Paris cùng ngày với chúng tôi. Và theo thông lệ, cũng được sắp xếp vào ở trong sứ quán. Ngay đêm đầu tiên, con gái tôi đã trình diễn một buổi "hoà nhạc" gay gắt, dai dẳng đến nỗi không một ai trong nhà chợp được mắt. Sáng hôm sau, Molotov phàn nàn với đại sứ, vì phòng Molotov lại ở ngay dưới phòng tôi, ngài đại sứ nghiến răng ra lệnh thuê cho chúng tôi một phòng tại Grand Hotel de la Pe. Đây là một trong những khách sạn tốt nhất Paris nằm đối diện ngay nhà hát Opera. Căn phòng đó tốn khá nhiều tiền của ngài đại sứ, nhưng giờ thì Molotov có thể ngủ ngon để sáng dậy đến bên bàn thương lượng tràn trề tinh thần sẵn sàng chiến đấu.

Sau này mỗi khi nhớ lại sự kiện này, các bạn tôi lại nhìn Olia mà đùa:

- A - a - a ... đây là cô bé đã phá hoại cuộc thương lượng Paris về kế hoạch Marshall phải không?

Ba ngày sau, chúng tôi đáp tàu từ ga Gar du Nord đi

Cannes, từ đó chúng tôi vượt biển La Manche đến London. Chúng tôi có vé hạng nhất, nhưng thoạt đầu tôi không nắm được và chúng tôi cũng xếp hàng kiểm tra hải quan như tất cả các hành khách khác. Nhưng hoá ra, hành khách hạng nhất được đi qua hải quan mà không phải khai báo. Cám ơn người khuân vác: anh ta nhanh nhẹn giật lấy cả hai chiếc va ly và gần như là đẩy chúng tôi lên con tàu đã bắt đầu chuyển bánh. Nếu không có anh ta chắc là chúng tôi đã phải ở lại sân ga mà đợi chuyến tầu tiếp theo.

Ngồi chung buồng tàu với chúng tôi là một cặp vợ chồng người Italia - những người đáng kính và trông bề ngoài giàu có. Đến giờ ăn tối. Chúng tôi sôi nổi hẳn lên và cố gắng hiểu thực đơn. Do không hiểu gì cả nên chúng tôi chỉ liều vào một món mà đầu cứ chờ món khác. Người phục vụ đưa thức ăn tới, và chúng tôi nôn nóng bắt tay vào dao, rĩa. Khi trên đĩa của tôi chỉ còn lại một mẩu cuối cùng, tôi mới nhận ra hai người đồng hành chưa hề đụng đến thức ăn. Họ ngồi im lặng, mắt nhìn xuống, khuôn mặt như hoá đá.

Khi người phục vụ đến để dọn bàn, tôi mới hiểu đã xảy ra chuyện gì. Anh ta đã đặt trước mặt chúng tôi món ăn do hai người Italia chọn, còn họ thì buộc phải bằng lòng với thực đơn của chúng tôi. Khi biết chúng tôi là người Nga, hai người Italia quyết định không sửa lại lầm lẫn của người phục vụ nữa. Không biết là vì sao?

Dần dần chúng tôi nhận ra, sống ở Châu Âu không

hề đơn giản, còn phải học nhiều. Nhận được bài học đầu tiên, chúng tôi tiến vào ga Victoria.

Đây là lần thứ hai tôi đến London. Lần đầu tiên tôi đến đây ngay sau chiến tranh với tư cách là thành viên đoàn đại biểu Liên Xô tại Đại hội thanh niên. Nhưng khi đó tôi chưa được tham quan thành phố kỹ lưỡng, và tôi hoàn toàn không nhớ được gì cả.

Rất đông người tụ tập trên quảng trường nhà ga. Hàng người chờ tắc xi dài lê thê. Tại các sân bay của Moscow, người nước ngoài bao giờ cũng được ưu tiên hàng đầu, nhưng ở Anh không có sự phân biệt như vậy. Nhưng ngay khi nhận ra chúng tôi có con nhỏ, - mà không thể không nhận ra điều đó vì Olia của tôi đang đòi được thay tã khẩn cấp, nó hét váng lên hết công suất của hai lá phổi, - thì họ báo ngay cho người điều hành và chúng tôi được xếp vào chiếc tắc xi đỗ đầu tiên.

Mỗi khi ý nghĩ tôi quay về với thời kỳ đó, tôi luôn nhớ lại cảm giác của mình lúc đó, có thể mô tả bằng mấy từ ngắn gọn: "tôi không quen được". Cấp trên của tôi ở Moscow hiểu những vấn đề mà chúng tôi sẽ vấp phải ở nước ngoài, và đã hơi mạo hiểm khi cử chúng tôi đi. Không ai đặt nghi ngờ vào lòng trung thành với Tổ quốc của chúng tôi, nhưng còn liệu chúng tôi có hoà mình vào đám đông được hay không - đó là một vấn đề lớn.

Khi chúng tôi xuất hiện ở London, rõ ràng là tôi khác biệt hẳn với người xung quanh. Mọi người dừng

cái nhìn chăm chú vào tôi. Còn nói gì đến cuộc gặp gỡ bí mật với điệp viên. Phân tích lần ra mắt của tôi tại Anh, tôi phải thú nhận rằng, cả tôi và Anna, vợ tôi còn quá trẻ và ngây thơ. Sự khác biệt giữa mức sống ở Liên Xô và ở phương Tây lớn đến nỗi chúng tôi có cảm giác mình rơi vào một hành tinh khác. Phải mất không ít thời gian để lũ chó ở London thôi không sủa mỗi khi gặp tôi nữa.

Georgi Nikolaevich Zarubin tiếp chúng tôi nồng hậu, nhưng vào những ngày ấy ông có ít thời gian rỗi: đang có cuộc thương lượng quan trọng diễn ra ở Paris.

Giữa tháng Bảy, Molotov rời Paris sau khi tuyên bố rằng, kế hoạch của Marshall là âm mưu tước đoạt sự độc lập về kinh tế của các nước châu Âu đã bị thiệt hại vì chiến tranh.

Bầu không khí trong sứ quán của ta ở London có lắng dịu hơn. Zarubin gọi tôi lên gặp và trò chuyện khá lâu. Ông nắm được tỷ mỷ việc tôi đến London làm gì. Nhưng để cho hình thức hợp lệ ông giới thiệu tôi với cựu phiên dịch của Stalin, Pavlov. Ông này kiểm tra trình độ tiếng Anh của tôi. Pavlov đánh giá kiến thức của tôi ở mức trung bình và khuyên tôi đi xem phim hàng ngày trong vòng vài tuần để hiểu và học được cách sử dụng các cách nói thông dụng. Tôi đã xem nhiều phim trinh thám, quân sự, gián điệp và phim hài thô thiển của Anh. Tôi có những diễn viên ưa thích: Lanrence Olivier, Greta Garbo, Vivien Leigh. Tôi mê

mải ngốn hết phim này đến phim khác và tranh thủ học thêm tiếng Anh một cách quy củ.

Ngài đại sứ nhanh chóng hiểu rằng, không nên sử dụng tôi với tư cách là người dịch mật mã. Ông không xin ý kiến ai và bổ nhiệm tôi làm tuỳ viên, sắp xếp phòng làm việc cho tôi ở gần phòng làm việc của mình. Sau đó, Zarubin giao cho tôi tháp tùng đoàn đại biểu Liên Xô đến Lancaster House dự cuộc thương lượng về tương lai các thuộc địa của Anh, coi như là để thử việc. Vấn đề Abisini, Sômali và Libi không phải là đối tượng quan tâm trực tiếp của Liên Xô, nhưng dù gì thì cũng phải biết càng nhiều càng tốt về những gì diễn ra tại cuộc thương lượng đó. Chúng ta quan tâm đến quan điểm của Italia và Anh, những nước liên quan trực tiếp đến vấn đề này, và của cả Mỹ và Pháp, tuy ở mức độ ít hơn.

Chúng ta phải làm rõ được, những chuyện gì được bàn luận ngoài hành lang, đã có những thoả thuận xong phương nào rồi, ai định đánh lừa ai trong các đồng minh hòng lợi dụng tình thế sao cho có lợi cho mình. Molotov lúc thì ủng hộ phe này, lúc thì ủng hộ phe kia và khôn khéo sử dụng thuật phao tin đồn nhảm, ông đã đạt được nhượng bộ về những vấn đề hoàn toàn chẳng liên quan gì đến nhau.

Tôi có tham dự vào một số hội nghị cùng với Zarubin và thư ký riêng của ông. Tất cả những gì tôi phải làm là ngồi yên và lắng nghe.

Ít lâu sau lần đó, tôi được chuyển sang phòng báo chí. Công việc ở đây cho phép tiếp xúc với các nhà báo và có nhiều mối quen biết có lợi. Tất nhiên là tôi không lái bất kỳ ai hướng về lý tưởng của chúng ta, nhưng đôi lúc tôi thu được từ các nhà báo một số tin tức trước khi nó xuất hiện trên mặt báo. Điều đó có lợi cho Trung tâm.

Vào những tháng đầu tiên làm việc tại London, cấp trên trực tiếp của tôi tại trạm tình báo Mikhail Alechsan drovich Shishkin đã giới thiệu tôi làm quen với phóng viên người Mỹ Russel.

Chúng tôi nhanh chóng kết bạn với nhau. Russel là người tính rất dễ chịu, rất có uy tín trong giới nhà báo, vì ông có mặt tại London ngay từ đầu chiến tranh. Ông không có thói khoe khoang thường có ở người Mỹ, và ông coi người Nga là những bạn đồng minh trung thành. Lúc nào tôi cũng thích được trò chuyện với ông. Ông hỏi tôi về cuộc thương lượng ở Lancaster House, tôi thì đặt cho ông những câu hỏi (có khi là vô cùng ngây thơ) về cách sống của người Anh và nếp suy nghĩ của họ. Chúng tôi cùng nói về những điều quan trọng hơn, ví dụ, về số phận các nước Trung Âu và những lãnh thổ được giải phóng sau thất bại của phe quốc xã, về quan hệ giữa các nước bị chủ nghĩa phát xít tàn phá.

Sau tai nạn giao thông xảy ra vài tháng sau khi chúng tôi quen nhau, Russel đã bị liệt suốt đời, nhưng ông đã giúp tôi một việc rất quan trọng: ông giới thiệu tôi làm quen với các bạn bè mình, trong đó có biên tập

viên báo "Times". Nhà báo Russel có tầm nhìn chính trị rất rộng. Quan điểm của ông rất thú vị đối với tôi. Ông là người đầu tiên đưa tôi đến với "đất thánh" của các câu lạc bộ kín của Anh - "Ateneum", nơi tôi nhanh chóng mở rộng hiểu biết của mình về người Anh. Russel cũng mời tôi đến các nhà hàng danh tiếng và "đào tạo" khẩu vị sành ăn trong tôi, dù trước đến nay tôi chưa bao giờ là người am hiểu các món ăn quý tộc.

Nhờ có các mối quan hệ đó, tôi học được cách đặt ra những câu hỏi cho phép mình luôn luôn nắm được các sự kiện chính trị (đó là cả một nghệ thuật!), và cái chính là cách trả lời sao cho không làm người đối hoại cụt hứng và không buột ra những gì không đáng nói. Kỹ năng tiến hành một cuộc trò chuyện quanh co phải học rất lâu và khó mà thành công được. Ví dụ, một người quen của tôi ở báo "Times" biết rằng, tôi có mặt trong thành phần đoàn Liên Xô tham dự hội nghị về các thuộc địa cũ của Italia. Anh ta muốn biết điều gì đã diễn ra ở đó, nhưng tôi có cảm giác mối quan tâm ấy không chỉ xuất phát từ nghề nhà báo của anh bạn. Tôi không có gì để kể cả vì tôi không dính dáng đến bất kỳ một bí mật nào, nhưng sẽ có lợi cho tôi nếu tôi cho anh hiểu rằng tôi biết nhiều hơn là thực tế, và tôi đưa ra những câu trả lời úp mở.

Sau này tôi học được cách chủ động làm quen với mọi người, đặc biệt là với các nhà báo và cách nói chuyện với họ. Tôi thích công việc như vậy, và khi cấp bậc ngoại giao của tôi đã được nâng lên rồi, tôi vẫn tiếp tục

phụ trách công việc báo chí. Tấm vỏ bọc chính thức ấy hoàn toàn khiến tôi hài lòng.

Thời gian đầu vợ chồng tôi sống tại sứ quán, bởi vì người dịch mật mã luôn phải được giám sát. Sau đó đại sứ nói sẽ tốt hơn nếu tôi tìm một căn hộ trong thành phố.

Đó là dấu hiệu tin cậy, và tôi trân trọng nó. Chúng tôi thuê một căn hộ hai phòng đắt tiền tại trung tâm London làm chỗ ở tạm thời, được ít lâu thì bắt đầu tìm kiếm một nơi khác rẻ tiền hơn. Chúng tôi muốn ở gần sứ quán: tôi đi làm tiện hơn và Anna cũng an lòng hơn. Thế là vào một ngày đẹp trời, vợ tôi diện chiếc áo sơ mi trắng muốt với chiếc váy ngắn xanh tím thẫm đi tìm một căn hộ. Anna nhắm được một con ngõ nhỏ đầy nắng ngay bên cạnh sứ quán. Cô ấy đi dọc con ngõ, chăm chú ngắm nghía các ngôi nhà, đột nhiên xuất hiện một người Anh trẻ tuổi dễ mến, nhận thấy vẻ ngơ ngác của Anna bèn quan tâm hỏi xem cô tìm gì ở đây. Anna trả lời rằng cô đang đi tìm nhà. Chồng cô làm việc tại sứ quán Liên Xô và cô thấy phố này hợp với gia đình cô hơn cả. Người đàn ông lẩm bẩm: chưa chắc cô đã tìm thấy thứ cô cần ở đây đâu, rồi đi khuất.

Tối về, Anna kể cho tôi nghe về cuộc tìm kiếm của mình, nhắc đến cả câu chuyện với người lạ mặt. Tôi bảo vợ mô tả ngôi nhà, nơi họ gặp nhau. Hoá ra, đó là một trong các trung tâm theo dõi từ xa thuộc MI-5, mà cả tôi, cả cơ quan tình báo của ta đều biết rất rõ. Như vậy

là Anna của tôi đã rơi thẳng vào móc câu của mật vụ Anh.

Cuối cùng chúng tôi tìm được một căn hộ ở Besset Road tại quận Kensington, phía bắc London. Căn hộ đó cũng tiện nghi như căn hộ đầu tiên nhưng giá rẻ hơn nhiều, và vợ chồng tôi chuyển ngay tới đó.

Chúng tôi chỉ mới vừa ổn định xong đã có một người đàn ông gõ cửa. Lúc đó vào buổi sáng, tôi đã đi làm. Vợ tôi mở cửa ra và thấy một người mặc đồng phục của người đưa thư. Anh ta chìa ra một bức thư và hỏi vợ tôi có biết tên người ghi trên phong bì hay không. Anna lắc đầu và đóng ngay cửa lại. Tôi hiểu, đó là khiêu khích đầu tiên từ phía cơ quan phản gián Anh. Chỉ cần vợ tôi nói có biết cái tên ấy, là đủ để MI-5 coi người có tên ngoài phong bì đã bị tổn hại thanh danh.

Suốt thời gian chúng tôi ở London, luôn có một người theo dõi sát Anna không giấu diếm. Đôi khi cô ấy còn chào hỏi với người theo đuôi mình có phần giễu cợt.

Dần dần chuyện đó làm Anna thấy ớn và tác động đến thần kinh đến nỗi cô phải than phiền với đại sứ, yêu cầu giúp đỡ đối phó với sự theo đuổi trơ trẽn ấy. Nhưng đại sứ chỉ cười xoà:

- Có người đi theo à? Cứ để họ đi. Họ càng theo dõi cô nhiều thì càng ít để ý đến chồng cô. Cô hiểu chứ?

Trong sinh hoạt thường ngày, chúng tôi có quan hệ rất tốt với người Anh. Chúng tôi đã hiểu lối sống của họ và thậm chí thấy thích nó. Khó mà nói được điều gì xấu

về họ. Tâm lý họ hay nghi ngờ và cư xử dè dặt khi họ chưa biết bạn, nhưng khi họ tin cậy bạn rồi thì họ là những người bạn hiếm có.

Hàng xóm của chúng tôi tại Besset Road là hai bà trung niên - hai phụ nữ Anh điển hình. Lúc đầu họ thậm chí lẩn tránh chúng tôi. Nhưng khi thấy chúng tôi là những người hiền lành, sáng sáng gặp họ trên cầu thang đều chào hỏi lịch sự và không có ý đồ gì xấu thì họ lại rất thân ái, tốt bụng và thậm chí còn cố gắng giúp đỡ việc này việc nọ, dù họ biết rõ là chúng tôi đến từ Liên Xô - đất nước bị báo chí của họ bóp méo, phê phán không thương xót và mô tả như một con bù nhìn nát người.

"Chiến tranh lạnh" bước vào giai đoạn đầu tiên. Trước đó một năm, Churchill tuyên bố "bức màn sắt" đã hạ xuống cắt ngang châu Âu. Mối giao hảo Anh - Nga nguội đi trông thấy. Vợ tôi bắt đầu cảm thấy dấu hiệu lạnh đi ấy trong cuộc sống hàng ngày của mình. Nước Anh mắc bệnh hoang tưởng về gián điệp, giờ đây mỗi một người Nga đều có thể là điệp viên của KGB, báo chí chộp lấy bất kỳ một tin đồn thù nghịch nào. Tôi còn nhớ mình đã đọc cả một bài báo dài về một nữ vô địch Nga, vận động viên ném đĩa (hình như là Panomareva[1]), dường như cô đã bị bắt quả tang đang ăn trộm mấy chiếc mũ rẻ tiền tại cửa hàng "C&A" ở Mỹ.

---

(1). Nina Panomareva (sinh 1929) - nữ vận động viên Liên Xô, vô địch Olympic năm 1952, 1960 về môn ném đĩa.

Bản thân tôi thì không gặp khó khăn nào cả. Nhưng Anna thì vất vả hơn, đặc biệt là thời gian đầu. Tôi gần như không có mặt ở nhà, đi làm về rất muộn, khi cô ấy đã ngủ, và sáng lại đi sớm. Các buổi tối dài đằng đẵng, vợ tôi đều ở nhà một mình, giết thời gian bằng việc đọc sách văn học Anh mà lòng lo lắng về tôi. Tôi không bao giờ nói cho cô ấy hay tôi làm gì, nhưng bản năng mách bảo cô ấy rằng công việc của tôi gắn liền với nguy hiểm.

Anna thích đưa con gái đi dạo tại các công viên lớn ở London, đặc biệt là Hyde - Park. Thời gian này trông cô ấy đã giống một phụ nữ Anh hơn là một phụ nữ Nga, và không còn khác biệt với các bà, các mẹ đẩy xe nôi trên đường nữa. Một trong những nơi yêu thích của cô là hồ lớn Round Point, nơi cô ngồi hàng giờ ngắm các quý ông luống tuổi thả thuyền, tàu lướt. Một lần có một bà người Anh đến bên Anna và hỏi:

- Cô có phải là họ hàng của ngài Churchill không? Trông con gái cô giống ông lão Wynni tốt bụng của chúng ta như hai giọt nước vậy.

Mùa thu năm 1947 đặc biệt nặng nề đối với Anna. Khí hậu kinh khủng của London đầy sương mù và mưa phùn buốt lạnh làm cô ấy kiệt sức. Cô bèn xin đi làm phiên dịch ở sứ quán (ít nhất là ở đó cũng ấm áp), còn con gái thì ban ngày vợ chồng tôi đem gửi bà trông trẻ người Anh.

Tôi bận ngập cổ trong công việc và thường làm việc trong sứ quán đến hai giờ đêm. Ba chúng tôi thường

phải căng thẳng trong nhiều giờ đồng hồ tập trung xử lý khối lượng thông tin vô cùng lớn do bộ ngũ Cambridge và các điệp viên người Anh khác gửi tới. Giờ đây các tài liệu đã đến chỗ tôi dưới dạng nguyên bản, chứ không phải là sao chụp lại nữa. Cũng như ở Moscow, tôi chuyên trách các tài liệu ngoại giao mà London và Washington trao đổi với nhau.

Tài liệu nhiều đến nỗi buộc phải yêu cầu các điệp viên của ta tập trung chú ý chỉ vào những việc quan trọng nhất.

Giữa lúc đó, Moscow gửi tới cả một lô những chỉ thị, làm đảo lộn cả sứ quán. Đại sứ giờ phải chịu trách nhiệm cả về hoạt động tình báo của MGB tại London. Từ đây về sau, cả đại sứ, cả người phụ trách hoạt động tình báo của MGB cùng phải trả lời về hoạt động của bọn tôi, làm việc cho cả Lubianca, cả Bộ Ngoại giao ở Moscow.

Mục đích của sáng kiến đó là để kêu gọi các nhà ngoại giao của ta tích cực hơn đối với hoạt động tình báo. Zarubin không tán thành chủ trương mới ấy, nhưng ông không được lựa chọn mà phải chấp hành. Vậy là ông phải ngồi lỳ trong phòng làm việc đến khuya, mong mỏi cho công việc của chúng tôi được trôi chảy. Tất nhiên đây là gánh nặng đối với ông. Ngài đại sứ giờ chỉ được rời vị trí của mình sau khi người nhân viên tình báo cuối cùng đã từ "hiện trường" trở về.

Một lần, Zarubin đã phải đợi tôi đến ba giờ đêm. Tôi

biết hôm đó ông đã lo lắng hơn bình thường nhiều: vì đêm hôm ấy tôi phải tiến hành một lúc mấy chiến dịch mạo hiểm. Khi tôi rón rén về phòng làm việc của mình, Zarubin nghe thấy bước chân, ông vội vã chạy về phía tôi qua suốt cả hành lang dài: mặt ông cắt không còn hạt máu. Tôi phải cam đoan với đại sứ rằng mọi việc đều tốt đẹp như đã dự tính, ông mới thở phào nhẹ nhõm, ôm lấy tôi, thậm chí còn rơm rớm nước mắt. Tôi hơi bối rối, sau đó suýt nữa thì bật cười. Nhà ngoại giao vốn luôn ăn mặc chỉnh tề không chê vào đâu được, sơ mi trắng hơn cả tuyết, không vương một hạt bụi, mái tóc chải mượt hôm nay đã vội vã mà quên cả lắp hàm răng giả. Hẳn là trong khi chờ đợi tôi, ông đã ngả mình chợp mắt trên đi văng.

Hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng lao động cật lực như vậy trôi qua, và Zarubin hiểu rằng, nếu cứ tiếp tục như vậy, ông sẽ ngã quỵ. Thế là ngài đại sứ phẩy tay vào những chỉ thị mới và thôi không can thiệp vào công việc của MGB nữa, trừ trường hợp quan trọng. Giờ thì mọi người khác cũng dễ thở hơn.

Như tôi đã nói ở trên, chúng tôi làm việc với cường độ hết sức căng thẳng và đôi khi mạo hiểm đến mức nếu như đại sứ biết được thì có lẽ ông sẽ lên cơn nhồi máu cơ tim.

Tại vị trí thư ký riêng của Hector Mac Nill, Burgess đều đặn cung cấp cho chúng tôi hàng chồng tài liệu từ Nghị viện và Bộ Quốc phòng.

Việc xử lý toàn bộ khối tài liệu ấy không chỉ đòi hỏi sự chú ý không lơi lỏng một giây mà còn phải có cả tính thận trọng. Tôi phải đi găng tay để không lưu lại vân tay trên giấy tờ, rồi mới dịch văn bản, cố gắng chính xác đến mức tối đa. Tôi tự tay đánh máy bản tóm tắt và đưa cho người phụ trách ký. Sau đó chúng được dịch sang mật mã và chuyển qua điện đài về Trung tâm, còn số tài liệu "đi mượn" thì được trả về két sắt hoặc bàn làm việc của chủ nhân của chúng. Tất nhiên, toàn bộ chu trình này luôn cận kề với nguy hiểm, nhưng các điệp viên của ta không phải lúc nào cũng có máy ảnh đặc biệt, còn máy phô tô - món quà vô giá đối với tất cả các điệp viên trên thế giới lúc đó còn chưa được đưa vào sử dụng rộng rãi.

Người phụ trách mạng lưới MGB tại London Nikolai Borisovich Kodin (ông chính là Corovin) đã dạy tôi rất nhiều. Và mặc dù chuyến công tác của ông tới chỗ chúng tôi chỉ mang tính ngắn hạn, nhưng ông đã lưu lại London đến năm 1952. Corovin biết rõ công việc của mình, nhưng có điều tính cách của ông thật không thể chịu nổi. Thêm vào đó ông uống rượu rất nhiều, được cái rượu không cản trở ông làm việc. Ông đã chia sẻ cho tôi kinh nghiệm lâu năm làm tình báo của mình. Biết rõ tính cách người Anh như lòng bàn tay mình nên ông có thể đoán trước được hành vi của họ trong từng tình huống cụ thể. Ngay từ đầu tôi đã có quan hệ tốt với ông. Corovin là bậc nhà nghề thực thụ, và tôi rất kính trọng ông. Trong thời gian chiến tranh ông lãnh đạo

bạn liên lạc - mục đích của cơ quan này là thực thi những thông tin quân sự do điệp viên của ta tại tất cả các nước trên thế giới thu thập được. Đây không phải là lần đầu tiên Corovin làm việc tại London. Ông là bậc thầy trong việc tổ chức liên lạc với các điệp viên của ta. Những nguyên tắc an toàn do ông nghiền ngẫm đáng tin cậy đến nỗi bọn tôi chưa lần nào gặp một rắc rối nào cả. Corovin dạy tôi các phương pháp của mình, đến lượt tôi lại truyền lại cho những người khác sau này.

Tiếc thay, Corovin lại nhanh chóng va chạm với phần lớn các nhân viên sứ quán. Mọi người bực mình với phong cách sĩ quan quân đội cứng nhắc của ông. Tôi đã tiếp xúc với nhiều người như ông trên bước đường đời và biết cách giao tiếp với họ, nhưng rất nhiều đồng nghiệp của chúng tôi chưa từng một lần ra mặt trận lại không có đủ kiên nhẫn.

Tuy vậy, sau này đến cả tôi cũng có mâu thuẫn với Corovin. Tôi nhìn thấy trong ông điển hình một người quan liêu bị dắt mũi, kiêu căng và coi thường cấp dưới. Dù cũng có thể cung cách khinh mạn thường có ở ông chỉ là một thủ pháp cố ý để che giấu ý nghĩ của mình? Corovin là một câu đố đối với tôi, cho đến khi tôi hiểu ra rằng, điệp viên nào cũng mang một tấm mặt nạ, và tôi cũng thế...

Corovin tỏ thái độ xem thường công việc dịch thuật khiêm tốn của chúng tôi. Ông nói với chúng tôi là ông đến Châu Âu tham dự những cuộc hội nghị đặt ra nền móng cho trật tự mới của thế giới, rằng ông là một

thiên tài thực thụ trong việc thu thập những tin tức bí mật, và tại hội nghị ông ngang hàng với các chuyên gia quốc tế.

Corovin biết rõ cách sử dụng tốt hơn các kỳ tạm nghỉ giữa hai kỳ họp. Ông ưa thích các buổi chiêu đãi coctail, những lễ đón tiếp trọng thể. Ông có nhiều mối quan hệ, và trong danh sách bạn bè của ông có tất cả những người đại diện xuất sắc cho nghề nghiệp của mình. Đôi lần Corovin đưa tôi đi theo, ví dụ chúng tôi đã cùng đi Paris, nơi tôi ngồi lỳ trong phòng khách sạn hoặc sứ quán tại Ku-de-Grenel và miệt mài với những bản dịch sau đó được Corovin gửi về Lubianca. Khi có được chút thời gian rỗi, chúng tôi đi dạo trong công viên, chuyện trò.

- Iuri Ivanovich, khi họ lấy anh về làm tại NKVD, anh có đề nghị được học tiếp sau khi chiến tranh kết thúc chứ? - Ông hỏi.

- Có, tất nhiên là có, - tôi trả lời. - Nhưng năm 1946, khi cháu nhắc nhở về lời hứa với lãnh đạo thì họ trả lời cháu rằng, tạm thời chưa thể nói đến chuyện đó được. Còn rất nhiều việc phải làm.

Tôi tin cậy tâm sự với ông, tôi không có ý định làm tình báo suốt đời và hy vọng sau khi về Moscow được vài năm sẽ chuyển sang nghề giáo viên. Corovin bật cười to và tôi hiểu, thế là mình đã bị gắn suốt đời với cơ quan tình báo và không bao giờ có thể rời bỏ nó.

Tại Paris, Corovin cho tôi hay, quan hệ giữa

Cairncross và Milovzorov đã hỏng hoàn toàn. Tôi biết Cairncross thôi không còn cung cấp tài liệu nữa nhưng không nói gì cả. Vả lại, Milovzorov không ăn ý với cả chính Corovin. Cấp bậc cả hai đều ngang nhau, nhưng Corovin đạt được địa vị trong cơ quan tình báo quân sự, còn Milovzorov phải ra khỏi ngành phản gián. Ít nhất là Milovzorov đã không giữ được "Carel". Ông ta có tuyển mộ được một vài người Anh và người Mỹ, nhưng phương pháp làm việc của ông, vốn thích hợp hơn với thời chiến hoặc khi áp dụng với các điệp viên ít hứa hẹn, đã không còn phù hợp nữa. Milovzrov được cử đến London chủ yếu là để làm việc với Cairncross. Các điệp viên chính khác hoàn toàn nằm trong sự dẫn dắt của Corovin.

Milovzorov quen truyền đạt chỉ thị dưới dạng gay gắt và xúc phạm, mà điều đó không phù hợp với các điệp viên - ngôi sao của chúng ta. Làm sao có thể ra lệnh cho Anthony Blunt: làm cái này hay làm cái kia? Hoặc là nói giọng gay gắt với một con người như Kim Philby? Và tất nhiên, không thể hẹn gặp Guy Burgess, sau đó không đến mà chẳng có lý do chính đáng nào.

Cairncross không hài lòng về Milovzorov và nói thẳng điều đó với Corovin. Corovin là một quan chức mẫu mực nên ông đã chú ý phân tích tình hình và đưa ra lời đánh giá "hạ bệ" Milovzorov. Một tuần sau, MGB đã quyết định triệu hồi Milovzorov về Moscow.

Tháng Mười năm 1947, Corovin gọi tôi đến phòng làm việc và hướng câu chuyện về các điệp viên có giá

nhất của chúng ta. Ông chỉ ra tầm quan trọng của lượng thông tin họ cung cấp đối với Trung tâm và đối với các nhà lãnh đạo Liên Xô. Corovin nhấn mạnh rằng, không một nước nào trên thế giới có được mạng lưới điệp viên có hiệu quả tại lãnh thổ phe đối lập như Liên Xô. Và một trong các ưu điểm chính của số điệp viên Anh là họ hoạt động vì lý tưởng chứ không phải vì tiền. Không nhắc đến tên Milovzorov nhưng Corovin đưa tôi xem bản đánh giá gửi về Trung tâm. Ông nói, các phương pháp của ta không phải lúc nào cũng phù hợp với tính cách cá nhân của các điệp viên, vốn là những loại người đặc biệt. Ông cho rằng, làm việc với họ phải là một người biết và chia sẻ được lối tư duy của họ. Đến đây thì tôi bắt đầu hiểu ra là ông đang hướng tới đâu. Và tôi đã không nhầm.

- Iuri Ivanôvich - Corovin kết lại câu chuyện, - tôi muốn anh nhận lấy "Carel".

Tôi không "lên chín tầng mây" trước lời đề nghị ấy, bởi tôi quá hiểu, kinh nghiệm thực tế trên mặt trận hoạt động tác chiến trong ngành tình báo của tôi là gần như bằng không. Corovin đã nhìn thấy trước phản ứng của tôi.

- Dù thế nào thì đó sẽ là anh hoặc là không ai cả. Ở London chúng ta không có ai khác để thích hợp được phần nào với công việc với "Carel", mà tôi thì không muốn Moscow gửi gấp đến một nhân viên mà ta chưa biết rõ. Thêm một sai lầm loại đó nữa là ta sẽ mất cả đường dây. Hãy tin lời tôi đi!

Tôi có cảm giác là Corovin muốn lấy Cairncross để thử thách tôi, và nếu tôi đảm đương được thì sẽ chuyển tiếp cho cả những điệp viên khác nữa. Và thực tế đã diễn ra đúng như vậy. Corovin quả thật là không muốn chịu trách nhiệm cá nhân về bộ ngũ Carnbridge nữa - đối với ông, hoạt động đó đã không còn vẻ vang. Ông muốn tôi là người trực tiếp cọ xát hàng ngày với họ, còn ông thì chỉ đứng ngoài và chỉ đạo.

Đến lần gặp nhau sau, Corovin tặng cho tôi một loạt những lời khuyên có ích. Trước khi đưa tôi vào việc, ông muốn tôi biết về "Carel" càng nhiều càng tốt, và cho tôi mấy ngày chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ đầu tiên với con người còn mờ ảo đối với tôi này. Giờ đây khi việc đã quyết rồi, tôi lại thấy mừng vì sẽ được gặp người điệp viên đã gửi số công văn hoả tốc mà mình xử lý suốt ba năm qua ở Moscow. Liệu ông có giống với người tôi đã hình dung trong trí óc không? Sắp tới tôi sẽ được biết điều đó.

Về cuộc gặp gỡ đầu tiên thì tôi đã kể ở phần đầu cuốn sách, tới cuộc gặp thứ hai thì Cairncross đến muộn mất nửa giờ đồng hồ: trí nhớ của con người này quả là có vấn đề - một trở ngại nghiêm trọng trong công việc của chúng tôi. Đề phòng trường hợp bất trắc, tôi quyết định giao hẹn với ông hai phương án dự trữ. Ví dụ, nếu không thấy ông đến Hammersmit Growt ngày 15 hoặc ngày 16 tháng Mười Một, chúng tôi sẽ gặp nhau sau một tuần nữa đúng tại địa điểm đó.

Mọi việc đều phải được tính toán cẩn thận và tổ chức

sao cho không xảy ra sự tình cờ nào. Thường thường, tôi chọn địa điểm gặp gỡ ở ngoài London, ví dụ ở Richmond Park hoặc Worldsvort. Chúng tôi tránh gặp nhau ở trung tâm, trên các đồi cao và ở East-End. Những địa điểm tôi chọn luôn dễ tìm và dễ ghi nhớ. Vậy mà Cairncross vẫn thường xuyên lầm lẫn: ví dụ như ông xuất hiện tại địa điểm chúng tôi đã gặp nhau lần trước. Đôi khi cũng mất kiên nhẫn, nhưng tôi kìm mình lại, vì tôi phải chấp nhận những điều kỳ dị ở ông.

Nếu không kể đến tính hay quên của Cairncross, thì quan hệ giữa chúng tôi khá thành công và chúng tôi nhanh chóng thiết lập được mối giao tiếp với nhau. Tôi nói với ông rằng mối quan tâm hàng đầu của tôi là sự an toàn của ông, còn lại thì tôi hoàn toàn tin cậy ông. Cairncross tỏ ý biết ơn tôi, vì ông rất sợ mình sẽ bị bắt. Lần nào ông cũng chia sẻ với tôi mối lo ngại của mình, tuy vậy, hình như ông không nhận thức được mối nguy hiểm ông tự quàng cho mình xuất phát từ tính đãng trí của ông.

Khi Cairncross còn làm việc với Milovzorov, hai người hoàn toàn không tuân thủ một nguyên tắc an toàn sơ đẳng nào. Ví dụ như họ gặp nhau ngay tại các quán bar và chuyển tài liệu ngang qua mặt bàn đổ đầy bia, thật là một sự điên rồ! Tôi không bao giờ làm điều đó. Trong quán bar, bất kỳ người nào cũng có thể theo dõi anh và không bao giờ có thể tin tưởng rằng sẽ không có ai nhận ra anh. Tốt hơn cả là bước vào quán

rồi đưa mắt tìm nhau, sau đó từng người đi ra ngoài, đến gặp nhau tại một nơi hẹn trước, cách xa quán bar.

Trong những tháng đầu tiên hoạt động cùng nhau, chúng tôi gặp một số trục trặc. Cairncross bỏ qua mấy cuộc hẹn liền và nhầm lẫn ngày tháng. Phải rất khó khăn tôi mới lập lại được liên lạc với ông. Tôi không thể đến nhà hoặc gọi điện được: cả hai việc đều bị các nguyên tắc cấm ngặt và chúng quả thực là những điều ngu xuẩn không thể tha thứ. Vì vậy tôi phải hết sức kiên trì đứng chờ người điệp viên của mình ở ngoài phố, hy vọng tóm được ông trên đường giữa nhà ở và nơi làm việc. Và ngay cả trong trường hợp này chúng tôi cũng rất mạo hiểm, bởi vì tôi phải hành động ngẫu hứng, một điều không nên làm trong nghề nghiệp của chúng tôi. Lại thêm nữa - không phải lúc nào cũng có thể nhận ra người cần gặp trong dòng các viên chức London đang vội vã trở về nhà vào buổi tối mùa đông, khi ngoài đường đã tối sẫm.

Lệ thường là chúng tôi gặp nhau vào buổi tối. Cairncross chuyển tài liệu cho tôi, chúng tôi chụp lại chúng vào ban đêm, sáng sớm hôm sau tôi trả lại tài liệu cho ông. Mỗi tháng một lần. Thỉnh thoảng chúng tôi cần gấp thông tin chuyên về một vấn đề nào đó, lúc này chúng tôi sẽ gặp nhau hai tuần một lần, chứ không phải mỗi tháng một lần nữa. Trong trường hợp này tất nhiên là phải thoả thuận về địa điểm mới, và lần nào cũng có mắc míu, vì rất khó thoả thuận được với

Cairncross mỗi khi thay đổi điều gì đó trong sơ đồ đã quen thuộc.

Trước các cuộc gặp gỡ, tôi đều lập một danh sách gồm 10-15 câu hỏi, học thuộc, sau đó huỷ chúng đi. Tôi cố gắng lập các câu hỏi sao cho thật chính xác, vì như Dostoevsky đã nói, "không quan trọng là người ta nói cái gì, mà quan trọng là nói thế nào". Phải diễn đạt suy nghĩ của mình sao cho điệp viên của tôi nghĩ rằng - không phải sáng kiến xuất phát từ tôi, mà là từ chính ông.

Cách đó luôn có kết quả tốt, vì ngay từ đầu tôi đã biết rằng: Cairncross sẵn sàng cố gắng hết sức mình để hợp tác với chúng tôi.

Công việc của ông tại Bộ Tài chính không làm chúng tôi quan tâm lắm, và Cairncross biết điều đó. Tại cuộc gặp gỡ thứ hai, ông đã nói với tôi rằng, ông không thể cung cấp thông tin có chất lượng như trước đây nữa. Tôi hoàn toàn hiểu ông và thậm chí nếu ông có giấu tôi tình hình thực tế thì tôi cũng không thể làm gì được. Gây sức ép với ông chẳng được lợi lộc gì. Vì thế tôi áp dụng chiến thuật khác.

- Thế ông có thể kiếm được cho chúng tôi danh bạ điện thoại phòng làm việc của Bộ không? - Tôi hỏi.

- Tất nhiên là được. - Cairncross nhìn tôi dò hỏi. - Nhưng để làm gì? Những số điện thoại ấy thì có ích gì?

- Tất nhiên là không. Có điều số thuê bao thường đi

kèm với tên các vụ, mà tên các vụ thì chúng tôi quan tâm đấy.

Giờ thì ông hiểu ra.

- Các anh muốn biết chính xác tôi làm việc ở đâu. Không có gì đơn giản hơn thế.

Tôi không phải chờ bản danh sách lâu và tôi bắt đầu nghiên cứu cơ cấu hành chính của Bộ Tài chính. Ai làm ở vụ nào, làm việc gì. Tôi tìm ra vụ của Cairncross, tên và chức vụ của những người ngồi cạnh ông. Tôi để ý đến một người làm việc tại một vụ khác bí hiểm có tên là "PPB - 21". Tôi muốn tìm hiểu nhiều hơn về ông ta.

Hoá ra, Cairncross biết rõ con người đó: họ đã cùng làm việc nhiều năm nay. Danh nghĩa ông này chịu trách nhiệm mặt "đào tạo", nhưng thực tế ông ta chuyên về các vấn đề năng lượng nguyên tử. Khi Cairncross cho tôi biết điều đó, tôi chăm chú nhìn vào ông. Cairncross lập tức hiểu ra ngay và bật cười.

Chúng tôi lập tức đi theo tuyến tìm tòi mới. Khi nào thì người đồng nghiệp của Cairncross đến nơi làm việc, vào giờ nào thì đi ăn trưa? Cairncross không thể trả lời chính xác những câu hỏi đó, nhưng ông nói rằng, trong phòng người này có két sắt bí mật và đôi khi ông đi ra mà để lại tài liệu trên bàn không thu dọn.

Tôi yêu cầu Cairncross làm rõ mọi chi tiết, và chúng tôi nhanh chóng khám phá ra rằng, vào một số ngày, người nhân viên này hoàn toàn không đến làm việc, còn

khi có đến làm thì về sớm trước giờ. Như vậy là có thể thủng thẳng mà hành động.

Cairncross dễ dàng lấy được chìa khoá két sắt và đánh cho mình một chiếc tương tự. Bước tiếp theo chỉ còn phải lấy tài liệu ra khỏi két sắt và chụp lại. Để giảm thiểu mạo hiểm, tôi đề nghị chụp tài liệu ngay tại chỗ. Vả lại ra khỏi phòng với cuộn phim cuốn tròn thành ống còn dễ hơn là tha chiếc cặp đầy tài liệu mà đi dọc hành lang. Để làm việc này, tôi mua cho Cairncross một chiếc máy ảnh nhỏ xinh của Mỹ và đề nghị ông tập chụp các bài báo trước ở nhà. Một thất bại hoàn toàn. Lúc thì ông chụp được có mỗi phần trên của văn bản, lúc thì đoạn cuối hoặc có một mặt, còn nếu tình cờ may mắn ông chỉnh đúng ống kính thì ảnh chụp lại quá thừa sáng hay không rõ nét. Dù Cairncross có cố gắng đến mấy, ông vẫn là người chụp ảnh vụng về nhất mà tôi từng gặp. Sau hàng loạt những thất bại mà lần sau lại tồi tệ hơn lần trước - ông bối rối đem trả lại tôi chiếc máy ảnh. Vậy là Cairncross buộc phải tiếp tục tha tài liệu ra khỏi Bộ. Tôi nhận tài liệu vào buổi tối, chụp lại vào ban đêm, sáng sớm hôm sau Cairncross lại đem trả chúng về két sắt.

Những thông tin thu lượm được từ Bộ Tài chính, cho dù có đề cập đến năng lượng nguyên tử đi nữa, nhưng thoạt đầu chúng cũng không có vẻ đáng chú ý đến thế đối với chúng tôi. Những cột số trong các bảng kê chi tiêu thì nói lên được điều gì? Nhưng tôi phát hiện ra rằng, bản quyết toán nào cũng chi tiết đến từng li từng

tí. Khi chúng tôi nhận được tài liệu về năng lượng nguyên tử, chúng tôi tìm thấy luôn (bên cạnh mỗi con số) cả tường trình chi tiết mỗi một kế hoạch diễn ra trong vương quốc. Nói tóm lại, điều đó có nghĩa là chúng tôi nhận được báo cáo chi tiết về công việc đã hoàn thành, về các cuộc nghiên cứu khoa học và về các tài liệu mua được liên quan đến chương trình nguyên tử của nước Anh. Và điều đó làm chúng tôi rất quan tâm.

Ngày hẹn đã định, chúng tôi sắp sửa bắt đầu một chiến dịch thì Cairncross bị chuyển đến một vụ khác mà không có một lời báo trước nào cả. Điều đó có nghĩa là phải đẩy nhanh tiến độ của chiến dịch. Chúng tôi không có quyền mạo hiểm và từ bỏ chiến dịch. Nhưng chúng tôi không phải thất vọng lâu. Cairncross được chuyển sang vụ chịu trách nhiệm về vấn đề ngân sách cho công nghiệp quân sự và các lực lượng quân đội, dự trù chi phí cho vũ trang và các chương trình thử nghiệm quân sự. Như vậy, cho dù sáng kiến chung của chúng tôi bất ngờ bị thất bại, nhưng tôi tin rằng may mắn sẽ mỉm cười với chúng tôi. Và tôi đã đúng: Cairncross bắt đầu chuyển về liên tiếp các tài liệu về tất cả các khía cạnh tài chính của quân đội Anh, của hạm đội Hoàng gia và lực lượng không quân, cũng như các con số cụ thể về ngân sách quân sự của nước này. Đặc biệt thú vị là kết quả tính toán tiềm năng kinh tế trong trường hợp có chiến tranh với Liên Xô.

Giá trị thông tin của Cairncross khiến tôi vui sướng

hết mức. Giờ đây, chúng tôi đã nắm được, người Anh dành bao nhiêu tiền cho việc chế tạo xe tăng và máy bay, bao nhiêu cho việc tiến hành các nghiên cứu hạt nhân. Tất cả những điều đó đều là của quý đối với tướng lĩnh của ta.

Công việc của tôi với Cairncross đã mở màn thuận lợi và vụ mùa chúng tôi thu hoạch được lãnh đạo đánh giá cao. Corovin tin tưởng tôi và chuyển tiếp cho tôi điệp viên thứ hai - Guy Burgess, bí danh trong MGB là Paul. Tôi đã được làm quen với hồ sơ hoạt động trước đó của ông tại Moscow. Giờ đây, cuối cùng, tôi sẽ phải gặp gỡ với chính ông.

Corovin lại gọi tôi đến và bắt đầu bài giáo huấn bằng cái giọng lên lớp mà tôi đã chán ngấy. Theo lời ông, Burgess là đối tượng khó nhằn hơn nhiều so với tôi tưởng. Cần phải rất thận trọng đối với ông. Không có Corovin tôi cũng đã biết điều đó. Dù Burgess có một tri thức đáng nể, ông vẫn có thể cư xử như một kẻ thô lỗ quá quắt, nếu ông nghĩ rằng người ta không tôn trọng mình. Tôi tin rằng, Gorsky ("Henry") hoàn toàn có thể đảm đương được Burgess, nếu như ông không tự kiêu và quan liêu như vậy.

Tôi đã biết những gì về Burgess? Có thể nói gọn trong mấy từ sau: ông là người hay phá quấy, nhưng trí tuệ lại xuất sắc hiếm có, sẵn sàng hy sinh cuộc sống vì sự nghiệp cách mạng thế giới, rất đáng tin cậy trong các tình huống khó khăn; người duy nhất trong nhóm

Cambridge có khả năng giữ cả nhóm cùng nhau bằng mối ràng buộc vững chắc.

Tôi vò đầu suy nghĩ xem làm thế nào để tìm được cách tiếp cận đúng đắn đối với Burgess, rồi quyết định: tôi sẽ giữ thái độ thân thiện với ông, không thúc ép nhưng phải cho ông hiểu rằng, tôi có thể cứng rắn khi cần thiết.

Chúng tôi gặp nhau lần đầu tiên vào mùa thu năm 1948. Đã tám giờ chiều, trời bắt đầu nhập nhoạng. Địa điểm gặp gỡ ở vùng ngoại ô London. Thời tiết hôm đó rất tuyệt vời, ngoài đường còn sáng sủa. Tôi đứng chờ tại một ngã tư. Đúng đến thời gian đã định, tôi nhìn thấy Corovin đi ngược về phía tôi cùng với người cấp dưới mới của tôi. Corovin giới thiệu chúng tôi với nhau rồi đi luôn, không nói thêm một lời nào. Tất nhiên là ông có phần mạo hiểm khi để xe ở gần nơi gặp gỡ. Burgess và tôi cùng bước đi.

Trông Burgess rất tuyệt: ông mặc chiếc sơ mi rất mốt, cổ áo hồ cứng, đôi giày bóng lộn và chiếc pantô cắt khéo tuyệt vời. Ông mang dáng điệu một nhà quý tộc Anh dòng dõi, phong thái tự nhiên và dáng đi vững chãi.

Tôi kể ngắn gọn về mình. Sau một lát im lặng, tôi nhận xét:

- Tôi là lính mới trong công việc này, ngài có kinh nghiệm hơn tôi nhiều. Tôi hy vọng, ngài sẽ giúp đỡ tôi trong công việc.

Burgess vẫn không nói gì cả, chỉ dùng một cử chỉ khoát tay nhanh nhẹn cho thấy ông hiểu và đồng ý. Tôi hỏi, liệu có tiện cho ông không nếu chúng tôi lại gặp nhau vào tuần tới tại vườn hoa nhỏ, mà chúng tôi vừa đi ngang qua. Ông đồng ý và chúng tôi chia tay nhau.

Đến cuộc gặp gỡ thứ hai, ông có mặt rất đúng giờ. Tôi nhìn thấy ông từ xa, bước đi bình thản giữa hai hàng cây, tờ báo cuộn tròn kẹp dưới nách. Chúng tôi vào việc ngay. Tôi cam đoan với Burgess là các cuộc gặp gỡ thường xuyên của chúng tôi sẽ diễn ra trong điều kiện hết sức an toàn. Burgess khá thờ ơ với những lời tôi nói. Ông nói rằng, ông là người từng trải và đề nghị địa điểm gặp gỡ tại một trong các quán bar yêu thích của mình. Đến đây thì giữa chúng tôi xuất hiện mâu thuẫn đầu tiên. Tôi nói ngay với ông rằng mỗi khi bước vào quán bar, tôi cảm thấy dường như mình không mặc gì hết. Ông bật cười to, tiếng cười giòn cởi mở, sau này trở nên rất quen thuộc đối với tôi. Nhưng tôi, - ông nói, dị ứng với khu ngoại ô như ngài dị ứng với quán bar vậy? Ông dứt khoát không đồng ý với việc phải đi xa trung tâm London.

- Ngài Guy này, - lúc đó tôi đã nói với ông, - tôi phản đối gặp nhau tại quán bar không chỉ vì tôi không ưa chúng. Gặp gỡ tại quán bar có nghĩa là coi thường những nguyên tắc an toàn cơ bản nhất. Nếu ngài không thích lời tôi, ngài cứ thông báo cho cấp trên của tôi.

Nhưng tôi sẽ không gặp ngài tại Soho[1] như người tiền nhiệm của tôi đâu.

Soho với các nhà hàng, câu lạc bộ ban đêm và cảnh nhộn nhịp của nó luôn nằm trong tầm theo dõi gắt gao của cảnh sát. Chính đây là nơi Guy Burgess hay gặp gỡ đám bạn hữu đồng tính luyến ái của mình. Ông khăng khăng giữ ý kiến chỉ là vì nguyên tắc mà chính xác hơn là muốn xem tôi có khả năng phản đối lại ông mà không gây ác cảm với bản thân hay không.

- Ngài biết rõ hơn ai hết, - tôi nói tiếp, - người Nga chúng tôi luôn nằm trong sự theo dõi của cơ quan phản gián Anh. Trước chiến tranh, kẻ thù số một của Anh là người Đức. Bây giờ là chúng tôi.

Tôi giữ nguyên ý kiến của mình: từ nay về sau sẽ gặp nhau ngoài phố, trong công viên hay vườn hoa, nhưng không phải là ở quán bar. Sau đó tôi thử tế nhị giải thích với ông cách xử sự nếu bất chợt chúng tôi bị cảnh sát hay nhân viên của MI-5 chặn lại hỏi.

"Nếu xảy ra chuyện đó, - tôi nói, - tôi sẽ phải làm ra vẻ như tôi bị lạc đường và hỏi gã đường đến phố này hay phố khác". Hắn sẽ chẳng có ai tin, nhưng lời giải thích đó sẽ cho chúng tôi mấy phút quý báu để nghĩ ra điều gì đó. Bởi khi quá sợ hãi, rối trí, chỉ trong một vài giây người điệp viên đã đưa mình vào nguy hiểm. Có nhiều điệp viên vì thường xuyên căng thẳng thần kinh

---

(1). Soho - một quận theo chủ nghĩa thế giới của London.

đã làm lộ mình ngay trong cuộc chạm trán đầu tiên với cảnh sát, nhất là nếu anh ta gặp phải một chuyên gia lão luyện.

Nhưng Guy lại bật cười giòn tan như lần đầu tiên. Nhìn thẳng vào mắt tôi, ông nói:

- Tôi có một ý kiến còn tốt hơn. Ngài là một thanh niên trẻ, đẹp trai, và mọi người ở London đều biết rằng tôi là người chuyên đi săn các cậu thanh niên trẻ đẹp. Ta chỉ cần nói chúng ta là cặp tình nhân và đang đi tìm một chỗ để trò chuyện.

Nhận được câu trả lời như vậy, tôi bối rối và đỏ mặt đến tận chân tóc. Burgess mỉm cười tinh quái, hài lòng quan sát sự lúng túng của tôi.

- Nhưng, Guy, tôi là nhà ngoại giao, - khó khăn lắm tôi mới thoát khỏi nỗi bối rối. - Như thế không ổn... Tôi còn có vợ...

- Có điều gì mà ta không thể làm vì cách mạng thế giới, có phải không? Mà đấy lại là câu trả lời hay! Đến khi họ hiểu ra, thì ta đã cao chạy xa bay rồi.

Tôi nhanh chóng thay đổi chủ đề nói chuyện.

Sự hợp tác lâu dài và hiệu quả của chúng tôi bắt đầu như thế. Nó kéo dài suốt ba năm. Suốt trong thời gian đó Guy Burgess luôn chính xác đến từng ly từng tí, tuân thủ mọi nguyên tắc an toàn và nhiều lần thể hiện trí nhớ tuyệt vời của mình. Về mặt này thì ông là khác hẳn với Cairncross tội nghiệp.

Nhưng trong hoạt động của tôi với ông còn có một

khiếm khuyết. Burgess luôn nổi bật trong bất kỳ đám đông nào, mà điều đó không hợp chút nào với nghề nghiệp của chúng tôi. Đôi giày bóng lộn của ông đúng là đã bỏ bùa tôi: chưa bao giờ tôi nhìn thấy một đôi tương tự trước đó và cả sau này. Ông thường xuyên thay đổi áo sơ mi và lần nào cũng xuất hiện trong chiếc áo mới tinh, trắng nuốt. Nhưng khi tôi đến gần ông hơn, thì tôi nhận thấy áo vét và quần của ông thường bị dây bẩn và nhăn. Burgess ăn mặc rất kỳ quặc. Quần áo của ông luôn thu hút sự chú ý của người qua đường, đôi khi cả của cảnh sát. Tôi không bao giờ có thể hiểu được, vì sao ở khoảng cách gần trông ông như một kẻ lang thang, dù ông đặt may quần áo tại người thợ may giỏi nhất London.

Trước mỗi cuộc gặp gỡ, tôi chuẩn bị sẵn cho ông khoảng 12-15 câu hỏi. Và bởi vì tôi khó giữ chúng trong trí nhớ của mình, nên tôi lập ra một hệ thống của riêng mình: đánh dấu mỗi câu hỏi trên giấy bằng một ký hiệu nào đó.

Trước sự ngạc nhiên của tôi, Burgess tỏ ra là một điệp viên khá mẫn cán: ông trả lời tỉ mỉ từng câu hỏi và không ghi chép gì cả, chỉ dựa vào trí nhớ tuyệt vời của mình. Ông nhớ chính xác những gì tôi nói với ông có đến ba tháng trước đây. Và ngay từ đầu Guy đã tỏ rõ thiện ý đối với tôi. Mỗi khi giao tài liệu, Guy đều nhấn mạnh, tài liệu nào cần phải gửi ngay về trung tâm, tài liệu nào có thể khoan một thời gian.

Đôi lần, sau khi đã thoả thuận xong vấn đề công

việc, chúng tôi cũng chuyện trò về những chủ đề ngoài lề. Qua đó tôi hiểu Burgess hơn.

Ngay từ đầu Guy đã cho mình là một điệp viên mật chuyên nghiệp. Ông không giống với các gián điệp bình thường, những người luôn rình mò đối tượng của mình. Guy không đóng vai trò kẻ cáo giác và không nhặt nhạnh từng mẩu tin ở bất kỳ nơi nào. Ông coi nhiệm vụ của mình cao cả và thanh cao hơn nhiều. Không chỉ đơn thuần là ông làm việc cho Liên Xô, mà đặt mình vào đội quân tiên phong các chiến sĩ đấu tranh cho cách mạng thế giới. Nguyên nhân sự hợp tác của ông với chúng tôi hoàn toàn là thuộc về hệ tư tưởng. Theo tôi, đó là tính cách tuyệt vời nhất của một điệp viên. Tôi luôn luôn căm ghét những ai làm việc chỉ vì tiền.

Guy Burgess coi cách mạng thế giới là việc không thể tránh khỏi. Như những người bạn cùng học Cambridge của mình, ông đánh giá nước Nga như là tiền đồn của cuộc cách mạng ấy. Đối với ông không có một giải pháp nào khác. Có thể là Burgess cũng có những nghi ngờ trước chính sách đối nội và đối ngoại của nước Nga. Tôi thường nghe thấy ông phê phán các vị lãnh tụ của ta, nhưng dù vậy Guy vẫn coi Liên Xô là niềm hy vọng của toàn thế giới.

Khi tôi hỏi ông về cảm tưởng sau chuyến đi thăm Liên Xô năm 1934, ông cười vang.

- Sau khi trở về, tôi nói với tất cả những người tôi gặp rằng, tôi căm phẫn trước tất cả những gì nhìn thấy

ở nước Nga. Tất nhiên là tôi nói dối, nhưng phải thú nhận rằng, tất cả đều không giống với nước Nga mà tôi hình dung ra. Nhưng dù sao ấn tượng cũng mạnh mẽ. Lòng nhiệt tình của những người mà tôi gặp khiến tôi tin vào tiềm năng vĩ đại của đất nước Xô Viết.

Lần lượt tôi gặp gỡ Burgess và Blunt khoảng tháng một lần. Theo báo cáo của trạm ta tại London thì Burgess ("Pol") là một điệp viên không quan tâm tiến hành công việc đến cùng, một người hời hợt và thiếu quyết đoán, bền bỉ. Trên thực tế, bộ não năng động của ông sản sinh ra nhiều ý tưởng và dự án đến nỗi một mình Guy không thể thực hiện được chúng. Ông chia sẻ những suy nghĩ của mình với các bạn bè trong Bộ Ngoại giao và với chúng tôi trong hoạt động tình báo. Một số nhân viên của ta ngờ rằng Guy sẽ dễ hoảng sợ trong những tình huống khó khăn. Đó là chuyện vớ vẩn! Tôi không nhớ được một trường hợp nào khi Burgess hoang mang.

Thiên nhiên phú cho ông khả năng phân tích chính xác và ông thường nói: "Đây là một vấn đề rất phức tạp và quan trọng. Không biết ta nên xử trí nó thế nào đây". Sau đó ông phân tích tất cả các sắc thái, và những gì thoạt đầu tôi tưởng là đơn giản hoá ra lại rắc rối hơn rất nhiều. Burgess có khả năng thấu suốt hơn tôi, ông biết nhận ra những khó khăn tiềm ẩn, phân tích chúng và giảng giải cho tôi hay.

Mặc dù Trung tâm ghi nhận "Pol" vì những gì ông đã làm, nhưng vẫn có thái độ không nhất quán đối với ông.

Một số báo cáo phê phán gay gắt tính cách và hành động của ông. Có nguồn tin viết về ông như một kẻ hèn nhát. Thật là nực cười! Burgess chỉ đơn giản là thận trọng. Trước khi đi đến bất kỳ một quyết định quan trọng nào ông đều cân nhắc rất lâu, hỏi ý kiến bạn bè và tất cả những người mà ông coi ý kiến am hiểu của họ là có ích. Khi vấn đề có tính chất gay cấn đặc biệt, ông trao đổi với Kim Philby. Một số đồng nghiệp coi sự trì hoãn mỗi khi Guy đưa ra quyết định là bằng chứng của sự yếu đuối và hèn nhát. Hẳn là họ đã đánh giá ông bằng thước đo của mình.

Thật ra, Burgess thông minh, có nghị lực, đầy sáng kiến và luôn sẵn sàng giúp đỡ bạn bè. Vì bạn, Guy đã nhiều lần liều mạng sống.

Có hồi Trung tâm thử buộc tôi gặp các điệp viên thường xuyên hơn cần thiết. Lúc đó tôi đã nói với Corovin:

- Hãy cho chúng tôi những nhiệm vụ thiết thực, đã được suy tính kỹ. Chúng tôi có thể đến gặp các điệp viên nửa giờ một lần, nhưng làm việc đó càng nhiều thì công việc của chúng tôi càng nguy hiểm. Cần phải giảm thiểu các cuộc gặp gỡ với các điệp viên. Nhưng nếu quả thật ông muốn tôi gặp họ thường xuyên hơn, thì được thôi, tôi sẽ ấn định liên lạc hai lần một ngày.

Quả là có những hoàn cảnh khiến tôi phải gặp Burgess gần như ngày một.

Chúng tôi nghĩ ra một cách khéo léo nhận thông tin

từ ông, mỗi khi thật cần thiết phải giữ liên lạc thường xuyên.

"Pol" sẽ gọi điện thoại. Cả đêm lẫn ngày luôn có người của ta trực điện thoại. Burgess nói một số máy đã quy ước trước rồi đặt máy. Như thế có nghĩa là trong vòng một giờ nữa chúng tôi phải gặp nhau tại địa điểm đã định. Corovin hoặc tôi sẽ đi đến đó và nhận từ Guy thông tin miệng hay tài liệu.

Tôi đặc biệt muốn dừng lại ở cuộc hội nghị diễn ra tại London từ 20 tháng Tư đến 7 tháng Sáu năm 1948, có mặt đại diện của Pháp, Anh, Mỹ và ba nước Beniluc[1]. Trong vòng một tháng rưỡi chúng tôi đã biết tất cả về cuộc thương lượng, đưa đến kết quả là biến Tây Đức thành nước Cộng hoà liên bang bao gồm các lãnh thổ tự trị. Theo lời Burgess - và tôi hoàn toàn nhất trí với kết luận của ông - trong mối quan hệ này Liên Xô sẽ va chạm nghiêm trọng với phương Tây. Ta hãy lấy một sự kiện ví dụ nói lên điều đó, không chờ lời khẳng định chính thức về việc thành lập nước CHLB Đức, báo "Sự thật" ngày 8 tháng Tư đã viết về âm mưu đê hèn nhằm chia nước Đức.

Quả thực là mùa thu năm 1948, đã xảy ra vụ rắc rối trong lần hội nghị thứ hai họp ở London giữa đại diện Anh, Mỹ và các nước Beniluc, nhằm tiếp tục thảo luận

---

(1). Beniluc: Liên minh kinh tế giữa Bỉ, Hà Lan, Lucxămbua. Beniluc là những chữ cái đầu của tên ba nước (BT).

về cơ cấu của châu Âu sau chiến tranh, bắt đầu từ tương lai nước Đức và kết thúc bằng kế hoạch của Marshall. Liên Xô không được mời tham dự và coi đây là bước đi thiếu thiện chí, hòng phá vỡ hoà ước Postdam.

Moscow gửi đi một loạt công hàm phản đối. Molotov đòi hỏi có tin tức nóng hổi mỗi ngày. Và chúng tôi đã cung ứng đủ cho ông. Biết được việc người Anh và người Mỹ đang tranh luận về quy chế tương lai của Berlin, Molotov muốn biết, họ định giải quyết vấn đề đó bằng cách nào.

Đoàn đại biểu Anh và Mỹ viện ra một cớ để tạm ngưng tham dự vào hoạt động của hội nghị đến ngày hôm sau để goi điện về cho chính phủ của mình. Molotov rầy rà MGB, đòi phải có thông tin:

- Các anh muốn làm gì thì làm, nhưng tôi phải được biết họ nói gì với sếp của mình. Và London, Washington đã chỉ thị cho họ những gì. Phải có thông tin đó trên bàn tôi trước 6 giờ chiều hôm nay.

Một trở ngại xảy ra. Hai chính phủ không tài nào thoả thuận được với nhau. Thái độ sốt ruột của Bộ trưởng Ngoại giao tăng lên từng phút.

Tối muộn Burgess gọi điện đến và đọc một con số làm ám hiệu. Corovin đi gặp ông. Tôi không biết nội dung thông báo của ông, nhưng Molotov đã nhận được bức mật mã sớm hơn nhiều so với người Anh. Họ phải chờ đến tận ngày hôm sau.

Theo lệnh của Trung tâm, tôi chuyển cho Guy Burgess một khoản tiền nhỏ để ông mua ô tô. Tôi rất phản đối hướng giải quyết đó, nhưng theo ý kiến cấp trên, hoạt động tình báo hiện đại cần phải sử dụng ô tô để liên lạc kịp thời với các điệp viên. Tôi buộc phải thoả hiệp với cái cớ rằng, đi ô tô sẽ dễ dàng đến điểm hẹn hơn và ngồi trong ô tô nói chuyện cũng an toàn hơn. Vậy là tôi chuyển tiền cho Burgess. Guy thì lấy bằng lái nhanh một cách đáng ghen tỵ rồi đi tìm chọn ô tô.

- Lần sau tôi sẽ đến bằng ô tô, - ông tự hào tuyên bố với tôi.

Và ông đã giữ lời hứa. Tôi vượt qua quãng đường dài và đầy khó khăn để đến Acton, rồi dừng lại trên hè phố. Mấy giây sau, chiếc ô tô có Guy ngồi sau tay lái xuất hiện. Ông dừng xe cách tôi một quãng rồi vội vã kéo tôi đến thưởng thức món đồ mới của mình. Số tiền tôi đưa không đủ mua một chiếc xe mới, và ông chọn mua một chiếc "Roll-Royce" cũ, kiểu hai chỗ, động cơ khoẻ, có cửa lật, màu da cam.

Tôi kinh hãi nhìn chiếc ô tô, nhưng kìm được miệng. Chúng tôi quyết định đi một vòng và nhân thể nói chuyện luôn. Chiếc ô tô đã ọp ẹp lắm rồi: cánh cửa suýt nữa thì bung ra khi tôi đẩy nó lại phía sau. Động cơ đồ sộ chiếm hầu hết diện tích, và hai chỗ ngồi như bị ép sát lại với nhau.

Hai phút sau đó là những phút kinh hoàng nhất trong cuộc đời tôi. Guy mở máy, chiếc "Roll-Royce"

nhảy chồm về phía trước, trong vài giây đã đạt tốc độ rất lớn. Burgess lái xe như một người điên, không nhìn trái nhìn phải gì hết. Tôi như bị đóng đinh vào ghế, hai tay bíu chặt. Mắt thì trợn ngược lên. Toàn thân hoá đá.

Chúng tôi đi như vậy trong bao nhiêu lâu, tôi khó mà nói được, đột nhiên động cơ thôi gầm rú, và Guy nhẹ nhàng dừng xe lại bên hè.

- Thế nào?

- Guy, lúc nào ông cũng lái xe như vậy à? Vượt qua ngã tư mà không thèm nhìn xem có chiếc xe nào đi cắt ngang đường không?

- Anh nói đúng, thực là tôi không chú ý hai bên lắm. Và anh có biết vì sao tôi mua thứ đồ cổ này không? Nếu mà tôi có gặp chuyện gì thì tôi cũng sẽ không bị thương. "Roll-Royce" làm việc chuẩn lắm.

Tôi không bao giờ ngồi vào xe với Guy nữa và không biết chiếc "Roll-Royce" màu da cam ấy rồi ra sao.

Chúng tôi tiếp tục gặp nhau đều đặn, nhưng đều đi bộ như trước đây. Thường thường điểm hẹn được ấn định ở gần lối vào tầu điện ngầm, và không bao giờ vào hẳn trong ga cả, nơi đó có quá đông người. Tôi chẳng còn băn khoăn xem Guy đến nơi hẹn như thế nào nữa: có lẽ, ông đỗ chiếc "Roll-Royce" của mình ở gần đâu đó.

Tôi luôn đánh giá cao hoạt động có hiệu quả, tính cứng rắn, sức mạnh niềm tin, tầm nhìn rộng, học vấn và những mối quan tâm đa dạng của Guy. Ông có thể bảo vệ quan điểm của mình trước bất kỳ một địch thủ

nào, đưa ra những lý lẽ lôgích và thuyết phục nhất. Tôi bắt đầu hiểu, vì sao ông lại có nhiều người quen đến như vậy, những người trực tính, chính trực, phong nhã, những người Anh điển hình, luôn ưa thích giao thiệp với ông, thán phục những khả năng của ông và bị sự duyên dáng của ông mê hoặc. Tôi hoàn toàn đồng ý với phát biểu của Antony Blunt năm 1979 với phóng viên báo "Sunday Times":

- Người ta nói nhiều điều không tốt về Burgess. Tôi thấy có nghĩa vụ phải nói rằng: ông không chỉ là một trong những trí thức xuất sắc mà tôi từng gặp, mà còn là một người có lòng nhiệt tình và sức lôi cuốn rất lớn.

Tôi không ngừng thán phục Guy, nhưng hy vọng rằng, việc đó không cản trở tôi thi hành nghĩa vụ của người sĩ quan tình báo. Tôi ngưỡng mộ khả năng và những phẩm chất cao quý của ông, nhưng không bao giờ quên đặt nhiệm vụ của MGB lên hàng đầu và làm tất cả những gì trong phạm vi khả năng của tôi để Burgess trở thành một điệp viên có hiệu quả. Ông hiểu rằng tôi không giấu ông điều gì, và về phía mình ông cũng chưa lần nào nói dối tôi. Mặc dù vậy, tôi luôn có cảm giác ông có điều gì chưa nói hết.

Guy làm rất nhiều người phải tò mò. Ông biết cách ứng xử trong xã hội Anh mỗi khi cần. Và mỗi khi gặp phải sự kháng cự hoặc đụng phải những người không nhất trí, chúng trở thành kẻ thù đáng ghét nhất đối với ông. Tất cả những điều đó tạo nên tính cách phức tạp của Burgess.

Vẻ mặt thường lạnh lùng của ông thậm chí còn có vẻ khinh miệt. Các đường nét bị rượu làm cho thô kệch đi. Guy bắt đầu uống rượu từ lâu rồi, và ông thường có những cuộc say sưa kéo dài. Nhưng, một điều lạ là tôi chưa bao giờ thấy ông say rượu - cả ở London, cả sau này, trong suốt thời gian tôi quen biết ông.

Burgess luôn đặt cho mình một mục đích cụ thể, ông hoàn toàn không phải kẻ mơ mộng. Tôi thường nghe ông nói, có lẽ ông trích từ trong kinh thánh: "Cái ác chỉ có thể chinh phục bằng sức mạnh".

Burgess luôn nói năng một cách rõ ràng và dễ hiểu, nhưng những ý nghĩ ẩn sau từ ngữ thì lấp lánh và chảy tràn như thuỷ ngân, mỗi khi ông dễ dàng chuyển từ đề tài này sang đề tài khác. Nếu Guy nhận thấy bạn không hiểu ông, ông sẽ quay lại từ đầu, nhắc lại những gì đã nói, thêm một hai chi tiết và tất cả trở nên rõ ràng. Óc tưởng tượng của ông rất phong phú.

Trên cương vị là một điệp viên, Burgess đã cung cấp cho chúng tôi rất nhiều tài liệu. Ông tự mình xếp loại chúng tlieo tầm quan trọng và thường đưa ra những ghi chú ngắn gọn, giúp chúng tôi không phải vất vả trong việc phân tích. Khó mà hình dung hết khối lượng thông tin nằm trong bao thư ngoại giao của Nhà Vua và trao đi đổi lại giữa Bộ Quốc phòng và các bộ khác trong Chính phủ Anh. Cần phải thêm vào đó cả số thông tin miệng mà Burgess thu thập được trong các cuộc trao đổi với các nhà hoạt động chính trị và các sĩ

quan tình báo. Chúng còn thú vị và quan trọng hơn số giấy tờ quan liêu trong các cơ quan dân sự.

Như thường lệ, Trung tâm rất quan tâm đến quan hệ Anh - Mỹ và đặc biệt là những "trục trặc" giữa họ. Bất kỳ một bất đồng nhỏ nhất nào giữa hai nước đều rất được chúng ta quan tâm.

Một lần, Moscow được biết người Anh và người Mỹ tranh luận về một vấn đề nào đó, mà như Guy nói với tôi thì không có ý nghĩa gì quan trọng. Nó liên quan đến đóng góp của các nước châu Âu và công cuộc thực hiện kế hoạch Marshall. Chúng tôi đã kịp quên lãng đi rồi thì đột ngột sở chỉ huy ở London nhận được chỉ thị từ Lubianca phải thu thập được thông tin về vấn đề này càng nhiều càng tốt.

Tôi đem đề nghị đó đến cho Burgess.

- Tất nhiên là tôi làm được, - ông đáp, - nhưng tôi phải báo trước với các anh rằng, các anh sẽ không hiểu một chữ nào cả. Phía Mỹ và chúng tôi đã làm rối tinh việc này đến mức ngay cả bản thân cũng không còn hiểu gì nữa. Và chẳng ai buồn làm sáng tỏ vấn đề cả. Nhưng nếu anh dứt khoát thì tôi sẽ đem về cho anh mớ giấy tờ đó. Tôi nói trước là tổng cộng phải một va ly đầy đấy.

Như tất cả những tình báo viên, tôi luôn khao khát có thông tin.

- Tôi xin nhận chiếc va ly, và chúng tôi sẽ tìm ra

cách sử dụng những tài liệu đó. Tôi được lệnh làm sáng tỏ tất cả những gì có thể.

- Được thôi. Nhưng các anh sẽ phải hối tiếc.

Tôi nhận được chiếc cặp căng phồng tài liệu như đã thoả thuận. Giở lần lượt từng trang, tôi không hiểu gì cả và như một điệp viên mẫn cán tôi gửi tất cả số giấy tờ đó về Moscow. Hai tuần sau một bức điện gửi tới: "Chúng tôi không hiểu gì cả. Hãy yêu cầu "Pol" giải thích cho chúng tôi dù chỉ một điều: đâu là đầu, đâu là cuối".

Burgess thấy điều đó rất ngộ nghĩnh.

- Tôi đã nói với các anh rồi mà. Nếu muốn, tôi sẽ xem xét tất cả mớ bòng bong ấy và tóm tắt lại trong vòng một, hai trang.

Ông đã giữ đúng lời hứa. Còn tôi đánh máy lại hai trang giấy ấy và gửi về Trung tâm. Lần này Moscow không trả lời gì cả. Hẳn là mọi sự đã rõ ràng.

Ngoài việc cung cấp thông tin cho chúng tôi, Burgess còn đóng vai trò trung gian giữa Kim Philby, lúc đó đi công tác hai tháng ở Thổ Nhĩ Kỳ và MGB. Công việc chính thức của Philby trong cơ quan tình báo Anh là tìm kiếm gián điệp để tung vào lãnh thổ Liên Xô. Một số nhận những nhiệm vụ ngắn hạn, số khác thì hoạt động lâu dài. Vùng hoạt động của Philby trải dài ra khắp Kavkaz, Donbass và Ucraina. Ông tìm kiếm những người di tản khỏi những khu vực đó của Liên Xô từ trước hoặc trong thời gian chiến tranh và có người thân

ở Grudia, Aderbaizan và Armenia, vùng Krasnodar, Stavropol, Rostov-na-Donu, ở Ucraina và Crime. Kim đề nghị họ quay về Tổ quốc và phục vụ cho lợi ích của Anh quốc tại đó. Tìm ra kẻ tình nguyện không khó. Một số đi tàu đến Liên Xô, số khác đi bộ vượt biên giới nơi gần dãy núi Ararát. Đồn rằng, Philby đã đặt một ống kính viễn vọng lớn ở trên đỉnh núi để theo dõi các điệp viên của mình di chuyển ra sao sau khi vượt biên giới. Nhóm gián điệp thứ ba thâm nhập vào Liên Xô qua đường biển. Chúng đổ bộ lên bờ tại những khu vực không có người gần Sukhumi, Sotri hoặc lui lên phía bắc về hướng Crime.

"Stanly" không có liên lạc viên thường trực của MGB, do vậy Burgess phải nhận luôn cả chức năng đó về mình. Thỉnh thoảng Philby lại về London, nhưng thường vào khi cần phải thông báo thời gian, địa điểm đổ bộ của số gián điệp Anh - Mỹ hoặc cho biết tên họ của chúng, ông chỉ việc gửi những chi tiết đó cho Burgess qua đường bưu điện.

Cho dù Trung tâm có nghĩ thế nào về Burgess, thì ông cũng đã làm được rất nhiều việc. Guy hết sức thận trọng với các nhiệm vụ và luôn cho tôi hiểu (cho dù ông không nói thành lời) rằng ông có thể làm được nhiều hơn. Ông day dứt vì không sử dụng được hết khả năng công suất của mình. Tất nhiên, điều này ảnh hưởng đến thần kinh của Guy. Tôi rất lo lắng cho sức khoẻ của ông, và thường xuyên hỏi thăm.

Tôi luôn bàn bạc với Guy về phương pháp giải quyết

một vấn đề nào đó. Và nếu chúng tôi tìm được ra cách giải quyết chung, thì Guy không còn do dự gì hết và ông hoàn thành nhiệm vụ trước thời gian đã định, tuy đôi khi mạo hiểm quá mức.

Trò chuyện với Guy luôn khiến tôi mệt nhoài. Guy có một trí tuệ sắc sảo, ông nắm bắt các ý nghĩ trong khoảnh khắc, và tôi thường xuyên phải mất một thời gian để "tiêu hoá" được nó. Đầu ông làm việc như một chiếc máy tính: một chớp lửa cần bao nhiêu thời gian để loé lên và biến mất thì ông cũng cần chừng ấy thời gian để giải quyết một bài toán nào đó. Đôi khi tôi phải vắt vả mới theo kịp được ông. Vì vậy, tôi phải thường xuyên căng thẳng, luôn sợ mình bỏ qua điều gì hoặc hiểu không đúng, hoặc là mắc một lỗi thô thiển nào chăng. Thế nên sau mỗi cuộc gặp gỡ với Guy, tôi như quả chanh bị vắt kiệt. Tạm biệt Burgess rồi, thể nào tôi cũng phải lê chân vào quán bia gần nhất và chậm chạp uống một vại bia.

Dù các cuộc hẹn Blunt không hành hạ tôi đến mức ấy nhưng chúng không hề kém hiệu quả. Tôi gặp ông lần đầu tiên vào năm 1948, sau mấy tháng làm việc với Cairncross và Burgess.

Tôi biết Blunt là nhà hoạt động phản gián có kinh nghiệm. Và ngay trong buổi gặp đầu tiên tôi đã hỏi ông:

- Liệu chúng ta có thể sử dụng các phương pháp an toàn mà ngài đã soạn ra cho MI-5 trong thời gian chiến tranh được không?

Ông cười và giải thích tỉ mỉ cho tôi nghe về hệ thống theo dõi từ bên ngoài mà hiện nay người Anh đang áp dụng. Tôi chăm chú lắng nghe ông và nghĩ, mình sẽ tận dụng được phương pháp của Blunt trong hoạt động sau này của mình.

Blunt là điệp viên duy nhất không khiến tôi đặc biệt lo lắng trước những cuộc gặp gỡ. Cả hai chúng tôi đều biết rõ, hệ thống theo dõi từ bên ngoài của Anh hoạt động như thế nào, vì thế chúng tôi chẳng khó khăn gì để lẩn tránh, bình tĩnh gặp nhau và bàn bạc công việc. Chúng tôi thành thạo đến mức có thể phát hiện ra ngay nếu có đuôi bám theo sau.

Tuân thủ những quy tắc tôi áp dụng với Cairncross và Burgess, chúng tôi chỉ gặp nhau ở ngoài phố, trong các công viên và vườn hoa, nhưng có đôi khi ở trong quán bar hoặc quán bia. Và tôi cũng kiên quyết yêu cầu ông đến nơi hẹn tại những địa điểm nằm cách trung tâm London khá xa.

Trong mắt tôi Blunt là người như thế nào? Kiêu hãnh, quý phái và hơi khắc nghiệt. Nhưng Anthony có một phẩm chất không thể thay thế mà tôi rất thích. Đó là: có thể tin cậy vào ông. Và mặc dù ông không phải là người mác-xít kiên trinh, nhưng tôi biết, tôi luôn có thể trông cậy vào ông.

Trong cuốn sách "Nền Ngoại giao" của mình, Ngài Harold Nicolson khẳng định rằng, tính đáng tin cậy là phẩm chất quan trọng nhất, điển hình cho một nhà

ngoại giao. Phẩm chất đó bao hàm cả tính chính xác, trung thực và tính khiêm tốn. Tất cả những điều đó đều có thể vận dụng ở mức độ như nhau cho một điệp viên ngầm. Và nếu tôi có hiểu được tầm quan trọng của việc rèn luyện phẩm chất này trong bản thân mình thì công lao ở đây một phần thuộc về Blunt.

Chúng tôi gặp nhau khá thường xuyên. Nếu Burgess có điều gì khẩn cấp cần gặp tôi mà bản thân ông không đến được, ông cử Blunt đi thay. Họ tiếp xúc với nhau đều đặn và biết tất cả mọi điều về nhau. Thực chất, Blunt là liên lạc viên giữa Burgess và tôi.

Tôi luôn hẹn gặp ông mỗi khi cần biết điều gì đó về MI-5, vì Blunt vẫn còn rất nhiều bạn bè ở đó. Thậm chí đôi khi tôi còn yêu cầu ông thu thập cho tôi những chi tiết mới nhất về một số điệp viên của cơ quan phản gián Anh.

Thỉnh thoảng tôi đề nghị ông dò xét xem, người Anh có định tuyển mộ một đồng bào nào đó của tôi không hoặc có thử biến một nhân viên trong ngành tôi thành điệp viên hai mang hay không. Cứ mỗi lần chúng tôi có một nghi ngờ nhỏ nào là tôi lại đề nghị ông kiểm tra hộ chúng tôi. Những đóng góp của ông có ý nghĩa quan trọng đối với việc thiết lập được môi trường đạo đức thuận lợi trong nội bộ, tránh được nghi ngờ lẫn nhau.

Tôi luôn quan tâm đến việc vì sao giữa cơ quan tình báo và cơ quan phản gián Anh lại tồn tại một thứ đại loại như sự kình địch. Và tôi thường hỏi Blunt về vấn

đề này. Ông sẵn lòng kể cho tôi chi tiết về những thủ đoạn bẩn thỉu thường nhật bới móc lẫn nhau của phản gián và tình báo Anh. Blunt có một trí nhớ tuyệt vời, và ông biết chính xác, ai âm mưu cái gì. Đôi khi thông tin Anthony chuyển cho tôi là do ông chớp được trong những lần chuyện trò bạn hữu với các cựu đồng nghiệp tại nhà hàng hoặc các buổi chiêu đãi.

Tôi không mất nhiều thời gian để rút ra kết luận: tốt nhất là nên sử dụng Anthony Blunt làm liên lạc viên giữa Burgess và tôi, như vậy Guy có thể thu thập được những thông tin quan trọng hơn. Năm 1945 khi Blunt rời khỏi MI-5, Kreshin định để ông tiếp tục tìm kiếm điệp viên mới cho MGB. Nhưng tôi hiểu đích xác rằng, giờ đây ông không còn muốn tiếp tục làm công việc tuyển mộ nữa, và tôi không thúc ép ông.

Tôi đặc biệt ưa thích mỗi khi gặp gỡ Blunt, bởi vì cả hai chúng tôi đều biết cách tốt nhất để cắt đuôi. Thường thường, điệp viên hẹn gặp tại địa điểm xác định trước. Chúng tôi lại có chiến thuật khác: chúng tôi giao hẹn cùng xuất hiện tại một khu vực nào đó trong thành phố, nơi có thể quan sát thấy nhau, nhưng không ấn định địa điểm chính xác. Ví dụ, Blunt có thể đứng trên cầu, còn tôi ở dưới phố, hoặc hai chúng tôi dạo bước ở hai góc công viên, có khi ở ngoài phố, cách nhau hai - ba toà chung cư.

Vơ vẩn 10-15 phút tại khu vực giao hẹn, chúng tôi sẽ nhận ra nhau. Lúc này tôi sẽ sang đường, hoặc bằng cách nào đó cho Blunt hiểu rằng tôi đã nhìn thấy ông.

Ông sẽ bình thản đi tiếp, biết rằng tôi đang đi theo sau, cách ông một quãng, luôn luôn kiểm tra xem có người thứ ba nào đi theo sau ông không. Một lúc sau, chúng tôi đổi vai cho nhau: ông theo sau tôi và kiểm tra xem có cái "đuôi" nào không. Sự quay vòng như vậy kéo dài khoảng nửa giờ, có khi lâu hơn, nếu một trong hai chúng tôi có nghi ngờ, cho dù là nhỏ nhất. Sau đó chúng tôi mới gặp nhau tại nơi cách xa điểm xuất hiện ban đầu. Phương pháp này đã được thử thách và rất đáng tin cậy. Chúng tôi không bao giờ để tuột tầm mắt khỏi nhau. Nếu nghi ngờ có đuôi bám theo, tôi sẽ dựa vào bản năng của mình mà cắt đuôi. Trong trường hợp này hoặc là tôi rẽ vào một cửa hàng mua thứ gì đó, hoặc đi tới rạp chiếu phim và ở lỳ trong đó ba giờ liền, có khi còn lâu hơn. Lệ thường ở Anh chiếu liền hai phim trong một buổi đã rất có lợi cho hoạt động của tôi. Sau khi xem hết chương trình, tôi về nhà.

Tất nhiên là mỗi khi tình huống đó xảy ra, Blunt tội nghiệp sẽ phải khó chịu, nhưng may mắn thay, cũng ít khi bị trục trặc. Phần lớn những lo ngại của tôi chỉ là hệ quả của trí tưởng tượng. Còn trong những trường hợp hiếm hoi khi đúng là có đuôi thì toàn là do lính mới đảm nhiệm. Phản gián Anh không bao giờ thèm phái những người theo dõi ít kinh nghiệm theo sau một người mà họ ngờ là kẻ lão luyện. Trong kinh nghiệm của mình tôi chỉ gặp toàn lính mới.

Theo dõi ai là cả một nghệ thuật. Muốn làm được điều này cần phải học. Thỉnh thoảng MI-5 lại phái

người theo các cán bộ sứ quán Liên Xô, có khi tôi phát hiện thấy anh ta ngay đằng sau lưng mình. Trong trường hợp đó, không bao giờ tôi thử "cắt đuôi" cả. Trái lại - tôi cố gắng để nhiệm vụ của anh ta càng dễ dàng càng tốt, khiến anh ta hoàn toàn thoả mãn. Nhưng việc đó có nghĩa là phải hoãn cuộc hẹn lại.

Khác với quan hệ của tôi với Burgess và Cairncross, tôi tiếp xúc với Blunt chỉ hoàn toàn ở mức độ công việc. Ông luôn luôn có thái độ nghi ngại, cân nhắc từng từ trong khi nói chuyện với tôi, tránh tối đa các cuộc trò chuyện thân tình và chỉ giới hạn trong một nhiệm vụ cụ thể. Điều đó không có nghĩa là chúng tôi kém ăn ý với nhau. Đơn giản là vì quan hệ giữa chúng tôi không gần gũi đến mức ấy. Tôi với Burgess và Cairncross là những người bạn lớn, còn quan hệ với Blunt chỉ dựa trên sự tôn trọng lẫn nhau.

Mặc dù có về ngoài kiêu kỳ, Blunt vẫn là một người hết sức dễ mến: cao, tao nhã, đôi mắt màu thép bạc. Ông khiến người đối thoại phải giữ một khoảng cách khá xa, nhưng đồng thời lại gợi nên lòng tin cậy trong họ. Chỉ cần nhìn Anthony Blunt là có thể hiểu rằng đây là người mà lời nói không tách rời với việc làm. Suốt trong thời gian chúng tôi làm việc cùng nhau, ông không một lần vi phạm lời hứa và không quên một điều gì cả. Blunt có thói quen xem xét con người như xem một bức tranh vậy. Ví dụ ông dạy tôi cách xác định tính cách con người qua quan sát sự thay đổi trên nét mặt hoặc nghiên cứu việc làm của họ. Là người theo chủ

nghĩa duy mỹ, Blunt có thể nhận ra hoạ sĩ qua tranh, kiến trúc sư qua các toà nhà họ thiết kế, nhà văn qua các tác phẩm của họ. Trên khía cạnh này thì ông hoàn toàn tương phản với Philby. Hai người có tính cách và ưu điểm khác nhau nhưng họ quý mến nhau. Mặc dù vậy, Anthony Blunt có một nhược điểm lớn đối với công việc của chúng tôi: ông không thể chịu được khi người ta nhìn thẳng vào mắt ông. Nếu có người nào dám làm như vậy, ông liền đưa mắt đi chỗ khác.

Vào tháng Bảy năm 1947, khi tôi tới London, Donald Maclean vẫn đi công tác tại Washington. Ông về Anh thường xuyên, nhưng để thận trọng Trung tâm cấm không ai trong chúng tôi được liên lạc trực tiếp với ông. Nếu Maclean cần chuyển cho chúng tôi tài liệu gì, ông gửi chúng qua Burgess. Hai người có thể gặp nhau công khai như những đồng nghiệp trong Bộ Ngoại giao.

Việc đó không ngăn cản tôi chăm chú theo dõi sự nghiệp của Donald. Chúng tôi được biết, tại Mỹ Maclean có uy tín của một nhà ngoại giao trẻ xuất sắc. Sau ba năm công tác, ông được thăng cấp bậc ngoại giao và được cử đứng đầu văn phòng của sứ quán Anh tại Cairo. Lúc đó Maclean tròn 35 tuổi. Melinda, vợ ông, ở lại Anh, nhưng bà thường xuyên tới Ai Cập cùng các con trai Fergus và Donald - con.

Tại Cairo, quan hệ giữa Maclean với MGB xấu đi do người liên lạc. Chúng tôi ở London đã báo trước với các đồng nghiệp Ai Cập là có một điệp viên rất quan trọng

sẽ tới chỗ họ, phải đối xử thận trọng với người đó, cố gắng giữ quan hệ tốt nhất với ông ta.

Trạm của ta tại Cairo có thái độ kỳ quặc trước lời nhắn nhủ của chúng tôi. Có thể là họ còn không đọc nó. Ngay khi Maclean vừa tới nơi, liên lạc viên của ông bắt đầu từ việc ra lệnh cho ông, khiến Donald vô cùng bực bội. Ngoài ra, các cuộc gặp lại được ấn định trong khu phố người Arập. Thường thì người ta không gặp người nước ngoài tại nơi đó. Một người Anh cao lớn, tóc sáng, mặc bộ quần áo sang trọng và thắt cravat sẽ đập ngay vào mắt, như con thiên nga giữa bầy ngỗng vậy. Sự xuất hiện của ông ở đây sẽ lại càng ngu ngốc bởi không một nhà ngoại giao Anh nào lại có ý nghĩ tới khu phố này.

Maclean yêu cầu ngừng các cuộc hẹn với người liên lạc này. Thay vào đó ông đề nghị hai nữ ứng cử viên: từ phía ông là Melinda, từ phía chúng tôi là vợ một nhân viên của Liên Xô. Hai phụ nữ có thể gặp nhau, ví dụ như tại hiệu làm đầu. Melinda mau mắn đồng ý, nhưng trạm Cairo lại cương quyết bác bỏ sáng kiến đó.

Donald thử đi nước cờ khác, đề nghị gặp gỡ công khai tại nhà hàng và các quán bar như mọi nhà ngoại giao khác. Nhưng cả phương án đó cũng bị gạt đi.

Maclean bèn viết một bức thư ngắn về Trung tâm, gửi qua hành dinh Cairo. Bức thư như một lời kêu gọi giúp đỡ. Trong thư, ông nói về mong muốn được làm việc ở nước Nga, cho rằng đối với ông không có nơi nào

tốt hơn để đấu tranh chống lại đế quốc Mỹ và phương Tây. Donald yêu cầu MGB cử ông về Moscow. Trung tâm nhận được thư, nhưng tôi hoàn toàn tin rằng, không một ai thậm chí thèm liếc qua nó. Giá mà người phụ trách mạng lưới điệp viên ở Cairo có đủ thông minh để thu xếp không chậm trễ việc cử Donald Maclean cùng gia đình tới Liên Xô (Melinda hoàn toàn sẵn sàng cho việc đó), thì đã có thể tránh được sai lầm xảy ra sau đó. Nói ngắn gọn, nếu như lãnh đạo cao cấp MGB lắng nghe yêu cầu của người điệp viên Anh của mình vào lúc đó, thì nhóm Cambridge lừng lẫy của chúng ta đã vẫn có thể tiếp tục làm việc. Chỉ cần trung hoà một mình Maclean là đủ.

Chính tại Cairo, nơi ông đến sau khi rời Washington một tuần, cuộc sống của Donald Maclean bắt đầu tả tơi từng mảnh.

Gần như cũng chính điều đó đã xảy ra với Burgess. Cái gánh nặng ông đã từng dễ dàng mang nó trên vai suốt cuộc chiến tranh, khi đất nước ông chiến đấu chống lại chủ nghĩa phát xít trong phe đồng minh với Liên Xô, đã ngày càng đè nặng lên ông khi hoà bình lập lại và "cuộc chiến tranh lạnh" diễn ra sau đó. Tôi nhìn thấy ông suy yếu đi ngay trước mắt. Từ trước đó, chúng tôi đã biết Guy bắt đầu uống rượu rất nhiều. Ông thường xuyên xuất hiện trước mọi người mà râu không cạo, ăn mặc cẩu thả, lèm bèm điều gì đó. Tin đồn về hành vi của ông bay tới tận Trung tâm, cấp trên đòi chúng tôi phải giải thích. Nhưng chúng tôi thì có thể

nói được điều gì? Hoạ chăng, chỉ có thể nói là người điệp viên ấy đã quá căng thẳng thần kinh và ông không thể chịu đựng được stress của cuộc sống hai mặt nữa. Ngay từ trước mùa hè năm 1948, Moscow đã hiểu hành vi của "Pol" sẽ ảnh hưởng đến công việc của ông. Càng ngày ông càng cung cấp ít thông tin hơn.

Tôi là một trong những người đầu tiên thông báo trong các báo cáo của mình rằng những nỗ lực thành công của bộ ngũ Cambridge để thoả mãn đòi hỏi của hai ông chủ - người Anh và ta - đã ảnh hưởng rất nặng nề đến sức khoẻ của họ. Họ đã hoạt động tích cực trong suốt 15 năm. Đã đến lúc phải dừng, ít nhất là cũng một thời gian, hoạt động của Burgess và Maclean và giảm nhẹ tình hình của Philby, để không bị mất hoàn toàn mạng lưới điệp viên của ta tại Anh.

Lúc đó tôi không biết rằng, đã quá muộn. Chúng tôi đã đến chậm mất rồi.

CHƯƠNG VI

BÁO ĐỘNG

Burgess bắt đầu khiến chúng tôi phải thực sự lo ngại. Sống trong mối lo sợ thường trực, vào lúc sau sưa quên trời đất, ông có thể thú nhận tất cả với người đầu tiên ông gặp lắm. Riêng tôi thì tin rằng, bản thân Guy nhận thức được sự mạo hiểm của tình huống và đủ kinh nghiệm để giữ được mồm miệng, ngay cả khi đã "cạn" cả một thùng thứ rượu vang ông ưa thích. Sếp của ông, Hector McNeil cũng đã mệt mỏi với những phàn nàn thường xuyên về Burgess tới tấp gửi về Bộ Ngoại giao. Mặc dù vậy McNeil vẫn tiếp tục che chở cho bạn mình. Thậm chí khi Burgess quai một cú đấm thôi sơn vào quai hàm một đồng nghiệp, đến nỗi người ta phải đưa ông này vào bệnh viện, McNeil cũng dập vụ rắc rối ấy đi.

May mắn thay, lỗ hổng xuất hiện do việc Burgess đột ngột giảm nhiệt tình đã được John Cairncross lấp đầy. Mùa thu năm 1948, ông được cử vào vị trí mới, rất có lợi cho Liên Xô. Trong Bộ Ngoại giao, người ta xếp

ông về vụ các vấn đề tài chính của NATO, tổ chức được chính thức thành lập vào năm sau[1].

Việc này đã tăng hẳn cơ hội của Cairncross trong KGB. Coi việc thành lập khối NATO là bước công kích của phương Tây chống lại Liên Xô, chúng ta muốn có nhiều tin tức hơn về tổ chức mới này của Mỹ.

Hàng ngày John Cairncross làm việc với các tài liệu nói về lực lượng vũ trang tương lai của NATO và về phần đóng góp duy trì lực lượng đó của các nước thành viên. Ông biết, NATO sẽ có lực lượng binh lính như thế nào, mức độ đảm bảo cũng như việc trang bị cho họ ra sao - ông nắm được đến từng chi tiết nhỏ nhất. Còn điều quan trọng hơn cả là trong tay ông có sơ đồ chính xác địa điểm đóng quân của các bộ chỉ huy của bộ binh, hải quân và không quân. Nói tóm lại là Cairncross có khả năng cho chúng tôi biết tất cả về NATO. Và chúng tôi nắm được về mọi cơ cấu của tổ chức này trước khi nó trở thành hiện thực.

Quan hệ của tôi với Cairncross vẫn rất tốt đẹp, bởi vì tôi luôn cố gắng xây dựng chúng trên cơ sở sự tin cậy lẫn nhau. Tôi thường xuyên nhắc với ông về sự trẻ

---

(1). Ngày 4 tháng Tư năm 1949, tại Washington, liên minh quân sự - chính trị NATO (North Atlantic Treaty Organization), dựa trên cơ sở Hiệp ước Bắc - Đại Tây Dương, đã được ký kết giữa Mỹ, Anh, Pháp, Bỉ, Lucxemburg, Canada, Italia, Bồ Đào Nha, Na Uy, nhằm chống lại các nước XHCN.

người non dạ, thiếu kinh nghiệm của mình, rằng ông có thể dạy tôi rất nhiều điều, và tôi biết khâm phục công việc của ông đúng lúc. Ngay từ đầu tôi đã nói sẽ vô cùng biết ơn ông nếu ông giúp được tôi việc gì đó.

Tôi cũng nói như vậy với Burgess, và điều này cũng gây được một ấn tượng tốt đẹp đối với ông này.

Nói chung, Cairncross là một người điềm tĩnh. Ông khoái chí với thái độ của tôi đối với ông, dù ít khi để lộ ra trong những lần chúng tôi chuyện trò. Cairncross cố gắng hết sức để giúp đỡ tôi, đưa ra những lời khuyên liên quan đến công việc chung của hai chúng tôi. Ông làm việc đó một cách tự nguyện, không phàn nàn gì. Tôi tin rằng, Cairncross hài lòng khi được thoát khỏi người tiền nhiệm hống hách của tôi.

Nếu cần gấp tin tức về một vấn đề gì đó, tôi đề nghị ông một cách tế nhị, chứ không phải ra lệnh.

- Trong các tài liệu về NATO của ông có nhắc gì đến địa điểm bố trí căn cứ hạt nhân tại Đức không? - Tôi hỏi như vậy mỗi khi nhận được nhiệm vụ mới. - Ông có thể làm rõ việc đó được không?

Và một tháng sau, tôi nhận được sơ đồ cụ thể việc bố trí vũ khí hạt nhân tại Đức.

Nhớ lại quá khứ, tôi thấy rằng tôi thích Cairncross hơn tất cả các điệp viên của ta tại London. Đó là con người rất quy củ, dù chẳng hề là người đơn giản. Burgess, Philby và Blunt là những hình ảnh đậm nét hơn. Họ là những nhân cách mạnh mẽ, mỗi người đều

có những phẩm chất xuất sắc riêng. Nhưng với Cairncross tôi thấy dễ dàng hơn, có lẽ là vì hai chúng tôi có nguồn gốc gần như giống nhau.

Ông xây dựng con đường công danh trong cơ quan chính phủ một cách chậm chạp, mặc dù có những khả năng lớn. Tưởng chừng như Cairncross hoàn toàn không nhích được lên phía trước. Tất nhiên, ông cũng có những điều khiến tôi thất vọng. Ví dụ như, tai phải ông hoàn toàn không nghe thấy gì. Đôi khi tôi quên mất điều đó, làm ông phải chuyển sang đi bên phải tôi để nghe được rõ hơn. Tính thiếu chính xác cũng không làm tôi hài lòng lắm. Tôi phải chấp nhận tất cả những điều đó. Khó khăn nhất là cứ phải đi đi lại lại tại chỗ mỗi khi chờ đợi ông xuất hiện, dáng vẻ như đang dạo các quầy hàng. Lại thêm cảm giác là tất cả người qua đường đang để ý đến mình.

Với Cairncross tôi luôn chọn địa điểm gặp gỡ là những nơi để tôi có thể nhận ra ông trước. Ví dụ, hẹn ở một công viên nào đó, và khi thấy ông rẽ vào thì tôi bước ra đón ông. Còn vào lúc tối muộn, tôi thường đứng chờ tại một ngõ tối nào đó trông ra đại lộ sáng trưng ánh đèn. Từ chỗ đó, tôi có thể quan sát được có người nào theo sau ông không. Tôi chắc chắn rằng, ông đã cố gắng hết sức để không đến quá muộn: không ít lần tôi chứng kiến ông đi gần bước chân. Đúng là ông, tôi xin nhắc lại, đã có cố gắng.

Các tài liệu về NATO thú vị đến nỗi KGB đã gửi điện chúc mừng tôi từ Moscow. Cairncross lại được

sủng ái, và để củng cố sự an toàn cho chúng tôi, qua tôi Trung tâm lại gửi cho ông tiền để mua ô tô. Như tôi đã nói, tôi luôn phản đối việc này, cho rằng khi đi làm nhiệm vụ thì tốt nhất là điệp viên đi bộ đến chỗ hẹn sau một vòng "đi dạo" thong thả nhằm mục đích loại trừ khả năng bị bám đuôi. Tại London, nơi mật độ dầy đặc các ô tô buýt, đường đi ngầm, công viên, vườn hoa, thì việc kiểm tra đó có thể thực hiện dễ dàng. Nếu bạn thông thuộc thành phố và vùng ngoại ô mênh mông của nó, nhất định bạn sẽ nhận ra "cái đuôi" và không để lạc mất nó.

Mặc dù vậy, Cairncross chưa bao giờ bị bám đuôi. Nhưng Trung tâm đã quyết định mua ô tô cho ông và tôi phải tuân lệnh.

Corovin cho đây là một ý tưởng tuyệt với, mà lý do chủ yếu như tôi nghĩ chỉ là vì nó xuất phát từ Moscow.

- Anh thử nghĩ mà xem, Iuri Ivanovich, việc đó sẽ hết sức có lợi! "Carel" đi xe đến, anh ngồi vào xe cùng ông ta, và trong khi đi cùng nhau, hai người có thể nói chuyện bao lâu tuỳ thích. Hoặc là dừng xe tại một nơi yên tĩnh nào đó, ra khỏi xe và vừa đi dạo vừa tiếp tục câu chuyện. Các anh sẽ có bao nhiêu là cơ hội trước nay chưa từng có!

Dường như ông cũng hân hoan với ý tưởng ấy.

Vậy là tôi chuyển tiền cho Cairncross và giải thích với ông suy nghĩ của Trung tâm. Ông giữ thái độ thờ ơ

trước việc này, không như Burgess, chỉ sau một ngày đã biến thành kẻ mê ô.tô cuồng nhiệt.

Một tháng sau, chúng tôi gặp nhau tại địa điểm thường lệ. Cairncross đi bộ đến: ông vẫn chưa mua ô tô. Mấy tuần lễ trôi qua mà ô tô vẫn chưa thấy xuất hiện. Tôi im lặng. Cuối cùng, Cairncross tuyên bố việc đã làm xong.

- Ông có thích lái xe không?

Im lặng.

- Thế là thế nào, ông thích chứ?

- Peter, vấn đề là tôi không thể nào thi lấy bằng được. Lần nào cũng bị trượt.

- Sao? Lẽ nào ông lại chưa có bằng lái?

- Chưa. Tất cả những lần tôi thử đều thất bại. Đầu tôi cứ rối rắm thế nào ấy, toàn nhầm tay nắm, nút bấm với bàn đạp. Cái gì cũng làm ngược lại.

Nhiều tháng nữa trôi qua, cho đến lần cuối cùng John Cairncross đến gặp tôi trên một chiếc xe mới. Như tôi nhớ, đó là chiếc xe hiệu "Vocshall". Tôi khoan khoái ngồi vào ghế cạnh ông, không một chút ngại ngần. Ông đã có bằng, nghĩa là mọi việc sẽ ổn.

Chúng tôi đi một đoạn với tốc độ chậm, sau đó rẽ ra phố lớn. Xe chạy như mắc cửi. Sau tay lái Cairncross có vẻ lo lắng. Điềm gở rồi! Chúng tôi đang đi tới khu dân cư West-End thì bỗng nhiên chiếc xe ì ra ngay giữa ngã tư nhộp nhịp. Cairncross bật rồi tắt núm khởi động - vô

ích. Viên cảnh sát ở góc phố bắt đầu tò mò nhìn chúng tôi. John luống cuống, núm khởi động chỉ hơi rồ lên một chút. Sự việc kết thúc khi viên cảnh sát bước lại gần chúng tôi, ra hiệu cho Cairncross ra khỏi xe rồi đi một vòng quanh, vừa đi vừa ngắm nghía, động tác mà chỉ cảnh sát mới biết làm. Cố gắng giữ bình tĩnh, John rút giấy tờ ra trình, nhưng viên cảnh sát chẳng thèm để ý mà chui tọt vào ghế lái xe ngay cạnh tôi.

Trong khi tôi ngồi đó, cứng đờ vì sợ hãi thì anh ta chăm chú nghiên cứu bảng điều khiển. Tôi biết, nếu tôi phải cất lời thì ngữ điệu của người Nga sẽ phản lại tôi ngay. Cuối cùng viên cảnh sát chuồi tay qua đầu gối tôi đến nút bấm ngoài bên trái và ấn xuống. Đó là cần le mà Cairncross quên đóng nó lại. Bộ chế hoà khí ngập đầy xăng. Viên cảnh sát chờ một, hai phút rồi mở công tắc. Sau vài lần thử chiếc xe đã rồ lên, nhả một luồng khói đen kịt qua ống xả. Tôi nghĩ mối lo sợ của tôi đã chấm dứt, nhưng nào có phải. Thay vì nhường chỗ cho Cairncross, viên cảnh sát lại sập cửa, cài số một và lái chiếc xe vào bên hè.

Mặc dù sự việc chỉ diễn ra có vài giây nhưng tôi có cảm giác nó kéo dài vĩnh viễn. Tôi chờ đợi trong nỗi kinh hoàng lúc viên cảnh sát quay lại phía tôi và nói điều gì đó. Nhưng không, anh ta không quay lại và bình thản dừng xe. Cairncross đâm bổ đến bên chúng tôi, nín thở vì lo lắng.

- Hoá ra là như vậy, thưa ngài, - tên cớm[1] nói giọng kẻ cả, - phải nhớ rằng le phải ấn xuống ngay sau khi khởi động xe. Nếu không bộ chế hoà khí sẽ bị ngập xăng. Xin chào ngài.

Cairncross kinh ngạc đến nỗi không thốt được một lời nào cả. Ông im lặng ngồi vào tay lái, và chúng tôi đi tiếp.

Tôi không bao giờ quên lần đó. Lần đầu tiên trong suốt hoạt động tình báo của mình, tôi phải đổ mồ hôi lạnh. Mọi sự trên đời có thể xảy ra trong vài phút ngắn ngủi ấy. Viên cảnh sát có thể đề nghị chúng tôi cho xem giấy tờ. Tất nhiên là anh ta sẽ quan tâm đến việc tuỳ viên báo chí sứ quán Liên Xô làm gì trong xe một quan chức Bộ Tài chính của Vương quốc Anh. Chỉ cần vài câu hỏi sơ lược, một cú điện thoại khẩn từ đồn cảnh sát đến MI-5 là chúng tôi xong đời. Ngoài ra, trong người Cairncross còn có một số tài liệu với dấu "Tuyệt mật".

Nếu chúng tôi bị bắt, sẽ xảy ra tình huống *nhạy cảm*, không phải cho tôi mà cho Cairncross, bởi vì tôi còn chưa cầm số tài liệu mà ông phải trao cho tôi. Giới tình báo chúng tôi có một nguyên tắc bất di bất dịch: mỗi khi làm việc với điệp viên, không bao giờ nhận tài liệu có thể làm phương hại đến thanh danh bản thân trước khi chia tay họ.

Sau vụ việc đó, chúng tôi thay đổi chiến thuật. Nếu

---

(1). Từ người Anh thường gọi cảnh sát.

Cairncross cần chuyển tài liệu cho tôi, chúng tôi sẽ gặp nhau rất ngắn, chỉ vừa đủ để ông chuyển tài liệu cho tôi. Còn chuyện trò chúng tôi để tới lần gặp sau, khi không cần phải chuyển giao tài liệu gì. Sau khi thêm một, hai chi tiết vào chiến thuật mới, tôi và Cairncross cảm thấy giờ đây mình hoạt động khá an toàn. Tất nhiên, tôi vẫn thấy khó khăn trong việc thích ứng với chuyện đến muộn và thói đãng trí trầm trọng của ông; nhưng cuối cùng tôi cũng đã quen. Ông vẫn tiếp tục cung cấp những thông tin vô cùng giá trị.

Tháng Tư năm 1949, NATO được thành lập, còn khối Bắc Đại Tây Dương bao gồm đại diện các nước thành viên, phối hợp các vấn đề về lực lượng vũ trang của NATO, đến tháng Tám mới bắt đầu hoạt động. Ngay từ đầu, chúng tôi đã nắm được tất cả: chi phí tài chính cho việc thành lập căn cứ của Mỹ ở Thổ Nhĩ Kỳ, Na Uy, Ai Len và Italia, phần đóng góp của Anh cho việc trang bị, nuôi căn cứ; số nhân viên nhân sự được nhận vào làm việc và mức lương của họ; rồi thì ai chịu trách nhiệm cung cấp thực phẩm; các căn cứ đặt tại các nước cần một chi phí là bao nhiêu, trang bị vũ khí gì, giá bao nhiêu tiền và do nước nào cung cấp. Cũng bằng cách này, sau này chúng tôi đã có được thông tin chi tiết về chi phí cho các đơn vị lính Mỹ đóng trên đất Tây Đức.

Chúng tôi làm việc như vậy cho đến năm 1951. Trung tâm rất hài lòng và qua Corovin gửi lời chúc mừng đến tôi và Cairncross.

Với "Gomer" (Maclean) thì mọi việc tồi tệ hơn, ông khiến chúng tôi lo lắng chỉ sau vài tháng đến Cairo. Ông mệt mỏi cùng cực, lại thêm các mâu thuẫn với trưởng chi nhánh của chúng tôi ở Ai Cập làm tình hình thêm trầm trọng.

Đồn tới tai chúng tôi là ông uống rượu rất nhiều, y như Burgess vậy. Điều đó không ngăn Maclean làm việc ở trình độ cao nhưng nó bắt đầu khiến bộ phận ngoại giao phải phẫn nộ. Trạm của ta ở Cairo viết thư cho Trung tâm rằng, người điệp viên Anh này cư xử như một thằng ngốc. London cũng bắt đầu nhận được thông báo về hành vi thiếu tôn trọng của Maclean.

Vụ tai tiếng lớn đầu tiên xảy ra trên chuyến du lịch tàu thuỷ dọc sông Nin. Maclean uống say đến độ gây sự đánh nhau với một đồng nghiệp ngay trước mặt mọi người.

Tiếp theo đó là cả chuỗi các "kỳ tích". Một lần, sau khi uống đến "trạng thái phê" cùng với nhà báo Philip, con trai giáo sư lịch sử kinh tế Arnold Toinby, hai vị đã mò đến thăm cô thư ký của sứ quán Mỹ. Cô gái đã cư xử thiếu thông minh khi cho họ vào nhà. Hai ông đã gây nên một bãi chiến trường thực sự trong căn hộ của cô: đồ gỗ bị gẫy, bồn tắm bị đập vỡ, quần áo cô chủ bị xé và vứt vào bồn vệ sinh. Phá phách xong rồi, họ uống cạn nốt số rượu có trong nhà cô thư ký. Cuối cùng, cô gái cũng gọi được cảnh sát đến tóm cổ cả hai kẻ phá rối. Suốt mấy tuần liền, cả Cairo chỉ bàn tán về vụ tai tiếng này.

Thời gian này, Burgess có vẻ im ắng. Hector McNeil, người bảo trợ của ông đã rời khỏi ghế bộ trưởng, và Guy bị thất nghiệp. Burgess đã sử dụng các mối quan hệ để tìm một chỗ làm mới có khả năng cho ông tiếp cận với các thông tin mật. Tháng Mười năm 1948 với tài khéo léo ông được nhận vào vụ Châu Á Bộ Ngoại giao. Việc ông vẫn được ở lại Bộ Ngoại giao sau hàng loạt những vụ tai tiếng say sưa là bằng chứng về tài tháo vát của ông. Mặc dù cấp bậc của ông bị hạ xuống một bậc (cấp 4), Burgess vẫn ra vào được Uỷ ban phân tích và phối hợp các thông tin mật của Bộ Ngoại giao. Ông cũng nhận được thông tin loại này từ Bộ Quốc phòng. Kết quả là Guy vẫn tiếp tục cung cấp thông tin cho tôi như thời gian trước đây.

Lĩnh vực hoạt động của ông rất đa dạng - từ Châu Á đến NATO - phụ thuộc vào việc ở đâu và khi nào diễn ra các hội nghị quốc tế. Ông chuyển cho chúng tôi những tin tức quan trọng ông có được, và những thông tin theo ông là đáng chú ý đối với chúng tôi.

Ví như ông đã cung cấp cho chúng tôi chi tiết về quan điểm của Chính phủ Anh đối với đường lối của Mao Trạch Đông, lúc này đã hoàn toàn nắm quyền lực ở Trung Quốc.

Vào cuối năm 1948, các vấn đề Châu Á bắt đầu có một vai trò quan trọng trong đường lối đối ngoại của các cường quốc phương Tây. Tất cả những gì diễn ra ở lục địa đó đều làm chúng tôi quan tâm. Vậy là Burgess lại ở vào vị trí cần thiết vào thời điểm cần thiết. Chính

trị vùng Viễn Đông không hề thuộc chuyên môn của ông, nhưng khi làm thư ký riêng cho McNeil, ông đã được làm quen khá nhiều với khu vực này. Mà Burgess thì luôn học mọi thứ rất nhanh.

Năm 1949, quân đội Trung Quốc đã tiến gần đến chiến thắng. Trung Quốc tuyên bố quốc hữu hoá toàn bộ tài sản nước ngoài trong đất nước mình. Cả Anh và Mỹ đều quan tâm đến vấn đề này.

Hàng ngày, Burgess nhận được những tin tức nóng hổi về nội dung các cuộc nói chuyện mật giữa Anh và Mỹ. Một lần khi gặp tôi thường lệ, ông đưa ra đề nghị:

- Hiện giờ tôi đang mang đến cho các ông nhiều tài liệu, nhưng tôi nghĩ mình còn có thể làm việc hiệu quả hơn. Nếu các ông đồng ý, có lẽ tôi sẽ tiến hành được một kế hoạch quan trọng. Chúng ta có thể đẩy Anh, Mỹ đến chỗ mâu thuẫn và lợi dụng bất đồng về quan điểm giữa họ. Tôi không đảm bảo là thành công, nhưng thử chia rẽ hai nước này thì có thể.

Một đề nghị rất hay! Nhưng cần liên lạc với Moscow đã trước khi bắt tay vào việc. Mà chúng tôi lại có ít thời gian, ngoài ra tôi e Trung tâm sẽ không chấp nhận sáng kiến đó bởi nó không phải xuất phát từ Morcow. Vậy là tôi quyết định tự hành động. Tôi và Burgess bàn bạc cách thực hiện kế hoạch này. Sau khi rà lại mọi phương án, tôi đồng ý.

- Quỷ thật! Ông có ý kiến riêng của mình à! Thế còn việc xin ý kiến Moscow thì sao? - Burgess ngạc nhiên.

Tôi không trả lời. Thực tế là Burgess phải thường xuyên nghe câu hỏi: "Cần phải xin ý kiến Moscow". Đối với tôi đó là cớ để phân tích tình hình và lợi dụng thời gian.

Ngày hôm sau, Burgess bắt tay ngay vào kế hoạch của mình, và nó đã có hiệu quả cao. Ông đã đi khắp Bộ Ngoại giao, gieo những ngờ vực và những tình cảm không lành mạnh trong số các đồng nghiệp và cấp trên về những dự định của Mỹ ở Trung Quốc. Ông đã khéo léo sắp đặt và kích động một số quan chức cao cấp của Bộ Ngoại giao đến nỗi họ vội vã viết thư lên bộ trưởng phản đối "quan điểm của Mỹ". Tôi không chút nghi ngờ rằng, việc Anh - Mỹ bất đồng về vấn đề này rồi chuyển thành thù địch công khai, sau đó thành mâu thuẫn thực tế - chính là kết quả của chiến dịch do Burgess đơn thương thực hiện. Việc chửi rủa qua con đường ngoại giao giữa hai nước đồng minh đã đi xa đến nỗi hai bên đã bắt đầu trao đổi những bức công hàm phản đối đầy tức giận.

Cần nói thêm rằng những bất đồng nghiêm trọng liên quan đến quan hệ với Trung Quốc đó vẫn còn tiếp tục cả khi Burgess đã không còn, tức là đến tận những năm 70.

Tháng Sáu năm 1949, mối quan tâm của chúng tôi chuyển từ Châu Á sang Paris, nơi diễn ra Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao bốn nước - Liên Xô, Pháp, Hoa Kỳ và Anh. Tại đây một lần nữa các bên thảo luận về vấn đề quy chế nước Đức và Áo. Đại diện các bên gồm có: Ernst

Bevin, Robert Shuman, Din Acheson và Andrei Vyshinski, người mới thay Molotov làm Bộ trưởng Ngoại giao hồi đầu năm. Gromyko tham dự hội nghị với tư cách là phó cho Vyshinski.

Cuộc thương lượng diễn ra vô cùng căng thẳng. Liên Xô vừa mới chịu thất bại trong việc thiết lập cầu hàng không qua khu vực phương Đông, vì thế không thể có một nhân nhượng nào nữa. Chúng tôi không có ý định có thêm một nhượng bộ nào về vấn đề nước Đức, có chăng chỉ là một vào lời hứa mập mờ về việc trao đổi kinh tế giữa Đông và Tây. Mục tiêu của chúng tôi là sẽ gỡ gạc đôi chút những thoả thuận về nước Áo. Trong tiến trình hội nghị, ba nước kia luôn thảo luận với nhau và thường xuyên đứng về một phe chống lại chúng tôi. Nhưng may mà đoàn đại biểu của họ lại đánh điện báo cáo với chính phủ mình về tình hình thương lượng hàng ngày.

Lần nào họ cũng chuyển các kết luận được giấu kín trước Nga cho chủ nhân của mình vào các buổi chiều. Clement Ettle từ London chuyển các hướng dẫn tới đoàn đại biểu của mình, và bản copy được gửi cho một số bộ trưởng trong văn phòng của ông ta. Ba cường quốc phương Tây có thể tưởng rằng họ là một mặt trận thống nhất chống chúng ta, nhưng vì chúng ta nắm được những trao đổi bí mật của họ nên ta có thể lợi dụng những bất đồng. Tôi không nói chắc chắn rằng, thắng lợi của Vishinski về vấn đề nước Áo là hoàn toàn nhờ vào thông tin ông ta nhận được từ các điệp viên Anh

của chúng ta, nhưng không phải nghi ngờ rằng, nó có ý nghĩa quan trọng trong việc này.

Thời gian đó, tôi gặp Burgess hoặc Blunt hàng tuần. Họ cung cấp cho tôi nhiều tài liệu đến nỗi không thể mang chúng trong cặp được. Vậy là chúng tôi xách va ly đến nơi hẹn, rồi đổi cho nhau. Về đến sứ quán, tôi đưa tài liệu đi chụp lại để sáng hôm sau đem va ly đi trả.

Một lần tôi cùng Burgess mải mê trò chuyện trong vườn hoa vắng lặng. Guy tự xách va ly lấy như mọi lần, bởi tôi nghiêm túc tuân thủ nguyên tắc - không cầm lấy nó cho đến giây phút cuối cùng. Bất ngờ hai viên cảnh sát xuất hiện trên lối đi nhỏ và dừng chúng tôi lại.

Tôi sững sờ. Trông chúng tôi không có gì là khả nghi cả, chỉ như hai người bạn cùng đi về nhà hoặc đến câu lạc bộ vậy. Burgess vẫn hoàn toàn bình tĩnh. Trong giây lát ông phán đoán tình huống và nhấc chiếc va ly lên.

- Các anh quan tâm đến cái này phải không?

Viên cảnh sát gật đầu. Burgess đường hoàng bước lên phía trước, mở va ly ra và cho anh ta xem những thứ bên trong. Viên cảnh sát thọc tay vào đống giấy tờ, lục lọi dưới đáy, xem một hai tờ rồi ra hiệu cho Burgess là tất cả đều ổn.

- Xin lỗi, thưa ngài. Tất cả đều OK.

Viên *cớm* giơ tay chào chúng tôi và đi. Tôi không hiểu gì cả, chân cứ như mọc rễ xuống đất vì lo sợ. Trong

những tình huống như vừa rồi, tôi luôn cảm thấy thân thể mình như là của người lạ.

Burgess giải thích tại sao chúng tôi bị chặn lại. Kẻ trộm ở London thường dùng những chiếc va ly giống như thế để đựng những dụng cụ cần cho nghề nghiệp của mình: xà beng, kìm phá khoá và đủ loại kìm. Vì thế cảnh sát mới để ý đến chúng tôi!

Vào giây phút đó, chúng tôi đã ở ranh giới của thảm hoạ, nhưng Burgess không hề bối rối. Ông đã chứng minh với tôi độ đáng tin cậy và óc nhanh trí của mình. Nhưng trong cuộc sống hàng ngày, hành vi của Guy đã đe doạ không chỉ bản thân ông và cấp trên của ông, mà cả chúng tôi nữa. Ngày qua ngày, ông trở nên dễ cáu giận và hay gây sự hơn.

Tôi bất lực không thể làm được gì ngoài việc thông báo với Trung tâm về tình hình. Chỉ hy vọng, công việc mới ở Vụ Châu Á cộng thêm việc tôi không đòi hỏi gì ở ông nữa cả có thể sẽ kiềm chế được Burgess. Nhưng tình hình vẫn xấu đi.

Việc sử dụng chất cồn thường xuyên và ngày một nhiều chẳng thúc đẩy cho hoạt động tình báo của ông chút nào. Cho tới mùa thu năm 1949, làm việc với ông đã hoàn toàn trở thành một vấn đề, và mỗi khi có thể, tôi thường chọn Anthony Blunt để chuyển hoặc trả tài liệu.

Mặc dù mối nguy hiểm tăng dần, nhưng tôi không cho rằng đã đến lúc phải chấm dứt liên lạc với hai điệp

viên ấy. Họ vẫn còn có thể cung cấp những thông tin có ích và quý giá.

Tôi luôn thấy được an toàn hơn mỗi khi đến lượt Blunt đến điểm hẹn. Tôi đặc biệt thích cách ông khéo léo giữ khoảng cách mà vẫn thẳng thắn và thân tình. Ông không bao giờ tỏ ra mảy may thiếu tôn trọng đối với tôi. Thậm chí ngay cả khi Blunt không đồng ý với tôi những gì tôi nói, ông vẫn điềm tĩnh nghe tôi nói hết, rồi sau đó mới nói lên ý kiến của mình.

Tôi đặc biệt ghi nhớ một trường hợp. Đó là vào cuối năm 1949, khi quan hệ giữa Liên Xô và phương Tây trở nên xấu đi nhanh chóng. Cuộc phong toả Berlin trong 11 tháng, việc thành lập NATO, phong trào vì hoà bình xuất hiện ở châu Âu do những người cộng sản khởi xướng, việc hình thành nước CHLB Đức và cuộc săn lùng bóng ma chống lại những người mác xít ở Hoa Kỳ - tất cả những điều đó đẩy sự căng thẳng đến đỉnh điểm. Thậm chí một số quan chức tình báo của chúng tôi cho rằng, chủ trương phong toả Berlin của Liên Xô đã tác động đến các điệp viên Anh đến mức họ có thể sẽ từ chối hợp tác với Liên Xô. Tôi đồng ý với họ và vui mừng khi cấp trên cho tôi có dịp nói về điều đó với Anthony Blunt.

Không dễ dàng gì giải thích cho ông về chính sách đối với phương Tây của Liên Xô sau chiến tranh.

Tôi cố gắng hết sức để Blunt hiểu được đường lối

ngoại giao của Liên Xô và đứng về phía quan điểm của tôi trong vấn đề này. Cùng lúc tôi cho rằng, đường lối của phương Tây hết sức vô nguyên tắc. Tôi thấy, họ vin vào một cớ nhỏ nào đó để dựng nên vấn đề biên giới Liên Xô, chẳng tính đến những hậu quả có thể xảy ra.

Để minh chứng cho sự bội ước của phương Tây, tôi nhắc với Blunt việc Anh và Mỹ từ chối cung cấp đạn dược cho chúng tôi hồi năm 1942, khi tình hình trên mặt trận Xô - Đức đến hồi tuyệt vọng. Chúng ta đã để rơi vào tay quân Đức những miền đất mênh mông cùng với các nhà máy quân sự đặt trên đó và giờ thiếu trầm trọng số thuốc nổ, mà phe đồng minh đã hứa với chúng ta. Số chi viện không đáng kể, đến được tay chúng ta dù không thường xuyên, nhỏ nhoi đến mức mang lại rất ít ích lợi cho quân đội chúng ta, đang phòng thủ hết sức kiên cường trên mọi mặt trận. Tôi cố gắng chứng minh với Blunt rằng chúng tôi biết rõ các nước phương Tây đối xử với chúng tôi ra sao. Họ, - tôi nói, - sẽ làm tất cả những gì có thể để ngăn cản Liên Xô trở thành một cường quốc vĩ đại trong kỷ nguyên sau chiến tranh, và vì thế đường lối đối ngoại của Liên Xô cần phải được xem xét dưới góc độ đó.

Sự đối địch còn tiếp diễn giữa hai khối cường quốc lớn là không tránh khỏi trong thời gian tới đây. Lúc đó chúng tôi cho rằng, với lực lượng quân sự hậu thuẫn của NATO, phương Tây có thái độ rất gây chiến.

Tôi cũng cho Blunt biết rằng các điệp viên của chúng tôi thông báo về các dự định của các đồng minh phương

Tây tiến hành đảo chính tại khu vực Balcan và Ucraina. Chính sách của Anh đối với Nam Tư đã chứng tỏ thái độ thù địch rành rành. Họ công khai thử chia rẽ lãnh tụ cộng sản Nam Tư Titô với Liên Xô. Còn đối với Ba Lan thì Churchil đã tỏ rõ ý định đặt Ba Lan vào vị trí đi đầu cuộc đấu tranh với chủ nghĩa bôn sê vích. Ông ta cũng xây dựng kế hoạch đặt miền tây Ucraina và Belôrusia dưới sự kiểm soát của Liên Hiệp Quốc.

Blunt biết có các kế hoạch đó. Chúng được nhắc đến một cách công khai. Ông cũng biết cả về những kế hoạch còn nằm trong bí mật, và thông báo cho chúng tôi qua Burgess.

Cũng vào thời đó, sau thất bại của nước Đức, chính phủ các nước đồng minh lo ngại cho cái mà họ gọi là "sự xâm lăng của Liên Xô". Tôi giải thích với Blunt - chúng tôi đã bỏ rất nhiều sức lực và mất rất nhiều sinh mạng trong cuộc chiến tranh vừa qua, đến nỗi không thể nghĩ đến việc tấn công sang phương Tây nữa. Chúng tôi đã chiếm được Berlin và tiêu diệt sức mạnh quân sự của nước Đức. Đối với chúng tôi, chỉ cần thoát khỏi được nguy cơ chủ nghĩa quốc xã là đủ. Tôi cố gắng chứng minh cho rằng, chính sách đối ngoại xô viết mang tính tự vệ.

Blunt bình tĩnh nghe tôi nói, không cắt ngang một lần nào cả. Tôi thậm chí cảm thấy mình đã thuyết phục được ông. Nhưng đến khi tôi dừng lời, trên mặt ông thoảng qua nụ cười mỉa mai.

- Và đó là tất cả những gì ông có thể nói với tôi? - Ông nói. - Mất đứt nửa giờ đồng hồ cho chủ đề chẳng liên quan gì đến công việc của chúng ta cả!

Đó hoàn toàn là sự thật. Lệ thường, chúng tôi chỉ nói về công việc.

Sau đó Blunt nói, ông biết rõ những điều tôi nói. Và không một lời nói nào của tôi làm thay đổi mảy may cái nhìn của ông về chính sách của nước Nga.

Burgess, Philby và Maclean là những chiến sĩ không khoan nhượng đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng thế giới. Blunt không phải là thành viên tích cực nhất của nhóm, nhưng ông chia sẻ lý tưởng với các bạn của mình. Ông cho rằng, cơ sở cho cuộc cách mạng thế giới nằm ở Liên Xô.

Khi nghe Blunt nói lên tất cả những điều đó, tôi hiểu ông rất trung thực trong quan niệm của mình. Ông có thể thản nhiên nhất trí với tôi, và khiến cuộc sống của mình dễ chịu hơn. Điều đó đối với ông chẳng khó gì, nhưng ông lại chọn cách trình bày công khai những quan điểm của mình với tôi. Đối với tôi điều quan trọng nhất là Blunt trung thực và thẳng thắn đối với chúng tôi. Hơn thế nữa, ông đã cho chúng tôi hiểu rằng, những quan điểm và kết luận của ông không ảnh hưởng gì hết đến quan hệ của chúng tôi. Và ông luôn luôn trung thành với lời nói của mình.

Đến lần gặp sau, ông chuyển cho tôi tập tài liệu Burgess gửi tới nói về Hiệp ước Bắc - Đại Tây Dương

mới được thành lập. Lần này, Blunt không chỉ đến với tư cách là người liên lạc của Burgess. Ông biết nội dung số tài liệu đó và đưa ra những lời đánh giá của mình. Việc đặt các căn cứ của NATO tại châu Âu là mối nguy hiểm rất lớn đối với Liên Xô. Cần phải bằng mọi giá tìm hiểu xem phương Tây đang âm mưu điều gì. Chính phủ Liên Xô cũng lo ngại trước việc vũ khí và đạn dược chở từ Mỹ đến những nước đã ký thoả ước. Thời điểm đó, con số này là 12 nước. Ký dưới hiệp ước này là những quốc gia có thể nói là nằm ngay bên thềm nước ta, ví dụ như Na Uy. Maclean, Burgess, Cairncross và đôi khi cả Philby tập trung chú ý của mình vào vấn đề này, và nỗ lực của họ đã không uổng phí. Trong thời gian nhanh chóng, họ đã tìm hiểu được thái độ của NATO trên mọi lĩnh vực - chính trị, kinh tế, tài chính và quân sự. Ví dụ như chúng tôi đã nhận được đánh giá những loại vũ khí thậm chí là ít quan trọng nhất, được cung cấp cho Na Uy và Đan Mạch.

Trước các cuộc gặp gỡ với Blunt, tôi thường chuẩn bị các câu hỏi mà tôi mong có được câu trả lời liên quan đến số tài liệu đã nhận được... Chúng tôi cần làm rõ một số điểm, đặc biệt là vào tháng Mười Một năm 1950, khi chúng tôi được biết, Tây Đức được xem như một thành viên tương lai của hệ thống quân sự hoá phương Tây. Điều kiện tham gia của phía Đức là gì? Biết được điều đó là rất quan trọng, bởi việc nước Đức tái vũ trang ngay sau khi kết thúc chiến tranh làm người Xô Viết vô cùng lo lắng. Blunt chuyển các câu hỏi của tôi

cho Burgess, ông đã cho tôi câu trả lời sau chưa đầy 48 giờ. Quan hệ đó đã cho chúng tôi khả năng hành động nhanh và ít mạo hiểm nhất.

Đôi khi Blunt còn giúp chúng tôi những việc ra ngoài khuôn khổ hoạt động gián điệp. Ví dụ ông đã vài lần đến Đức với tư cách là người trông coi phòng tranh của Hoàng gia. Ông xem xét các tác phẩm nghệ thuật đã bị quân Đức cướp đi và được quân Đồng minh cứu thoát sau khi chế độ quốc xã sụp đổ. Tại Đức, Blunt gặp Leo Long, sau khi ra khỏi ngành tình báo năm 1945 ông này đã gia nhập Uỷ ban về việc hoàn trả các đồ quý đã bị đánh cắp của Anh. Riêng tôi không có hình dung gì về việc Long có thể cung cấp tin gì cho Blunt, bởi chưa bao giờ tôi có liên hệ với Long.

Theo thời gian biểu hàng ngày cho đến tận năm 1951 tôi phải thường xuyên gặp gỡ Blunt. Nhưng tôi cảm thấy ông đã bắt đầu chán hoạt động cho chúng tôi: ông vẫn tiếp tục nó vì quá khứ, vì kỷ niệm về thời chiến tranh, mà chủ yếu là vì Burgess, người mà ông vẫn nhất mực trung thành. Lòng trung thành đó có được nền tảng thực tế khi Burgess rơi vào tai hoạ nghiêm trọng. Anthony Blunt không bỏ bạn, ông sẵn sàng mạo hiểm đến cùng để giúp bạn. Và sau lần đó ông là người duy nhất sẵn sàng bảo vệ Burgess. Blunt đã không rời bỏ Burgess cho đến tận giây phút cuối cùng của cuộc đời mình.

Nhiều tháng trôi qua, Burgess tiếp tục tự huỷ hoại mình. Một lần ông đi nghỉ lễ ở Ai Len, do lái xe bất cẩn đã đâm chết người ở đó. Ông đã phải sử dụng mọi tác động để ém nhẹm vụ này và tránh được bị luật pháp xét xử, nhưng lần này thì các đồng nghiệp ở Bộ Ngoại giao đã ra mặt đòi ông phải ra đi. Vậy mà sự kiện đó cũng không thức tỉnh được Burgess. Vài tháng sau ông lại đánh một đồng nghiệp nữa, ông bảo giờ thì người này "sẽ biết thế nào là thích bọn Mỹ".

Trong kỳ nghỉ ở Tanger, Guy đã hoàn toàn buông thả: ông lê la khắp các quán bar trong trạng thái say khướt, gọi oang oang tên các điệp viên của cơ quan tình báo Anh, rời khách sạn mà không thanh toán tiền. Công khai tán tỉnh các thanh niên ngoài đường phố. Gặp một người bạn cũ đang làm trưởng chi nhánh tại Tanger, ông lại gây sự và đánh anh ta vì tội "truyền bá ảnh hưởng của Mỹ tại châu Âu". Sau đó ông đến Gibralta và lại gây ra một cuộc nhục hình như vậy với một nhân viên phản gián Anh.

Hai nạn nhân vô cùng tức giận đã viết đơn kiện ông gửi về London, nhưng các bạn tình của Burgess lại bao che cho ông. Họ thuyết phục cấp trên rằng Burgess là nạn nhân trong cả hai trường hợp, và người ta bỏ qua, nghiêm khắc cảnh cáo ông không được cư xử như vậy nữa. Thời gian của Guy ở Vụ Châu Á đã bắt đầu được tính.

Một lần gặp nhau tôi đã hỏi ông, chuyện gì sẽ xảy ra nếu vạn nhất ông phải rời nước Anh vĩnh viễn. Tôi nhớ rất rõ nét mặt ông khi ông trả lời:

- Peter, tôi không sống được ở nước Nga đâu.

Thần kinh Burgess đã suy yếu, nhưng ông vẫn tiếp tục cung cấp cho chúng tôi những thông tin quan trọng. Tháng Tư năm 1950, hai tháng trước cuộc chiến tranh ở Triều Tiên, ông gửi cho tôi bản viết tay dài nội dung báo cáo của tình báo Anh, nói tỉ mỉ về khoản viện trợ của Liên Xô cho lực lượng vũ trang Trung Quốc. Không nên quên là từ 14 tháng Hai năm này, Trung Quốc và Liên Xô đã gắn với nhau bởi hiệp ước hữu nghị và giúp đỡ lẫn nhau. Nhờ đó mấy tuần trước khi xảy ra chiến tranh, chúng tôi biết rằng phương Tây đã nắm được sự hợp tác của chúng tôi với Trung Quốc.

Tôi gửi tài liệu đó về Moscow một cách nhanh chóng nhất, nhưng tôi không biết nó có đến tiếp được tới Bắc Triều Tiên hay không?

Tháng Sáu năm 1950, Burgess bắt đầu làm việc cùng với Maclean, lúc này đã về lại London sau khi bị Đại sứ Anh tại Ai Cập đuổi khỏi nước này. Hành vi của chồng tại Cairo đã khiến Melinda rất bực mình, nhưng bà vẫn cố gắng hết sức bảo vệ ông ở Bộ Ngoại giao. Bà viện cớ, tình trạng của ông là do quá mệt mỏi, vì từ đầu chiến tranh tới giờ Donald chưa được nghỉ một ngày nào. Bà đã chiến thắng. Maclean được mấy tháng đi nghỉ, suốt thời gian đó Melinda đặt ông dưới sự kiểm

soát chặt chẽ của bác sĩ, kể cả bác sĩ tâm thần. Ông này đã ghi nhận ở Maclean tình trạng trầm uất nặng và rối loạn tình dục.

Sau nửa năm nghỉ ngơi, đến tháng Sáu Donald lại trở về với công việc với chức danh Vụ trưởng Vụ nước Mỹ tại Bộ Ngoại giao. Dường như sự vụ ở Cairo đã được quên đi. Ít nhất thì không còn những cuộc say sa đoạ và phá phách nữa. Nhà ngoại giao hàng đầu đã chiến thắng trong con người Donald Maclean, và tài năng của ông nở rộ chưa từng thấy. Còn về phần MGB, họ quyết định không liên lạc với Maclean, chính vì lý do đó mà cá nhân tôi không còn bao giờ được gặp ông tại London nữa. Chúng tôi không yêu cầu gì nhưng ông vẫn tự gửi thông tin của chúng tôi qua Burgess.

Ngay từ đầu cuộc chiến tranh Triều Tiên, Liên Xô đã có một câu hỏi quan trọng: không biết Mỹ định tiến xa như thế nào trong việc gây mâu thuẫn toàn thế giới?

Ngày 25 tháng Sáu, chiến tranh nổ ra trên bán đảo Triều Tiên. Burgess và Maclean đã thể hiện tính rất tích cực. Burgess gửi cho tôi bản chú giải các tài liệu mật quan trọng. Ông tự tay lập nên, thêm lời bình của mình về quan điểm của Chính phủ Anh và khả năng leo thang chiến tranh.

Maclean cũng gửi đến những ý kiến của mình. Ông không tỏ ra lạc quan đối với người Mỹ và cho quan điểm của họ là "nguy hiểm và có hại" sau khi McArtur

được bổ nhiệm làm Tổng tư lệnh[1]. Tôi thấy hình như đó là lần đầu tiên Donald công khai thái độ chống Mỹ của mình.

Hai tháng sau, vào tháng Tám, khi sự căng thẳng giữa phương Tây và phương Đông đạt đến đỉnh điểm, Burgess được bổ nhiệm làm Bí thư thứ nhất Đại sứ quán Anh tại Washington. Cương vị này là cơ hội cuối cùng để ông nổi bật như một nhà ngoại giao. Vậy mà ông cũng chẳng sử dụng những lợi thế do cơ hội thuận lợi đến thế mang lại. Chắc chắn cấp trên của ông đã cho rằng, việc được bổ nhiệm sẽ thức tỉnh được Burgess và ông sẽ sáng suốt ra. Ý tưởng nghe có vẻ không tồi, nhưng tại sao lại bổ nhiệm ông đến Mỹ, khi mà ai cũng biết, Guy Burgess không thể chịu nổi người Ianki và chỉ trích gay gắt đường lối của Mỹ? Tôi chỉ có thể giải thích điều đó bằng tính hài hước khá điển hình của người Anh, nhờ đó mà cả Donald Maclean cũng đã trở thành Vụ trưởng Vụ Mỹ Bộ Ngoại giao.

Giá như Guy Burgess được cử đến một nước thích hợp hơn, để ông có thể bỏ được rượu thì tốt hơn. Còn ở Mỹ, tình trạng của ông chỉ càng xấu đi. Ông thành kẻ nghiện rượu thật sự. Không bao giờ uống say bí tỷ, nhưng lúc nào cũng trong trạng thái ngà ngà, và mọi người đều nhận ra điều đó. Chúng tôi ở Bộ Nội vụ cho

---

(1). McArtur Duglas (1889-1964), tướng Mỹ, tư lệnh các lực lượng phong toả tại Nhật Bản, từ 1950-1951 chỉ huy các chiến dịch của quân đội tại Triều Tiên.

rằng, Washington là nơi không thích hợp nhất đối với Guy, nhưng dù thế nào thì bất kỳ một công việc nào đi xa khỏi London cũng còn tốt hơn là không có việc gì cả. Chúng tôi không lo lắng lắm về ông trên phương diện khả năng thu thập tin tức, bởi vì trong tình hình khủng hoảng đó chúng tôi vẫn có thể dựa vào Maclean.

Burgess vẫn có thể quay về khi tình hình đã ổn định lại. Nhưng tạm thời Trung tâm phải chấp nhận không sử dụng được Guy. Riêng tôi thì biết ông quá rõ và hiểu rằng, ông không bao giờ bỏ làm việc cho chúng tôi, mà ngược lại, sẽ càng tích cực hơn trước.

Trước khi Burgess đi Mỹ, chúng tôi có gặp nhau. Tôi hỏi ông định giải quyết những vấn đề của mình như thế nào.

- Vấn đề nào? Tôi không có vấn đề nào cả. Tôi không đơn độc. Tôi có nhiều bạn bè, và họ sẽ giúp đỡ khi cần.

Ông đánh giá rất xấu về một số bạn đồng nghiệp. Tôi cố thuyết phục ông không nên đánh nhau vì những sự không đâu.

Nhưng Guy chẳng muốn nghe tôi. Burgess có tính cách một chiến binh: không bao giờ cầu xin lòng thương hại, mà luôn bất chấp mọi trở ngại. Trong báo cáo gửi về Moscow, tôi chứng minh rằng việc chuyển về Washington sẽ không giảm nhẹ được tình trạng kích động của ông. Những gì Guy cần là phải chữa trị nghiêm túc sau ngần ấy năm dài làm việc căng thẳng dưới áp lực lớn thường xuyên. Trong chiến tranh ông đã

làm được rất nhiều để chống kẻ thù chung, và khi chiến tranh kết thúc, ông vẫn tiếp tục hoạt động với nhịp độ căng thẳng đó. Miễn dịch chống lại căn bệnh đó chỉ có Philby và Blunt, họ quả là có thần kinh bằng thép.

Sau khi Burgess chuyển đi, Blunt thay ông vào vị trí người trung gian giữa Maclean và chúng tôi. Một cuộc chiến tranh mới đang đe doạ thế giới: Cuối năm 1950, Tổng thống Truman đã có lời tuyên bố làm tất cả người dân Xô Viết phải bàng hoàng. Khi nhắc tới bom nguyên tử, ông ta nói, việc có loại vũ khí này không loại trừ việc sử dụng nó.

Tuyên bố này khiến cả Thủ tướng Anh, Clement Ettle, phải lo ngại. Ông ta không yên lòng thật sự trước chủ nghĩa quân phiệt Mỹ ngày một phát triển. Ông ta quyết định đến ngay Washington và yêu cầu lời giải thích của Tổng thống Truman. Maclean chuyển cho chúng tôi những tài liệu chuẩn bị cho chuyến viếng thăm này, và sau khi Ettle đã trở về thì ông chuyển tất cả những giấy tờ tái hiện lại tỉ mỷ nội dung các cuộc thảo luận đã diễn ra giữa hai bên. Theo tư liệu đó thì Ettle đã rất yên tâm quay về Anh.

Tình hình lúc này rất căng thẳng. McArtur đã tuyên bố rõ ràng quả bom nguyên tử sẽ phải ném xuống Bắc Triều Tiên. Căng thẳng lớn dần sau mỗi bước tiến của quân đội Mỹ đến gần biên giới Trung Quốc.

Tháng Ba năm 1951, Maclean gửi cho chúng tôi biên bản cuộc họp trong bộ của ông, kèm theo ý kiến của

mình về mức độ báo động của tình hình. Các nhà quan sát của Chính phủ Anh tin rằng, thái độ hung hăng của Mỹ đang "đẩy thế giới đến một cuộc chiến tranh vô nghĩa".

Tình hình căng thẳng giữa phương Đông và phương Tây bắt đầu dịu dần, có thể là nhờ tin tức "Gomer" mang lại cho chúng tôi. Ông đã báo cho chúng tôi biết ngay khi Washington quyết định cấm tướng McArtur tiến vào Mãn Châu Lý và cô lập vùng bờ biển Trung Quốc. Cuộc khủng hoảng hoàn toàn được tháo cởi sau khi Truman cách chức tư lệnh của McArtur. Viên tướng này ủng hộ nhiệt thành việc mở rộng mâu thuẫn, không đếm xỉa đến việc cả Hoa Kỳ, cả Liên Xô đều đã có vũ khí nguyên tử.

Ngày 4 tháng Tám năm 1950 đến Washington, Burgess đã gặp các bạn mình ở đó. Chờ ông là Kim Philby, người đã ở nước Mỹ từ tháng Mười năm ngoái.

Vị trí người đại diện cơ quan tình báo Anh tại CIA mới được thành lập còn khuyết, và lãnh đạo cơ quan tình báo quyết định để Kim Philby, ứng cử viên ghế giám đốc của họ, thu xếp quan hệ với các đồng nghiệp Mỹ.

Philby hỏi ý kiến tôi về việc bổ nhiệm này. Trung tâm rất hoan nghênh.

Tháng Tám năm 1949, Philby rời Ancara và xuất hiện tại London, nơi tôi làm việc đã hơn hai năm. Tôi không gặp gỡ ông. Moscow yêu cầu tất cả mọi liên hệ

của chúng tôi đều qua Burgess và Blunt. Sau khi làm xong giấy tờ cho mình, Ilen và bốn con, và sau vài tuần tập huấn ngắn, Kim Philby cùng gia đình rời đi Washington.

Vài giờ trước khi lên máy bay, ông gửi Burgess tới chỗ tôi mang theo thông tin có thể có hậu quả đáng sợ đối với tất cả chúng tôi. Một đồng nghiệp trong ngành tình báo của ông kể rằng William Waisband - chuyên gia Mỹ về lĩnh vực giải mã thuộc Cơ quan an ninh quân đội (sau này đổi tên thành Cơ quan an ninh quốc gia) - thông tin với cơ quan tình báo Anh rằng một nhân viên có tài thuộc cơ quan anh ta - Meredit Gardner - đang thử giải mã các bức điện do các điệp viên KGB rải khắp thế giới gửi về Lubianca trong thời gian chiến tranh.

Thông tin khiến cả Trung tâm phải lo lắng. Chúng tôi không thể biết được người Mỹ đã khám phá ra những gì, và sự tìm kiếm của họ cứ treo lơ lửng trên đầu chúng tôi như một lưỡi gươm.

Ngồi trong máy bay, Philby ("Stanly") đã hiểu mối nguy hiểm bất ngờ và nghiêm trọng đe doạ bộ ngũ Cambridge và các điệp viên khác. Ông nói với Burgess đang lo lắng là ông sẽ thử chống trả đòn đánh này.

Ngay sau khi đến thủ đô nước Mỹ, "Stanly" đã thiết lập quan hệ công tác rất tốt với CIA với phong cách chuyên nghiệp cao. Một điệp viên của cơ quan tình báo Anh là James Macargar đã giúp đỡ ông.

CIA được thành lập năm 1947 trên cơ sở Cục chiến

lược. Thời đầu, người Mỹ gặp những khó khăn lớn về tổ chức. Họ biết rõ rằng - để lập nên được một cơ quan tình báo cho ra trò thì phải hành động hoàn toàn khác với Cục Chiến lược, vốn chỉ dành cho hoạt động thời chiến.

Cần phải có một cơ chế mới. Philby - một chuyên gia về các chiến dịch tình báo chống phát xít và cộng sản là người thích hợp nhất đối với người Mỹ. Ông chia sẻ với họ kinh nghiệm của mình. Người Mỹ biết ơn ông. Trên một phương diện nào đó, có thể gọi Philby là người sáng lập thực tế ra CIA. Ông có quan hệ rất tốt với những nhà lãnh đạo CIA, đặc biệt là với James Jesis Anglton, sếp tương lai của cơ quan phản gián Mỹ, sau trở thành bạn thân của ông. Sau cuộc chạy trốn đến Liên Xô của Kim, Anglton có nói, tận đáy sâu tâm hồn ông ta luôn nghi ngờ Philby, phỏng đoán bạn mình làm việc cho MGB.

Những mối quan hệ này giúp "Stanly" có được tất cả thông tin ông cần. Chỉ cần hỏi là có. Vấn đề duy nhất là sự thiếu tin cậy từ phía FBI.

Philby không chiếm được cảm tình của Giám đốc FBI J. Edgar Hoover, ông ta ngay từ đầu đã tỏ ý chống lại ông. Thực ra ông ta không chỉ chống lại riêng Philby, mà cho rằng mình chẳng cần đến sự trợ giúp nào của Washington cả. Chỉ có thế. Theo ông ta, cơ quan tình báo Anh đã giao thêm nhiệm vụ cho Philby thâm nhập vào CIA để thu thập các tin tức mật về các cơ quan của Mỹ. Tất cả "ý đồ phối hợp" này giữa tình

báo Anh và Mỹ chỉ là vỏ bọc che đậy việc thành lập ổ gián điệp Anh trong lòng cơ quan tình báo Mỹ. Khi có người hỏi ông, vì sao ông chống lại Philby, Hoover đã trả lời: trực giác mách bảo ông rằng Philby là "gián điệp Anh".

Hoover tuyên bố công khai rằng ông ta chống lại bất kỳ sự hợp tác nào với Philby, và cấm tất cả các nhân viên của mình cung cấp tin tức cho ông.

Ngay cả chính người Mỹ và người Anh cũng khó mà hiểu được J. Edgar Hoover. Có thể hình dung ra ông ta hoan hỉ như thế nào khi Philby bị nghi ngờ làm gián điệp cho Liên Xô. Ông ta rêu rao khắp nơi là đã nhìn thấy trước tất cả, đoán ra hoạt động của Philby và cảnh báo CIA không nên tin cậy ông. Hoàn toàn là chuyện vớ vẩn.

Philby không để ý gì đến FBI và tập trung mọi nỗ lực vào CIA. Ông có thể hoạt động hoàn toàn tự do trong phạm vi cơ quan này. Thậm chí ông còn tham gia vào việc chuẩn bị cho chiến dịch này. Thậm chí ông còn tham gia vào việc chuẩn bị cho chiến dịch đặt mìn phá hoại của Anh - Mỹ chống lại Anbani.

Tháng Mười Hai năm 1949, tình báo Anh và CIA Mỹ tổ chức chuyến đổ bộ đầu tiên của lực lượng đặc nhiệm vào Anbani hòng chống phá cách mạng nước này.

Ý đồ rất đơn giản: trà trộn với những nhóm tị nạn Anbani hợp tác với phát xít Đức và Italia. Sau đó tổ chức nhóm binh sĩ đầu tiên, vũ trang cho họ và huấn

luyện các phương thức đổ bộ lên bờ biển Anbani. Nhóm này sẽ phải thâm nhập vào sâu trong đất nước và kích động nhân dân nổi dậy.

Ngồi trong "tổ chim ưng" của mình tại Washington, Philby tham gia chuẩn bị cho chiến dịch này và thông báo kịp thời cho chúng tôi mọi chi tiết cần thiết của âm mưu trong bức thư gửi cho Burgess. Ông báo cáo cho chúng tôi số người sẽ tham gia vào cuộc đổ bộ, xác định ngay và thời gian chiến dịch, vũ trang và chương trình hành động chính xác.

Suốt một năm rưỡi ở Washington, "Stanly" không có có một liên hệ nào với các điệp viên của MGB ở Mỹ. Trung tâm cho là quá mạo hiểm. Trong bất cứ trường hợp nào cũng không được để cho Philby bị phát giác, bởi vì, mặc dù phía Mỹ có những nỗ lực giải mã những bức điện đã nhắc ở trên, chúng tôi vẫn hy vọng rằng Philby sẽ lên đến cương vị lãnh đạo cơ quan tình báo Anh. Nếu ông cần chuyển gì cho chúng tôi, ông thông qua Burgess. Nhưng ngay cả việc đó chúng tôi cũng cố gắng tránh, bởi vì gửi thư hay điện là việc hết sức mạo hiểm.

Thông tin của Philby được chuyển kịp thời cho Anbani, họ tổ chức đón lõng trên bờ biển. Nhóm vũ trang bị bao vây, một số bị tiêu diệt, phần lớn bị bắt làm tù binh. Chỉ một số ít bỏ chạy được trên bè, mảng.

Chiến dịch thứ hai tiếp theo vào mùa xuân năm 1950. Lần này sử dụng lính nhảy dù. Anbani lại được báo trước và âm mưu xâm lược bị sụp đổ hoàn toàn.

Tháng Tám năm 1950, khi Burgess giữ chức Bí thư thứ nhất sứ quán Anh tại Washington, Philby đã mắc một sai lầm nghiêm trọng. Ông đã không sáng suốt mà để cho Guy ở trong nhà mình. Giá mà lúc đó tôi biết được thì tôi đã dứt khoát khuyên ông không làm việc đó. Có lẽ Kim nghĩ rằng ông có thể theo dõi được bạn mình. Nhưng Burgess còn rất cần cho chúng tôi, bởi ông là người duy nhất có thể chuyển cho chúng tôi những gửi gắm của Philby. Ông không nổi tiếng như Philby. Và tôi có thể thỉnh thoảng gặp Burgess khi ông về Anh nghỉ hoặc đi công tác.

Như tôi đã lo ngại, trên cương vị mới, Burgess không hề thay đổi, mà ngược lại là đằng khác. Khoảng cách với London và sự thay đổi môi trường không tác động đến ông. Ông thường xuyên cãi vã không chỉ với bạn đồng nghiệp, mà cả với chính đại sứ.

Ví dụ, khi đến sứ quán làm việc, ông đỗ xe ở đâu tuỳ thích. Cảnh sát kiện ông. Ngài đại sứ Oliver Franks đã nhiều lần gọi Burgess đến khiển trách. Nhưng chẳng có tác dụng gì.

Mỗi sứ quán đều có những quy tắc nhất định đối với việc sử dụng những tài liệu mật. Không thể cứ lấy chúng ra khỏi két sắt lúc nào thích được. Burgess chẳng kể gì hết, ông muốn mặc xác những bí mật và thường bỏ vương vãi các tài liệu quan trọng trên bàn mình. Ông không đem trả chúng về chỗ cũ, và người nhân viên chịu trách nhiệm cất giữ chúng không thể niêm phong tủ được. Cuối mỗi ngày làm việc, anh ta lại

phải đụng đầu với tác phong cẩu thả của Burgess và báo cáo lại với Franks. Mặc dù thường xuyên chỉnh đốn Burgess nhưng Franks vẫn vẫn không sao bắt được người cấp dưới có thái độ đúng mực với công việc.

Ở Mỹ Guy không có những người bạn có thể bảo vệ ông, nhưng ngược lại ông "kịp thời" thu thập cho mình những kẻ thù mạnh trong sứ quán. Điều đó, cũng như việc Nghị sĩ Josef R. Mc Carty đàn áp những người cộng sản trùng với thời gian ông đến Mỹ, không hề cải thiện được tâm trạng ông.

Mùa thu năm 1950, tình báo Anh và CIA lần thứ ba thử thâm nhập vào Anbani, lần này qua đường bộ. Các gián điệp Anh - Mỹ từ Italia sang Nam Tư, rồi từ đó đến Anbani. Nhưng nhờ có cố gắng của Philby, chiến dịch này lại bị thất bại thảm hại. Thất bại này của phe Anh - Mỹ khiến họ tạm quên đi ý đồ này.

Tháng Mười năm 1950, toà án ở Tirana kết án 12 kẻ do thám tù chung thân, 2 tên bị xử bắn. CIA và SIS không thể nào hiểu được vì sao lần nào xâm nhập vào Anbani cũng bị thất bại. Người Mỹ nghi ngờ có rò rỉ thông tin, nhưng Philby vẫn được đặt ngoài mọi nỗi nghi ngờ: ngoài ông ra thì còn nhiều người khác làm việc cho chiến dịch ở Anbani nữa kia mà.

Philby tiếp tục tham dự nhiều hội thảo Anh - Mỹ về việc phối hợp hoạt động tình báo. Cần phải đặc biệt nhắc đến hội nghị vào tháng Hai năm 1951 về vấn đề Pribantích. Tham dự hội nghị có Harry Carr, trưởng chi

nhánh của Anh tại Thuỵ Điển trong thời gian chiến tranh, sau này ông đứng đầu Vụ Bắc Âu của Cơ quan tình báo Anh. Philby gửi cho chúng tôi tóm tắt chi tiết các hội nghị đó, chúng làm chúng tôi yên lòng vì khám phá ra rằng, có những bất đồng đáng kể giữa cơ quan tình báo Anh và CIA. Họ không có khả năng làm mất ổn định tình hình ở các nước Cộng hoà Pribantich. Nhưng MGB lo ngại về các chiến dịch do Anh - Mỹ tiến hành ở Ucraina.

Mục tiêu của họ là cho những nhóm gián điệp nhảy dù hoặc đột nhập bằng con đường nào đó vào nước cộng hoà này, để toả đi khắp lãnh thổ Ucraina. Khi còn làm việc ở Istambul, Philby đã nhiều lần giúp chúng tôi ngăn chặn được các vụ tung biệt kích phá hoại. Ông tiếp tục dành cho chúng tôi sự giúp đỡ đó ở Washington.

CIA và MI-6 dễ dàng tuyển mộ gián điệp trong số các kiều dân Ucraina tại Mỹ và Canada. Nhiều người còn để lại gia đình tại Ucraina, và có thể phái họ quay về dưới cái cớ đoàn tụ gia đình.

Tháng Ba năm 1951, Philby chuyển cho Burgess lúc này đang chuẩn bị về nhà ở London, tên những kẻ nhảy dù. Chúng lập thành ba nhóm, mỗi nhóm sáu người, và địa điểm tiếp đất tại Ucraina. Thông tin đó đến tay tôi qua Blunt, và tôi chuyển ngay nó về Trung tâm. Guy cũng nhắc đến chiến dịch dịch các bức điện do Mỹ thu được, được truyền đi dưới mã hiệu "Venona". Đến giờ đã có thể biết là Meredit Gardner phát hiện ra một lỗi

trong các bức điện của ta gửi từ New York về Moscow, điều đó cho phép anh ta dùng phép so sánh để giải mã chúng.

Các chuyên gia của chúng ta tại Lubianca được giao nhiệm vụ khẩn cấp xác định lỗi đó là gì. Họ xem xét rất kỹ tất cả các bức điện gửi từ New York và chọn ra hai bức. Đúng là nhân viên dịch mã của Sứ quán Liên Xô tại Washington đã mắc một lỗi nghiêm trọng vào năm 1942. Cấp trên của anh ta đã không phát hiện ra. Do đã dùng hết số bảng dịch mã điện tín chỉ được dùng một lần, anh ta đã sử dụng một bảng hai lần. Sự vi phạm này là do bưu phẩm ngoại giao giữa Moscow và Hoa Kỳ, thời đó được gửi qua đường biển, bị chậm trễ. Chỉ huy con tàu chở bưu tín ngoại giao, trong đó có số bản dịch mã mới, đã quyết định lưu lại một cảng ở Anh vì hoạt động tăng cường của các tầu ngầm Đức trên Đại Tây Dương.

Lãnh đạo MGB hỏi các chuyên gia về việc người Mỹ sẽ cần bao nhiêu thời gian để giải mã cả hai bức điện với các phương tiện họ hiện có. "Phải mất vài năm" - các chuyên gia trả lời, nhưng lời dự đoán của họ lạc quan đến mức không tưởng. Những người gây ra sai lầm thị bị trừng phạt nghiêm khắc. Trung tâm chỉ làm được có thế.

Chúng tôi không biết làm thế nào để ra khỏi được tình huống này. Tất nhiên, cần phải ngừng ngay hệ thống tình báo của Liên Xô lại, nhưng điều đó là không thể làm được nếu tính đến quy mô rộng lớn của mạng

lưới Liên Xô đã xây dựng nên trên toàn thế giới sau chiến tranh.

Philby lại giúp đỡ chúng tôi. Burgess cho chúng tôi biết, Kim đã làm quen được với Meredit Gardner, anh ta mỗi ngày mỗi tiến lại gần điều bí mật của chúng tôi hơn. Gardner và Philby quan hệ tốt đẹp với nhau đến nỗi Kim có thể ra vào phòng làm việc của Meredit và hàng ngày theo dõi tiến triển của việc giải mã.

Giờ đây thì chúng tôi đã biết "Venona" có thể phá vỡ mạng lưới của chúng tôi vào bất kỳ giây phút nào, có thể xác định được tên một số, mà cũng có thể là tất cả các điệp viên Cambridge. Nhưng nhờ có tình bạn của Philby và Gardner, chúng tôi biết mình sẽ được báo trước, và dự định kiểm soát tình hình cho đến tận thời điểm cuối cùng, để kịp thời cứu các điệp viên.

Việc phát giác ra bộ ngũ Cambridge cứ tiến đến gần không gì ngăn nổi, nhưng tạm thời chúng tôi vẫn còn cầm cự được. Trực giác mách bảo tôi rằng, trò chơi sắp kết thúc. Tôi đã chuẩn bị về mặt tâm lý để cứu tất cả những gì có thể trước tai hoạ ập tới. ý nghĩ rằng, những người bạn Cambridge của chúng tôi có thể sẽ phải sống nốt quãng đời còn lại trong tù thường xuyên dày vò tôi.

CHƯƠNG VII

CUỘC CHƠI CUỐI CÙNG

Cuối những năm 50, MGB tuyệt nhiên không hay biết gì về việc tận nước Úc xa xôi có một đài thu vô tuyến điện hoạt động đã mười năm nay, chuyên thu lấy mọi buổi phát thanh - dân sự, ngoại giao và quân sự giữa Liên Xô và một loạt các nước khác, đặc biệt là Mỹ.

Nhờ vậy, cho đến năm 1945, phe Đồng minh đã thu thập được rất nhiều thông tin. Nhưng giá trị thực của chúng thì không ai trong số địch thủ của chúng ta biết được, vì chúng được bảo vệ chắc chắn bởi một bộ mã, và họ không giải được.

Donald Maclean, Bí thư thứ nhất Sứ quán Anh tại Washington, điệp viên của Liên Xô, có được một tài liệu rất thú vị. Đó là bằng chứng về hai bức điện Churchil gửi cho Tổng thống Harry R. Truman ngày 5 tháng Sáu năm 1945 mang số chính thức "72" và "73". Trong hai bức điện này, Thủ tướng Anh trả lời những câu hỏi của Truman, người báo cho ông ta biết nội dung các cuộc thương lượng giữa Stalin và Đặc sứ Mỹ Harry Hopkins - người bạn gần gũi và cố vấn tin cậy nhất của Tổng thống Roosevelt. Chiến tranh kết thúc với chiến thắng

của phe Đồng minh, và mặc căn bệnh trầm trọng chỉ còn dành cho ông ta thời gian đến mùa đông năm sau, Hopkins vẫn đến Moscow lần cuối cùng để thương lượng với Stalin, người mà ông ta có sự kính trọng chân thành.

Cuộc thương lượng giữa Stalin và Hopkins chủ yếu đề cập đến số phận Ba Lan, chính xác hơn là đến 16 đại diện của "Quân đội Criova" (AK), đã bay chuyến Vacsava - London, nhưng bị bắt và bị đưa về Moscow. Kết quả cuộc thương lượng diễn ra một tuần trong bầu không khí tự nhiên, Hopkins, tức là cả Tổng thống Mỹ đều hài lòng với quan điểm của Stalin, ông cao thượng tuyên bố chấp nhận "bất kỳ một chính phủ Ba Lan nào, chấp thuận được đối với nhân dân Ba Lan và có thái độ thân thiện đối với chính phủ Liên Xô".

Lời tuyên bố mập mờ đó chỉ làm thoả mãn được Truman và Hopkins, chứ không phải là Churchil. Thủ tướng Anh đã nói lên quan điểm của mình khá kiên quyết trong các bức điện gửi Truman từ ngày 5 tháng Sáu.

Nội dung ngắn gọn của những bức điện Churchill gửi Truman xung quanh vấn đề Ba Lan mà chúng tôi nhận được có ý nghĩa rất quan trọng. Giờ đây chúng tôi đã được báo trước rằng Anh sẽ không đồng ý với nhượng bộ Hopkins - Stalin về vấn đề Ba Lan tại Hội nghị Postdam khai mạc vào tháng tới.

Nhờ công việc tại sứ quán, "Gomer" tiếp cận được với

các điện tín Thủ tướng Anh gửi cho Nhà Trắng, và trực tiếp chuyển cho liên lạc viên "Henry" tại căn hộ của mình ở New York. Vì vợ Maclean vẫn sống ở Manhattan với mẹ và lại đang mang thai nên ông có thể thường xuyên đến New York.

Nhưng đúng lúc đó thì hệ thống từ trước đến nay vẫn hoạt động rất đáng tin cậy của chúng tôi để xảy ra một trục trặc. Khi dịch tài liệu của "Gomer" kèm lời bình luận của "Henry", nhân viên dịch mật mã ở New York của chúng tôi đã phạm một sơ suất khủng khiếp. Do dốt nát hoặc cẩu thả, mà cũng có thể là vì cả hai, anh ta đã để nguyên trong bức điện gửi đi mã nội bộ của Bộ Ngoại giao Anh do Maclean cung cấp. Có trước mắt mã số đó, một nhân viên ít kinh nghiệm nhất chỉ cần vài giờ là có thể xác định được nguồn gốc của bức điện là sứ quán Anh tại Washington. Tình hình trở nên căng thẳng. Cũng giống như chúng tôi bị đặt một quả bom hẹn giờ, sau 4 năm nữa sẽ làm nổ tung cả cơ quan của chúng tôi.

Sau 4 năm nữa... Còn hiện tại thì chỉ 8 ngày sau khi tài liệu của "Henry" được gửi về Moscow, FBI đã lần ra dấu vết Maclean.

Ngày 15 tháng Sáu năm 1945, trên một tờ báo Dru Person, một nhà báo Mỹ nổi tiếng đã đăng bài báo dài 7 trang, trong đó vạch rõ thực chất cuộc thương lượng giữa Stalin và Hopkins tại Kremli và các bức điện Churchill gửi Truman. Bài báo đó dẫn ra nhiều chi tiết đến nỗi gây nghi ngờ lớn đối với FBI.

Phân tích kỹ nội dung bài báo, nhân viên của họ đã rút ra kết luận ở đâu đó bị rò rỉ tin tức nghiêm trọng. Họ gần như loại trừ ngay ý nghĩ rằng nguồn gốc rò rỉ là Nhà Trắng, nơi có nguyên văn bức điện trao đổi giữa Churchill và Truman. Nếu đúng là Nhà Trắng thì Person hẳn còn nhắc đến cả các chi tiết khác, không thấy có trong bài tóm tắt nói trên. Và như vậy thì tội phạm gây rò rỉ chỉ có thể là ai đó thuộc hai cơ quan còn lại mà bản tóm tắt bức điện đi qua: Bộ Ngoại giao Mỹ hoặc Sứ quán Anh.

Vì J. Edgar Hoover, Giám đốc FBI, coi khinh tất cả các nhà ngoại giao, đặc biệt là ngoại giao Anh, nên ông ta độc địa chĩa ngay mũi nhọn điều tra vào Sứ quán Vương quốc Anh. Bị nghi ngờ đầu tiên là Tuỳ viên John Russell, nhưng sau khi Russell quay về London thì mối nghi ngờ cũng tiêu tan.

FBI hướng cuộc tìm kiếm theo hướng khác. Các nhân viên của họ nhận xét thấy có sự sai sót lớn đối với sự thật của các chi tiết dẫn ra trong bài báo của Person. Ví dụ như trong đó có nhắc đến các cuộc đàm thoại giữa Hopkins và Churchill. FBI rà soát trong đầu mối điện thoại của Nhà Trắng. Hoá ra, chẳng có cuộc đàm thoại nào. Xuất phát từ đó, FBI kết luận rằng, nhà báo này đã để cho trí tưởng tượng của mình quá tự do.

Dấu vết dẫn đến Maclean. Giá mà FBI đào bới sâu hơn một chút thì họ đã phát hiện ra rằng tại Nhà

Trắng thông tin cung cấp cho họ đã không chính xác. Thực tế là Churchill và Hopkins đã nói chuyện điện thoại 5 lần trong vòng 3 ngày, nhưng các nhân viên thấy không cần thiết phải gửi băng ghi âm cho Truman và tổng đài điện thoại của Nhà Trắng. Vì vậy FBI đã hoàn toàn tin chắc rằng một phe thứ ba nào đó biết được cuộc nói chuyện giữa Churchill và Hopkins, và đó chính là Sứ quán Anh.

Vậy trên thực tế chuyện xảy ra như thế nào? Nhà báo Mỹ nọ đã không hề biết rằng bài báo của anh ta là do Cơ quan tình báo Xô Viết gợi ý. Tất nhiên là anh ta khai thác thông tin trực tiếp từ thông báo do Maclean thu thập được và chuyển qua "Henry" về Trung tâm.

Còn tại đầu kia của thế giới, cũng chính thông tin đó khi truyền từ New York về Moscow đã bị trạm thu thanh Úc thu được. Nó nằm yên ở đó cho đến năm 1948, khi Meredit Gardner bắt tay vào công việc phức tạp tìm kiếm chìa khoá giải mật mã của Liên Xô. Gardner đã phải vò đầu bứt trán trước hàng trăm bức điện Anh, Mỹ và Úc thu được trong thời gian chiến tranh.

Bài toán đau đầu của ê kíp Gardner đã được đơn giản hoá bởi một quyển sách mật mã của Liên Xô bị cháy nham nhở rơi vào tay quân Phần Lan tháng Sáu năm 1941. Sau khi Đại chiến thế giới lần thứ 2 nổ ra, Phần Lan đã mở cuộc tấn công vào Carelia (Cộng hoà XHCN Xô Viết tự trị cũ - N.D) và bắc vịnh Phần Lan

nhằm giành lại về mình thành phố Petsamo (Pechenga). Các nhân viên dịch mật mã Hồng quân nhận được lệnh tiêu huỷ sách tra cứu mật mã trong trường hợp cần thiết, trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được để chúng lọt vào tay quân thù. Trong trận chiến đấu ở Petsamo, quân Phần Lan đã bắt được điện tín viên Nga đúng lúc anh đang đốt cuốn sách của mình. Quân Phần Lan chỉ kịp giật nó khỏi ngọn lửa. Nó hầu như không còn lại gì, ngoài một số cái tên với ký hiệu mã hoá của chúng.

Người Phần Lan giữ gìn của quý từ trên trời rơi xuống ấy suốt cả cuộc chiến tranh. Đến năm 1944, hy vọng làm thoả mãn được người Mỹ và cũng do không thấy lợi lộc gì cho mình, họ đã trao cho Mỹ cuốn sổ tra cứu đó. Có được tài liệu quan trọng này và sau vài tháng làm việc kiên trì, các chuyên gia Mỹ chỉ giải mã được vài đoạn của văn bản. Nhưng khi Gardner và các trợ lý phát hiện ra nhân viên điện đài của Sứ quán Liên Xô tại Washington sử dụng hai lần cùng một bảng mật mã thì công việc giải mã tiến được rất nhiều.

Như vậy là Gardner có được hai chi tiết quan trọng nhất: cuốn sổ tra cứu do Phần Lan trao cho và việc sử dụng lại bảng mật mã. Giờ đây anh ta đã có thể đọc từng từ riêng lẻ, để sau đó nếu may mắn, anh ta sẽ đoán ra được thuật ngữ chuyên môn ngành quân sự, ngoại giao và khoa học sử dụng. Nếu có lòng kiên trì,

sáng tạo, tư duy và trực giác, giờ đây đã có thể dịch một hoặc hai câu mã hoá, sau đó, bằng cách tháo dần cuộn chỉ của Adrina[1], khám phá nội dung của từng câu và cuối cùng là cả văn bản.

Thế nào mà mùa hè năm 1948, Gardner lại quan tâm đến chính nội dung bản tóm tắt hai bức điện số 72 và 73, do Churchill gửi cho Truman vào năm 1945.

Việc giải mã một , hai thành phần câu không liên quan gì với nhau chiếm mất gần một năm nhưng đoán được chữ ký đã trở thành chiếc chìa khoá mở cửa bí mật về người điệp viên của Liên Xô. Từ giờ phút đó, phản gián Anh và FBI có thể bắt đầu mẻ lưới.

Mùa thu năm 1949, Kim Philby ("Stanly") gửi về London cho chúng tôi một thông báo vô cùng quan trọng. Gardner đã cho ông xem đoạn trích trong tài liệu vừa giải mã ra được. Tài liệu đó nhắc đến những bức điện giữa Churchill và Truman kèm theo lời bình luận xen vào của liên lạc viên của MGB. Tên người cung cấp thông tin lần đầu tiên hiện lên trên giấy trắng - "Gomer". Philby không đoán ra ai là người ẩn sau bí danh đó, nhưng ông hoàn toàn tin rằng đó là một điệp viên của Liên Xô. Vài tháng sau, Gardner vẫn không

---

1. Adriana - con gái của Quốc vương Cret là Minos trong thần thoại Hy Lạp. Đã giúp người anh hùng thành Aten Tede ra khỏi mê cung bằng cách trao cho anh cuộn chỉ. Tháo cuộn chỉ của Adriana có nghĩa là ra khỏi tình thế khó khăn.

nghi ngờ gì cả cho ông hay, anh ta không còn nghi ngờ việc tồn tại một điệp viên Liên Xô ẩn náu trong bộ máy của Bộ Ngoại giao Anh.

Sơ suất chết người của nhân viên điện đài đã xua chó săn lần theo dấu vết.

Nhân viên Cục An ninh quân đội đoán rằng, những con số đứng ở đầu thông tin không là gì khác ngoài số mã nội bộ của Bộ Ngoại giao Anh. Philby gửi tiếp cho chúng tôi thông báo mới ngay sau thông báo đầu tiên. Giải mã xong, chúng tôi đọc: "Tôi nghĩ, đó là Maclean".

Tất nhiên là chúng tôi đã biết điều đó nhưng quyết định chưa nói gì với Philby. Thông báo tiếp theo của ông ít báo động hơn. Theo lời Philby, người Mỹ tạm thời chưa chọn được mã khoá và họ chưa biết "Gomer" là ai. Bởi dưới bí danh đó có thể là hàng trăm người. Nhưng để tìm ra kẻ tình nghi, chỉ cần xác định những ai có tiếp cận với số tài liệu mật vào năm 1946. Người đó có thể ở London hoặc Washington.

Cơ quan phản gián Anh MI-5 nản lòng trước ý nghĩ phải làm một khối lượng công việc khổng lồ thế nào để tìm ra kẻ "vô danh" đó trong lòng Bộ Ngoại giao. Còn nhân viên FBI của Hoover thì ngay từ đầu đã tập trung chú ý vào các nhân viên sứ quán Anh có mặt tại Washington vào thời điểm đó. Vậy nên nhà ngoại giao cao cấp Maclean tạm thời có thể ngủ ngon. Mặc dù vậy, theo lời Philby, "Venona" vẫn là "nguyên nhân nghiêm trọng để không an tâm".

Corovin và tôi chuyển tất cả báo cáo của Philby về Trung tâm, cố gắng đưa ra những đánh giá khách quan và cảnh báo về mối nguy hiểm. Câu trả lời của Moscow không để phải chờ lâu: "Phải giữ Maclean được càng lâu càng tốt". Cuối năm 1950, gọng kìm bắt đầu xiết chặt dần. Bọn chó săn thu hẹp số người bị tình nghi xuống còn 35. Đến tháng Một năm 1951, con số đó còn lại 4: Paul Gore-But, Rodger Meikinds, Michael Right và Donald Maclean. Các nhân viên phản gián Anh nảy ra ý nghĩ: bí danh "Gomer" bắt đầu từ chữ "G", họ Gore-But cũng bắt đầu từ chữ đó. Có sự liên hệ trực tiếp ở đây không?

Người Anh dừng lại ở cái tên Gore-But còn bởi vì họ nhớ lại lời thú tội của Wanter Krivitski. Gián điệp lừng danh này, từng là Vụ trưởng Vụ Tây Âu của GPU được cử đến Paris. Khi được biết bạn mình, Ignats Rayse, cũng là điệp viên của GPU và có tư tưởng phản đối ngấm ngầm - được tìm thấy đã bị giết chết, Krivitski hiểu rằng giờ của mình đã điểm. Nhận được vé và hộ chiếu từ Moscow gửi tới để quay về Liên Xô, Krivitski đoán được thực chất ở đây là gì và quyết định bỏ trốn. Sau một loạt những cuộc phiêu lưu giật gân, tháng Mười Một năm 1937, anh ta xuất hiện ở New York và kể nhiều điều cho FBI. Năm sau, Krivitski viết cuốn sách "Tôi là một điệp viên của Stalin". Vài tháng sau khi cuốn sách ra đời, người ta tìm thấy anh ta đã chết trong một khách sạn ở Washington. Krivitski bị giết bằng một phát súng vào đầu.

Khi khai báo với tình báo Mỹ, Krivitski có nói tên một điệp viên của Liên Xô làm việc tại Bộ Ngoại giao Anh. Người này từng học ở Iton và tốt nghiệp đại học Oxford. Lời mô tả đó phù hợp với Gore-But. Mối nghi ngờ dường như đã trúng đích, nhưng tới đây thì cơ quan phản gián tìm được một chi tiết - chi tiết nào tôi không biết, hoàn toàn bào chữa cho Gore-But.

Kim Philby không liên quan gì đến dấu vết giả này. Một số tác giả viết về bộ ngũ Cambridge khẳng định rằng ông đã cố tình chỉ Gore-But cho cơ quan phản gián. Điều đó là vô lý. Ông không có lý do gì can thiệp vào chuyện này. Philby chỉ hạn chế bằng sự theo dõi vụ việc "Venona". Việc đó tốn của ông bao nhiêu công sức, điều này chúng tôi có thể dễ dàng hình dung ra được.

Vậy là danh sách kẻ tình nghi còn lại 3. Maclean có thể bị bắt bất cứ lúc nào. Vì thế sau khi thảo luận với Burgess vẫn cùng sống trong nhà mình, Philby quyết định rằng MGB và cái chính là Maclean phải được báo trước.

Bởi vì cả ông, cả Burgess đều không có liên lạc trực tiếp với các điệp viên của Liên Xô tại Washington vì lý do an toàn, nên hành dinh tại London vẫn là mối dây duy nhất với chúng tôi. Gửi điện thì quá mạo hiểm, vì FBI chắc chắn biết Philby nắm được tên những người bị tình nghi. Guy quyết định, mình sẽ về Anh và lên tiếng báo động. Nhưng làm thế nào đi khỏi Mỹ mà không bị nghi ngờ?

Burgess không thể rời sứ quán thậm chí lấy một ngày, không thể viện cớ nào, ví dụ như báo với ngài Oliver Franks rằng bà mẹ già của mình đột ngột phải vào viện ở London. Trong tình huống đó thì ngay đến anh lính mới tò te của cơ quan phản gián cũng dễ dàng hiểu ra có chuyện gì ngay. Vì thế Burgess, người luôn trào sáng kiến ra như đài phun nước, đề nghị lợi dụng tiếng xấu của mình để bị gửi trả về nhà. Ông chỉ cốt lấy một cái cớ.

Thói thất thường của Guy từ lâu đã làm mất uy tín của ông trong con mắt ngài đại sứ, người không những chỉ ghét ông, mà còn e sợ cái lưỡi sắc nhọn của Burgess. Chỉ vì lý do này mà ông ta chưa dám loại Burgess ra khỏi sứ quán.

Guy chỉ cần lún sâu hơn vào trò bê bối của mình để lòng kiên nhẫn của đại sứ cạn kiệt và buộc phải trả ông về Anh. Burgess vớ lấy cơ hội đầu tiên xuất hiện và biến thành vụ xì căng đan.

Ngày 28 tháng Hai năm 1951, ông nhận được lời mời đến Charlston (Nam Carolina) tham dự hội nghị về quan hệ quốc tế do các học viên học viện quân sự tư "Thành Luỹ" tổ chức với tư cách là đại diện nước Anh. Từ sáng sớm, Guy ngồi vào chiếc xe "Lincoln" của mình và rời Washington đi Charlston. Quãng đường dài 560 dặm. Dọc đường ông cho một phi công BBC của Mỹ tên là James Jerk đi nhờ. Họ chưa đi khỏi Washington được 20 dặm, đến gần Woodbridge (Virginia), thì một cảnh sát tuần tiễu đi xe máy đã chặn Burgess lại vì đi quá

tốc độ cho phép. Guy chìa cho anh ta tấm thẻ ngoại giao và được thả cho đi, nhưng người cảnh sát báo lại với cấp trên về sự việc. Guy lắp lại cung cách đó ở Ashland (cũng thuộc bang Virginia), vượt đoàn xe tải quân sự với tốc độ 90 dặm một giờ, và cũng nhận được cảnh cáo như lần trước. Sau khi kiểm tra giấy tờ, cảnh sát giao thông cho phép ông đi tiếp. Khi gần đến Richmond Burgess đề nghị người bạn đồng hành cầm lái thay ông. Trên tuyến đường 301 gần Pittsburge, chiếc Lincoln lần thứ 3 vượt quá tốc độ cho phép. Xe cảnh sát bèn đuổi theo. Jerk xuất trình bằng lái xe của mình, nhưng Burgess xen ngang vào. Ông vung vẩy thẻ ngoại giao của mình và hét to hết cỡ rằng, người Mỹ này là "lái xe" của ông. Lần này thì cảnh sát không bỏ qua nữa và buộc ông theo họ về đồn. Cú điện thoại về trung tâm kiểm tra giao thông khẳng định rằng, Burgess đã hai lần trong ngày vi phạm luật lệ giao thông. Ông lập tức bị phạt 50$, thẩm phán địa phương chuyển vụ vi phạm cho Thống đốc bang Virginia.

Đến Charlston, Burgess chia tay với Jerk và thuê một phòng trong khách sạn. Ngày hôm sau ông thản nhiên dự hết hội nghị và quay về Washington ngày thứ hai, mồng 5 tháng Ba.

Mười ngày sau, Vụ trưởng Vụ Lễ tân Bộ Ngoại giao Mỹ nhận được bức thư giận dữ của Thống đốc bang Virginia khiếu nại về sự vi phạm Luật giao thông nhiều lần và đáng công phẫn của Burgess, chúng có thể dẫn đến những hậu quả bi thảm. Tiếp đó Thống đốc kết tội

nhà ngoại giao Anh đã có thái độ thô bạo, thiếu kính trọng với đại diện của pháp luật.

Sau đó, sứ quán Anh nhận được thư của Thống đốc kèm theo bản sao các bản tố cáo của cảnh sát với những lời lẽ chẳng tốt đẹp gì dành cho Guy. Ngày mồng 7 tháng Tư, Đại sứ Franks xin ý kiến lãnh đạo Bộ Ngoại giao. Chín ngày sau, sau ngày nghỉ Burgess bị gọi lên gặp Đại sứ và được thông báo bị đuổi về Anh. Làm ra vẻ tức giận, Burgess lao ra khỏi phòng, xập cửa đằng sau lưng. Ngày 18 tháng Tư, Sứ quán Anh thông báo với Bộ Ngoại giao Mỹ về việc Burgess được Bộ Ngoại giao Anh gọi về và sẽ rời Washington trong thời gian ngắn nhất.

Đầu năm 1993 tôi có gặp các nhân viên FBI đã điều tra vụ Burgess vào năm 1951. Họ vẫn tin rằng ông rời Washington là tự nguyện và thái độ tai tiếng với cảnh sát giao thông không hề là kế hoạch sắp đặt trước của ông. Họ mới lầm lẫn làm sao! Tôi xin nhắc lại, đó là chiến thuật do Philby và Burgess nghĩ ra để Guy có thể trở về Anh.

Trước khi Burgess ra đi, hai người bạn đã ăn trưa cùng nhau, và Kim lần đầu tiên giải thích cho Guy toàn bộ tính nghiêm trọng của tình hình. Thêm một phần bức điện được giải mã, mà phần này động chạm đến một chi tiết mới, dẫn người Mỹ đến gần hơn với "Gomer". Nhân viên trực điện đài của ta trong câu giải nghĩa cả đoạn đã nhắc đến những từ: "Điệp viên Washington của ta". Mà điện thì anh ta dịch và gửi đi từ New York! Dù "Gomer" nhân viên sứ quán có là ai

thì theo quan điểm của Gardner, hắn ta cũng phải đi từ thành phố này đến thành phố khác sau ngày mồng 5 tháng Sáu năm 1945, chỉ để chuyển bức điện số 72 và số 73 cho liên lạc viên Liên Xô của mình. Philby hiểu ngay đó là Maclean. Ông nhớ rất rõ vào năm 1945, Melinda sống với mẹ đẻ ở New York và Donald thường xuyên từ Washington về thăm vợ.

Trong bữa ăn, hai người bạn lập kế hoạch, thứ nhất là báo trước cho Maclean ở London, thứ hai là tổ chức một cuộc chạy trốn giờ đây đã là điều không thể tránh khỏi. Không được để mất một giây phút nào nữa. MI-5 có thể bắt Maclean vào bất cứ lúc nào. Cuối bữa ăn, Philby bắt Burgess phải thề rằng, sau khi Maclean đã đi Liên Xô thì ông sẽ ở lại London và không rời khỏi đó. Kim giải thích, nếu Guy run sợ và đi Nga cùng với Donald, thì bước đi lôgich tiếp theo của cơ quan phản gián sẽ là công việc bắt ông - Kim Philby. Burgess hứa danh dự với ông rằng mình sẽ không rời khỏi London. Rồi hai người bạn chia tay. Họ biết mình phải nhanh chóng, vì chiếc tàu thuỷ chở khách "Nữ hoàng Mary" phải mất ít nhất là 5 ngày để vượt Đại Tây Dương.

Trong lúc đó, tại London tôi căng thẳng chờ đợi diễn biến tiếp theo của tình hình. Lần cuối cùng Anthony Blunt gặp Maclean là vào tháng Tư. Donald có vẻ lo lắng và trầm uất, và theo lời Blunt, ông gần như sắp nổ tung. Tất nhiên, Maclean đã thấy ở cơ quan mọi người nghi ngờ ông, các đồng sự lảng tránh ông và các tài liệu mật thôi không còn xuất hiện trên bàn ông nữa.

Trên tàu "Nữ hoàng Mary", Burgess trung thành với bản chất và có mối quan hệ tình ái với một sinh viên Mỹ trẻ tuổi tên là Miller. Cả hai đều rất hợp ý nhau và Guy mời người bạn mới đến căn hộ của mình tại London. Đặt chân lên mảnh đất quê hương, Burgess đi gặp ngay Blunt, là trung gian giữa ông và trạm liên lạc của chúng tôi. Ông kể cho Anthony về tính nghiêm trọng của tình hình và trình bày ý kiến của mình và Philby về những gì cần làm. Tóm lại là họ kết luận rằng, Donald Maclean cần phải rời khỏi Anh đến Liên Xô càng sớm càng tốt. Blunt đồng ý chuyển quyết định của họ tới chúng tôi ngay, may mắn là đã sắp đến cuộc gặp gỡ của chúng tôi.

Chúng tôi gặp nhau ngày hôm sau. Thái độ của Blunt vẫn điềm tĩnh như mọi lần, nhưng tôi hiểu, đã xảy ra điều gì khủng khiếp. Dưới thái độ bình tĩnh quen thuộc ẩn giấu mối lo ngại sâu sắc. Trong điều kiện bình thường thì tôi là người nói trước, nhưng lần này là ông.

- Peter, đã xảy ra một tai hoạ lớn. Burgess vừa từ London trở về. Maclean sắp bị bắt tới nơi. Cơ quan phản gián nghi ngờ 3 người, nhưng giờ đây hình như họ dừng lại ở mỗi một mình Maclean. Việc anh ấy bị lộ mặt chỉ là vấn đề một vài ngày, mà có thể là một vài giờ.

Burgess, Philby và bản thân ông - Blunt nói tiếp - cho rằng, cuộc hỏi cung Maclean sẽ đặt dấu chấm hết cho toàn bộ đường dây của chúng tôi. Vì vậy chúng tôi

phải hành động ngay không để mất thời gian, nhưng phải hết sức thận trọng, bởi chắc chắn là Maclean đã bị đặt dưới sự theo dõi chặt chẽ.

Tôi nghe ông mà lòng lo lắng, dù sau khi biết việc giải mã của người Mỹ có tiến triển, tôi đã sẵn sàng cho bước ngoặt này.

- Donald hiện giờ đang ở trong tình trạng tồi tệ đến mức sẽ thú nhận tất cả ngay trong lần hỏi cung đầu tiên, - Blunt kết luận.

Tôi biết ở giai đoạn này thì mình không thể tự ý quyết định một điều gì. Cần phải xin ý kiến Moscow. Chúng tôi thoả thuận gặp nhau sau hai ngày nữa, nhưng tôi đề nghị Blunt bảo Burgess đích thân đến hẹn. Tôi cho rằng, Guy có thể có những tin tức mới cho chúng tôi, và do tính đặc biệt của tình huống, tôi thấy không nên hành động qua trung gian.

Để giúp Blunt thấy chúng tôi coi trọng sự việc như thế nào, tôi nói lần sau sẽ đưa trưởng nhóm của chúng tôi đến. Tất nhiên là Corovin không từ chối cuộc gặp gỡ, cuối cùng thì đó là trách nhiệm của chính ông. Nhưng tôi vẫn lo ngại, vì thời gian cuối gần đây Corovin bắt đầu thờ ơ với những nguyên tắc an toàn nghiêm khắc do chính ông đặt ra cho tất cả chúng tôi. Ông ấy đặt mình cao hơn "những chuyện vặt" ấy. Đã có những trường hợp ông đến cuộc hẹn mật bằng xe sứ quán, đôi khi lại còn gọi cho các điệp viên ngay từ phòng làm việc. Thói cẩu thả ấy có thể dẫn đến rủi ro trong tình

huống nguy hiểm như hiện nay. Nhưng tôi không thể làm gì được. Làm sao một cấp dưới như tôi có thể chỉ trích cấp trên của mình? Thêm vào đó tôi biết Corovin bắt đầu có vấn đề về tim. Đó hẳn là nguyên nhân thái độ đối với công việc từ phía ông. Vì thế tôi chỉ chọn báo cáo với ông những gì nghiêm trọng, cố ý thêm thắt chi tiết vào, hy vọng sẽ đánh động để ông hành động thận trọng hơn. Ý đồ hình như là thành công, vì từ đó Corovin nhất thiết tuân thủ những quy tắc của chúng tôi.

Trong vòng 48 giờ, chúng tôi liên lạc với Moscow, nhận các chỉ thị và lên kế hoạch hành động. Trung tâm phản ứng rất nhanh. Câu trả lời rõ ràng và dứt khoát: "Đồng ý bố trí cho Maclean chạy trốn. Ông ta sẽ được tiếp đón ở đây và sẽ có tất cả những gì ông ta yêu cầu, nếu ông ta đồng ý".

Trong cuộc gặp có Corovin tham gia, Burgess khẳng định tất cả những gì Blunt nói. Chúng tôi chỉ thị cho ông liên lạc một cách nhanh nhất với Donald, mô tả cho ông tình hình và thuyết phục ông rằng ông không còn lối thoát nào khác là di tản ra nước ngoài.

Sau khi về London, Burgess đề nghị Vụ Tổ chức cán bộ của Bộ Ngoại giao cho ông vài ngày nghỉ để thu xếp việc riêng. Từ lúc đó ông trở thành mối dây duy nhất nối chúng tôi với Maclean, vì Blunt mà làm việc đó thì hết sức nguy hiểm.

Guy đã đến thăm Donald. Hai người chuyện trò một

lúc về đủ thứ chuyện như những người bạn mới đi công tác về. Trong lúc nói chuyện, Burgess viết nhanh cho Maclean một mẩu giấy, đề nghị gặp nhau gấp ở câu lạc bộ "Reform". Ông đã hành động một cách khôn ngoan: chắc hẳn là Donald đã bị theo dõi và có thể, điện thoại và phòng ông có đặt máy nghe trộm.

Sau giờ làm việc họ gặp nhau tại "Reform". Guy cho ông biết tỷ mỷ những gì ông biết. Maclean không hề ngạc nhiên.

- Người ta theo dõi tôi từ lâu và không cho đụng đến các giấy tờ, điện tín mật nữa. Tôi đã nói tất cả với Blunt. Ngày nào tôi cũng chờ bị gọi lên gặp sếp hoặc cơ quan phản gián.

Sau đó Burgess nói cho ông biết ý kiến của mình trước tình hình, tiện thể nhận xét rằng, Philby, Blunt và Trung tâm cũng có chung quan điểm với ông: Giờ đây tốt nhất là Maclean trốn đi. Donald buồn thỉu đi rõ rệt.

Sau một lúc lâu, ông thú nhận không đủ sức chịu đựng thử thách sắp tới. Ông hiểu sự yếu đuối của bản thân và biết rằng mình không thể phủ nhận mọi điều trong suốt hàng tháng, hàng năm được, và cuối cùng sẽ thú nhận tất cả. Nhưng ông vẫn không dám bỏ trốn. Bởi còn phải nghĩ đến bản thân nữa chứ. Ba tuần nữa vợ ông sẽ sinh con, không thể bỏ cô ấy được.

Trong giai đoạn căng thẳng đó, Corovin và tôi lần lượt thay nhau gặp gỡ Blunt và Burgess. Khi gặp

Corovin, Guy đã kể về cuộc gặp gỡ Maclean trước đó có mấy giờ đồng hồ. Một giờ sau, chúng tôi thông báo về Trung tâm và nhận được ngay câu trả lời:

"Maclean phải đồng ý bỏ trốn."

Corovin lại gặp Burgess và buộc ông phải làm cho Maclean đồng ý chạy trốn. Guy làm đúng lời yêu cầu. Nhưng lần này Maclean lại tìm được lý do mới để từ chối. Ông bảo nếu ông phải đi qua Paris để đến nước Nga thì sẽ không bao giờ ông đến được đích. Burgess không hiểu.

- Tôi có nhiều bạn ở Paris, - Maclean giải thích, - nếu tôi gặp họ, tôi sẽ lại uống và không còn đủ sức để chạy trốn.

Guy gạt lý do đó đi, bảo rằng trong trường hợp đó chúng tôi sẽ tìm cho ông một người đồng hành. Đó chính là điều Maclean cần. - Ông không thể làm bất cứ việc gì trong đơn độc cả.

Khó khăn hơn là với Melinda, cô sắp sinh đứa con thứ ba. Tôi đồng ý để Burgess cho phép Maclean thông báo với vợ về việc cần phải đi di tản, để xem cô ấy có thái độ ra sao. Trung tâm không phản đối việc đó, vì trái với những gì các nhà điều tra viết sau này, Melinda biết rõ chồng mình làm gì. Trước khi cưới, Donald đã phá vỡ mọi quy tắc nghề nghiệp và kể cho cô nghe rằng ông làm việc cho tình báo Liên Xô. Maclean cho mình phải có nghĩa vụ báo cho cô biết điều đó trước khi cô trở thành vợ mình. Và thật ngạc nhiên, dù Melinda không

yêu Maclean đến mất trí nhưng cô không thay đổi quyết định lấy ông làm chồng. Còn nữa, vào năm 1943, khi chúng tôi quyết định thay đổi cung cách liên lạc với Maclean, ông đã tự đề nghị để vợ mình là người trung gian giữa ông và liên lạc viên của chúng tôi. Chi tiết này đã bị các nhà điều tra phương Tây phủ nhận, nhưng sự thật vẫn là sự thật. Melinda Maclean biết rất rõ chồng cô là điệp viên của Liên Xô.

Khi Donald kể cho vợ nghe cuộc nói chuyện với Burgess và đề nghị của chúng tôi, cô đồng ý ngay và nói với chồng:

- Họ nói đúng. Anh hãy đi ngay, đừng để mất giây phút nào nữa.

Melinda hiểu, nếu giông tố xảy ra, chồng mình sẽ gục ngã rất nhanh chóng trong các cuộc hỏi cung. Vì vậy cô làm mọi việc có thể để giúp chúng tôi đưa ông rời khỏi Anh.

Giờ đây, còn phải tìm gấp cho ông một người bạn đường. Lại phải xin ý kiến Trung tâm. Và câu trả lời là: "Burgess sẽ đi với Maclean, nhưng chỉ là đi tiễn".

Nhìn lại quá khứ, tôi cảm thấy những lời ấy như một dấu xi gắn lên số phận các điệp viên Cambridge của chúng tôi. Giá mà Macleạn chịu đi một mình, thì họ đã có thể không bị phát hiện, và Guy Burgess vẫn còn sống hạnh phúc những năm cuối đời tại Anh, và biết đâu ông vẫn còn sống đến tận hôm nay ở đó.

Chúng tôi hỏi Burgess có muốn đi tiễn Maclean không. Guy sửng sốt:

- Nếu tôi làm việc đó, tôi sẽ không bao giờ quay trở lại được. Mà tôi thì không thể sống ở đâu được ngoài nước Anh ra, các anh biết rõ điều đó mà.

Corovin chẳng coi lời phản đối đó là nghiêm túc. Lúc này Burgess bèn dẫn ra lý do mà theo ông là không thể phủ nhận được.

- Không thể được. Tôi đã hứa với Kim là tôi sẽ không ra đi. Trước khi tôi rời Washington, ông ấy nói: "Anh nhất định phải báo trước với Maclean, nhưng đừng đi với anh ấy. Nếu anh làm như vậy, tôi sẽ hết đời. Anh phải thề là sẽ không ra đi". Và tôi đã thề.

Guy nói vội vã và nhiệt thành. Ông gần như loạn trí.

- Được, - Corovin nói, - tôi hiểu ông. Và tôi hiểu mong muốn của ông muốn đảm bảo an toàn cho Philby. Giờ tôi chỉ muốn ở ông một điều: ông hãy tiễn Maclean. Sau khi trở về trong trường hợp bị hỏi cung, ông sẽ cư xử cho mọi người thấy rõ: ông không hề có ý định bỏ trốn. Ông có thể nói với bất kỳ người nào hỏi rằng ông chỉ muốn giúp một người bạn nhờ đưa gấp ra biên giới.

Tôi không biết Burgess có thật tin điều vô lý ấy không, nhưng ông đã đồng ý. Tôi có cảm giác, ông bị tê liệt trước diễn biến quá nhanh chóng của tình hình, nếu không ông đã phải nhận ra rằng Corovin chủ tâm không đả động đến địa điểm nơi Guy sẽ chia tay Maclean. Người trưởng nhóm không thốt ra một lời nào

về việc Burgess có hay không phải vượt qua "tấm màn sắt". Còn Guy thì tất nhiên không hỏi ông điều đó.

Lẽ nào phản gián Anh lại sẽ tin lời giải thích của Burgess, rằng ông giúp bạn chỉ vì quan hệ bạn thân và hoàn toàn không biết gì về hoạt động gián điệp của Maclean? Tôi không thể hiểu nổi tại sao Burgess lại đồng ý với đề nghị của Corovin mà không cần một đảm bảo nào để quay về.

Giờ đây tôi thấy chúng tôi đã có thể hành động khác. Thay vì để cả hai điệp viên rời khỏi Anh, lẽ ra phải cử ai đó trong số người của ta, có thể là chính tôi đi tiễn Maclean qua nước Pháp, luôn giữ khoảng cách với ông. Nhưng tiếc thay, những ý nghĩ hay thường đến muộn.

Ngày hôm sau tôi lại gặp Blunt. Ông lại mang đến thêm một tin xấu. Philby đã mạo hiểm một cách không thể tha thứ gửi từ Mỹ một bức điện cho Burgess. Một bức điện vớ vẩn hỏi xem nên làm thế nào với chiếc "Lincoln" mà Burgess để lại trong bãi đậu xe của sứ quán, kết thúc bằng một câu báo điềm gở: "Không khí ở đây đang rất nóng".

Ẩn chứa sau lời báo động đó của Philby là cả một chuỗi sự kiện mà chúng tôi còn chưa biết gì đến. Jeffry Peterson, sĩ quan phản gián Anh, người điều tra vụ "Gomer" đã từng thông báo cho Kim hay, báo cáo của anh ta London sẽ nhận được ngày 22 hoặc 23 tháng Năm. Vậy là chúng tôi chỉ còn một tuần lễ để đưa điệp

viên của mình rời khỏi London. Nhưng, như tôi đã nói, chúng tôi lúc đó không biết được điều này.

Blunt cho tôi hay Burgess rất lo lắng và có thể không tự kiểm soát được nữa. Cả Donald và Guy cần phải được ra đi thật mau. Nhưng bằng cách nào?

Dạo bước trong Ridjents Park, chúng tôi cân nhắc từng phương án một. Tầu hoả và máy bay bị loại trừ. Burgess có thể vượt biên giới mà không gây nghi ngờ, nhưng Maclean thì bị cảnh sát theo sát khắp mọi nơi. Nếu cơ quan phản gián đã đặt ông vào điểm ngắm thì chắc chắn là lực lượng biên phòng cũng đã được báo trước.

Giấy tờ giả cũng là một phương án. Nhưng kiếm đâu ra chúng tại nước Anh trong một thời gian ngắn như vậy? Còn một phương pháp nữa thường gặp trong tiểu thuyết trinh thám cổ điển - một chiếc tàu ngầm bí mật chờ sẵn ở ngoài khơi. Các bạn tin hay không thì tuỳ, nhưng chúng tôi không coi phương án đó là không tưởng nếu liên quan đến nước Anh. Nhưng ở đây lại không đủ thời gian.

Blunt đề nghị sử dụng một trong các con tầu đang thực hiện tuyến du lịch vào ngày nghỉ dọc bờ biển nước Pháp. Những con tàu này rời các cảng phía nam nước Anh vào các buổi chiều thứ sáu, ghé vào hai-ba cảng trên lục địa và quay về vào đêm chủ nhật hoặc sáng thứ hai. Điều chủ yếu chúng tôi ưng ý là trên các chuyến tầu tham quan này gần như không kiểm tra việc nhập

cảnh. Tôi không tin nhưng Blunt giải thích cho tôi rằng, những chuyến đi này được các nhà kinh doanh và những quan chức quan trọng của Chính phủ, tức là những người muốn có riêng mấy ngày đêm với cô thư ký hoặc nhân tình, đặc biệt ưa thích. Vì lý do đó, cơ quan nhập cảnh luôn rất dè dặt.

Tôi cho rằng, ý tưởng đó hoàn toàn có thể chấp nhận được. Chúng tôi hẹn gặp nhau lần nữa có cả Burgess, rồi chia tay. Bước tiếp theo là tổ chức cuộc chạy trốn.

Được sự đồng ý của Corovin, tôi thu thập một tập quảng cáo du lịch, nghiên cứu thời gian và thời điểm cập cảng. Và cuối cùng chúng tôi chọn ra con tàu thích hợp nhất theo quan điểm của tôi - tầu "Fale". Nó khởi hành vào đêm thứ sáu tại Southampton và đi dọc theo bờ biển nước Pháp trong 48 giờ. "Fale" trở về vào chiều chủ nhật. Trong lộ trình có ghi 2-3 cuộc nghỉ ngắn, một lần tại Sant-Malo. Sau khi hỏi mọi chi tiết tại trung tâm du lịch, tôi nói tôi đi cùng với một tiểu thư trẻ và muốn giấu tên. Blunt đã nói đúng. Họ không kiểm tra giấy tờ của hành khách bởi vì về mặt lý thuyết con tầu được coi là lãnh thổ Anh. Tôi thông báo những chi tiết đó với Corovin, và ông đồng ý ngay với kế hoạch hành động của chúng tôi.

Gặp Burgess, Corovin giải thích cho ông kế hoạch chạy trốn và chỉ thị cho ông đặt hai chỗ trên tầu "Fale" ngày 25 - 27 tháng Năm. Ông cũng khuyên Guy nghĩ ra một điều gì đấy để phao tin đồn về chuyến đi nhằm xoá dấu vết.

Corovin cảm giác Burgess đã ít bồn chồn hơn nhiều so với lần trước. Guy kể cho Corovin biết có những việc không hay mới. Trong khi gặp nhau tại câu lạc bộ "Reform" Maclean thông báo, mấy ngày hôm nay có một cái đuôi theo sát gót ông và phải khó khăn lắm ông mới cắt được đuôi để đến câu lạc bộ. Theo lời ông, "cái đuôi" rời ông tại nhà ga Victoria, khi ông lên tầu đi Tatsfield (Công quốc Kent) để về nhà. Donald cũng nhận thấy, sáng sáng có người "đón ông" tại nhà ga khi ông từ Tatsfield đến và đi xe đến Bộ. Như vậy là ông bị theo dõi khắp mọi nơi nhưng chỉ trong phạm vi London.

Bức tranh đã rõ ràng đối với tôi, vì qua kinh nghiệm riêng tôi biết theo dõi đối tượng ở bên ngoài thành phố khó khăn như thế nào. Trong thành phố, người theo dõi rất dễ ẩn mình, còn ở vùng nông thôn lại khác. Anh ta không thể đi sau Maclean đến tận cửa nhà ở Tatsfield. Trên tầu thì Maclean quen mặt tất cả hành khách vì đã bao năm nay ông đi lên cùng một toa tầu ấy đến nơi làm việc và về nhà. Tại sân ga nhỏ bé Tatsfield, người theo dõi sẽ tự làm lộ mình ngay, lại thêm Donald không bao giờ đi bộ từ ga về nhà, mà ông đi xe. MI-5 có thể theo ông về nhà một hai lần rồi chấm dứt việc theo dõi lại Tatsfield. Vậy là chúng tôi biết phản gián Anh có những lỗ hổng lớn, và mặc dù nó chuẩn bị cho kết cục xấu nhất nhưng vẫn chưa hoàn toàn "đóng khung đen" lên điệp viên của ta.

Không để mất thời gian, chúng tôi mở chiến dịch phản theo dõi, có nghĩa là cử người của mình đi kiểm

tra xem Maclean bị theo dõi như thế nào. Mọi việc đúng như Donald đã nói. Sau khi tàu chuyển bánh, những người theo dõi Maclean ngoan ngoãn quay về và chẳng có ai thay họ ở Tatsfield cả. Chúng tôi hiểu, Maclean có thể biến mất từ nhà mà không sợ bị theo dõi.

Burgess đã hành động tuyệt vời. Ngày 24 tháng Năm, ông mua hai vé tàu đi nghỉ ngày lễ và bắt đầu tung hoả mù. Ông nói với người bạn mới Miller rằng mình chuẩn đi du lịch cùng một người bạn. Sau đó ông đến "Reform" mấy lần liền và loăng quăng ở đó với tấm bản đồ đường bộ miền Bắc nước Anh. Thậm chí ông còn nói chuyện về ưu điểm của tuyến đường này, đường khác với một người phục vụ câu lạc bộ, sau đó đặt thuê một chiếc xe, loan tin cho mọi người biết ông chuẩn bị đi Scotland.

Ngày 25 tháng Năm đáng nhớ đã đến. Burgess gọi điện cho Miller và nói, tối nay sẽ đi chơi trên du thuyền của một người bạn. Sau đó ông vào cửa hàng, mua một chiếc va li và một số đồ dùng đi đường, luôn miệng nhắc đến chuyến đi sắp tới của mình lên phía Bắc. Ông nghĩ, mọi thứ đồ đó còn cần đến sau khi ông đã quay về.

Tối đến. Burgess lái chiếc xe thuê đến nhà Maclean ở Tatsfield. Vào ngày hôm đó Donald tròn 38 tuổi. Melinda chuẩn bị bàn tiệc ở ngoài bếp, thì Guy hiện ra ở cửa và giới thiệu thật to:

- Xin chào! Tôi là Rodger Style, bạn đồng nghiệp của Donald ở Bộ.

Melinda biết rõ Burgess và gọi chồng:

- Donald, anh lại đây. Có khách đến này.

Hai người đàn ông nói chuyện riêng một lúc, sau đó tất cả ngồi vào bàn. Gần 9 giờ tối Maclean lên phòng ngủ và hôn chúc các con trai ngủ ngon. Guy chờ ông ở hành lang sau đó Donald chia tay với Melinda và hai người bạn ra đi.

Melinda nghe tiếng máy xe Burgess nổ. Rồi tất cả yên lặng.

Sáng thứ hai khi các nhân viên MI-5 đến gặp Melinda, cô nói chồng cô đến quán bar với một người bạn hàn huyên bên các vại bia.

*

* *

Guy và Donald còn ít thời gian để đến được Southampton. Họ thay nhau lái xe và đi hết tốc độ luật cho phép.

Họ không biết sáng hôm đó, lãnh đạo cơ quan phản gián và Bộ Ngoại giao đã họp quyết định bắt giữ và hỏi cung Maclean. Sau này chúng tôi được biết mình đã gặp may lớn: đi đến quyết định đó là MI-5 đã rơi vào một tình thế khó xử. Vấn đề là Cục tình báo Anh đã quyết định không công khai kết quả của chương trình "Venona" vốn giữ chứng cớ cụ thể duy nhất chống lại "Gomer". Vì vậy nhân viên hỏi cung sẽ phải vắt người bị tình nghi ra lời thú nhận nếu họ muốn kết tội người

đó. Mà họ thì quá biết rằng, để có được lời thú nhận thành khẩn không phải là chuyện dễ dàng.

Điều đó phần nào giải thích thái độ không kiên quyết và chần chừ từ phía cơ quan phản gián. Họ không thể xác định được nên dùng cách nào chính xác nhất để bắt Maclean "đổ".

Phó trợ lý Bộ trưởng Ngoại giao Rodger Meikins có mặt tại phiên họp sáng quyết định vận mạng của Donald, khi các ông trùm lập ra được chương trình hành động. Trưa thứ sáu hôm ấy, Herber Morrison, người thay thế Ernest Bevin trên cương vị Bộ trưởng Ngoại giao, ra lệnh bắt đầu điều tra ngay khi Maclean xuất hiện tại nơi làm việc vào sáng thứ hai.

Và cũng không có gì ngạc nhiên khi báo chí túm ngay lấy chi tiết Maclean biến mất vào chiều thứ sáu, còn cuộc hỏi cung ông lại được ấn định mãi tận sáng thứ hai. Nhiều nhà báo coi sự trùng hợp đó rất đáng ngờ. Một số nói công khai rằng, "bọn xô viết đáng nguyền rủa" hẳn là đã gài điệp viên của mình vào hàng ngũ cao cấp của Chính phủ, nhờ thế đã báo trước được cho Maclean và Burgess về cuộc điều tra. Nhưng họ đã nhầm. Đúng, chúng tôi biết sớm muộn gì Maclean cũng sẽ bị gọi lên trả lời nhưng không hề biết khi nào điều ấy sẽ xảy ra. Việc tính toán chính xác thời gian chạy trốn hoàn toàn là sự may mắn, và không là gì khác.

Ngày 25 tháng Năm, lúc 23h58', chiếc ô tô phanh kít

lại tại ụ tầu Southampton. Burgess và Maclean nhảy ra khỏi xe, bỏ nó lại giữa đường và lao bổ tới tàu "Fale" cầu tầu đã được thu lại. Tầu chuẩn bị rời bến.

Các nhà báo sau này phỏng đoán rằng Burgess bỏ xe lại ụ tầu để báo hiệu cho đồng đội. Hoàn toàn không phải. Chỉ vì họ đến bến có vài giây trước khi "Fale" nhổ neo và không còn thời gian gửi xe nữa.

Sáng 26 tháng Năm, Maclean và Burgess cập cảng Sant - Malo. Họ đặt chân lên lãnh thổ Pháp cùng với nhiều người đồng hành và bỏ qua khâu kiểm tra biên phòng. Hành lý được bỏ lại trên boong tầu. Trời mưa phùn dai dẳng nhưng hai người bạn làm ra vẻ đang ngắm danh lam thắng cảnh. Sau đó họ bình tĩnh gọi tắc xi và yêu cầu chở tới Renne - cách Sant - Malo 48 dặm. Khi hỏi cung người lái xe, anh ta trả lời rằng đã chở họ đến ga tầu hoả nhưng họ đi tầu nào thì anh ta không biết. Họ đã đi thẳng tới Paris, vượt từ Gar Monpartnas đến Gar de Austerlits, đi một mạch không nghỉ đến Geneve, còn sau đó tới Bern.

Sau khi đến thủ đô Thuỵ Sĩ, Burgess đến sứ quán Liên Xô, nơi người ta cấp cho ông hai hộ chiếu giả của Anh dán ảnh có thay đổi khác đi và tên họ cũng giả. Ông và Maclean ở bên ngoài lãnh thổ nước Anh đã 24 giờ, nhưng chưa có ai phát tín hiệu báo động cả. Có trong túi hộ chiếu mới, hai kẻ chạy trốn vội vã tới Durich, lên máy bay tới Stockholm qua Praha. Tại sân bay Tiệp Khắc, họ ra khỏi khu địa phận quốc tế và gặp được ngay các điệp viên của MGB. Chiều tối chủ nhật,

Burgess và Maclean đã an toàn đặt chân lên lãnh thổ Liên Xô.

Sáng thứ hai, chúng tôi được thông báo, chiến dịch đã thành công mỹ mãn. Sứ mạng của chúng tôi đã kết thúc: chúng tôi không chỉ đưa được Maclean ra khỏi nước Anh, mà còn làm điều đó sao cho không một ai có thể gọi đích cuối cùng của ông là Liên Xô. Tất nhiên, chẳng cần phải là thiên tài để đoán ra ông đi đâu, nhưng chúng tôi không ngăn cấm người khác phỏng đoán. Chúng tôi chỉ cần giữ bí mật chiến dịch càng lâu càng tốt.

Tôi vẫn không thôi ngạc nhiên, tại sao Burgess từ Praha không quay lại. Tôi nghĩ, có thể ông rơi vào trạng thái trầm uất. Mà cũng có thể người ta cho ông những đảm bảo nào đó, hứa sẽ đưa ông quay lại Anh trong thời gian gần nhất. Quá hiểu tính Guy, tôi nghĩ ông hình dung rằng, người ta để ông nghỉ ngơi vài ngày ở Moscow, sau đó sẽ trả ông về London. Ông không hề biết những gì sẽ chờ ông trong thực tế.

Ngày thứ hai, Melinda Maclean hai lần gọi điện đến Bộ Ngoại giao. Lần đầu cô gọi đến Vụ nước Mỹ và hỏi chồng cô có ở đấy không, và anh có nhờ nhắn lại gì cho cô không. Lần thứ hai là gọi cho Kery Foster, Cục trưởng Cục An ninh của Bộ. Cô nói, chồng cô đã đi khỏi nhà từ chiều thứ sáu với một bạn đồng nghiệp ở Bộ Ngoại giao, và từ đó cô không biết gì về chồng mình nữa.

Mãi đến ngày 30 tháng Năm, 5 ngày sau khi Maclean mất tích, nhân viên MI-5 mới tìm đến Melinda. Cô đang ở chỗ mẹ chồng, quý bà Maclean tại Kensington (quận quý tộc của London) thì chuông cửa vang lên. Hai thanh tra bước vào. Melinda nói, chồng cô đi từ tối thứ sáu tuần trước cùng anh bạn đồng nghiệp Style ở Bộ Ngoại giao. Cô mô tả hình dáng Style và làm ra vẻ rất lo lắng. Hai thanh tra yêu cầu hai người phụ nữ tạm thời không nói cho ai biết về chuyện xảy ra rồi ra về. Tất nhiên, họ xác định được ngay rằng chẳng có Rodger Style nào hết.

Ngày mồng 7 tháng Sáu, phu nhân Maclean nhận được một bức điện làm bà yên lòng, ký tên là "Tinto", tên bà gọi con trai khi cậu còn nhỏ. Ngay sau đó, Melinda cũng nhận được tin, lần này ký tên Donald. Bằng vài lời ngắn ngủi, ông xin vợ hãy tha thứ cho sự ra đi bất ngờ của mình, cam đoan rằng mình rất khoẻ và vẫn yêu cô như trước.

Cuộc chạy trốn của Burgess và Maclean đã khiến cả Chính phủ Anh rối loạn kinh khủng. Hàng trăm công chức Chính phủ bị kiểm tra lòng trung thành chính trị. Điểm ngắm tập trung vào những ai đang giữ hoặc đã từng giữ những chức vụ quan trọng trong cơ quan tình báo. Đến lượt mình, báo chí cũng góp tiếng nói vào yêu cầu đã ù ù trong tai: "hãy túm lấy chúng!" "Bia đỡ đạn đặc biệt" là bất kỳ một quan chức cao cấp nào, vào những năm 30 học ở Cambridge hoặc Oxford, có say mê các tư tưởng "tả khuynh".

Và đó chưa phải là hết. Người nào đã từng biết Burgess hoặc Maclean đều bị gọi lên cơ quan phản gián. Các bạn học của họ cũng bị hỏi cung, kể cả Blunt, cũng như hàng trăm người cựu mác-xít khác. Một số thoát khỏi được, còn số khác không phải dễ dàng mà qua.

Alan Maclean, cũng như anh trai Donald, giữ một chức vụ quan trọng, từng là thành viên đoàn đại biểu Anh tại Liên Hợp quốc. Ông ta đã buộc phải từ chức. Chồng của em gái Donald, Hancy, cũng bị mất chức. Sự nghiệp của những người đó, dù chẳng có gì chung với hoạt động gián điệp, nhưng đã bị căn bệnh thiển cận của nhiều cấp trong cơ quan tình báo Anh bóp chết.

Từ năm 1951, hai nhân viên phản gián Peter Right và Arthur Martin là người khởi xướng cuộc lùng bắt các điệp viên, đâu như do Burgess tuyển mộ. Dần dần, lòng quyết tâm tống cổ kẻ phản bội ra khỏi cơ quan tình báo Anh biến thành nỗi ám ảnh. Họ tin rằng, Burgess đã lập nên một mạng lưới điệp viên rộng lớn và chỉ đạo nó, qua nhiều năm mạng lưới đó đã bao trùm toàn ngành tình báo. Nói vậy thì quả là quá phóng đại. Guy không có người chuyên cung cấp tin nào cả. Ông chỉ có bạn bè và những người quen. Những người bị rút thông tin mà không hề biết. Dù vậy thói xúc xiểm của Right và Martin cũng đã phủ bóng đen ngờ vực lên toàn bộ cơ quan tình báo. Cuộc săn lùng bóng ma đã tạo nên bầu không khí nặng nề đến nỗi nhiều nhân viên tình báo

Anh, kể cả những người có chuyên môn nhất, đã rời khỏi ngành phản gián và tình báo.

Peter Right tự hào lạ lùng về phương pháp điều tra của mình. Anh ta đã huyênh hoang tuyên bố cơ quan phản gián của anh ta đã bủa một mẻ lưới dày đặc lên các điệp viên Nga ở Anh đến mức sẽ tóm được tối đa số kẻ hoạt động khả nghi. Trên thực tế, loại phương pháp đó lại là một tộc ác ngu xuẩn, vì kết quả duy nhất của nó chỉ là sự tiêu diệt những người hoàn toàn vô tội. Hàng chục điệp viên của MI-5 và các cơ quan khác trong ngành đã bị sa thải, làm nhục và xúc phạm. Một số thú nhận những sai lầm mà họ không hề mắc phải, số khác bị đẩy đến bước đường cùng đã tự kết liễu cuộc đời. Tôi cho rằng, Peter Right có ác cảm không chỉ với các điệp viên Liên Xô, một điều hoàn toàn hợp pháp, mà còn với tất cả các trí thức và giáo sư, đặc biệt là những người đã tốt nghiệp Cambridge. Mà nếu nói chính xác hơn, anh ta đã tỏ thái độ khinh rẻ tất cả những người có địa vị ở Anh.

Không khí điên cuồng không tồn tại được lâu. Lãnh đạo cơ quan an ninh nhanh chóng hiểu rằng, phương pháp điều tra của họ hết sức nguy hiểm, và ra lệnh "dừng lại!". Đó là công lao của họ, nhưng hoạt động không hay ho gì của Peter Right đã gây ra hậu quả. Lời tuyên bố cứng đầu của anh ta suốt bao năm rằng nấp sau mỗi gốc cây là một tay chân của Burgess đã đánh lạc hướng cơ quan tình báo Anh khỏi nhiệm vụ trực tiếp của họ là chiến thắng KGB. Sai lầm đó còn gây cho họ

tai hại lớn hơn, vì vào giai đoạn đó các cơ quan an ninh của Liên Xô đang trải qua cơn khủng hoảng, vấp phải một loạt thay đổi, và phần lớn các mạng lưới điệp viên ta được xây dựng trong chiến tranh đều hoặc là bị xoá sổ, hoặc là bị giải tán. Vậy nên chúng tôi thở phào nhìn những gì xảy ra trong ngành phản gián Anh, những phức tạp bên trong của họ đã phát sinh đúng vào khi họ có thể gây cho chúng ta tổn thất to lớn.

Bản thân tôi biết rằng, cơ quan thám báo của Anh là một tổ chức rất có hiệu quả. Khi tôi còn làm việc với các điệp viên Anh của chúng tôi, tôi đã có cơ hội đánh giá được hoạt động của MI-5, những ưu điểm và khuyết điểm của các nhân viên ở đó. Cảm nhận chung của tôi là: các điệp viên của họ rất thành thạo, và hoạt động của họ luôn có kết quả.

*

* *

Ngày 30 tháng Năm, Jeffry Peterson, đồng nghiệp cùng MI-5 với Philby tại Washington, thông báo cho ông về vụ bỏ trốn của Maclean. Philby tỏ vẻ ngạc nhiên ra mặt, nhưng khi Peterson nói thêm rằng cả Burgess cũng bỏ trốn, thì nỗi kinh hoàng của ông là không hề kịch chút nào. Ông hiểu, giờ đây ông đã "dính bùn", nhưng vẫn không để mất sự tỉnh táo. Philby điểm lại trong đầu mọi đồ vật, tài liệu có ở nhà ông có thể là vật chứng chống lại ông. Với số tài liệu thì đơn giản: ông đốt chúng trong lò sưởi. Vài ngày sau khi hay tin về

cuộc chạy trốn, Kim đã chuồn về Virginia mấy ngày để "nghỉ ngơi". Tại đây ông huỷ chiếc máy ảnh dùng để chụp tài liệu của CIA và MI-5 trên đất Mỹ.

Nhưng không đầy một tuần sau khi trở về Washington, Philby được biết, giám đốc FBI yêu cầu trục xuất gấp ông về Anh.

Phải nói rằng, cơ quan tình báo Anh vốn hoạt động rất hiệu quả đã rối loạn từ đầu tới cuối trong vụ bỏ trốn này. Bắt đầu từ việc, nó phải mất quá nhiều thời gian để hiểu chúng tôi đã đưa điệp viên của họ ra khỏi nước Anh như thế nào. Tất nhiên là chúng tôi đã tung hoả mù bằng cách gửi các bức điện cho gia đình Burgess và Maclean từ Paris, Beirut và Cairo. Báo chí mãi đến giữa tháng Sáu mới được biết về cuộc bỏ trốn. Báo "Daily Express" đã đăng tin giật gân về hai nhà ngoại giao Anh mất tích.

Các báo nước ngoài vồ ngay lấy tin nóng hổi, dành cho nó trang nhất của mình. Các toà soạn tới tấp nhận được tin dường như hai kẻ chạy trốn xuất hiện ở Mongmatre, Mongparnass Beyone, Cann, Andora, Brussells và Praha. Tại Praha thì có thể có ai đó nhìn thấy họ, nhưng chúng tôi tin rằng, không ai nhận ra họ trong chặng dừng chân ngắn ngủi tại Tiệp Khắc.

Giờ đây, sau khi Burgess va Maclean ẩn náu yên ổn rồi, tôi phải lo việc xoá những tang chứng họ có thể để lại và những gì có thể gây hại cho các điệp viên khác

trong đường dây. Giúp tôi là Blunt, ông vẫn chưa bị mất đi lòng tín nhiệm của phe đối phương của ta.

Đầu tháng Sáu, phản gián Anh không vội thông tin về việc cho đến giờ vẫn chưa tiến hành khám xét tỷ mỷ được căn hộ của Burgess và nhà của Maclean. Họ thích im lặng về sự chậm chạp của mình. Sau đó, để sửa chữa tình hình, MI-5 đề nghị Blunt (tất cả đều biết ông là bạn thân của Burgess) tìm kiếm chìa khoá của căn hộ. Các nhân viên phản gián hẳn là hy vọng tìm thấy ở đó nhiều chứng cớ chống lại cả hai "kẻ phản bội" nên hành động rất thận trọng. Tất nhiên là Blunt sẵn sàng giúp việc vặt ấy cho các đồng chí cũ của mình ở MI-5. Jack Huitt, một tình nhân cũ của Burgess, đã đưa cho ông chìa khoá. Thành công không ngờ ấy cho chúng tôi vài giờ để huỷ tất cả những gì có thể làm phương hại đến chúng tôi hoặc ai đó trong các điệp viên của chúng tôi trong căn hộ của Guy. Biết rõ Burgess, nên tôi tin rằng ông không hề áp dụng một biện pháp phòng xa nào, dù là đơn giản nhất. Một hoặc hai chìa khoá mở cửa hoạt động bí mật của ông thể nào cũng vương vãi đâu đó. Ngoài ra, ông đã rất vội và lo lắng nên hẳn là không còn lo đến việc thu dọn trong phòng được nữa.

Vậy là Blunt đã kịp thời lọt vào hang ổ của Burgess. Ông lọc ra tất cả những tài liệu có hại trong lúc báo, cặp và sách vương vãi khắp nơi. Vật tìm thấy giá trị nhất là bức điện cuối cùng của Philby với những từ nhiều ẩn ý: "Không khí ở đây đang rất nóng". Blunt đốt nó cùng với một tập tài liệu khác. Khi tôi kể cho

Burgess nghe chi tiết đó tại Moscow, ông chối bay và ra sức thề rằng, khi ra đi căn hộ rất ngăn nắp và không còn một dấu vết nào cả.

Khi Blunt chuyển chiếc chìa khoá cho bên phản gián, các nhân viên của họ lao bổ đến đó và lật tung căn hộ từ trên xuống dưới. Sau này họ nói đã tìm thấy vài mẩu giấy viết tay về cuộc gặp bí mật nào đó tại Whyholle (một phố ở London) vào năm 1939. Theo lời họ, John Colvill, một thành viên đội khám xét đã nhận ra nét chữ của John Cairncross. Tôi cho đó chỉ là bịa đặt nhảm nhí: giữa "Paul" (Burgess) và "Karel" (Cairncross) chưa từng có một liên hệ nào cả, đặc biệt là vào những năm đó.

Mặc dù vậy, Cairncross, cũng như nhiều nhân viên Bộ Ngoại giao khác bị đặt dưới sự theo dõi chặt chẽ của cơ quan phản gián. Tôi được biết điều đó vào tháng Sáu, đúng một tháng sau cuộc ra đi của Burgess và Maclean.

Đó là một buổi tối mùa hè tuyệt đẹp. Tôi phải gặp Cairncross cạnh ga tầu điện ngầm Iling Common lúc 8 giờ - thời gian thường lệ của chúng tôi - và nhận ở ông một buộc tài liệu. Tôi hoàn toàn bình tĩnh và tin vào mình, mặc cho mối đe doạ đang treo trên đầu nhánh điệp viên còn lại của tôi. Số tài liệu về NATO mà Cairncross mang đến cho tôi lần trước rất có giá trị, và tôi đã nhận được lời chúc mừng của cấp trên.

Tôi dạo bước chậm rãi trên con phố nhỏ rẽ ra đại lộ

lớn bên cạnh ga Ilíng Common, kẹp tờ báo dưới nách, nhìn ngó vào các gian hàng. Những tia nắng đang dần lặn, bóng tối choàng lên cả phần vỉa hè, người qua đường không nhìn thấy tôi, còn tôi lại dễ dàng quan sát được những gì ngoài phố rộng, và đầy ánh mặt trời.

Tôi và Cairncross đã hẹn nhau là ông sẽ ra khỏi tàu điện ngầm, qua đường và đi vào nhà vệ sinh công cộng nằm cạnh đó. Cách chỗ tôi một trăm mét là bến xe buýt. Tôi để ý thấy có 2 người đang chờ xe. Một quang cảnh bình thường. Tôi vén tay áo xem đồng hồ: 3 phút nữa điệp viên của tôi sẽ xuất hiện. Khi ông vào nhà vệ sinh, tôi sẽ vào theo. Trong đó ông sẽ chuyển tập tài liệu từ buồng của ông sang buồng tôi.

Khi tôi nhìn thấy Cairncross, khoảng cách giữa chúng tôi là 50 mét. Ông đến hơi sớm, một điều bất thường đối với ông. Tôi rảo bước.

Ra đến phố lớn, tôi liếc nhìn người phụ nữ trung niên và anh thanh niên đứng ở bến xe buýt. Không hiểu sao tôi không thích anh ta lắm. Anh ta không đứng cách vỉa hè một chút như những người London thường làm, mà đứng ngay bên mép trong tư thế hoàn toàn không giống như đang chờ xe buýt chút nào. Tôi không biết vì sao mình nghĩ vậy. Chỉ biết là tôi nghĩ thế. Nhìn sang trái, tôi thấy một người khác nhiều tuổi hơn một chút. Ông ta ngồi trên chiếc ghế dài cách nhà vệ sinh vài mét.

Tôi hoạt động ngoại tuyến đã gần bảy năm, đã đủ

kinh nghiệm để biết rằng có thể dựa vào trực giác của mình, và tôi đang cảm thấy nguy hiểm. Cảm giác tăng lên khi tôi nhận thấy cậu trai trẻ trên bến kín đáo liếc nhìn về phía chiếc ghế dài, dường như muốn báo hiệu cho người ngồi đó là mọi việc đều ổn. Không lẽ họ đang theo dõi Cairncross, lúc này đã vào nhà vệ sinh? Tôi còn phải vượt qua đường. Và tôi do dự. Chỉ còn một phần nghìn giây đồng hồ để suy nghĩ. Đi? Hay là không? Tôi sẽ rẽ phải và bước dọc theo phố, nơi tôi biết có một cửa hàng đồ trang sức. Vừa ngắm nghía các chuỗi hạt trong tủ kính, tôi vừa nghĩ xem phải làm gì tiếp theo. Có thể đó chỉ là do cảm giác của tôi và tôi đã quá thận trọng chăng? Vì đây có phải lần đầu tôi gặp gỡ Cairncross ở ngoài phố đâu. Mặc dù vậy tôi vẫn quyết định bỏ cuộc hẹn. Tôi rời cửa hàng và đi về nhà.

Corovin không hiểu. Tuyệt đối không. Chính ông ta, như tôi đã nói, đã thôi không còn tuân thủ những nguyên tắc an toàn cơ bản nữa. Tất nhiên, tôi đã không thể cãi lại và đành hứng chịu hết lời buộc tội vô lý.

- Chuyện gì vậy hả, Iuri Ivanovich? Anh sợ phải không? Nhưng điều đó không thể có được! Không bao giờ có đuôi theo Carel cả, chính anh đã nói với tôi điều đó.

Tôi thuật lại tỷ mỷ lý do vì sao tôi nảy mối nghi ngờ và thậm chí còn vẽ sơ đồ ai đứng ở chỗ nào tại nơi gặp gỡ. Nhưng Corovin vẫn cứ đinh ninh rằng tôi đã hoảng.

- Khi con người hèn nhát, - ông buông xõng, - anh ta thường đổ cho trực giác.

Corovin đã gửi về Moscow bản báo cáo có nội dung tiêu cực. Ông tuyên bố, hoàn toàn do lỗi của tôi mà một cuộc gặp quan trọng sống còn đã bị huỷ bỏ. Tôi được nhận lời khiển trách gay gắt và lời buộc tội là hèn nhát.

Mọi việc được thu xếp khi tôi giải thích với cấp trên, rằng không phải mọi việc đều tồi tệ như vậy. Mối liên lạc với Cairncross không bị mất. Vì chúng tôi đã giao ước với nhau về 3 cuộc hẹn dự phòng nếu xảy ra trường hợp như vừa rồi. Tám ngày sau chúng tôi sẽ lại phải gặp nhau cũng ở địa điểm đó, thời gian đó. Nếu cuốc gặp này vẫn không thành, chúng tôi còn một cuộc dự trữ nữa. Cùng nữa thì có thể chuyển sang hệ thống liên lạc dài hạn.

Mọi người tạm yên tấm, nhưng tiếc thay, Cairncross không hề xuất hiện ở một cuộc hẹn dự phòng nào. Niềm tin càng khẳng định hơn rằng tôi đã hành động đúng khi huỷ bỏ cuộc gặp thứ nhất tại Iling Common. Nhưng Corovin không chịu thôi. Từ ngày đó, giữa chúng tôi bắt đầu cuộc chiến công khai.

Tôi có trách nhiệm tìm ra cách gặp được Cairncross. Phải mất vài tuần cho việc đó, bởi vì ông rất ít xuất hiện ngoài phố, và lần nào cũng có người đi cùng ông. Tôi đã chờ hàng giờ đồng hồ hy vọng tóm được ông trên đường giữa Bộ và nhà. Cuối cùng tôi cũng làm được điều đó. Tôi chộp được ông ở nơi tôi hoàn toàn tin rằng hai người được an toàn. Đi phía sau cách ông độ 1-1,5m, tôi nói thầm vào gáy ông vài từ về giờ và địa điểm gặp. Cairncross gật đầu và đi tiếp.

Lần này thì ông đến. Chúng tôi gặp nhau ở ngoại ô. Vừa nhìn thấy Cairncross tôi đã hiểu ngay - có chuyện xảy ra rồi. Tôi giải thích việc tại sao tôi không đến chỗ hẹn tại Iling Common, và hỏi ông có nhận thấy điều gì không. Hôm đó ông không thấy gì cả, còn ông không đến các lần hẹn dự trữ vì ông quá sợ hãi.

- Peter, ngay sau lần hẹn đầu tiên không thành, tôi bị gọi lên hỏi cung tại phòng phản gián. Đầu tiên họ nói với tôi khá nhã nhặn, sau đó thay đổi giọng và trở nên rất khó chịu. Họ chĩa mũi dùi vào việc tôi đã ở trong Đảng Cộng sản Anh thời còn học ở Cambridge. Tôi nhắc đi nhắc lại rằng mình chưa bao giờ giấu giếm sự thật đó và chủ nghĩa cộng sản của tôi chỉ là sự dại khờ của tuổi trẻ. Tôi thề với họ là từ ngày đó, quan điểm của tôi đã thay đổi. Đấy là lý do vì sao tôi không đến điểm hẹn với anh được.

Tôi ngẫm nghĩ. Hoàn toàn hiển nhiên là Cairncross đang bị Stress trầm trọng. Dù vậy ông vẫn còn cầm cự được chút ít. Tôi động viên ông, và cam đoan rằng cuộc hỏi cung nhiều giờ đồng hồ ấy sẽ không lắp lại nữa. Chúng tôi không hề để lại một dấu vết nào để bên phản gián có thể tóm lấy được. Nhưng tôi hiểu một điều tồi tệ hơn nhiều qua lời chuyện trò tiếp theo của ông: MI-5 đã cấm không cho ông tiếp xúc với thông tin mật. Đó là hậu quả của bầu không khí mất tin tưởng chung trong các cơ quan Chính phủ. Sau khi nghe thông báo đó, Cairncross trả lời vẻ thản nhiên: ông hiểu và đồng ý vô điều kiện chuyển sang làm việc tại một cục khác.

Tôi hiểu ngay, mối liên hệ của tôi với Cairncross đã đi đến hồi kết, nhưng trước khi có quyết định phải hỏi ý kiến trung tâm đã. Cairncross hiểu tôi và chúng tôi hẹn gặp nhau một lần nữa. Nhìn dáng ông gù gù, chậm rãi đi khuất, tôi nghĩ trong đầu: "Ông ấy thật dũng cảm". Dù thật sự có thế nào thì trông ông cũng có vẻ như số phận bản thân ông làm ông ít lo lắng hơn là tôi.

Quay về sứ quán, tôi gửi ngay báo cáo về Moscow. Tôi viết, theo tôi, phản gián Anh sẽ tiếp tục theo dõi Cairncross trong thời gian tới. Câu trả lời đến ngay. Tôi phải chấm dứt hoạt động với Cairncross.

Trước cuộc gặp cuối cùng, Corovin trao cho tôi một khoản tiền lớn - tôi không nhớ là bao nhiêu - để chuyển cho Cairncross. "Carel" không bao giờ đòi hỏi gì, nhưng bây giờ tình báo Liên Xô quyết định chuyển cho ông một khoản kha khá để tỏ lòng cảm ơn. Tôi luôn phản đối việc trả tiền cho điệp viên. Tiền gây nên sự lúng túng thế nào đó trong quan hệ, và ham muốn có được chúng có thể phá vỡ mối quan hệ chân thành và hữu hảo. Nhưng giờ đây, khi buộc phải chia tay với Cairncross tôi cho rằng động tác đó không có hại gì cả. Thêm vào đó, ông mới cưới Gabriella, một phụ nữ trẻ, và tiền sẽ có ích cho họ để xây dựng tổ ấm gia đình. Ít nhất là ông có thể sống bằng số tiền đó trong vài năm.

Khi chúng tôi chia tay, tôi không nhận thấy bất cứ sự thay đổi nào trong thái độ của Cairncross.

- Trung tâm cho rằng, - tôi nói, - giờ sẽ tốt cho cả hai

bên nếu chúng ta chia tay mãi mãi. Ông đã làm được nhiều việc có ích cho chúng tôi, và chúng tôi không có quyền làm ông bị nguy hiểm trong tình hình hiện nay. Nếu chúng ta đặt dấu chấm hết ngay bây giờ, đối phương sẽ không còn cơ sở gì để kết tội ông. Hiện tại họ không có bằng chứng nào chống lại ông, và chúng tôi muốn mọi sự kết thúc tốt đẹp.

Cairncross điềm tĩnh nghe hết lời tuyên bố rồi cười mỉm chua chát.

- Tôi không nghĩ là mình đã gây ra lỗi gì nghiêm trọng, - ông nói - Họ không có gì chắc chắn chống lại tôi cả, chỉ có lời đồn. Nhưng tôi rất muốn biết ai đã chỉ điểm tôi. Không phải tất cả các cựu đảng viên cộng sản đều bị chuyển công tác khác. Vậy tại sao tôi lại bị? Có thể là đã có kẻ phản bội hay chỉ điểm nào đó. Nếu các anh tìm ra kẻ đó trong cơ quan của mình, hãy xử lý cho ra trò. Hãy cho nó tiêu.

Tôi đưa cho ông chiếc phong bì đựng tiền. Không nói một lời nào, Cairncross thả nó vào túi áo khoác. Tôi ra về, còn ông ngồi lại trong bóng chiều nhập nhoạng. Chúng tôi không bao giờ còn gặp nhau nữa.

Hai năm trước đây, tôi có đọc một loạt tài liệu về "Carel". Trong đó nói là, cơ quan phản gián Anh đã theo dõi ông từ tháng Sáu năm 1951, khi cuộc gặp của chúng tôi tại Iling Common không thành. Hồi đó, suýt nữa thì chúng tôi đã bị sa lưới. Như vậy là trực giác đã không đánh lừa tôi.

Tôi nghe nói, Cairncross còn bị hỏi cung mấy lần nữa, sau đó ông nghỉ việc và ra nước ngoài.

Họ còn nói, năm 1964 MI-5 cuối cùng cũng đã làm được ông mở miệng. Tôi nghĩ, thực là ông có khai, nhưng sớm hơn đó nhiều - năm 1951 hay 1952 gì đó, khi hỏi cung ông là William Skardon, chính người đã vạch mặt Clause Fucks - gián điệp nguyên tử. Lời thú nhận của Cairncross chỉ được chứng minh bằng một bằng chứng duy nhất, mà cũng là bằng chứng gián tiếp. Bản thân tôi tin rằng Cairncross đã kể nhiều điều vào đầu thập kỷ 50 để đổi lấy lời hứa không bị đụng đến.

*

* *

Sau khi Cairncross nghỉ việc, tôi không có tin tức gì về ông. Đầu như lúc đầu ông sang Mỹ, sau đó sang châu Á, rồi lại quay về Roma. Tại đó ông làm việc cho Ban Nông nghiệp thuộc Tổ chức Nông nghiệp - lương thực của Liên Hợp quốc. Ít nhất trong hồ sơ của KGB nói như vậy.

Và mặc dù Cairncross không còn ở trên đất Anh, cơ quan phản gián vẫn không ngừng điều tra về hoạt động của ông. Vào năm 1967, khi ông đang ở Roma, phản gián Anh đã xác định được rằng ông được James Clugman tuyển mộ từ khi còn học ở Cambridge. Ông bị đưa trở lại Anh và nếm mùi phương pháp được mọi cơ quan thám báo biết rất rõ: họ bắt ông tuyển mộ lại Clugman, người đã từng tuyển mộ ông. Cairncross đến

thăm người bạn cũ, lúc này vẫn nằm trong ban lãnh đạo Đảng Cộng sản, và đề nghị ông làm việc cho tình báo Anh. Clugman cười to vào mặt Cairncross và nói, rằng những người cử ông tới đây quả là nắm bắt thông tin rất tồi: ngay từ hồi còn chiến tranh ông ta đã là sĩ quan tình báo Anh rồi. Sự việc kết thúc ở đó. Cairncross được quay lại thành phố Vĩnh cửu. Tôi sẽ không nói mình lấy thông tin này ở đâu ra, nhưng tôi được biết, Clugman, người chưa bao giờ tôi gặp mặt, hả hê về điều này.

Tại Roma, Cairncross và Gabriella đã chia tay nhau. Đến thập kỷ 70, ông sang Pháp và ở hẳn tại đó như nhiều người Anh khác sau khi từ chức. Năm 1988, ông xuất bản tập chuyên khảo "Tính nhân đạo của Moliere". Cairncross sống bình lặng với cô bạn trẻ người Mỹ Gail và mấy con chó. Một con có cái tên độc đáo "Blackmail" ("Tống tiền"). Tiếc thay, tôi không còn được gặp lại người đã cứu hàng nghìn lính Nga ấy nữa. Cairncross đã mất năm 1995.

Nhiều điều tôi viết trong cuốn sách này sẽ là khám phá đối với tình báo Anh, dù không có tôi họ cũng đã biết nhiều về Cairncross. Cả báo chí Anh cả báo chí Pháp đã dành cho ông nhiều sự chú ý sau khi Chritstofer Andrew và Oleg Gordievski[1] xuất bản cuốn sách "Sự thật bên trong KGB" tháng Mười năm 1990.

---

(1). Oleg Gordievski, tướng KGB, hồi thập kỷ 60 đã chạy ra nước ngoài.

Lúc đó các nhà báo đã săn lùng Cairncross và phỏng vấn ông. Cuộc phỏng vấn được ông thực hiện với một tài nghệ không ai sánh nổi:

- Tôi không phải ngôi sao điện ảnh, mà chỉ là anh lính quèn. Trách nhiệm khiến tôi phải thận trọng. Thậm chí vì khách quan tôi không thể nói đến một số lĩnh vực trong hoạt động của mình.

Trong cuộc chuyện trò với phóng viên một tờ báo Pháp, Cairncross đã nói lên một nhận xét cụ thể hơn, mà theo tôi nó chỉ hơn ở mức độ suy luận rộng.

- Có thể sẽ đến ngày chúng ta thử cố gắng hiểu sự thật ẩn đằng sau những sự kiện, và giải thích những quá trình phức tạp mà một trí thức trẻ dính líu vào những việc như vậy.

Nếu pháp luật Anh thấy cần phải bắt John Cairncross chịu trách nhiệm, thì nó đã làm việc đó từ lâu. Nhưng người ta đã không làm việc đó! Vì vậy tôi cho rằng mình có toàn quyền kể về người điệp viên tôi đặc biệt ưa thích và người theo như tôi nghĩ, tôi có nhiều điểm chung hơn cả.

*

* *

Tháng Sáu năm 1951, Melinda Maclean sinh con gái, cũng đặt tên là Melinda. Phu nhân Maclean tuyên bố muốn tạm rời nước Anh ít lâu để tránh các cuộc tấn công của đám nhà báo không để bà yên ở Tatsfield. Vợ

của Maclean đã không dám ra khỏi nhà, còn hai con trai Fergus và Donald cũng không đi học.

Trước khi chuyển đến sống với chị gái tại biệt thự Bovalon tại Cotđadur, Melinda bị gọi lên MI-5. Tại đây cô bị William Scardon hỏi cung ráo riết. Cô đã vượt qua thử thách dễ dàng, thuyết phục được Scardon rằng mình hoàn toàn không dính líu gì đến hoạt động của chồng. Người có kinh nghiệm lão luyện như Scardon cũng không nghi ngờ gì và thậm chí còn đề nghị Melinda báo cho anh ta nếu Donald có liên lạc với cô.

Vào tháng Bảy, ít lâu trước khi Melinda đưa các con ra nước ngoài, mẹ của cô, bà Danbar, nhận được giấy báo của bưu điện rằng có một tài khoản 2000 bảng Anh mang tên con gái bà tại nhà băng Thuỵ Sĩ. Trung tâm đã dùng cách đó để giúp đỡ Melinda. Sau khi chồng bỏ trốn, cô gần như không có một đồng nào cả.

Cũng vào khoảng thời gian đó, Kim Philby từ Washington trở về, và Dick Whites, sếp của MI-5 đã gọi ông lên chất vấn. Whites tuyên bố ngay với ông rằng ông cho Kim là điệp viên Liên Xô thứ ba. Sau đó ông ta kết tội Philby đã đồng lõa với Maclean, bởi theo Whites, chính Kim đã cử Burgess về London để báo động cho Donald. Cả hai phỏng đoán của Whites tất nhiên là hoàn toàn đúng.

Philby đã tập dượt màn kịch này nhiều lần trong đầu nên ông không bối rối chút nào cả. Ông tự vệ một cách kiên cường và nhiệt tình.

- Tôi công khai thừa nhận rằng, - Philby nói, - Burgess là một người bạn của tôi, nhưng tôi không hề nhờ anh ấy một việc gì như vậy cả. Tôi không cho phép mình lẫn lộn công việc với quan hệ bạn bè nào hết. Nếu ông nghĩ khác thì ông phải chứng minh việc đó.

Ông đã tự nhủ thầm: mặc chuyện gì xảy ra, ông sẽ giữ đường lối đó đến cùng.

Một nhân viên FBI tôi gặp năm 1993 đã khẳng định rằng, tổ chức của ông đã nghi Philby là gián điệp Liên Xô từ lâu trước khi Maclean bỏ trốn. Năm 1951, người Mỹ đòi đưa ông ra toà, nhưng MI-5 từ chối quyết liệt. Hơn thế nữa, mặc những lời khuyên của FBI, Philby vẫn ở ngoài tự do, dù tự do rất tương đối, bởi vì các cuộc hỏi cung cứ nối tiếp nhau, cuộc nọ tiếp cuộc kia. Suốt mấy năm liền ông thường xuyên bị gọi lên MI-5. Hỏi cung là hai nhân viên điều tra rất có kinh nghiệm và kiên nhẫn: Scardon và Heli Milmo. Dường như họ đặc biệt thoả mãn khi vùi dập ông dưới những câu hỏi độc địa.

Thỉnh thoảng, hai quan toà lại đưa Philby ra ngoại ô vào các thứ bảy và chủ nhật. Tại đây họ cùng đi dạo trong vườn và trò chuyện về các chủ đề ngoài lề, rồi như vô tình đặt ra cho ông những câu hỏi thật sự họ quan tâm. Milmo và Scardon đã chuẩn bị sẵn những câu hỏi, sao cho Philby phải trả lời ngay lập tức. Phương pháp của họ, được các chuyên gia sành sỏi nắm rất vững, là để cho Philby đưa ra nhiều câu trả lời cho cùng một câu hỏi được đặt khác đi.

Nhiều năm sau này, khi tôi gặp Philby tại Moscow, chúng tôi thường cùng nhau ôn lại giai đoạn khủng khiếp đó trong cuộc đời ông. Ông luôn nói, những cuộc hỏi cung đó đòi hỏi sự căng thẳng đến kiệt sức để không nói hớ và không đưa ra những câu trả lời mẫu thuẫn nhau. Vậy mà Philby đã cầm cự được hàng năm ròng. Tôi nghĩ, có rất ít người có thể chống chọi lại được sức ép của hai chuyên gia xuất sắc ấy, như Philby đã làm.

Mùa thu năm 1952, MI-5 chính thức tuyên bố, do quan hệ của Philby với Burgess, Kim đã trở thành kẻ tình nghi "số 1". Trước khả năng ra toà, người ta khuyên ông nên xin trợ cấp mất việc theo luật định. Ông từ chối cho có lệ, nhưng sau đổi ý và viết đơn. Philby bị ra khỏi ngành tình báo. Người ta cấp cho ông đầu tiên là 2000 bảng, sau thêm 2000 nữa. Ngoài ra Bộ Ngoại giao cũng cho ông một khoản là 2000 bảng trả dần hàng tháng trong vòng 3 năm. Philby rất không thích việc đó, vì như vậy người ta cho ông hiểu rằng, khoản tiền này đối với bộ chẳng qua chỉ là lấy lệ, và họ sẽ rất hài lòng nếu Philby bị kết án và tống vào nhà giam.

Tháng 12 năm 1951, MI-5 gọi Philby lên để ông ra điều trần trước nhóm điều tra. Ông có lo ngại khi chuẩn bị đến đó nhưng dù sao vẫn cảm thấy khá vững tin, vì như ông được biết, chưa có một bằng chứng rõ ràng nào chống lại ông. Một vài mối nghi ngờ chưa đủ là lý do để kết tội một con người. Và rồi cả lần này nữa ông cũng ra khỏi bẫy không sứt mẻ gì, bởi vì ngay khi

nghe câu hỏi đầu tiên, ông đã hiểu rằng những kẻ hành xác ông không phát hiện được điều gì nghiêm trọng cả: chỉ có một số tài liệu có thể đem gán cho bất kỳ một nhân viên nào của MI-6. Ngoài ra, ông còn được động viên bởi tình cảm tốt lành từ phía các đồng nghiệp cũ, họ vẫn tin ông vô tội và khéo léo vận động để bảo vệ ông.

*

* *

Sau cuộc chạy trốn của Burgess và Maclean, chúng tôi phải nhân đôi sự thận trọng trong hoạt động với Anthony Blunt. Phản gián Anh biết ông là bạn thân nhất của Burgess nên theo dõi ông ráo riết. Khi Blunt được hỏi về sự mất tích của Guy, lúc đầu ông quyết định làm ra vẻ không liên quan gì đến việc này. Và ông khẳng định không biết chuyện xảy ra như thế nào. Nhưng những lời phủ nhận của ông không thể kéo dài được lâu. Vì vậy Trung tâm chỉ thị cho tôi thuyết phục Blunt bỏ trốn.

Tôi gặp ông tại Normand Park, một vườn hoa nhỏ nằm ở phía tây London. Ông không bối rối, không xúc động: chiếc mặt nạ vô cảm của một quý ông vẫn luôn luôn ngự trị trên mặt ông. Tôi kể ông nghe hoàn cảnh chạy trốn của các bạn ông và chuyển tới ông mong muốn của Trung tâm được nhìn thấy Blunt tại Moscow trong tương lai.

Chúng tôi nói chuyện rất lâu. Tôi giải thích với

Blunt, thời gian tới ông sẽ bị lôi đến các cuộc hỏi cung vô tận, và thậm chí còn có thể bị bắt. Dù thế này hay thế khác thì các nhân viên của MI-5 sẽ bám theo ông không biết mệt mỏi. Nhưng Blunt đã tự quyết định cho mình, hơn thế nữa các cuộc hỏi cung đã bắt đầu. Khi tôi nói, cuộc chạy trốn cho ông sẽ được tổ chức nhanh chóng, trôi chảy và Moscow sẽ đón ông nồng nhiệt, Blunt chỉ mỉm cười.

- Tất nhiên, - ông hài hước nói tiếp, - các ông sẽ đảm bảo cho tôi cả chuyến du lịch đến điện Versaille nếu điều đó cần thiết cho công việc của tôi chứ gì...

Đến lượt tôi mỉm cười:

- Xin anh hiểu cho rằng, - Blunt nói, - đơn giản là tôi không thể sống ở Liên Xô trong những điều kiện mà các ông dành cho tôi. Tôi biết rõ người nước ông sống thế nào, và xin cam đoan với ông, tôi sẽ rất khó và gần như là không thể sống như họ.

Tôi không biết trả lời thế nào, và Blunt nói tiếp:

- Tôi đã làm việc nhiều năm cho ngành phản gián. Tôi tin rằng, họ không thể buộc được tôi thú nhận nếu tôi không muốn. Mà tôi thì không có ý định ấy đâu. Và nếu ông muốn biết vì sao, thì tôi có thể nói rằng: tôi yêu mến và kính trọng sâu sắc Guy Burgess và tôi thà chết còn hơn phải đặt anh ấy vào tình huống nguy hiểm. Anh ấy đã trốn khỏi nước Anh, nhưng chứng cớ rằng anh ấy là gián điệp Liên Xô thì không có. Vì vậy rất có thể là một ngày nào đó Guy sẽ quay trở về. Và vì khả

năng đó phụ thuộc vào tôi nên sẽ không ai moi được một bằng chứng nào hết. Tôi không bao giờ khai ra anh ấy đâu. Nói tóm lại là tôi dứt khoát từ chối bỏ trốn.

Hai chúng tôi đều biết rằng, đúng là khó mà khởi tố chống lại ông thật. Thời thanh niên, thậm chí Blunt còn không có thẻ đảng viên nữa kia. Vì thế tôi coi quyết định ở lại Anh của ông là Fait accompli[1]. Tôi đã không thuyết phục được ông và không còn việc gì nữa ngoài việc thoả thuận phương thức liên lạc với nhau trong trường hợp cần thiết.

Chúng tôi đang dạo bước trên vỉa hè thì tự nhiên Blunt thấy khó chịu. Ông ôm lấy ngực, thở hắt ra, khuôn mặt ướt đẫm mồ hôi. Tôi dìu Anthony đến chiếc ghế dài. Tình trạng của ông làm mấy người xung quanh chú ý. Một người đàn ông lạ mặt đề nghị gọi xe cấp cứu. Blunt chậm chạp tỉnh lại và lịch sự từ chối.

Mười phút sau ông đã khá hơn nhiều, nhưng tôi vẫn rất lo lắng và không dám để ông đi một mình về nhà.

- Peter, đã nhiều lần tôi bị như vậy rồi, - ông nói - Ông đừng lo, tôi sẽ bắt tắcxi về nhà yên ổn thôi. Vậy là ông có thêm một nguyên nhân xác đáng nữa, vì sao tôi không đến nước Nga được. Nếu tôi phải chết vì trụy tim thì cứ để tôi chết ở đây.

Sau những lời đó, ông đứng dậy, chìa tay bắt tay tôi và chậm rãi bước đi.

---

(1) . Đã quyết định xong (tiếng Latinh)

Tôi theo sau ông một đoạn, cho đến khi ông ngồi vào tắc xi.

Tôi báo cáo về cuộc gặp gỡ và sức khoẻ của Blunt với sứ quan. Corovin hiểu ngay rằng chúng tôi không nên khăng khăng giữ ý kiến nữa. Trung tâm không chỉ gác lại ý đồ về cuộc chạy trốn của ông, mà còn chỉ thị cho tôi không tiếp tục gặp gỡ Blunt nữa, ít nhất là cho đến khi giông bão qua đi.

*

* *

Phản gián Anh không nghi ngờ gì tôi cả, cho dù bốn năm nay tôi đã gặp Burgess, Blunt, Cairncross và các điệp viên khác hàng trăm lần. Tôi chắc chắn rằng mình không để lại dấu vết gì cả. Nói theo chuyên môn ngành tình báo thì công việc của tôi là "sạch sẽ". Trung tâm đã nhận ở tôi rất nhiều tài liệu quan trọng mà Liên Xô đã sử dụng hết sức hiệu quả. Hơn thế nữa, tôi đã có được chút ít uy tín trong Bộ Ngoại giao. Vợ tôi đã nhận được lời khẳng định chính xác điều đó khi cô ấy về nghỉ hè tại Moscow năm 1949. Cô đến Bộ Ngoại giao để làm thủ tục hành chính gì đó. Sau khi nghe thấy họ cô một nhân viên đã hỏi lại:

- Vậy chị là vợ Modin à?! Ở đây, trong Cục báo chí, chúng tôi rất đáng giá công việc của anh ấy. Anh ấy đã gửi cho chúng tôi nhiều tài liệu về nước Anh đến nỗi nếu đem đóng nó lại thành tập thì phải nhiều hơn cả toàn bộ tác phẩm của Lermontov.

*

* *

Corovin yêu cầu tôi gặp Blunt lần cuối để thoả thuận dứt khoát chấm dứt quan hệ. Quyết định đó của Moscow khiến Anthony rất vui mừng. Tôi cũng thông báo với ông rằng chúng tôi tạm chấm dứt liên lạc với Philby trong 2-3 năm. Blunt từ chối nhận tiền. Chúng tôi thân ái chia tay sau khi thoả thuận lại về phương thức liên lạc trong trường hợp cần thiết.

Tính cả việc chúng tôi đã không để xảy ra một lỗi nghiêm trọng nào thì ở giai đoạn này nguy cơ đối với Blunt là rất ít. MI-5 biết nhiều đến mức nếu có một chứng cớ nào đó chống lại ông thì nó sẽ biểu hiện lên ngay. Tôi chỉ ngại một điều, lỡ chẳng may có một điệp viên Liên Xô nào đó bỏ trốn sẽ làm nổ tung mạng lưới của chúng tôi.

Cũng đã có người gây tác hại gián tiếp, đó là Antoly Golitsyn. Hắn ta đã khai với MI-5 về các điệp viên của tình báo Xô Viết, mặc dù không nhiều đến mức làm tổn hại đến họ. Golitsyn không biết tên tuổi cũng như chi tiết tiểu sử của bộ ngũ Cambridge. Ngay cả ở Moscow cũng không ai biết họ, ngoài lãnh đạo cao nhất của KGB, một số nhân viên làm việc với nhóm, và một ai đó trong số các nhà hoạt động chính trị. Tất nhiên, điều bất ngờ vẫn có thể xảy ra, nhưng ít nhất tôi tin chắc một điều: cả Blunt, cả Philby đều chịu đựng được cuộc hỏi cung và sẽ không "gục ngã".

Chúng tôi ở London phải hết sức thận trọng. Không một nhân viên sứ quán nào biết tý gì về công việc của tôi với bộ ngũ Cambridge. Họ có thể biết tôi liên lạc với điệp viên nào đó, nhưng đích xác là ai thì chỉ có 3 người nắm được: tôi, đại sứ và Corovin.

*

* *

Maclean và Burgess biến mất ngày 25 tháng Năm năm 1951. Nơi cư trú của họ không được công bố công khai. Sau một hồi báo chí rùm beng, đến cuối tháng Sáu chủ đề này dần dần rút khỏi các trang nhất, thay thế nó là các nốt hài âm của toà án Nuremberg, chiến tranh ở bán đảo Triều Tiên và cuộc bầu cử vào tháng Mười ở Anh. Cuộc bầu cử này đã đưa phe bảo thủ và ngài Winston Churchill 70 tuổi lên đỉnh cao quyền lực.

Mùa hè năm 1952, đại sứ Liên Xô tại Vương quốc Anh là Gheorghi Nicolacrich Zarubin được gọi về Moscow. Tin đó khiến vợ chồng tôi rất buồn: đối với chúng tôi Zarubin như một người cha. Ông đã tạo lập được trong sứ quán một bầu không khí tuyệt vời. Thay ông là Andrei Gromyko - người có đường lối hoàn toàn khác.

Sau khi kết thúc với bộ ngũ Cambridge, tôi dồn hết tâm lực vào công việc ở phòng báo chí sứ quán. Tôi phải tiếp nhiều nhà hoạt động Liên Xô đến thăm nước Anh. Một lần đại diện lâm thời Belokhvostikov gọi tôi lên và hốt hoảng thông báo, chiều nay Gromyko sẽ cập cảng

Southampton cùng với các nhà ngoại giao phương Tây khác, mà Belokhvostikov thì quên khuấy mất việc cử ai đó đi đón Gromyko. Tôi quyết định tự mình đi đến đó. Sau cuộc phóng xe như điên trên chiếc xe sứ quán, mấy lần vượt đèn đỏ, chúng tôi dừng lại ở cảng. Tàu đã cập bến, cầu tàu đã được thả xuống. Khu vực đón tiếp được bao vây bằng một hàng rào sắt. Các nhà ngoại giao các nước đã chờ sẵn các vị khách cao cấp ở phía trong khu đón tiếp. Chỉ có một mình Gromyko là không có ai đón cả. Cảnh sát không cho ai vào nữa. Tôi nghĩ "Chẳng lẽ tôi không phải đang thi hành công vụ hay sao?". Ngoái nhìn quanh - không có ai nhìn tôi cả. Tôi trèo lên rào sắt, nhảy xuống và đường hoàng, lịch sự tiến đến đón đại sứ mới của nước Nga.

Dọc đường về London chúng tôi bắt chuyện với nhau, và Andrei Anduevich đang bực mình vì bị chậm đón tiếp đã nguôi ngoai chút ít. Ít lâu sau Gromyko và tôi thường xuyên đi dạo ở khu tây bắc thành phố, nơi tôi biết rất rõ bởi vì đã nhiều lần gặp gỡ các điệp viên ở đây. Thường thường chúng tôi thủng thẳng trò chuyện về chính trị, về văn học, kinh tế và tình báo, mặc dù Gromyko ưa im lặng, trầm tư suy nghĩ hơn. Thời gian đó công việc của tôi có vẻ phần lắng lại. Nhưng đến mùa thu năm 1952 thì những cuộc đi dạo của chúng tôi đột ngột chấm dứt. Tôi lại bận tối mắt tối mũi với những công việc không thể chậm trễ liên quan đến nhiệm vụ chính của tôi.

Khi chuẩn bị cho Maclean chạy trốn, chúng tôi trù

tính rằng Melinda cùng các con sẽ ở lại Anh cho đến khi nào vụ tai tiếng lắng đi, sau đó chúng tôi sẽ gửi mấy mẹ con cô đến Moscow với chồng.

Một năm rưỡi sau khi Maclean ra đi, chúng tôi thấy đã đến lúc thực hiện lời hứa của mình. Tôi được giao nhiệm vụ nối liên lạc với Melinda. Tôi sợ rằng phản gián Anh vẫn không rời mắt khỏi cô. Vì vậy đầu tiên tôi đến Tatsfield trước, định quan sát cô từ xa. Tôi xác định được rằng sáng nào Melinda cũng chở các con đến trường vì trường ở cách nhà khá xa. Ngoài tôi ra còn có các nhân viên khác của chúng tôi theo dõi cô trong vòng vài tuần lễ. Không thấy có bất cứ sự theo dõi nào của MI-5 cả.

Chúng tôi quyết định chặn cô trên đường trở về nhà. Con đường hẹp đi qua khu vực nhiều cây, hai bên đều là bụi rậm, đó là nơi thích hợp nhất để gặp cô. Cần phải đón đầu cô, dừng lại ở nơi thuận tiện và đưa nửa tấm bưu ảnh ra. Nửa kia chồng cô đã chuyển cho cô một năm rưỡi trước đây và dặn rất nghiêm khắc rằng không được tin bất kỳ ai nếu người đó không đưa ra được nửa bức bưu ảnh còn lại. Nó đang ở trong tay tôi.

Chúng tôi dùng tên giả để thuê xe và lên đường tới Tatsfield. Nhận ra chiếc Rover của Melinda, chúng tôi đón đầu cô trong rừng. Sau đó người lái xe của chúng tôi lẳng lặng đỗ xe vào bên đường và bấm còi hiệu cho cô dừng lại. Cô dừng lại, nhưng không như chúng tôi chờ đợi. Cô nhảy ra khỏi xe và mạt sát chúng tôi thậm tệ về tội không biết lái xe. Tôi thậm chí đớ người ra

trước phản ứng ấy. Cứ thử động tới người phụ nữ này mà xem!

Mặc chiếc váy đơn giản và chiếc áo len trắng, trông Melinda thật dễ thương và hấp dẫn. Hoàn hồn lại sau phản ứng ban đầu của cô, tôi đưa ra nửa tấm bưu ảnh của mình. Melinda bình tĩnh lại rất nhanh, lấy chiếc túi xách trong xe và rút ra nửa thứ hai. Chúng tôi thoả thuận gặp gỡ trong thành phố và chưa đầy một phút sau ai đi đường người nấy.

Đến nơi hẹn với Melinda ở London là một nhân viên khác, còn tôi theo dõi họ từ xa. Theo quan sát của tôi, mọi việc đều diễn ra ổn thoả, nhưng đồng nghiệp của tôi thì ướt đầm mồ hôi: anh ấy lo lắng quá. Sau khi chia tay với Melinda, cô xuất hiện trong bộ vét lịch lãm màu nâu sáng, anh ấy đi kiểm tra trong suốt 2 giờ đồng hồ xem có "đuôi" theo mình không.

Anh cho biết là Melinda bị theo dõi và "có ai đó" quan sát hai người khi họ nói chuyện. Bản thân tôi không nhận thấy gì cả và cho đến tận bây giờ tôi cũng không biết anh ấy nói đúng hay đó chỉ là kết quả của trí tưởng tượng. Melinda đồng ý đến với chồng nhưng cô tỏ ý nghi ngờ, mà đó cũng là ngờ vực của chúng tôi, rằng chưa chắc cô đã rời khỏi được nước Anh với ba đứa trẻ nghịch ngợm mà không bị ai chú ý. Cô để chúng tôi tìm ra quyết định cuối cùng, sau khi đã kiên quyết từ chối nhận tiền đi đường, ngay cả khi chúng tôi tìm được cách đưa cô về Moscow. Anh bạn đồng nghiệp của tôi đã quá khổ vì sợ hãi dù sao cũng không quên hẹn thời gian

và địa điểm cho cuộc gặp tới và cả hai cuộc hẹn dự trữ phòng trường hợp bất trắc.

Melinda không xuất hiện ở cả ba cuộc hẹn. Tôi lo lắng: hay là người của chúng tôi đã không tìm được cách thích hợp để tiếp cận cô? Anh ấy là một nhân viên kinh nghiệm nhưng đôi khi có hay cuống một chút.

Nửa tháng trôi qua. Và một buổi sáng tôi đọc trên báo đưa tin Melinda Maclean cùng các con đã chuyển đến sống với mẹ ở Montro - Terril, Thuỵ Sĩ. Cô ra đi công khai, và các nhà báo Anh đã dễ dàng tìm thấy Melinda ở Montro - Terril. Một hay hai nhà báo thậm chí còn nói chuyện được với cô. Melinda tuyên bố, cô vĩnh viễn rời khỏi nước Anh vì đã chán ngấy phải sống trong trung tâm chú ý của những kẻ làm báo chuyên phao tin đồn nhảm.

Tôi hiểu ngay ý đồ của cô. Chúng tôi chỉ còn phải chờ đợi đến khi báo chí quên bà Melinda Maclean "khiêm tốn" đang sống yên ả cùng với gia đình ở Thuỵ Sĩ này đi.

Tháng 5 năm 1953, chuyến công tác của tôi tại London kết thúc, và tôi quay lại Moscow. Vài tháng sau, đến tháng Chín, Trung tâm quyết định liên lạc với Melinda một lần nữa, và nếu cô đồng ý thì tổ chức cho cô rời khỏi Thuỵ Sĩ. Chiến dịch này rất đơn giản.

Thứ sáu ngày 11 tháng Chín, Melinda nói với mẹ là cô đi Pháp vài ngày với mấy người bạn thân đến từ Masiv de More. Bà Danbar rất mừng: đối với lũ trẻ -

hai đứa con trai và đứa con gái út đã lên hai thì việc này rất có lợi cho sức khoẻ. Melinda đưa các con lên chiếc Chavrolet đen của mình và lên đường. Nhưng thay vì đến Pháp, cô lại đến nhà ga ở Losanne. 6 giờ 30 phút chiều, cô gửi xe lại ga ra của nhà ga và nói với người coi là sẽ trở lại sau một tuần lễ, rồi tay không đưa các con lên chuyến tàu đêm tốc hành tới Áo. Đến biên giới, cô xuống tàu, bắt tắc xi và đi qua hải quan đặt cách Bregents vài dặm. Không ai hỏi han gì người mẹ đang trở về nhà cùng với các con sau một chuyến đi bình thường. Người lái xe tắc xi đưa họ tới Viên, nơi người của MGB đã chờ sẵn. Còn từ đây đường đi đã đơn giản hơn cả ăn bánh. Thời đó hệ thống chuyển người từ Áo sang Liên Xô của ta hoạt động rất ngon lành.

Bà Danbar không lo lắng gì cho đến chiều thứ hai. Lúc này bà mới gọi điện đến Bộ Ngoại giao và báo là con gái cùng 3 cháu ngoại của mình đã mất tích. Cho đến lúc nhân viên phản gián đến điều tra ở Thuỵ Sĩ, Melinda đã ở trong lãnh thổ Liên Xô tại Áo chẵn một ngày đêm. Nhân viên phản gián tìm được hai nhân chứng - người trông ga ra và người lái tắc xi đã chở Melinda đến Viên - nhưng họ không phát hiện ra có mối liên hệ nào giữa tình báo Thuỵ Sĩ và cuộc ra đi của vợ Maclean. Giờ đây báo chí vớ lấy câu chuyện đó mà đưa ra các phỏng đoán về việc Melinda đã ra đi như thế nào. Cũng không còn thiếu điều gì trong các câu chuyện về chính Maclean: lúc thì có người nhìn thấy ông ở

Praha, lúc lại ở Mãn Châu Lý, nơi ông đến sau khi qua Cận Đông.

Trò chơi đoán mò lại bắt đầu. Một số nhà báo còn phỏng đoán, nghị sĩ Josef McCarty đã lợi dụng việc Melinda Maclean là người Mỹ để lặp lại "cuộc săn lùng các bóng ma", mà cho đến lúc đó ông ta đã rất thuần thục.

Còn lúc này, chiếc máy bay mang Melinda và ba con đã hạ cánh an toàn xuống Moscow.

*

* *

Đầu năm 1954, Trung tâm gặp phải một loạt thất bại nghiêm trọng. Hai nhân viên tình báo của Liên Xô đã chạy sang Mỹ: một từ Tokyo, một từ Viên. Tồi tệ nhất đối với Vụ nước Anh của chúng tôi là vụ hai điệp viên nằm tại Australia chạy sang phương Tây: Vladimir và Evdokia Petrov. Cả hai đã làm việc nhiều năm ở Lubianca và biết khá nhiều về mạng lưới điệp viên của Liên Xô ở Pháp, Anh và Đức. Họ cũng biết nhóm điệp viên Anh ở London đã hoạt động từ những ngày đầu tiên của chiến tranh. Họ đã từng nghe nói đến mã số gọi các điệp viên ấy nhưng may thay cho chúng tôi, họ đã quên mất. Mặc dù vậy, hai vợ chồng Petrov vẫn thuyết phục được những ông chủ mới của mình rằng có gián điệp của Liên Xô gài trong Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan phản gián Anh, một điều mà chính

người Anh cũng đã nghi ngờ kể từ sau cuộc chạy trốn của Burgess và Maclean.

Nhưng những tin tức mà vợ chồng Petrov cung cấp lại không đủ để phản gián Anh mở cuộc điều tra mới. Một điều không may đối với chúng tôi là Petrov đã báo tin rằng Burgess và Maclean hiện đang sống bình yên ở ngoại ô Moscow, còn Melinda thì ngay từ đầu đã biết tất cả những gì liên quan đến hoạt động của chồng mình. Và may cho Melinda, phản gián Anh không coi lời nói ấy là tin tức.

Vào thời gian đó, trạm của chúng ta tại Anh phát hiện ra Philby đang không còn phương kế gì để sinh nhai. Khoản trợ cấp cơ quan tình báo Anh trả cho ông đã chi hết cho việc nuôi gia đình. Họ không nhận ông vào làm việc, lương trợ cấp hàng tháng cũng không có nữa. Mẹ Philby là người không giàu và không thể giúp đỡ con được.

Bộ phận chịu trách nhiệm về nước Anh của Cục tình báo nước ngoài đã lập một báo cáo về vấn đề này và hỏi cấp trên xem họ định thế nào đối với người điệp viên đã giúp chúng ta rất nhiều, và có thể sẽ còn cần đến người ấy trong tương lai sau mấy năm án binh bất động bất đắc dĩ. Cục tình báo nước ngoài tại Moscow hồi âm khá nhanh, chỉ thị cho chúng tôi chuyển cho Kim Philby ("Stanly") một khoản tiền lớn. Nhưng làm thế nào chuyển được số tiền đó nếu như mọi liên lạc của chúng tôi rất không an toàn? Philby thường xuyên bị đặt dưới

sự kiểm soát. Một vài lần trinh sát "ngoại tuyến" của chúng tôi thông báo rằng MI-5 không hề để tuột ông khỏi tầm mắt.

Trung tâm lại cử tôi đến London với nhiệm vụ thu xếp vấn đề này. Tôi cùng Corovin thảo luận chi tiết, và tôi đưa ra ý kiến nhất thiết phải lập lại liên lạc với "Ian" (Anthony Blunt), người mà tôi chưa bao giờ gặp phải vấn đề gì liên quan đến việc bảo đảm an toàn cho cả hai bên. Tôi gần như tin chắc rằng chúng sẽ không bắt được tôi và Blunt, vì hệ thống kiểm tra lẫn cho nhau của chúng tôi luôn đem lại kết quả tốt. Khi đã rèn luyện được phản xạ như của hai chúng tôi thì không bao giờ anh còn để mất chúng nữa.

Vậy là tôi tìm đến những phương thức tái lập lại liên lạc mà ông và tôi đã thoả thuận với nhau trong cuộc gặp gỡ cuối cùng năm 1951. Một buổi tối tôi đến bên nhà Blunt và dẫm nát một cục phấn trên đoạn đường nhựa trước lối vào. Cho dù người quét đường thể nào cũng quét đi nhưng dấu vết vẫn sẽ còn lại và Blunt sẽ nhận ra.

Nhưng việc đó không đem lại kết quả. Blunt không xuất hiện tại điểm hẹn. Ông cũng không xuất hiện tại những nơi chúng tôi thường gặp gỡ. Tôi chỉ còn một cách: rình theo ông. Tôi biết ông thường đi những đâu, nhưng đến gặp thẳng ông, dù là tình cờ cũng là quá mạo hiểm.

Cho đến lúc đó Anthony Blunt đã là một nhân vật

khá nổi tiếng ở Anh: giám đốc Viện Curtold, một giáo sư được kính trọng, nhà báo, người đọc tham luận thường xuyên tại các hội thảo về nghệ thuật, người thường xuyên xuất hiện tại các triển lãm và các cuộc họp của giới hoạ sỹ. Ngày nào tôi cũng xem mục văn hoá của báo "Times" hy vọng đọc được tin về cuộc triển lãm hay cuộc họp nào đó mà Blunt có thể có mặt. Trong 3 tháng tôi đã xem một con số khổng lồ mọi loại triển lãm, ngồi nghe hàng giờ các buổi thuyết trình về bộ lạc Etruski, về Thượng Ai Cập, về các bức tranh Italia thời kỳ Phục hưng thế kỷ XVI. v.v... Tôi thường nhớ lại giai đoạn đó như một khúc dạo chuyển tiếp trong sự nghiệp làm tình báo của mình, khi đó tôi đã mở rộng được đáng kể, tuy có hơi lộn xộn, những kiến thức khiêm tốn của mình về nghệ thuật.

Rút cục cũng đập vào mắt tôi lời mời những người yêu nghệ thuật đến dự họp tại "Curtold". Cuộc họp này phải thông qua công hàm phản đối quyết định của Chính phủ Italia phá bỏ một khải hoàn môn nào đó tại Rome do nó cản trở công trình xây dựng những khu nhà ở hiện đại. Trong danh sách báo cáo viên có tên Anthony Blunt.

Đến giờ đã định tôi xuất hiện ở Viện "Curtold", ghi tên vào cuốn sổ người nghe dưới tên Gringlass, người Nauy. Thời đó tôi còn khá cân đối, trên đầu là mái tóc màu bạch kim đã đúng người Scandinavơ điển hình chưa? Hình thức giống với người Bắc Âu của tôi là nhờ

có cụ tổ Seryshov, đã bị người dân Novgorod phẫn nộ đuổi ra thành phố vì cụ đã cưới một phụ nữ Thuỵ Điển.

Tôi ngồi ở hàng ghế đầu tiên hy vọng trông thấy tôi, Blunt sẽ hiểu vì sao tôi đến và tìm thời gian nói chuyện với tôi sau buổi thuyết trình.

Blunt đến đúng giờ. Trông ông già đi chút ít, gầy đi nhiều, vẫn xanh xao như mọi khi nhưng luôn luôn lịch lãm.

Người sắp xếp trật tự mời ông lên diễn đàn đối diện thẳng tôi.

Lần đầu tiên tôi nhìn thấy Blunt đọc báo cáo về lịch sử môn nghệ thuật mà ông hằng yêu thích. Ông giơ cao trên đầu bức ảnh chụp khải hoàn môn mà tất cả chúng tôi đến đây là để bảo vệ nó, và chỉ trích sự phá hoại của Chính phủ Italia một cách thuyết phục nhất.

Tôi đã nghĩ là báo cáo viên không thể không nhận ra tôi trên hàng ghế đầu tiên, nhưng kỳ lạ thay, Blunt không nhận ra tôi. May là tôi cũng đã tính đến khả năng ấy, nên mua sẵn một bưu ảnh bức tranh thời kỳ Phục hưng. Tôi viết rõ ràng bên lề tấm bưu ảnh: "Ngày mai, 8 giờ chiều, Ruitslip". Đó là ga tàu điện ngầm, gần đó có một quán bar mà Blunt biết rất rõ, và là nơi trước kia chúng tôi thường gặp nhau.

Khi bài phát biểu kết thúc, một số thính giả rời khỏi phòng, chỉ còn lại những người nhiệt tình bao vây lấy những người báo cáo và dồn dập đặt cho họ những câu hỏi. Đặc biệt đông khán giả quanh Blunt. Có ba phụ nữ

trẻ sốt sắng hơn cả, họ không để cho ai có dịp đến gần ông và hỏi chen vào được dù chỉ một lời. Rõ ràng là Blunt đã chiếm được cảm tình của họ, và ba người phụ nữ đang đua tranh khoe ra những hiểu biết của mình. Tôi bắt đầu lo là họ sẽ không ngừng ba hoa mà đi cùng ông ra đến tận cửa. Lúc đó thì ai đi đường người đấy, và tôi sẽ phải giữ Anthony lại ngay ngoài phố, mà điều đó là rất nguy hiểm. Vậy là tôi kiên quyết chen vào đám phụ nữ, tiến sát đến bên Blunt với tấm bưu ảnh trong tay, trước đó tôi đã kịp huých khuỷu tay ra trò vào sườn một quý bà.

- Xin lỗi, - tôi lúng búng, - xin ngài cho biết tôi có thể xem bức tranh này ở bảo tàng nào?

Blunt cầm lấy tấm bưu ảnh ở tay tôi, xem kỹ và nhìn tôi một cái nhìn rất dài.

- Vâng, vâng, vâng, - ông nói gọn, trả lời ba từ tôi đã viết trên tấm bưu ảnh.

Tôi quay lại và đi khỏi, biết rằng ông đã nhận ra tôi và thể nào cũng sẽ đến điểm hẹn.

Ngày hôm sau chúng tôi gặp nhau. Ông cho tôi hay, trong thời gian qua kể từ năm 1951, ông đã mấy lần bị gọi lên hỏi cung. Phản gián Anh tin rằng Blunt có liên hệ với chúng tôi nhưng không có chứng cứ cụ thể. Tôi thấy Blunt vẫn kiên định như trước đây, và không có cơ sở gì để lo ông làm lộ mình. Chúng tôi nói sang Kim Philby, ông vẫn tiếp tục anh dũng chống chọi trong các cuộc hỏi cung không dứt. Blunt nói, tình hình tài chính

của Kim còn tồi tệ hơn là chúng tôi nghĩ. Ông sống cùng gia đình trong cảnh bần hàn, nhưng vẫn vững vàng và không than phiền gì cả.

Tôi nói với Blunt rằng, Trung tâm muốn giúp đỡ Philby và đề nghị ông chuyển tiền của chúng tôi cho Kim. Blunt đồng ý. Chúng tôi hẹn gặp nhau lần nữa sau khi tôi chuyển cuộc nói chuyện của chúng tôi về Trung tâm. Cuối cuộc gặp, Blunt hỏi, liệu tôi tự gặp Philby thì có tốt hơn không. Tôi từ chối vì hai lý do: thứ nhất, việc đó là mạo hiểm cho cả hai chúng tôi, còn thứ hai tôi chỉ nhận được chỉ thị chính thức là gặp một mình ông - Blunt.

- Người ta không theo dõi Philby chặt chẽ lắm đâu, - ông nói tiếp, - là một nhân viên phản gián già tôi có thể nói chắc được điều đó. Nhưng nếu ông không muốn thì tôi không ép.

Lần gặp nhau sau tại đại lộ Caledonian, tôi chuyển cho Blunt 5000 bảng và yêu cầu ông thường xuyên thông báo cho chúng tôi tình hình của Kim. Tôi kể ngắn gọn về cuộc sống của Burgess và Maclean và thảo luận về những phương thức liên lạc mới.

Như mọi lần làm việc với Blunt, tôi hoàn toàn tin chắc rằng không có người theo dõi chúng tôi. Chúng tôi biết kiểm tra cho nhau. Nhưng lần này đột nhiên tôi nghi ngại. Có ai đó đang quan sát chúng tôi. Tôi nhắc Blunt về điều đó.

Ông bật cười.

- Peter, bạn thân mến của tôi! Đó là Kim Philby đấy mà, - ông nói. - Lần trước ông nói là sẽ không gặp Kim, nhưng cả hai chúng tôi nghĩ rằng biết đâu ông lại nghĩ lại. Vậy nên anh ấy đã đến đây và sẵn sàng đến gần ông nếu ông không phản đối.

Tôi chăm chú nhìn về phía con người đang đi dạo cách đó không xa. Ông đấy, Kim, con người huyền thoại, những cuộc phiêu lưu và chiến công của ông đã tạo nên một phần cuộc đời tôi trong suốt gần 10 năm, nhưng mà tôi lại chưa một lần gặp mặt ông. Bóng ông không tụt lại khỏi chúng tôi. Trên con đường nhỏ song song với con đường chúng tôi đang đi trong vườn hoa có một người đàn ông vai rộng, chắc nịnh mặc áo khoác dài nhưng không đội mũ cũng đang đi.

Vẻ bề ngoài của Philby đã in đậm trong ký ức của tôi trong buổi chiều hôm đó đến nỗi tôi nhận ra ông ngay khi chúng tôi gặp lại nhau mười năm sau tại Moscow và tôi nghĩ: "Đây là một con người rất mạnh mẽ. Một hòn đá tảng.

Philby không lại gần. Tôi có thể gặp ông, nhưng không dám, dù lòng tò mò cứ đẩy tôi lại phía ông.

Tôi phải thú nhận rằng giá lúc đó tôi đi bước trước thì hẳn là tôi đã hành động đúng, bởi vì tôi mà gặp Philby lúc đó thì chúng tôi đã tránh được chuyến "công du" phức tạp và những sự kiến mạo hiểm sau này.

Một phút tôi do dự. Sau đó tôi nghĩ, nếu có kẻ theo dõi ông thì sao? Chỉ một chi tiết nói chuyện với nhau

thôi đủ để thành chứng cớ không thể phủ nhận về mối quan hệ của chúng tôi. Tính thận trọng nghề nghiệp đã thắng, và tôi từ chối gặp mặt ông. Blunt thất vọng ra mặt. Nhìn theo bóng Philby khuất dần sau hàng cây, tôi tự hỏi mình: không biết con người cô đơn kia đang nghĩ gì?

Tôi cảm giác món quà của chúng tôi đã làm ông phấn khởi. Sau đó ít lâu Philby phải thu thập hết lòng dũng cảm mà ông có được, vì đột nhiên không cơn cớ gì, báo chí lại dồn dập tấn công ông.

Ngày 26 tháng Mười năm 1955, tất cả các báo chí Anh đều phát hành với dòng tít: "Harold Philby có phải là người thứ ba hay không?"

Cuộc tấn công được nghị sĩ Công đảng Markus Lipton bắt đầu từ chiều hôm trước tại Hạ Nghị Viện. Ông ta tuyên bố thẳng Harold Kim Philby là gián điệp Liên Xô, ông đã tổ chức cho Burgess và Maclean chạy trốn. Lời buộc tội rất nặng nề, nhưng báo chí vẫn thận trọng khi lựa chọn từ ngữ. Phải nói thêm rằng, hai tuần trước lời tuyên bố đó một tờ báo lá cải của Mỹ đã đăng một thông tin khá là vô trách nhiệm về chính chủ đề này. Vì vậy chủ bút các báo ở Anh chỉ hạn chế ở việc đăng nguyên xi hoặc gần nguyên xi lời của Lipton, sợ bị đưa ra toà vì vu cáo.

Cũng vào lúc này, ngài Rodger Meikins số đen, đại sứ Anh tại Mỹ, người mà FBI đã có thời nghi ngờ là mang biệt danh "Gomer", bị đưa ra làm trò cười. Số là

sau này ông ta được giao nhiệm vụ kiểm tra chặt chẽ Maclean. Không may cho ông ta là chính ông đã từng viết: "Không có cơ sở nào" để kết tội nhà ngoại giao bị nghi ngờ này. Báo chí cũng châm chích cả huân tước Reding, người mới đây đã thông báo tại Viện nguyên lão rằng, lời tuyên bố của ông ta về việc cả Burgess và Maclean "Chưa bao giờ bị nghi ngờ điều gì cả" chỉ nhằm bảo vệ lợi ích của xã hội.

Có một hoặc hai tờ báo Anh không đồng ý với lời buộc tội của Lipton. Họ chỉ ra rằng sau khi trùm phát xít Franco trao tặng Philby huân chương Franco, còn George IV thì tặng Huân chương Đế chế Anh quốc vào năm 1938 thì việc Philby lại là gián điệp Liên Xô quả là việc kỳ dị.

Kim đã quyết định cố sống cố chết lao vào kẻ thù với lòng quả cảm. Một thời gian ông từ chối nói chuyện với các nhà báo, nhưng sau đó, ngày mùng 8 tháng Mười Một, ông đã trả lời phỏng vấn tại căn hộ của mẹ mình. Hăng hái, hài hước, ăn mặc lịch sự, Philby bắt đầu từ việc gọi tất cả mọi lời buộc tội mình là vu khống và ba hoa sau đó, nở nụ cười của loài thú dữ, ông chuyển sang tấn công. Thứ nhất, ông đòi Lipton giờ đây phải nhắc lại trước toàn dân những lời buộc tội bịa đặt mà ông ta đã nói trước Hạ Nghị viện và ông ta sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Thứ hai, Kim đòi địch thủ đưa ra bằng chứng và trình chúng cho thành viên Hội đồng kín, nếu không thể đưa ra công luận vì lý do đảm bảo bí mật. Cũng vẫn bằng thủ pháp hoa mỹ ấy, Philby

chuyển sang những quan điểm chính trị của bản thân mình. Ông đã đưa ra tuyên bố sau đây với thái đối khiêu khích có một không hai.

"Lần đầu tiên tôi nói chuyện với một người cộng sản là vào năm 1934 và tôi biết điều đó. Còn lần cuối cùng, lần này tôi không biết, tôi nói chuyện với một người cộng sản vào tháng Tư năm 1951, khi Guy Burgess sống trong nhà tôi".

Sau màn kịch tuyệt diệu đó, Lipton đã nuốt lời. Ông ta không công khai nhắc lại lời buộc tội của mình.

Kim đã sử dụng những con át chủ bài của mình với tài nghệ không ai sánh nổi. Chúng tôi, cũng như chính bản thân ông, kết luận rằng, Chính phủ Anh không có bằng chứng xác đáng chống lại ông, và việc bí mật điều tra hoạt động của ông cũng không đưa lại kết quả gì. Cuối cùng, Harold Macmilan, Bộ trưởng Ngoại giao Anh đã phải ra lời tuyên bố công khai. "Chính phủ Vương Quốc, - ông ta nói, - không có bằng chứng về việc Harold Philby vi phạm pháp luật của đất nước". Các bạn của Philby, những người đã ủng hộ ông từ năm 1951, thì không để đâu hết nỗi vui mừng. Tất nhiên họ biết không thể nói tới việc đưa Kim trở về công việc trước đây, nhưng dù sao đến năm 1956 ông cũng được cử đi Beirut làm phóng viên cho báo "Observer" và "Nhà kinh tế".

Cùng năm đó Khrushov chính thức tuyên bố về việc

Burgess và Maclean đang cư trú trên đất Liên Xô. Họ là những công dân Liên Xô.

*

* *

Tại Beirut, Philby đã thể hiện mình là một nhà báo xuất sắc không chỉ do tài năng bẩm sinh, mà còn nhờ mối quan hệ rộng rãi của mình tại đất nước này. Các phóng sự của ông rất sinh động và đậm phong cách riêng, còn những bài báo phong phú về vùng cận Đông đã trở nên rất nổi tiếng ở Anh. Đôi khi ông có làm việc cho MGB. Thời kỳ đó chi nhánh Beirut của chúng tôi hoạt động rất sôi động. Thông tin của Philby về chính sách của Anh tại khu vực này rất có giá trị đối với Chính phủ Liên Xô. Nó cho phép Liên Xô ổn định được quan hệ với các nước Arập. Philby chuẩn bị các tư liệu của mình dưới dạng phân tích chính trị hơn là báo cáo tình báo. Tôi đã được đọc vài bản và hài lòng nhận thấy ông không để mất đi phong cách nổi bật của mình

Thỉnh thoảng Philby có chuyển cho chúng tôi tin tức về Anthony Blunt, hai ông luôn gặp nhau mỗi khi Philby về nhà nghỉ phép. Theo lời Philby, Blunt vẫn còn bị các nhân viên phản gián hỏi cung. Họ gọi ông lên bất chợt nhằm bắt những lời mâu thuẫn của ông. Đôi khi họ thay đổi chiến thuật và để ông yên một thời gian. Cũng như với Philby, họ hỏi ông nhiều lần cùng một câu hỏi. Phản gián Anh tin rằng Blunt làm việc cho KGB vì ông có quan hệ gần gũi với Burgess.

Philby thì cho rằng - và tôi cũng đồng ý với ông - với Blunt, cơ quan phản gián sẽ toàn bị nhầm lẫn do hai lý do quan trọng. Thứ nhất, Blunt không chỉ là bạn của Burgess mà còn là bạn tình của ông. Và chỉ cần một lý do đó thôi đã đủ để họ không thể phản bội nhau được. Lý do thứ hai là Blunt là người trọng danh dự, ông không hề muốn chối bỏ những tư tưởng thời trẻ của mình.

Blunt có hối hận về mối quan hệ với chúng tôi không? Cả Kim, cả tôi đều không biết điều đó. Nhưng Philby cho chúng tôi hay, dù tâm trạng của Blunt có thế nào, ông vẫn rất vững vàng.

*

* *

Ilen Philby cùng 5 con - John, Josefin, Tommy, Micanda và Harry - ở lại nước Anh chủ yếu là vì cuộc sống ở Beirut sẽ là quá khó khăn đối với họ. Ít lâu sau khi chồng ra đi, sức khoẻ của Ilen xấu đi rõ rệt - bà bị rối loạn hô hấp, bệnh tim và những triệu chứng ban đầu của bệnh lao. Tóm lại là Philby cho rằng bà không nên đến Libăng.

Mặc dù vậy ở Beirut Kim không cô đơn. Cha ông, Harry San-Jan, do bất đồng với các hoàng thân Arập Xêút, những người thay thế dòng họ Ibn Saud lẫy lừng, và đưa người vợ Arập tên là Rodi cùng hai con trai Halid và Farid, tức là em cùng cha khác mẹ với Kim, về sống tại vùng núi Maronit, Adjaltown, cách Beirut

không xa. Vậy là Kim cũng về sống tại đó. Đôi khi ông vào thành phố để làm việc, thời gian còn lại ông dành cho cha mình. Lần đầu tiên trong đời ông có dịp chuyện trò lâu với người cha già quý tộc của mình. Nhưng ngay cả với cha Kim cũng chưa bao giờ thú nhận rằng ông làm việc cho Liên Xô. Tháng 11 năm 1956, Harry San-Jan làm hoà với hoàng gia Ibn Saud và trở về Arập cùng với vợ và hai con trai.

*

* *

Giờ thì Kim còn lại một mình. Năm 1957, ông lại phải đón nhận tin khủng khiếp: cái chết của mẹ. Bà Dora đã yêu cha ông suốt đời và không thôi hy vọng rằng chồng bà sẽ trở về với bà. Sau cú đòn này Kim bắt đầu uống nhiều. Ông luôn luôn lo lắng về tình hình gia đình hiện sống ở Crowboro phía đông xứ Sasex. Tiền ông gửi về chỉ đủ cho một cuộc sống tùng tiệm.

Cũng khoảng vào thời gian này, Philby kết bạn với phóng viên báo "New York Times" tại Cận Đông và vợ anh ta là Eleonora. Kim mau chóng quyến rũ được Eleonora. Anh chồng làm ra vẻ không nhận thấy mối tình này. Eleonora về Mỹ thăm gia đình. Vào lúc cô vắng mặt Kim nhận được tin Ilen qua đời. Đó là ngày 11 tháng 12 năm 1957, bà mới tròn 47 tuổi.

Sang năm mới thì Eleonora quay lại Beirut. Kim đề nghị cô ly dị chồng và làm vợ ông. Cô đồng ý. Ngày 24 tháng Giêng năm 1959 hai người làm lễ thành hôn tại

London. Tại buổi lễ, nhân chứng về phía Philby là hai đồng nghiệp của ông ở cơ quan tình báo. Đã 8 năm kể từ khi Burgess và Maclean bỏ trốn, MI-5 dường như đã quên những nghi ngờ của mình. Lẽ nào họ lại quyết định để cho ông yên thật ư? Nhưng chẳng bao lâu Kim hiểu rằng hoàn toàn không phải như vậy.

Ông giới thiệu mẹ kế với các con, và tất cả gia đình cùng nhau quay lại Beirut. Ngày 30 tháng Chín năm 1960 Harry San-Jan qua đời đột ngột trên tay con trai vì một cơn đau tim ở tuổi 75. Kim Philby đã tổ chức lễ an táng trọng thể cho cha tại nghĩa trang Hồi giáo ở Beirut.

Giờ thì Philby say sưa thật sự, và vợ ông vẫn không rời chồng. Chỉ sau 2 năm đã khó nhận ra Kim - ông thay đổi quá nhiều.

MI-5 quyết định lợi dụng tình trạng đó.

Ngay sau năm mới 1963, Nikolas Elliot, cựu trưởng chi nhánh của MI-6 tại Beirut và là bạn cũ của ông đã đến gặp Philby. Điều đáng để ý là ông ta từ London đến chỉ để gặp Philby, mặc dù một năm nay không hề nghe nhắc nhở gì đến ông. Nhưng Kim đã quá chìm sâu vào rượu đến mức đánh mất tính cẩn trọng và không để ý đến chi tiết đó.

Họ ngồi bên chai rượu đến khuya, và khi đã đứng lên, bất thình lình Elliot tuyên bố:

- Hiện nay chúng tôi đã có bằng chứng chính xác rằng anh là gián điệp Liên Xô.

Kim phản đối một cách tự tin, như ông vẫn làm trước đến nay. Nhưng Elliot cho ông hay về lời khai của Flora Solomon.

Từ lâu Philby có quan hệ bạn thân với Flora, một phụ nữ rất thông minh, say mê chính trị, họ hàng với chủ nhà băng Rotshild. Theo lời Elliot, Flora đã thú nhận rằng, không những Kim Philby thú nhận với bà ta rằng ông là gián điệp Liên Xô, mà còn thử chiêu mộ bà ta làm việc cho KGB.

Và đến lúc đó, con người đã chịu đựng được bao nhiêu cuộc hỏi cung, vượt qua được bao nhiêu cạm bẫy ấy đột ngột đầu hàng.

Sau này gặp nhau ở Moscow, chúng tôi thường nhớ lại tình tiết đã lật ngược cả cuộc đời Philby, đã biến toàn bộ thế giới của ông thành tro bụi đó. Qua lời giải thích của ông khó mà hiểu được thực chất sự tình. Đến tận bây giờ tôi cũng không biết, có thật là Flora Solomon tiết lộ bí mật của ông không, có phải MI-5 đã đặt điều ra lời thú nhận của bà, hay bà thực có nghe điều tương tự qua người nào đó. Không loại trừ là bạn gái của bà - Ilen Philby đã buột mồm nói ra. Giờ đây chẳng ai còn biết được sự thật nữa.

Sau cuộc nói chuyện ở Beirut, Nicolas Elliot đề nghị Philby viết ra lời nhận tội của mình trong vài ngày. Elliot quay về khách sạn, và trong vòng 48 giờ sau không ai nhìn thấy hay nghe nói gì về ông ta cả, một điều đáng kỳ lạ Philby có đủ thời giờ tĩnh trí lại, nhận

thức được chuyện gì đã xảy ra, liên lạc với người của chúng tôi và kể cho họ hay sai lầm to lớn đến dường nào của ông. Khi trưởng chi nhánh Beirut hỏi ông, giờ ông định làm gì, Kim Philby đã không ngần ngại trả lời rằng, lối thoát duy nhất của ông là chạy trốn đến Liên Xô ngay lập tức.

Đưa Philby rời khỏi Libăng là việc dễ như trở bàn tay. Ông chỉ việc sắp xếp đồ đạc và lên con tàu chở hàng Liên Xô "Dolmatov" đang đậu ở cảng Beirut. Ngày 23 tháng Giêng, con tàu nhổ neo và ra khỏi Giunie. Đứng trên boong, Philby nhìn theo bờ vịnh dần khuất sau đuôi tàu, và ông nghĩ, sợi dây liên lạc cuối cùng giữa ông với nước Anh đã đứt ngang vĩnh viễn. Không tính đến các con ông thì giờ đây đầu mối duy nhất nối ông với quá khứ chỉ còn lại Donald Maclean và Guy Burgess. Họ đã sống ở Moscow 12 năm, và ông sắp "nhập đàn" với họ.

Trong lúc đó MGB thi hành những biện pháp khẩn cấp để xoá dấu vết của ông. Eleonora nhận được tin từ nhiều thủ đô các nước Arập dường như Kim đi công tác để viết phóng sự. Nhưng lần này đã không qua mắt được báo chí Anh. Khắp nơi đều rõ, Philby đã đi Liên Xô, như Burgess và Maclean trước đó. Eleonora Philby ở lại Beirut một thời gian, nhưng sau khi hiểu rằng chồng cô không quay về nữa thì về nhà ở Mỹ. Tại đó cô rõ ràng mọi chuyện vì cô nhận được thư Kim gửi về từ

Moscow. Eleonora viết thư trả lời và hứa sẽ sớm đến với chồng.

Vai trò của Nicolas Elliot trong toàn bộ câu chuyện này luôn là một câu đố đối với tôi. Có cảm tưởng rằng, phản gián Anh hoàn toàn không định bắt giam Philby - họ chỉ cốt lấy ở ông lời thú nhận miệng, sau đó làm ra vẻ đẩy ông nghĩ đến chuyện chạy trốn. Chẳng có gì ngăn cản họ bắt ông ở Beirut, thậm chí đặt dưới sự canh giữ nghiêm cẩn. Đơn giản hơn nữa là gọi ông về London vì lý do gia đình nào đó hoặc bắt trong thời gian nghỉ phép, khi ông luôn có mặt tại Anh.

Theo tôi, câu chuyện này có nguyên nhân chính trị thầm kín. Chính phủ Anh được lợi gì với vụ án Philby? Toà án công khai kèm theo những lời thú nhận tai tiếng và xì căng đan sẽ làm lung lay tận gốc rễ toàn bộ esteblish - ment của Anh; nó sẽ làm lộ ra sự dốt nát quá quắt của các Chính phủ kế tiếp nhau từ năm 1938 đến năm 1963, đó là còn chưa nói đến nó sẽ vạch ra sự tắc trách của cơ quan mật vụ Anh.

Sau chuyến công tác dài ngày đầu tiên của tôi tới Anh vào năm 1953, Trung tâm cử tôi quay lại London làm nhiệm vụ đặc biệt. Tôi với Anh không gặp trở ngại gì, vì sứ quán Anh tại Moscow đã cấp ngay thị thực cho tôi. Theo tôi, điều đó chỉ rõ ra rằng, cả Cairncross, cả Blunt, không một ai trong số các điệp viên nói đến tên tôi cả. Thú thực là tôi rất hồi hộp khi qua phòng lãnh

sự, nhưng mọi việc đều trót lọt, và tôi thấy mình an toàn tuyệt đối trong bầu không khí quen thuộc.

Năm 1955, tôi lại quay lại London. Lần này là để chuẩn bị cho cuộc đi thăm cấp Chính phủ của Bulganin và Khrushov, được ấn định vào năm 1956. Chuyến công tác này theo ý đồ thì chỉ trong một thời gian ngắn, nhưng nó đã thành bán dài hạn do tôi được bổ nhiệm làm quyền trưởng chi nhánh (tình báo) thuộc sứ quán. Nguyên nhân là do Corovin dự đoán có thể có rắc rối trong thời gian chuyến viếng thăm, nên ông quyết định khôn ngoan ở lỳ Moscow, cách xa vòng nguy hiểm, để dành cho tôi vai trò bảo trợ các vị khách cấp cao. Tháng Năm năm 1956, vợ tôi đưa con gái Olia sang London. Chuyến công tác thứ hai và cũng là cuối cùng của tôi tại Anh kéo dài đến tháng Năm năm 1958.

Đến lúc này, vụ Burgess - Maclean hầu như đã bị lãng quên, báo chí tập trung sự chú ý vào những vấn đề quan trọng hơn: chiến dịch bài Stalin của Khrushov, sự kiện Hungary và cuộc khủng hoảng kênh đào Suez. Người Anh rất không hài lòng thậm chí còn có thái độ thù địch đối với chính sách của Liên Xô. Điều này các nhân viên sứ quán cảm thấy rõ hơn ai hết. Sự kiện tại Budapest đã gây nên mối chia rẽ trong hàng ngũ Đảng Cộng sản Anh.

Mãi đến năm sau, năm 1957, thái độ của phương Tây, và cả của Anh, đối với chúng ta mới dịu lại. Vào

năm này, trên bầu trời xuất hiện vệ tinh đầu tiên của ta "Sputnik", nó phần nào làm tăng thêm uy tín của Liên Xô.

Ngày mồng 4 tháng Mười năm 1957 Liên Xô đã làm cả thế giới phải thán phục. Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại thiết bị vũ trụ được phóng lên quỹ đạo quanh trái đất. Một tháng sau, Liên Xô lặp lại thử nghiệm với chú chó Laika. Chuyến bay kéo dài 6 ngày đã chứng minh rằng, điều kiện không trọng lượng không nguy hiểm đối với sinh vật sống. Những thử nghiệm này đã gây xôn xao cả nước Anh. Ý kiến công khai cho rằng, không chỉ một mình người Mỹ mới có khả năng giải quyết những bài toán công nghệ hiện đại. Dư luận Anh có thiện cảm với Liên Xô hơn.

*

* *

Năm 1963, sau khi Philby bỏ trốn khỏi Beirut, vụ Burgess và Maclean lại được nhắc tới. Ngày 19 tháng Tám Burgess qua đời ở Moscow, thì đến đầu năm 1964 Anthony Blunt thú nhận tất cả với Chính phủ Anh.

Khi bạn còn sống, Blunt bất chấp tất cả vẫn hy vọng rằng, sẽ có ngày Burgess trở về nước Anh. Suốt 12 năm kể từ khi Burgess rời khỏi nước Anh ông vẫn cầm cự vững vàng. Nhưng giờ đây, khi bạn ông không còn nữa, Blunt cho là đã có thể trút bỏ được gánh nặng trong cuộc sống của ông lâu đến vậy. Ông chuẩn bị và chau chuốt kỹ lưỡng bản thú tội của mình rồi trao cho chính

quyền Anh sau khi viện trưởng viện công tố hứa ông sẽ không bị trừng phạt nếu như ông kể hết sự thật về quan hệ của mình với người Nga.

Vậy là chính Anthony Blunt đã cung cấp tên tôi cho phản gián Anh. May mắn là lúc đó tôi đã rời nước Anh được 5 năm. Người Anh đã biết, liên lạc viên cuối cùng của Burgess, Blunt, Philby và Maclean là người mang bí danh "Peter". Giờ Blunt tiết lộ cho họ hay, "Peter" không phải ai khác mà chính là Modin, một nhân viên thường của phòng báo chí của sứ quán.

Tên tôi bắt đầu xuất hiện trên báo chí, nhưng không tờ báo nào dẫn ra tên của Blunt. Lời khai của ông là khám phá bí mật của riêng MI-5. Blunt cũng đưa ra một vài con số ít giá trị khác tới nhân viên hỏi cung ông là Martin. Anh ta đã kết luận trong báo cáo của mình "Blunt vẫn giữ nguyên lý tưởng cộng sản, đã hợp tác với cơ quan tình báo Liên Xô trong thời gian chiến tranh, nhưng từ năm 1945 đã ngừng cung cấp tin cho họ".

Blunt đưa ra chi tiết: sau chiến tranh cho đến năm 1951 ông là người trung gian giữa Burgess và tôi. Chiến thuật của Blunt rất đơn giản: ông chỉ thú nhận những gì không thể sử dụng trước toà để chống lại ông.

Tôi nghĩ, tất cả những gì liên quan đến Blunt mà được giữ bí mật, thì đó là nhờ Nữ hoàng Elizabeth. Không nên quên rằng, năm 1956 bà đã phong cho ông danh hiệu hiệp sĩ và tặng huân chương cho ông, vì ông là bạn của cha bà - George IV, người thích cùng Blunt

đi xem các phòng tranh, và các cuộc triển lãm tranh. Blunt là một trong những chuyên gia nổi tiếng nhất thế giới về nghệ thuật thế kỷ XVII và nhà vua rất thích được nghe ông nói chuyện. Chính xác hơn là chính vì lý do đó Nữ hoàng đã làm ngơ trước những quan điểm cộng sản của ông và đã bí mật ân xá cho ông defacto[1]

Mãi đến năm 1979, Thủ tướng Anh lúc này là Margaret Thatcher, mới lại động chạm đến vấn đề này sau khi loạt sách về cơ quan mật vụ (cụ thể là "Khí hậu của sự phản bội" của Andrew Bowl) được xuất bản. Tên Blunt không được nhắc tới trong cuốn sách của Bowl, nhưng có thể dễ dàng nhận ra ông qua những ám chỉ của tác giả. Khi Margaret Thatcher được biết rằng Blunt thực đúng là gián điệp Liên Xô, Anthony đã từ chối ngay danh hiệu hiệp sĩ và định từ chức khỏi chức vụ ở Hội lịch sử nghệ thuật. Nhưng các thành viên của Hiệp hội không chấp nhận đơn từ chức. Một nhà nghiên cứu lịch sử nghệ thuật xuất sắc khác là giáo sư Steinberg đã có bài phát biểu nói rằng, đóng góp của Ngài Anthony Blunt vào lĩnh vực khoa học này là không thể phủ nhận, và ông, Steinberg, không có ý định bỏ rơi Blunt trong giờ phút thử thách.

Ít lâu sau sự kiện đó, Blunt tổ chức một cuộc họp báo, phải gọi nó là tuyệt tác của các cuộc họp báo. Trước

---

(1) . Thực sự (NĐ)

nhóm nhà báo được lựa chọn ông khẳng định là ông đã làm việc cho người Nga.

- Vào giữa những năm 30 thì đó là việc làm của lương tâm, - ông tuyên bố, - không đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít có nghĩa là phản bội lại đất nước mình.

Ông cương quyết gạt bỏ lời buộc tội rằng ông đã báo trước cho Burgess và Maclean về lệnh bắt giam. Còn khi được hỏi, ông đã chuyển cho người Nga những thông tin nào và còn chuyển hay không, ông trả lời khẳng định nhưng tuyên bố thêm. "Nhưng chỉ trong thời gian còn chiến tranh, và nó không có trọng lượng lớn so với vị trí của tôi ở MI-5. Tôi chỉ thông báo cho người Nga những gì liên quan đến quân đội Đức, và không bao giờ đả động đến quân đội Anh cả". Tất nhiên, đó là sự thật nếu nói về những năm chiến tranh. Còn khi một nhà báo hỏi, ông có tuyển mộ điệp viên ở Cambridge cho Liên Xô không, Blunt khôn khéo trả lời rằng "Ông không thể trả lời câu hỏi này chiểu theo luật về bí mật quốc gia".

Ở Moscow đọc tin về cuộc phỏng vấn này, tôi không thể nói hết được lòng thán phục sự nhanh trí phi thường của Blunt.

Lời tự bạch của Blunt tất nhiên là đã đặt ra câu đố cho báo giới Anh, vậy thì người thứ 5 là ai? Andrew Bowl thậm chí còn khẳng định "25 công dân Anh còn

sống hiện nay, trong đó có một nhà quý tộc, đã từng là gián điệp của Liên Xô".

Bowl còn nói, tất cả những người này đều đã bị phản gián Anh hỏi cung, nhưng tên tuổi của họ không được nêu ra do thiếu bằng chứng khẳng định. Trong số những người bị Bowl tình nghi, một số nhà báo gọi ra cái tên Moris Oldfild, sếp của MI-6 từ năm 1973 đến hết năm 1978, hình như ông ta đã báo cho Philby về việc phát giác ra nhóm của Burgess. Theo tôi, lời tuyên bố đó chẳng đáng để quan tâm.

Dư luận ầm ĩ dần dần lắng lại. Blunt được yên tĩnh làm công việc của mình. Ông vẫn là nhân vật nổi tiếng trong các trường đại học và các tổ chức khoa học, người chuyên thuyết minh về nghệ thuật thế kỷ XVII. Ông đặc biệt yêu thích hoạ sĩ Pussen[1], Blunt đã viết tác phẩm đồ sộ về tranh của Pussen và cho xuất bản năm 1966- 1967. Cho đến hôm nay cuốn sách này vẫn là sách gối đầu giường của các chuyên gia đương đại.

Anthony Blunt mất ngày 26 tháng Ba năm 1983. Ông là một nhân cách sáng chói, không quảng giao và mãi mãi bí ẩn đối với mọi người.

---

(1) . Pussen Nikola (1594-1665) - hoạ sĩ Pháp, đại diện cho trường phái cổ điển.

CHƯƠNG VIII

BA CÔNG DÂN LIÊN XÔ

Khi Guy Burgess và Donald Maclean đặt chân lên đất nước Liên Xô, tôi vẫn còn ở London. Tôi về Moscow với gia đình vào tháng Năm năm 1953 khi kết thúc chuyến công tác đầu tiên của tôi tại Anh.

Hè năm đó tôi lại gặp gỡ Burgess. Giờ đây tên ông là Jim Andreevich Elliot, để tỏ lòng kính trọng tới nữ nhà văn Anh Mary-Ann Evans, nổi tiếng dưới bút danh George Elliot. Guy thì vừa mới từ Kubyshev (nay là Samara) trở về. Chính phủ Liên Xô đã giữ ông ở đó hơn một năm.

Burgess đoán chắc với tôi rằng Maclean và ông bị đưa đi khỏi Moscow, vì chính quyền không muốn họ gặp gỡ với người nước ngoài. Ông nói đúng. Tôi không đi Samara gặp Donald Maclean, thứ nhất là vì tôi không quen ông, thứ hai là vì tự ông chối từ không gặp bất kỳ ai trong các nhân viên KGB cả. Maclean bảo ông đang học tiếng Nga và muốn đừng ai quấy rầy ông.

Sau khi từ Samara trở về, Guy sống tại một ngôi làng nhỏ bên sông, cách Moscow không xa, trên đường đến sân bay Seremenchievo. Hiện nay nơi đó đã xây

dựng kín nhà cao tầng và không thể nhận ra được nữa. Trung tâm cho phép tôi được gặp gỡ ông bất kỳ lúc nào.

Nơi ở của Burgess là một ngôi nhà gỗ nhỏ, điển hình phong cách Nga, trông bề ngoài khá là ưa mắt. Ông đã yêu cầu được ở trong ngôi nhà cổ, từ thời trước cách mạng và đã được đáp ứng ngay. Guy có người giúp việc và nhân viên bảo vệ của KGB giúp đỡ ông trong cuộc sống hàng ngày. Burgess có vẻ thích căn nhà, bao gồm 5 phòng đầy đủ đồ gỗ và nhà bếp trang bị hiện đại. Tất cả đều hợp với ông - nơi trú ẩn riêng biệt với vườn cây ăn quả rộng, được chăm chút.

Guy tiếp tôi rất thân tình và mời tôi ở lại chuyện trò bên chai rượu vang.

Nghề chúng tôi có một điều kỳ lạ là bạn hiểu con người làm việc với mình rõ hơn và sâu sắc hơn là hiểu những người khác. Khi các bạn gặp nhau trong công việc, dứt khoát tâm trạng bạn căng thẳng và phản xạ lại bất kỳ cử chỉ, nét mặt nhỏ nhất nào. Điều đó cho phép bạn nhanh chóng hiểu được đối phương. Cơ thể và dây thần kinh của bạn đều căng ra, và mọi cơ quan cảm giác đều trở nên nhạy cảm hơn.

Ngay sau khi đến Liên Xô, trong những tháng đầu tiên ở Kubyshev, Guy Burgess đã thấy cuộc sống mới không dễ dàng đối với ông. Nhưng ông có quan hệ tốt với KGB, cuộc sát hạch không gặp vấn đề gì. Ông trò chuyện với các nhân viên từ Lubianca đến gặp ông trong bầu không khí gia đình, bên bàn ăn. Guy không

bị nghi ngờ là điệp viên hai mang, và cũng không bị gây sức ép gì cả. Hiện tại Philby ở phương Tây là mối quan tâm sâu sắc đối với Trung tâm, và người của KGB thường hay đến gặp Burgess để xin ông lời khuyên, xem những biện pháp nào nên thi hành để giúp đồng nghiệp của mình.

Và mặc dù Guy không chút phiền lòng trước những chuyến viếng thăm đó, nhưng ông không thể hiểu được tại sao ông lại không được phép quay trở về nước Anh. Burgess tin tưởng rằng, người Anh không có bằng chứng chống lại ông. Ông nói với tôi - cứ như là tôi có thể giải quyết số phận của ông vậy - rằng ông có thể chịu bao nhiêu cuộc hỏi cung tuỳ thích mà không hề mảy may run sợ. Cuộc sống ở Kubyshev, thành phố công nghiệp buồn tẻ trên bờ sông Vônga, cách Moscow gần 1000 km, chẳng thú vị chút nào đối với ông. Tôi hiểu ngay ra rằng, việc để ông sống ở đây đã làm Guy tự ái. Đối với Burgess, nỗi buồn tẻ và cảnh vô công rồi nghề là hình phạt khủng khiếp nhất.

Rất khó tìm người cùng xu hướng tình dục với mình trong thành phố công nghiệp và cổ lỗ này, mà với Donald Maclean thì Guy rất ít gặp, dù Maclean cũng ở Kubyshev. Họ sống ở hai đầu thành phố. Thi thoảng hai người cũng có gặp nhau. Lạ là không hiểu tại sao họ không gặp nhau thường xuyên hơn nếu họ đau khổ vì cô đơn như vậy. Cả hai người không nói được tiếng Nga, mà trong cả thành phố rộng lớn này chẳng tìm đâu ra

người Anh nào khác. Nhưng nếu phân tích thái độ của họ dưới góc độ tâm lý thì có thể hiểu được. Những người đã cùng nhau trải qua một thử thách bi thương nào đó - tù đầy trong những điều kiện quá sức chịu đựng hay bị bắt làm con tin - thường không muốn gặp lại người đã cùng mình vượt qua tất cả những điều đó. Họ cố tình quên đi quá khứ, bởi vì chỉ cần bóng dáng con người đã cùng gắn với nỗi kinh hoàng đã qua là có thể khơi dậy vết thương cũ.

Từ ngày đặt chân đến Kubyshev, con đường của Burgess và Maclean đã rẽ hẳn làm đôi ngả. Guy dứt khoát không chịu học tiếng Nga, và vì không được giao nhiệm vụ gì cả nên ông dành hết thời gian để đọc sách hoặc đi lang thang quanh thành phố. Ông thấy thích rượu vang Grudia và thỉnh thoảng làm vài chén.

Maclean giờ tên là Mark Petrovich Fraizer, để tưởng nhớ đến nhà nhân chủng học Scotlan James Fraizzer. Khác với bạn mình, ông quyết tâm thích ứng với cuộc sống mới. Trước tiên là ông bắt tay vào học tiếng Nga. Ông tiếp tục quan tâm đến chính trị ở mức độ có thể tại Kubyshev. Có thể là Maclean cũng không hạnh phúc lắm, nhưng khác với Burgess, ít nhất là không tự tách biệt với cuộc sống. Trong số ba người Cambridge đến Liên Xô, ông là người duy nhất học tiếng Nga ra hồn.

Tôi đã đặt ra cho Burgess câu hỏi, nó vẫn quẩn trong trí tôi từ năm 1951. Tại sao ông không quay trở lại từ Praha? Bởi cho đến lúc đó thì Maclean đã ở ngoài vòng nguy hiểm rồi. Guy đã hoàn thành sứ mệnh của mình

và có thể dễ dàng trở về London. Burgess trả lời không rõ ràng lắm, nhưng tôi có cảm giác: đơn giản là ông không hiểu rõ lắm những gì ông làm. Hẳn là ông đi cùng Maclean đến Moscow chỉ để giải trí. Khi người ta không cho phép Guy quay lại Anh, ông ngạc nhiên thực sự. Ông không thích thái độ của KGB. Guy trút cả nỗi bực tức của mình sang tôi, cho rằng tôi hẳn phải có tiếng nói lớn hơn, nhưng thực tế không phải như vậy.

Sau năm 1953, tôi đặt ra lệ đi thăm Guy Burgess bất cứ khi nào tôi có thời gian. Mỗi lần gặp ông, tôi lại thấy đau lòng vì ông không thể an phận với cuộc sống ở Liên Xô. Guy vẫn mơ đến một ngày ông được trở về nước Anh. Khoảng sáng duy nhất của ông là chuyến thăm của bà mẹ đầu năm 1954.

Còn Donald Maclean, người thời gian đó tôi vẫn chưa được gặp, thì tôi chỉ nhìn thấy ông có một lần nào tháng Chín năm 1953. Tôi được cử vào uỷ ban tổ chức cuộc gặp gỡ cho Melinda và các con. Chúng tôi không đón gia đình Donald ở sân bay, ngại rằng có nhà báo nào đó hoặc người nước ngoài nhận ra họ, mà đón tại khách sạn "Xô Viết" gần sân vận động "Dinamo".

Tại cuộc gặp có mặt nhiều nhân viên KGB, và trong khi chúng tôi đợi ở tiền sảnh, tôi được giới thiệu vội vàng với Maclean. Chúng tôi bắt tay nhau. Trông ông đúng như tôi hình dung: lạnh lùng, kín đáo, kiêu hãnh và quý tộc đến tận chân tóc. Phải chờ vợ ông nên chúng tôi không trò chuyện được nghiêm chỉnh. Cuối cùng Melinda cùng các con cũng xuất hiện - Donald-con,

Fergus và Melinda-con - đứa con út Maclean còn chưa biết mặt. Tôi đứng sang một bên. Cuộc hội ngộ của họ trầm lặng đến kỳ lạ. Donald dè dặt với cả hai cậu con trai, còn vợ thì chỉ ôm hờ một chút. Giây phút đó tôi đã nghĩ, quan hệ của họ sẽ không bền. Tôi vật vờ ở đây cũng chẳng làm gì, vì thế tôi lẳng lặng rời khỏi khách sạn và quay về nơi làm việc. Không bao giờ tôi gặp lại Donald Maclean nữa.

Vợ chồng Maclean tạm thời được đưa về một căn hộ không lớn lắm. Đến năm 1955 thì họ được phân một căn hộ 6 phòng đẹp tuyệt, trong ngôi nhà mới xây theo kiểu từ thời Stalin trên phố Dorogomilovskaia Lớn. Cửa sổ căn hộ nhìn ra khách sạn "Ucraina" và sông Moscow. Lúc đó Fergus lên 10, Donald - con lên 8. Chúng đi học ở trường Nga bình thường, cả hai nhanh chóng nói được tiếng Nga. Thằng anh đã mấy lần đi trại hè thiếu nhi, còn thằng em thì mới vào đội. Chúng đã dễ dàng hoà nhập vào cuộc sống ở đây.

Năm 1954, mặc cho lời tố cáo của vợ chồng Petrov về việc Burgess và Maclean hiện sống ở Moscow, KGB vẫn không thấy cần thiết khẳng định hay phủ định sự hiện diện của họ ở Liên Xô. Mà nói chung chẳng cần việc đó thì người nào cũng biết rõ sự tình.

Khrutsov đã lên thay Stalin. "Chiến tranh lạnh" vẫn chưa chấm dứt. Tại Mỹ, thuật ngữ "học thuyết ngăn ngừa" - tức là sử dụng mọi biện pháp để "ngăn chặn sự bành trướng của Liên Xô" - đã trở thành giống như một khẩu lệnh. "Cuộc săn lùng những bóng ma" do Josef

McCarty khởi xướng đang lên đến đỉnh điểm; giờ đây ngài nghị sĩ chĩa mũi dùi vào quân đội Mỹ. McCarty nói rằng, ông ta đã phát giác được một nhóm gián điệp Xô Viết trong quân đội. Vì thế cho nên quan hệ giữa Liên Xô và phương Tây chẳng sáng lên chút nào.

Chính phủ Liên Xô không muốn "đầu độc" thêm bầu không khí bằng lời khẳng định "hai kẻ phản bội" Burgess và Maclean đang sống ở Liên Xô. Dù thế nào thì lời tuyên bố chính thức là thừa, đặc biệt là với lý do KGB đã thu được ích lợi lớn nhất từ tình huống này. Chi nhánh của chúng tôi trên tất cả các nước trên thế giới, có mối liên lạc đều dặn với Trung tâm, đều cảm thấy sự ủng hộ to lớn do thành công của chiến dịch giải cứu các điệp viên Anh chủ chốt. Các điệp viên của Liên Xô ở nước ngoài đều biết ơn vì chúng tôi đã không bỏ rơi Maclean và Burgess trong hoạn nạn, nhờ đó họ vững tin hơn. Họ hiểu rằng, để cứu được đồng nghiệp của mình, một khối lượng công việc lớn, khó khăn đã được hoàn tất. Điều đó gây ấn tượng mạnh đối với họ. Chúng tôi có thể lợi dụng thời điểm đó để tâng cao thành tích của ngành tình báo, nhưng tôi mừng vì ta đã không làm điều đó. Nếu không ta đã không giữ được cho hoạt động phần còn lại của nhóm Cambridge thêm 3 năm nữa.

Vậy là việc Burgess và Maclean có mặt tại Moscow đã trở thành "bí mật mở" sau cuộc bỏ trốn của vợ chồng Petrov và chuyến thăm Nga của mẹ Guy. Nhưng chính sách im lặng cũng không ngăn được Melinda Maclean

gặp gỡ phóng viên báo "Daily Worker" Sam Russel vào năm 1955 và tuyên bố với anh ta là bà biết hết về hoạt động gián điệp của chồng. Tôi không thể hiểu được cái gì làm bà lú lẫn như vậy, bà nói ra để làm gì. May thay, rất ít người để ý đến bài báo của Russel, dù vậy vụ án Burgess - Maclean không phải là đã hoàn toàn bị quên đi. Như tôi đã nói ở trên, mùa thu năm 1955 nó lại trở thành chủ đề nóng hổi trên các trang báo Anh, khi thành viên Nghị viện Markus Lipton gọi Kim Philby là "người thứ ba" đã tổ chức cuộc bỏ trốn cho hai điệp viên đầu tiên.

*

* *

Chính xác ai là thành viên nhóm Cambridge? Tôi đã đọc hàng đống bài báo về điệp viên thứ 3, về sự mất tích của Melinda, về người gián điệp thứ 4 và thậm chí thứ 5 của Cambridge. Việc điều tra đã kéo dài 40 năm nay. Hàng trăm cuốn sách, bài báo và tài liệu đã được xuất bản, trong đó một số xuất phát từ nguồn tin của Chính phủ. Cũng có vài bài có đôi chút làm sáng tỏ vấn đề này, còn lại đều nói vu vơ, chỉ càng khuấy nước thêm đục.

Mối quan tâm của báo chí nước ngoài đối với bộ ngũ Cambridge lại càng sôi động khi vào năm 1956, Nikita Sergheevich Khrushov cuối cùng cùng chính thức khẳng định, Burgess và Maclean hiện đang sống ở Liên Xô. Cả hai người đều xin được nhập quốc tịch Liên Xô,

và nguyện vọng của họ đã được đáp ứng. Hạn hộ chiếu của Guy Burgess đã hết năm 1954, và ông ngại cả việc đến sứ quán Anh ở Moscow để xin cấp hộ chiếu mới.

Chỉ còn vài tuần nữa là khai mạc Đại hội Đảng lần thứ XX. Tham dự Đại hội có 1424 đại biểu. Đông đảo nhà báo đổ xô về Moscow. KGB từ chối không cho phép họ phỏng vấn trực tiếp hai điệp viên. Cần phải có thời gian đã. Cuối cùng cuộc họp báo được tổ chức ngày 11 tháng Hai năm 1956 tại khách sạn "National". Richard Hyghs, phóng viên báo "Sunday Times" và thêm hai đại diện được lựa chọn kỹ lưỡng nữa của báo chí nước ngoài được phép gặp Burgess và Maclean. Trong bộ comlê may rất tuyệt kiểu Anh, hai điệp viên trông rất mạnh khoẻ, phong thái đường hoàng, người nào cũng rất tự tin.

Họ hùng hồn tuyên bố rằng họ chưa bao giờ làm việc cho tình báo Liên Xô cả. Sau đó nói tràng giang ngoài lề về những ưu việt của chủ nghĩa cộng sản, cuối cùng họ tuyên bố, họ rời nước Anh vì lo sợ cuộc đại chiến thế giới thứ ba, mà theo họ, đã có nguy cơ đến rất gần vào năm 1951. Theo lời Burgess và Maclean, mối nguy của cuộc đụng đầu toàn cầu chưa bao giờ rõ ràng như vào năm 1951, và vì là những người theo chủ nghĩa hoà bình nên họ quyết định chọn Liên Xô làm nơi trú ẩn, đây là đất nước duy nhất nơi chiến tranh không thể đụng đến họ được.

Tôi không có mặt tại buổi họp báo đó vì lúc này tôi vẫn đang ở Anh.

Ở Moscow Donald Maclean tiếp tục hoàn thiện tiếng Nga của mình. Sau bốn năm, ông đã có thể nói và viết thành thạo. Donald vẫn là đảng viên Đảng Cộng sản Anh và cố gắng sống phù hợp với lý tưởng của mình. Ông kiên quyết từ chối không nhận xe công vụ và nhà nghỉ sang trọng, tiêu chuẩn của cán bộ cấp cao. Ông thuê một ngôi nhà ở gần thủ đô, để cả gia đình cùng đến đó nghỉ vào các ngày thứ bảy và chủ nhật. Nói tóm lại là ông chọn cách sống khiêm tốn. Donald Maclean đã từng có lúc uống rất nhiều, đặc biệt là thời đang công tác tại Cairo, nhưng ở Moscow ông gần như bỏ rượu. Chỉ một đôi khi nhâm nhi một ly Wishky Scotland, nhưng không bao giờ uống đến say cả.

Maclean tha thiết yêu cầu được làm việc. Và người ta dành cho ông một chỗ ở ban kinh tế quốc tế của một tờ báo.

Năm 1956 ông bắt đầu trao đổi thư từ với nhà sử học lỗi lạc người Anh Arnold Toinbi[1] mà ông biết từ trước chiến tranh.

Ông cũng không thực hiện được ước mơ thời trẻ của mình là được dạy tiếng Anh trong một trường tiểu học Nga. Năm 1961 ông được nhận vào Trường kinh tế thế giới và quan hệ quốc tế (IMEMO), ông vừa dạy vừa làm công tác nghiên cứu trong lĩnh vực đường lối đối ngoại

---

(1) . Toinbi Arnold Josef (1889-1975) - nhà sử học, xã hội học người Anh. Tác phẩm chính của ông là cuốn "Nhận thức của lịch sử".

của Công đảng Anh. Ông viết được một số cuốn sách, một trong số đó - "Chính sách của Anh sau thời kỳ kênh đào Suez (1956-1968)" rất được đánh giá cao.

Còn Guy Burgess được chuyển về một căn hộ bài trí giống như căn nhà ngoại ô của ông. Trong một bộ phim tài liệu dài 90 phút do nhóm làm phim của Anh quay, ta nhìn thấy ông trong một căn hộ hiện đại ở Moscow. Điều đó không đúng sự thật - Guy chỉ thích sống trong những ngôi nhà cũ, với đồ gỗ cổ tuyệt vời.

Sau năm 1956 ông bắt đầu gặp gỡ thường xuyên với những người nước ngoài, và không hề có ý định giấu họ tên thật của mình. Ông nói chuyện điện thoại với London và trả lời phỏng vấn của các nhà báo, nhà văn. Trong số đó có Tom Draiberg, Nghị sĩ Công đảng, nhà báo, người sau này đã viết một cuốn sách về cuộc sống của Burgess ở Liên Xô.

Bị dứt đứt khỏi quê hương xứ sở và không tìm thấy chỗ đứng của mình trong xã hội ta, Guy vẫn không thể chấp nhận cuộc sống tại nước Nga. Vì vậy ông mới tìm kiếm cách giao thiệp với người nước ngoài. Ông thiếu thốn "pub" quen thuộc, thiếu tự do để thực hiện ham mê của mình, vì luật pháp ta cấm tật đồng tính luyến ái. Nhưng ông vẫn tìm được bạn tình, chủ yếu là nhờ KGB và công an giả như không biết gì hết. Ông có một tình nhân thường xuyên và một vài không chính thức.

Trung tâm đã làm tất cả những gì có thể để cải thiện đời sống cho Burgess và Maclean. Họ nhận được tất cả

thứ gì họ muốn, chỉ cần một câu đề nghị. Nếu những yêu cầu của Maclean khá là khiêm tốn thì Burgess lại thường đòi hỏi quá nhiều. Một lần tôi đã phải lùng sục khắp London để tìm một cuốn sách cho thư viện trong căn hộ ở Moscow của ông. Một năm mấy lần ông yêu cầu cắt may quần áo theo số đo, và chúng tôi phải đặt may chúng ở Socho. Và bởi ông cho rằng ông chưa thừa cái gì cả nên đôi khi còn tìm cách "ngoài luồng" để đặt may quần áo. Một lần ông gặp ngoài phố một cô đi du lịch, một nữ diễn viên kịch gốc Austrailia đến Liên Xô. Tên cô ta là Coral Brown, thường trú tại London. Guy đã đến làm quen và đề nghị được chỉ cho cô xem thành phố.

- Nhưng tôi không biết ông là ai!

- Ồ, không đúng! Cô phải biết chứ, - Burgess đáp.

Coral chắc chắn là không cầm lòng được trước sức cuốn hút của Guy và đồng ý để ông tiễn về khách sạn. Dọc đường đi họ bắt thân với nhau, cùng đi uống một cốc và hẹn hôm sau gặp lại và đi ăn trưa cùng nhau. Cho đến cuối bữa trưa, cô gái đã biết tất cả về Burgess, nhưng cô không tránh xa ông, lại còn đồng ý tự mình lấy số đo và chuyển cho người thợ may ở London cùng với tất cả những yêu cầu tỉ mỉ của ông về kiểu dáng bộ comple. Tôi chỉ không biết ông có đưa tiền cho cô người quen mới không, vì như tôi biết, Guy không yêu cầu KGB một xu. Có lẽ là mẹ ông ở London trả tiền.

Người bạn gái của Guy giữ đúng lời đến gặp người thợ may. Ông này đọc các số đo một cách ngờ vực:

- Hừm, lạ thật... Xin cô hãy cho biết tên của quý ông này.

- Guy Burgess.

Mặt người thợ may sáng lên:

- Tôi biết ngay mà, các số đo gần như vẫn như cũ, những tôi không chắc chắn lắm. Sợ rằng, ngài Burgess đã tăng cân một chút so với lần cuối ông ấy đến tôi.

Bộ quần áo được may xong, Coral gửi nó cho Guy. Câu chuyện này đã được ghi lại trong vở kịch của Alan Benet "Một người Anh ở nước ngoài".

Burgess chẳng biết làm gì cho hết thời gian của mình. Ông đọc nhiều, đi dạo chơi nhiều. Thỉnh thoảng ông có gặp được một người đàn ông để thoả mãn tình dục. Ông cũng cung cấp được cho KGB một số lời khuyên nếu họ đến yêu cầu ông. Theo tôi, không thể kết tội Guy đã ít làm việc ở nước Nga được. Guy đã có thể rất có ích. Nhưng ông đã không làm gì cả vì người ta không đề nghị ông, tự đi xin việc thì không phải là bản chất của ông.

Không nên quên rằng Guy mới chỉ ngoài 40 tuổi. Tràn đầy năng lực, ông muốn sống theo những nguyên tắc của mình chứ không phải theo những nguyên tắc ngự trị ở nước Nga. Về hưu non hoàn toàn không phải là điều ông muốn. Dù thế nào ông vẫn luôn là người có niềm tin vững chắc, và người bạn trung thành.

Tại Moscow, quan hệ của tôi với Burgess tiến tới tình bạn sau khi chúng tôi thôi không còn là đồng sự của nhau. Chúng tôi thường gặp nhau, nói chuyện nhiều, cùng thấy hài lòng về mối giao tiếp. Tôi giúp đỡ ông mỗi khi ông bị nỗi buồn chán gặm nhấm hay gặp phải vấn đề gì đó, tôi biết được qua dò hỏi các nhân viên KGB được cử phục vụ ông.

Cuối những năm 50 ông bắt đầu viết cho Trung tâm một công trình nghiên cứu về sinh viên Anh những năm 30. Về cách cư xử của họ, họ say mê những gì, khát vọng chính trị và xã hội của họ ra sao. Trong công trình này ông đã phân tích sâu sắc những phương pháp chúng tôi đã áp dụng để tuyển mộ những thanh niên Anh thời đó. Burgess cho thấy rõ ràng, vì sao và làm thế nào NKVD lại xây dựng được mạng lưới điệp viên hùng mạnh đến như vậy. Tính độc đáo có một không hai của công trình này nằm ở chỗ nó là kết quả kinh nghiệm suốt một thời gian dài của chính Burgess. Lần đầu tiên các phương pháp xây dựng mạng lưới gián điệp ở Anh của Liên Xô được phân tích có tính đến ưu điểm của cách nhìn hoài cổ.

Tiếc thay, những năm đó KGB đã bắt đầu xem thường các thông tin. Không ai chịu khó đọc công trình kỳ diệu ấy mà rút ra kết luận. Nó bị tống vào kho lưu trữ, thế là xong.

Khi người ta yêu cầu Guy làm việc gì đó, ông luôn làm một cách mau mắn. Nhanh chóng, có chất lượng và không bao giờ từ chối. Rất tiếc là khối kinh nghiệm to

lớn của Burgess không được sử dụng đến. KGB lẽ ra phải đến gặp ông thường xuyên hơn. Cả việc ông không bao giờ tự đề xuất giúp đỡ như Philby vẫn làm cũng là không tốt.

Tôi lúc nào cũng kính trọng Guy Burgess, mặc cho bao điều dối trá xuất hiện không chỉ trên các báo. Người duy nhất bảo vệ ông là Anthony Blunt, nói toàn những điều tốt đẹp về ông khi trả lời phỏng vấn cho các báo. Ông tuyên bố với đại diện tờ "Sunday Times":

- Trong những năm tồi tệ cuối đời, biết bao điều vu khống bẩn thỉu đã đổ lên đầu Burgess, khiến tôi thấy có trách nhiệm phải lên tiếng bảo vệ ông. Ông là một trong những nhà trí thức xuất sắc nhất mà tôi được gặp.

Báo "Times" ngày 20 tháng Mười Một năm 1979 đã dẫn lời ông như sau:

- Lần đầu tiên tôi gặp Burgess khi ông ấy còn là sinh viên... Ông không phải là người dễ gần, nhưng trí tuệ của ông thì tuyệt đến mức Burgess có thể giải quyết bất kỳ vấn đề nào ở tận gốc rễ của nó. Ông quan tâm đến hết thảy mọi điều.

Có một điều thú vị là Dick Whites, sếp phản gián sau này là sếp cơ quan tình báo trinh sát, đã nhiều lần nói rằng, nếu như không có những phẩm cách cá nhân của Guy Burgess, thì nhóm Cambridge nói chung không thể ra đời được. Tôi đồng ý với ông ta, dù người thực tế sáng lập ra đường dây này là Philby. Philby

khám phá ra Burgess, đến lượt Burgess lại tuyển mộ Blunt và những người còn lại. Nhưng Dick Whites đã đúng khi gọi Burgess là người chỉ đạo thực tế. Ông gắn kết mọi thành viên của nhóm, truyền cho họ năng lượng của mình rồi, như người ta nói, đưa vào trận. Hồi những năm 30, khi họ bắt đầu hoạt động, chính Guy là người đề ra sáng kiến, nhận lấy về mình những công việc mạo hiểm nhất và kéo những người khác theo. Có thể gọi ông là thủ lĩnh tinh thần của cả nhóm.

Tính cách nổi bật nhưng phức tạp ấy đã không thể thích ứng với môi trường Xô viết của ta. Mong muốn duy nhất của Burgess là được trở về Anh, và ông không ngừng yêu cầu KGB để ông được quay về nhà. Guy thề rằng, sẽ không thốt ra một từ nào có thể suy diễn là phản bội hết. Cấp trên của tôi không tin điều đó. Khi cả tinh thần lẫn thể xác bị suy yếu, ông sẽ gục ngã ngay trong lần hỏi cung đầu tiên. Vậy là Burgess cứ cháy rừng rực như ngọn đuốc ở Moscow, càng ngày càng tìm quên trong rượu hơn.

Đôi khi tôi đến thăm ông vào buổi sáng, trò chuyện 1-2 giờ đồng hồ về tin tức mới nhất hoặc tranh luận về văn học. Burgess đọc rất nhiều, kiến thức về văn học Anh của ông như một cuốn bách khoa toàn thư, ông nghiến ngấu đọc các báo chí Anh do người vệ sĩ mang đến. Burgess phân tích tất cả những gì đã đọc và chỉ phát biểu những nhận định đã được cân nhắc kỹ, không định kiến về các sự kiện trên thế giới và chính sách của các cường quốc.

Khi tôi đến, điều đầu tiên tôi buồn rầu nhận thấy đó là chai vang Grudia thuần chất đã uống cạn một nửa trên bàn bếp. Một lần tôi đã nói với ông, theo luật bất thành văn của Anh thì không nên uống rượu đến tận nửa ngày. Còn ông chỉ cười to:

- Tôi đang không ở nước Anh, đồng chí thân mến ạ.

Năm 1962, Burgess thông báo bán chính thức rằng ông muốn trở về nước Anh. Bằng cách nào đó báo chí biết được tin này và thổi phồng tối đa lời của ông lên. Trên các báo Anh xuất hiện các tít kêu như chuông: "Burgess và Maclean chuẩn bị bay về London".

Cơ quan phản gián Anh rối như ong vỡ tổ. Người Anh hiểu rõ rằng, họ không có đủ chứng cớ để đưa ra toà và kết án "hai kẻ phản bội". Mặc dù vậy Scotland Yard vẫn yêu cầu người đứng đầu Sở Cảnh sát London, ngài Robert Blandel, viết lệnh bắt Burgess và Maclean ngay khi họ đặt chân lên đất Anh. Chính quyền Anh tin vào thông tin của báo chí đến nỗi đưa cả chánh thanh tra cảnh sát George Smith, một thám tử nổi tiếng, vào nhập cuộc. Một năm trước đây ông ta đã điều tra ra nhóm Kroger - Lojdeil. Hai vợ chồng Kroger và Lojdeil là gián điệp của KGB, Lojdeil còn là nhân viên "nằm vùng" của KGB. Năm 1961, hai vợ chồng Kroger bị kết án 25 năm tù giam, còn Lojdeil nhận 20 năm.

Tin đồn vẫn tiếp tục lan đi cho đến ngày 17 tháng Tư, khi xuất hiện thông tin, cả hai nhà cựu ngoại giao đã lên máy bay tuyến Moscow - London qua

Amsterdam. Tất cả những điều đó chỉ hoàn toàn là bịa đặt, nhưng nó cung cấp cho báo chí Anh cơ hội để thổi hơi thở mới vào vụ việc này. Một số nhà báo khẳng định rằng họ đã nhìn thấy Burgess năm 1960 tại phiên toà xét xử Fransis Harry Powers, phi công lái máy bay do thám của Mỹ bị bắn rơi trên lãnh thổ Liên Xô. Đích thân tôi có mặt tại phiên toà từ ngày đầu đến ngày cuối và không hề nhìn thấy Burgess. Báo chí còn gây ồn ào hơn sau khi được tin về cái chết của mẹ Donald Maclean. Ít nhất có 7 thanh tra cảnh sát mặc thường phục có mặt tại nghĩa trang Penn năm 1962. Họ tưởng rằng sẽ tóm được Donald. Chỉ có thành viên Công đảng của Nghị viện Tom Draiberg, người đã gặp Guy Burgess tại Moscow là cười vào mũi những lời đồn đại đó và khẳng định rằng cả Guy cả Donald sẽ không trở về nước Anh khi còn sống.

Khi Guy đột ngột phải nằm viện vì bệnh gan cấp thì tôi đang đi công tác. Cũng vì lý do đó mà tôi cũng không đón được Kim Philby. Ông đã đến Moscow tháng Giêng năm 1963. Guy biết tin đó ở trong bệnh viện và đề nghị Philby đến gặp ông. Suy nghĩ rằng cuộc gặp gỡ Kim sẽ giúp ích được Burgess nên các nhân viên của KGB đã chuyển lời đề nghị đến Kim, nhưng ông nhất quyết từ chối. Ông không thể tha thứ cho Burgess việc đã trốn đi cùng Maclean. Philby coi Burgess là kẻ phản bội đã không giữ lời hứa. Guy phải biết rằng việc bỏ trốn đó đã đẩy bạn mình vào mối nguy hiểm chết người.

Kim Philby đã không thay đổi thái độ của mình đối

với Burgess. Mặc những lời mời của Guy, họ không hề gặp lại nhau.

Guy Burgess mất ngày 19 tháng Tám năm 1963 tại bệnh viện Botkinskaia Moscow. Ông di chúc lại thư viện sách cho Kim Philby, nhưng Kim từ chối. Ông cũng không đến dự đám tang người bạn cũ, người đồng chí hướng. Tôi có mặt tại buổi lễ truy điệu ngắn ngủi tại nhà hoả táng. Ngoài tôi ra chỉ có 2 sĩ quan KGB và mấy người đồng tính luyến ái - bạn của người đã khuất. Tro của Guy Burgess được gửi về Anh cho người thân theo ước nguyện của ông.

Mãi đến năm 1964 tôi mới gặp Kim Philby. KGB phân công tôi cùng với Kim viết tiểu sử tự thuật của ông. Theo ý tưởng, cuốn sách sẽ phải là cách kiến giải chính thức cuộc đời ông và được phát hành tại Nga và các nước dân chủ nhân dân.

Tôi chờ đợi cuộc gặp gỡ đó đã lâu, và cuối cùng thì nguyện vọng của tôi cũng được thực hiện.

Philby sống cách trung tâm Moscow không xa, trong một ngôi nhà mới không có gì nổi bật, nhưng được gữi gìn rất tốt. Tôi lên tầng ba và nhấn chuông. Mở cửa là một người ngoài 50 tuổi một chút, tầm vóc trung bình, hơi đẫy, nhưng trông vẫn hấp dẫn và giữ nguyên được dáng điệu cao quý.

Nghe tôi tự giới thiệu, ông chộp lấy tay tôi rồi như tan đi trong nụ cười.

- Chúng ta là bạn cũ mà Peter. Mời anh vào nhà!

Hai chúng tôi ngồi vào bàn, mở một chai vôtca và bắt đầu câu chuyện. Việc chưa bao giờ gặp ông nhưng lại có rất nhiều điều chung với ông tạo cho cuộc trò chuyện của chúng tôi cái thú vị đặc biệt. Tôi cảm giác, Kim cũng có tâm trạng như vậy. Chúng tôi dường như hai nửa cắt đôi của một bức tranh. Cứ mỗi khi ông nhắc đến sự kiện nào đó, tôi lại bổ sung thêm những gì tôi biết, sống lại từ hồi ức về hoạt động của tôi ở Moscow những năm 1944-1947 và London từ 1948 đến năm 1955. Chúng tôi kể cho nhau nghe những gì người kia còn chưa biết.

Được ít lâu thì tôi đoán ra rằng, Kim Philby cho tôi là một nhân vật rất quan trọng trong KGB. Ông rất ân cần trong đối xử với tôi, và tôi cũng không sửa lại nhầm lẫn của ông. Ông đã báo trước với Eleonora vợ ông, bà đến Moscow sau khi Philby mấy tháng, để bà không làm phiền chúng tôi mỗi khi tôi đến.

- Peter là sếp của tôi, anh ấy không muốn để ai nhìn thấy, nên bà đừng nên xuất hiện.

Vì thế Eleonora luôn ở lại trong bếp khi chúng tôi ăn trưa.

Ngay từ cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa chúng tôi đã thiết lập được mối quan hệ thân tình nhất, dường như chúng tôi đã quen biết nhau từ lâu vậy. Suốt gần 20 năm tôi đã đọc và dịch không biết bao nhiêu báo cáo do Kim Philby viết, đến nỗi tôi cảm giác mình hiểu ông không cần ngôn từ nào cả. Lại thêm Burgess hẳn là đã kể cho

ông bao điều tốt đẹp về tôi. Chúng tôi trò chuyện hàng giờ về nước Anh, về Beirut, và đặc biệt về chặng đường ông đến Moscow ngày 28 tháng Giêng năm 1963. Philby kể tôi nghe ông đã rời tàu "Dolmator" ở Odessa sau mấy ngày trên biển với tư cách là khách du lịch như thế nào.

Đón ông tại Odessa là 3 nhân viên KGB mặc quân phục và một người mặc thường phục tên là Sergei. Sau những thủ tục thường lệ Sergei đưa ông đến Moscow. Tại đây Philby được cấp một căn hộ nhỏ và một người giúp việc. Sergei chịu trách nhiệm về mọi thứ còn lại: liên hệ với KGB, bảo vệ an toàn cho ông và xe, nếu ông muốn đi đâu đó. Sergei nói tiếng Anh rất giỏi, được giáo dục nề nếp và có tính hài hước, điều làm Kim rất hài lòng. Anh chàng Sergei đó đã ở bên ông cho đến tận ngày cuối cùng.

Cũng như Burgess và Maclean, Kim phải qua cuộc kiểm tra kỹ lưỡng của KGB, và ông chấp hành rất nghiêm chỉnh. Sau đó ông được chọn lựa một trong mấy căn hộ ở Moscow. Ông đã chọn căn hộ mà chúng tôi đã gặp nhau ở đó. Người của ta chuyển từ nhà ông ở Beirut sách và vài thứ đồ gỗ về, cho nên Kim Philby được sống trong khung cảnh quen thuộc, giữa những đồ vật quen thuộc. Ông được sử dụng xe riêng có tài xế, nhà nghỉ gần Moscow và được nhập quốc tịch Liên Xô. Philby nhanh chóng nối lại liên lạc với Maclean. Melinda đưa ông đi xem Moscow và đến tháng 9 năm

1963, vài tháng sau cuộc bỏ trốn khỏi Beirut, thì Eleonora đến với ông.

Bà không biết gì về quá khứ của chồng. Việc ông đột ngột biến mất làm bà lo lắng. Khi Eleonora quay về London, đoàn người thích tin giật gân đã kéo đến bao vây bà và bà không thích điều đó. Kim viết thư trấn an tinh thần vợ, nhưng tình báo Anh và Mỹ lại gây sức ép mạnh để bà không đi Liên Xô theo lời chồng. Mặc dù giận dữ vì mọi thử thách đều đổ xuống đầu mình nhưng rút cục Eleonora vẫn quyết định ra đi. Bà công khai đến sứ quán Liên Xô tại London và xin được cấp vida. Sứ quán Liên Xô đã làm được mọi thủ tục cần thiết, mặc cho MI-5 theo dõi sít sao những động thái chuẩn bị đó.

Tôi cùng Philby bắt đầu làm việc nghiêm túc từ cuộc gặp gỡ thứ hai. Ông cho tôi xem bản thảo, tôi thảo luận với cấp trên, rồi chúng tôi bắt tay vào viết chương I - Philby viết và luôn hỏi ý kiến tôi về những gì đã viết xong. Thường là ý kiến của chúng tôi trùng nhau. Ông biết rõ chẳng kém gì tôi, những gì có thể nói, còn những gì thì nên giấu. Có lúc sếp của tôi yêu cầu thay đổi chi tiết gì đó, tôi vòng vo hỏi Kim, liệu ông có thể tìm được cách kiến giải các sự kiện khác đi hay không.

Cũng như tôi, Philby trả lời tránh né và không bao giờ đưa ra câu trả lời ngay. Nếu sau khi thảo luận ông nhất trí với nhận xét của chúng tôi, ông sẽ thực hiện nó ngay. Còn nếu Kim nói: "Tôi sẽ suy nghĩ", thì điều đó có nghĩa là ông kiên quyết không thay đổi dù chỉ một từ,

lúc này tôi sẽ phải biến báo trước cấp trên. Chúng tôi thường xuyên thảo luận chữ nghĩa rất chăm chút và thận trọng, cho đến từng chi tiết nhỏ nhất, cuối cùng đi đến một thoả hiệp.

Philby hoàn toàn xứng đáng là một tác giả có kinh nghiệm. Cuốn sách ông viết về cuộc đời mình đáng để đọc, dù cho ông có bỏ qua nhiều điều thú vị và quan trọng, còn một số sự kiện nhắc đến trong đó thì không phải lúc nào cũng phù hợp với thực tế.

Quen biết ông gần gũi hơn, tôi nhìn thấy ở ông một bậc thầy về việc chiếm được lòng tin cậy của người đối thoại. Ông không bao giờ phản bác thẳng, mà luôn để tôi nói lên quan điểm của mình. Nhưng ông rất cứng rắn: "để tôi nghĩ" (ông nói) nhưng sẽ chẳng có nhượng bộ nào hết. Tính cách ấy ông không để lộ ra với tôi, nhưng cũng có lúc tôi nhận thấy, lúc đó thì tôi rút lui. Khi nào ông thấy tôi không nhượng bộ, ông sẽ lùi lại nửa bước để tránh đụng độ. Philby là tình báo viên bẩm sinh, có nghĩa là ông biết, ở đâu và lúc nào ông có thể thoả hiệp được.

Chúng tôi làm việc cùng nhau được vài tháng thì tôi được cử đi công tác. Một nhân viên KGB khác tiếp tục công việc của tôi. Cuốn sách của Philby được xuất bản năm 1968 có tên "Cuộc chiến tranh thầm lặng của tôi".

Tôi không hề được gặp Eleonora Philby, bà không thích ứng được với cuộc sống ở Moscow. Cái lạnh làm bà khó chịu, nhưng chồng bà lại hợp với khí hậu Nga. Hai

vợ chồng không có nhiều bạn bè, chỉ 1-2 nhà báo, thêm Donald và Melinda thỉnh thoảng đến chơi. Dù Eleonora không đến nỗi bất hạnh nhưng bà vô cùng buồn chán. Kim dịu dàng với bà thậm chí đôi khi lãng mạn. Ví dụ như khi định nấu nướng gì đó bà có thể tìm thấy một mẩu giấy trong nồi với dòng chữ: "Anh yêu em". Bà cũng yêu chồng nhưng không thể tha thứ cho ông lỗi đã đi khỏi Beirut mà không nói với bà một tiếng. Eleonora coi đó là sự phản bội.

Năm 1964, Eleonora Philby đi Mỹ nghỉ hè với con gái. Bà cần thay đổi không khí. Còn Kim thì đi du lịch dài ngày vùng Pribaltich cùng với gia đình Maclean. Khi trở về vào tháng chín, Philby nhận được thư của Eleonora, bà báo sẽ lưu lại Mỹ một thời gian.

Philby tiếp tục gặp gỡ vợ chồng Maclean. Mùa đông năm ấy họ cùng nhau đi trượt tuyết. Và tình cảm đã nảy nở giữa ông và Melinda. Tôi không gặp vợ chồng Maclean, nhưng tôi biết, quan hệ giữa hai người đã trở nên lạnh nhạt. Tôi đã nghĩ Melinda yên phận nhưng tôi nhầm.

Donald nhanh chóng nhận thấy chuyện gì đang diễn ra, và hai người bạn giận nhau. Khi Eleonora về Moscow vào dịp Lễ Giáng sinh, Kim đón bà rất lạnh lẽo. Đến lúc này ông đã không nói chuyện với Donald nữa, và Eleonora hiểu có chuyện xảy ra trong khi bà vắng mặt. Bà đau đớn, đến tháng 5 năm 1965 thì bà đi khỏi Moscow vĩnh viễn. Cuộc chia tay không ầm ĩ. Ba năm sau Eleonora Philby đột ngột qua đời tại Mỹ.

Ít lâu sau khi vợ ra đi Kim Philby được nhận Huân chương Lênin và Huân chương Cờ đỏ, ông rất tự hào.

Melinda bỏ chồng và chuyển đến ở với Kim. Tất nhiên Donald không lấy làm dễ chịu, nhưng ông giữ được thái độ rất quân tử. Ông tiếp tục làm việc tại trường đại học, học tiếng Nga, viết sách và gặp gỡ số bạn bè ít ỏi, tất nhiên là trừ Philby. Mà nói chung, ngay cả hồi ở Anh giữa hai người đã có không nhiều điểm chung.

Mối tình của Melinda và Kim không được lâu bền. Năm 1966, bà chia tay ông, có lẽ là vì ông lại uống rượu. Bà hoàn toàn cô đơn ở Moscow. Chẳng có chỗ nào trú thân cả, cũng một phần vì lý do ấy mà Melinda quay lại với chồng. Họ chung sống có vẻ kỳ quặc, năm 1979 bà rời Liên Xô đến Mỹ.

Mười ba năm cuối sống ở Moscow không dễ dàng đối với bà, đặc biệt là sau khi các con đã lớn. Hai con trai lấy vợ, con gái lấy chồng - cả ba đều chọn bạn đời là người Nga. Melinda và Donald đã lên ông, lên bà. Hai con trai lớn Fergus và Donald rời Liên Xô sang định cư ở London. Melinda con gái út thì sau cuộc hôn nhân thứ nhất không hạnh phúc đã lấy hoạ sĩ Aleksandr Driuchin. Năm 1979, cô cũng rời khỏi Liên Xô cùng với chồng và con gái của cuộc hôn nhân đầu, cũng được đặt tên là Melinda. Cô cháu gái này rồi cũng rời Liên Xô đến sống với cụ ngoại Danbar.

Người ta nói với tôi rằng, sau khi phẫu thuật,

Donald ốm rất nặng, ông buồn nhớ cô cháu gái mà ông vẫn âu yếm gọi là "Melindushka".

Bốn năm cuối đời ông sống có một mình tại Moscow và tôi nghĩ ông lại say sưa. Đầu năm 1983, người em trai ông rất yêu quý là Alan đến thăm ông. Đó là lần đầu tiên họ gặp nhau sau năm 1951. Mặc những gì xảy ra, Alan vẫn rất yêu kính anh trai. Họ bên nhau vài ngày rồi Alan quay về Anh.

Donald Maclean mất ngày 9 tháng Ba năm 1983. Thi thể ông được hoả táng tại tu viện Donxki, đưa tiễn ông có hai đại diện KGB, các đồng nghiệp ở IMEMO, một số sinh viên cũ, Kim Philby và George Bleik. Không người thân nào của ông có mặt. Quan tài được phủ lá cờ thêu dòng chữ "Xin yên nghỉ ngàn thu, Donald Maclean". Sau lễ tang, con trai cả của ông Fergus Maclean mới về và đưa bình tro của cha về Anh, đặt trong hầm mộ của gia tộc tại nghĩa trang Pen. Một lễ cầu hồn ngắn được tổ chức trước nghi lễ cuối cùng.

Hiển nhiên là cái chết của Donald Maclean đã cho báo chí phương Tây cái cớ để sục toàn bộ vụ án của bộ ngũ Cambridge lên một lần nữa.

Sau chín tháng công tác ở Ấn Độ, năm 1967 tôi lại đến thăm Kim Philby, nhưng lúc này không phải là do nhiệm vụ nữa. Đơn giản là chúng tôi đã trở thành những người bạn tốt. Kim có nhiều thời gian rỗi. Cả hai chúng tôi đều rơi vào hoàn cảnh giống nhau: KGB càng ngày càng giao ít việc cho chúng tôi hơn. Nhưng tôi vẫn

không thôi đề nghị lãnh đạo giao cho ông việc gì đó. Tôi nói, Philby là một hiện tượng, một nhà phân tích xuất sắc và chuyên gia về các vấn đề quan hệ quốc tế, rằng cần phải sử dụng kinh nghiệm của ông. Thậm chí tôi còn đề xuất nhận ông vào làm công tác giảng dạy tại KGB. Chí ít ra, ông là nhà tình báo nổi tiếng nhất trong số những người còn sống.

Yêu cầu của tôi bay đi như gió thoảng bên tai. Nhưng điều đó không có nghĩa là Kim chịu ăn không ngồi rồi. Dù ông không học tiếng Nga, như Burgess, nhưng Kim vẫn là cố vấn giỏi nhất của KGB. Cục tình báo nước ngoài tìm đến ông mỗi khi họ cần lời khuyên về vấn đề tình báo hoặc phản gián của các nước tư bản. Ông luôn giúp đỡ nhiệt tình. Bầu không khí quốc tế có ấm dần lên nhưng điều đó không có nghĩa là cuộc đấu tranh giữa các cơ quan tình báo đã chấm dứt. KGB luôn hỏi suy nghĩ của ông về các sự kiện thuần tuý chính trị liên quan đến Anh hoặc Mỹ, hoặc về những vấn đề chuyên ngành mình. Philby viết một bản báo cáo chi tiết về hoạt động của CIA, kèm theo phân tích đầy đủ nội vụ và sơ đồ cơ cấu của nó tại Mỹ cũng như tại các nước khác. Bản báo cáo này là tài liệu quý giá vì nó được một người đã mắt thấy tai nghe lập nên. Kim có trí nhớ tuyệt vời về tên tuổi. Những phân tích của ông về con người luôn chính xác hiếm thấy. Ví dụ như những đánh giá của Philby về James Anglton, Cục trưởng Cục phản gián CIA. Ngoài ra, ông còn cung cấp cho chúng tôi tiểu sử toàn diện của các lãnh đạo và sĩ

quan giỏi nhất của cơ quan mật vụ Anh. Như vậy là Kim không ăn không ngồi rồi, nhưng những khả năng của ông có thể và lẽ ra phải được sử dụng rộng hơn nhiều.

Đôi khi tôi rẽ qua nhà Philby 1-2 giờ đồng hồ, để được ở bên ông. Chúng tôi ít nói về cuộc sống của ông ở Anh: tôi hiểu rằng, hồi ức về quê hương làm trĩu nặng nỗi buồn trong ông. Khi nói về Burgess, tôi thấy đánh giá của ông về người bạn cũ là rất khách quan, bất kể mối bất hoà giữa họ. Trong sâu thẳm tâm hồn ông vẫn kính trọng Burgess sâu sắc. Khác với nhiều người khác, hai chúng tôi biết con người thực chất của Guy - kiêu hãnh, có mục đích, không bao giờ dừng lại giữa đường.

Dù Burgess có uống rượu, nhưng ông vẫn là người lao động vĩ đại. Đôi khi ông để xảy ra những sai lầm lớn, nhưng chúng thường xuất phát từ sáng kiến quá táo bạo của ông. Nếu một khi ông đã đặt ra cho mình một mục đích, ông có thể xẻ núi bạt đất, và trên thực tế ông đã từng xẻ núi bạt đất để đạt được mục đích đó.

Tôi cố thử giải thích cho Kim hiểu, vì sao Burgess lại đi theo Maclean mà không dừng lại ở Praha. Chỉ vì ông tin lời Corovin cam đoan rằng, Guy sẽ có cơ hội trở về London. Kim chỉ cười khẩy. Ông cho rằng, Burgess đủ thông minh để hiểu rằng, nếu ông bỏ trốn cùng Maclean, ông sẽ không có đường trở lại. Có chăng là chỉ để ngồi rục xương ở trong tù. Tôi không thể lay chuyển được Kim, Burgess đã phản bội ông - không thể khác được.

Chúng tôi thường day đi trở lại những thời điểm nguy kịch trong thời gian hoạt động cùng nhau ở Anh. Và chính từ Philby mà tôi biết được những chi tiết đáng sợ của vụ Volkov mà tôi đã kể trong cuốn sách này.

Ông hỏi tôi, vì sao chúng tôi lại dành nhiều nỗ lực như thế để cứu ông và các điệp viên khác khỏi vận mệnh đã chờ họ ở phương Tây. Tôi trả lời rằng, chúng tôi luôn thấy có trách nhiệm phải làm tất cả những gì có thể để cứu các điệp viên có nguyện vọng tìm nơi trú ẩn tại Liên Xô. Một số trường hợp chúng tôi không thành công do không đủ thời gian, hoặc là do các điệp viên này đã vội vã thú nhận và rơi vào sau chấn song sắt. Đã xảy ra như vậy với Alan Nan Mei và Claus Fuks, sau đó đến năm 1961 là George Bleik. Nhưng rồi ông này đã trốn thoát và lưu vong sang Liên Xô năm 1966. Chúng tôi luôn luôn cho rằng bỏ mặc bạn bè là không đứng đắn.

Tôi cùng Philby cố gắng giải đáp câu đố: có phải người Anh đã không ngăn cản (mà biết đâu lại tạo điều kiện) các điệp viên của ta chạy trốn? Nhưng rồi chúng tôi đi đến kết luận rằng không thể có chuyện đó được, ít nhất là đối với Maclean, MI-5 đã chẳng chuẩn bị gọi ông lên hỏi cung là gì. Ý tưởng này có thể nảy ra trong đầu các sếp phản gián Anh, nhưng sự tham gia của người Mỹ đã loại trừ khả năng đó. Người Mỹ không bao giờ cho phép người Anh nuốt lời. Tóm lại, Philby nhất trí là phản gián Anh gần như là dắt tay tiễn ông ra cửa.

Bởi nếu ông bị đưa ra toà, ông sẽ phá sạch sành sanh trong các lời buộc tội.

Qua năm tháng Kim càng chìm sâu vào hồi tưởng hơn. Ông muốn gặp tất cả những người đã từng làm việc với mình. Nhưng tiếc thay, tất cả những liên lạc viên trước đây của ông đều đã chết - chỉ còn lại mình tôi. Bởi khi tôi bắt đầu làm việc với bộ ngũ Cambridge ở London, tôi mới có 25 tuổi, còn những người tiền nhiệm của tôi thì lớn tuổi hơn nhiều.

Lần nào Kim đi dự hội nghị hay lễ lạt gì đó, ông đều nhìn quanh hy vọng trong thấy gương mặt quen. Nhưng than ôi, chúng còn ít ỏi đến nao lòng.

Nhìn chung ông tiếp nhận cuộc sống thường nhật tại Liên Xô khá là tốt đẹp. Bản thân ông không cảm thấy có khó khăn gì (Sergei đã thực hiện mọi nguyện vọng của ông), nhưng ông vô cùng phiền muộn khi thấy các loại thực phẩm cứ nhanh chóng biến mất khỏi các cửa hàng. Hàng người xếp hàng dài dằng dặc mua thịt và bánh mỳ khiến ông kinh sợ.

Tôi có ý nghĩ là Philby chỉ làm ra vẻ hài lòng. Ông quá kiêu hãnh để có thể hối tiếc, còn ông hiểu rằng điều kiện sống của ông ở Anh, Mỹ và thậm chí Thổ Nhĩ Kỳ khác xa với ở Liên Xô. Chúng ta chỉ có thể dành cho ông một căn hộ tiện nghi tại Moscow và cố gắng để ông không phải thiếu thốn thứ gì. Theo tôi ông chấp nhận số phận. Khác với Burgess, Kim không bao giờ nói mình muốn quay lại nước Anh. Có thể ý nghĩ đó cũng có

thoảng qua nhưng Philby không hề hé răng, vì ông biết, ý nguyện này của ông không bao giờ trở thành hiện thực.

Năm 1966, khi Melinda bỏ ông, Philby còn lại trơ trọi một mình, và Donald thì ông hoàn toàn không nói không với. Kim bắt đầu uống, nguy thay người của ta ở bên cạnh ông không nhận thấy điều đó mãi đến khi nó trở nên trầm trọng. Suốt mấy năm ròng cuộc sống của ông chỉ được điểm xuyết vài chuyến đi nghỉ tại nhà nghỉ dành cho cán bộ cao cấp tại Biển Đen và mấy nước khối Đông Âu. Ông nhấn chìm nỗi buồn chán của mình trong rượu vang hay Wisky, nếu mua được. Niềm vui duy nhất của ông những năm đó là việc con trai Tommy đến thăm vào năm 1967. Sau khi trở lại Anh, Tommy tuyên bố:

- Cha tôi là một anh hùng.

Đang ở trong tâm trạng trầm uất thì Ida, vợ George Bleik, cũng là người lưu vong như ông, giới thiệu ông với người bạn gái thân nhất của mình, đó là Rufina, một phụ nữ Nga lai BaLan, có mái tóc nâu duyên dáng. Họ gặp nhau vài lần tại nhà nghỉ của vợ chồng Bleik. George vừa mới được làm cha: vợ ông sinh con trai.[1]

Philby tiễn Rufina về nhà, ít lâu sau thì cầu hôn với cô. Cô do dự - Kim hơn cô nhiều tuổi, - nhưng cuối cùng

---

(1) . Tôi chưa bao giờ làm việc với Bleik tại Moscow cả, và cũng không phải là liên lạc của ông tại Anh (T.G).

cũng đồng ý, họ cưới nhau ngày 19 tháng Mười Hai năm 1971. Nhân dịp vui, KGB đã tặng hai vợ chồng bộ ấm chén pha lê Anh tuyệt đẹp. Rufina trở thành vợ thứ tư của Kim Philby.

Ít lâu sau tôi tiếp tục đến thăm Kim Philby rất ngạc nhiên vì hầu như chị ấy không biết gì về cuộc đời của chồng. Ngược lại với Maclean, Kim không bao giờ thổ lộ với vợ các bí mật của mình; dù là Ilen, Eleonora, Melinda, hay Rufina đi chăng nữa. Suốt 17 năm ông làm việc tích cực cho KGB, chưa bao giờ chúng tôi gặp phải vấn đề nào có phụ nữ dính dáng vào cả. Nói điều này nghe có vẻ chắc lép, nhưng ông giấu các bà vợ hoạt động bí mật của mình là để tránh bị tống tiền hoặc những điều không hay khác trong trường hợp ly hôn hay chia tay nhau. Mà cũng có thể đơn giản là Philby không tin cậy phụ nữ.

Sau đám cưới, Philby cùng vợ bắt đầu một cuộc sống hoàn toàn khác. Trước Rufina sống với mẹ, nay chuyển đến sống với chồng trên tầng năm toà nhà dành cho thành viên Chính phủ tại trung tâm Moscow, bên bờ sông. Các phòng trong nhà đều rộng, đầy ánh sáng, bài trí thuận tiện, sách chất đầy trên các giá. Rufina có xe và tài xế riêng. Nhà Bleik và nhà Philby thường xuyên gặp nhau. Cậu bé Misha Bleik, sinh đúng năm Kim và Rufina lấy nhau, gọi ông là "bác Kim". Hai bác cháu rất thân thiết nhau.

Philby không uống rượu nữa, thỉnh thoảng ông lại cộng tác với Trung tâm, cố vấn cho KGB về các vấn đề

quốc tế, chủ yếu là về vùng Cận Đông mà ông rất thông thạo. Ông nhiệt tình nhận giải quyết cả những vấn đề thuần tuý kỹ thuật. Nhiều lần ông đã ngồi mấy tiếng đồng hồ trước ảnh các điệp viên để xác định tính cách của họ. Ông như được hồi sinh, khi cuối cùng Trung tâm đề nghị ông đào tạo lớp tình báo viên mới trong trường huấn luyện của KGB. Ông rất hào hứng với công tác giảng dạy, truyền thụ kiến thức của mình với tất cả lòng say mê, kiên nhẫn và tự nguyện.

Vào các dịp nghỉ, Philby cùng vợ đi nhiều nơi trên đất nước Liên Xô, đặc biệt thường xuyên đến vùng Pribaltich và ngoại vi các bãi tắm bên bờ Biển Đen. Họ nghỉ tại các khách sạn sang nhất và không gặp trở ngại nào trong khi đi du lịch khắp đất nước cả. Họ đã đến BaLan, Bungari, Đông Beclin, đến cả Cuba. Chuyến đi này khá là mạo hiểm, chúng tôi phải huy động mọi lực lượng để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho Kim và Rufina. Họ được khuyên không đi máy bay. Thiếu gì chuyện có thể xảy ra. Động cơ trục trặc gì đó và máy bay sẽ phải hạ cánh xuống đất Mỹ. Vậy là họ đi Cuba bằng đường thuỷ, dù mất khá nhiều thời gian. Lần đầu tiên sau bao nhiêu năm Kim về lại gần Tổ quốc khi con tầu của họ vượt qua eo La-Manche. Đứng trên boong tầu, bờ biển xứ Kent và Saseks trôi qua trước mắt ông. Ông không nói với ai, ông đã nghĩ gì vào giây phút ấy. Chính phủ Cuba tặng ông huân chương, nhưng cuộc gặp gỡ với Phiđen đã không thực hiện được.

Dù Rufina không dính dáng gì đến ngành tình báo

của ta, KGB vẫn rất hài lòng với lựa chọn của Kim. Eleonora, người mà MI-5 và CIA chắc chắn đã tìm cách tiếp cận, không hoàn toàn thích hợp lắm, còn mối quan hệ giữa Kim và Melinda thì ý kiến chung đều cho là không hứa hẹn điều gì tốt đẹp. Còn Rufina, chị là một phụ nữ thông minh, có học vấn cao, mà chủ yếu là chị đã kéo được Philby ra khỏi vũng bùn say sưa.

Cuối những năm 80, tôi có gặp Kim mấy lần. Lúc đó tôi đang rất bận công việc tại Viện Andropov, trung tâm đào tạo của KGB. Tôi luôn vui mừng mỗi khi được gặp ông, dù các cuộc gặp thưa hơn là tôi mong muốn. Lần nào câu chuyện của chúng tôi rồi cũng quay về đề tài chính trị. Chủ đề này được cả hai chúng tôi quan tâm một cách say mê, đặc biệt cuộc chiến tranh Apganixtan sắp nổ ra. KGB đã nhiều lần đề nghị Kim phát biểu quan điểm của mình về vấn đề này. Cũng như một loạt các chuyên gia khác của Trung tâm, ông nhất quyết khuyên người Nga không lún quá sâu vào nội vụ Apganixtan, dẫn ra ví dụ vụ sa lầy vô vọng của người Anh tại đất nước này, họ đã 3 lần thử chiếm Apganixtan, nhưng lần thứ ba cũng chỉ dẫn đến việc giải thoát đất nước khỏi sự can thiệp của nước ngoài.

Năm 1983 có hai sự kiện làm xúc động Kim Philby: cái chết của Donald Maclean, người ông có xích mích nhưng vẫn kính trọng chân thành, và sau đó một chút đến lượt Anthony Blunt ra đi. Tiện đây xin nói thêm,

Philby vẫn còn ngờ vực mãi không hiểu tại sao năm 1979 Chính phủ Anh lại công khai gọi Anthony Blunt là gián điệp Liên Xô.

Tôi đến thăm Kim cả sau khi bắt đầu cuộc cải tổ của Gorbachev. Ông phê phán gay gắt Gorbachev và tất cả những lời phát biểu của ông ta và lo lắng cho số phận của Liên Xô.

Tôi biết chắc, Kim Philby sẽ trung thành với lý tưởng của mình. Ông chưa bao giờ vi phạm lời thề từ thời thanh niên của mình. Theo ông ngôi sao sáng của chủ nghĩa cộng sản sẽ không bao giờ tắt, - Cho dù người ta có chọn không đúng con đường đi đến chủ nghĩa cộng sản, bởi lẽ chủ nghĩa cộng sản thể hiện những hoài bão tốt đẹp nhất của nhân loại.

Tháng Chín năm 1986, một người quen cũ từng làm việc cùng Kim trong chiến tranh - nhà văn Grahan Green[1] đã đến thăm ông. Kim Philby từng là cấp trên trực tiếp của Green, trưởng chi nhánh tình báo Anh tại Siera - Leon. Nhưng họ kết bạn với nhau là về sau này. Thảng hoặc họ viết thư cho nhau. Green đã bốn lần đến Moscow và gặp gỡ thường xuyên với Philby. Green - kẻ tự nguyện bị xua đuổi, đến sinh sống ở quần đảo

---

(1) . Green Grahan (1904-1991) - nhà văn Anh. Nổi tiếng ở nước Nga qua các tiểu thuyết "Một người Mỹ trầm lặng" (1955), "Người của ta ở Havana" (1958), "Những kẻ đạo đức giả" (1966).v.v... Tiểu thuyết "Nhân tố con người" được ông viết năm 1978.

Antibe, và Philby - cư dân Moscow không tự nguyện đều có nét chung: cả hai là những người Anh chính cống, đều là người tự tôn, điềm tĩnh, hơi trơ tráo một chút như những người thuộc lớp cũ khác. Tôi biết, Philby không thích nhân vật chính trong tiểu thuyết "Nhân tố con người" của Green, mà chính ông là nguyên mẫu, lắm. Ông cho rằng mình hoàn toàn không giống anh chàng ngốc chỉ biết than thân trách phận, kéo lê cuộc đời khổ ải trong căn nhà ổ chuột ở Moscow. Điều kiện sống thực tế của Kim hoàn toàn khác: căn hộ rộng rãi nhìn ra cảnh sông; hàng chồng báo "Times", Le Monde", "Herald Tribun" được đặt riêng cho ông; băng video quay những trận criket quan trọng nhất, những lọ mứt Oxford của hãng Cufer gửi từ London đến xếp hàng trong tủ bếp. Kim Philby được nghe đài "BBC", và "Tiếng nói Hoa Kỳ", đọc truyện trinh thám của John Le Carre, thậm chí còn học cách nấu nướng như một đầu bếp thực thụ - chi tiết nhắc nhở xa xôi đến nhân vật của Green.

Sau một lần Green viếng thăm, tôi đọc được trên tờ "Sunday Telegraf" một lời phát biểu đáng chú ý của Kim: "Những thay đổi ở Liên Xô chỉ có thể đến từ phía KGB, cơ quan có những người giỏi nhất, thông minh nhất trong hàng ngũ của mình".

Bắt đầu từ những năm 60 Kim có triệu chứng của bệnh tim. Thoạt đầu những triệu chứng đó ít xảy ra, nhưng khá là đáng lo ngại. Mùa xuân năm 1988 ông bị cơn nhồi máu đầu tiên. Khi Philby đã khoẻ lên đôi chút,

tôi tỏ ý muốn gặp ông. Bởi tôi là nhân chứng duy nhất còn lại chứng kiến những cuộc phiêu lưu phi thường của ông. Tôi nhờ đồng nghiệp chuyển đến Rufina nguyện vọng của tôi, ông trả lời ngay, rằng ông sẽ sung sướng được gặp tôi, và thậm chí ông cần phải nói chuyện với tôi. Nhưng ngay sau đó tôi được tin ông đã phải vào viện. Các bác sĩ không thấy tình trạng của ông có gì đáng lo ngại, và buổi tối ngày mồng 10 tháng năm, Rufina rời bệnh viện ra về mà không lo ngại gì lắm. Đến đêm thì bệnh viện gọi điện tới và thông báo Kim đã mất lúc hai giờ sáng.

Ngày 13 tháng Năm, một ngày xuân tuyệt diệu, tôi đến dự đám tang ông. Chiếc quan tài phủ lá cờ được đặt trong phòng câu lạc bộ tại Lubianca, để bạn bè và đồng sự của Philby ở KGB có thể vĩnh biệt ông lần cuối cùng. Chiếc gối nhỏ đặt huân chương đặt phía trên lá cờ. Philby được an táng tại khu dành cho các tướng soái của nghĩa trang Kuntsevski, phía tây Matxcơva. Dù Kim Philby không phải là tướng (trái lại với một số khẳng định), Cục cảnh vệ của KGB trong trang phục duyệt binh đã tiễn đưa ông lần cuối cùng bằng ba hồi đại bác. Dàn nhạc cử bài "Quốc tế ca". Dự lễ tang ông có con trai John, con gái Jojefine và đông đảo những người kính trọng ông, trong số đó có các sĩ quan mọi cấp bậc, thậm chí cả chủ tịch KGB Vladimic Aleksandrovitc Kriutekov - sau này là một trong những người lãnh đạo cuộc binh biến năm 1991. Tôi được giao đọc lời điếu văn, và tôi coi đó là vinh dự rất lớn đối với bản thân tôi.

*

* *

Kim Philby là thành viên cuối cùng và xuất sắc nhất của nhóm điệp viên nổi tiếng nhất của thế kỷ XX - tôi nghĩ tôi có quyền gọi ông như vậy. Lần đầu tiên trong lịch sử tình báo Liên Xô tuyển mộ được những người giữ vị trí cao trong Chính phủ Anh như vậy. Họ đã cung cấp những tin tức tình báo quý giá và không một ai trong số họ bị giết, bị bắt, hay bị buộc tội gì cả - do không đủ chứng cớ. Họ có được thành công chói lọi một nửa là nhờ may mắn, một nửa là nhớ tính chuyên nghiệp cao. Chưa xảy ra một thất bại nghiêm trọng nào trong hoạt động của họ, dù chúng tôi giữ liên lạc thường xuyên với họ trong nhiều năm liền, đồng nghĩa với mối nguy hiểm lớn lao.

Vậy là đã hơn 40 năm nay thế giới mê mẩn với những tài liệu về bộ ngũ Cambridge. Điều đó hoàn toàn có lý, bởi những chiến công phi thường của họ còn lưu lại lâu dài trong trí nhớ mọi người, trường tồn hơn chúng tôi, những người tham dự vào hoạt động của họ.

Đôi khi tôi đến bên mộ Kim, đứng đó và nghĩ về ông. Những người còn lại yên nghỉ ở xa xôi tận nước Anh, tôi không thể đến thăm mộ họ được. Nhưng tôi luôn nhớ về họ, vì họ đã trở nên thân thiết đối với tôi cũng tất cả những ưu, khuyết điểm của mình. Đó là những người sẵn sàng hy sinh cuộc sống của mình cho sự nghiệp

chính nghĩa. Và tôi ngả mũ cúi đầu trước họ. Hy vọng, rằng tôi sẽ làm được như họ.

Nếu không tính Melinda, có thể là thêm Litsi và 1-2 người tham dự sự kiện này nữa, thì tôi là người cuối cùng, và có lẽ là người duy nhất có thể đánh giá được bộ ngũ Cambridge trên mọi phương diện. Giờ đây, khi mọi sự đã lắng lại, thì tôi có thể nói lên suy nghĩ khách quan về những người này và những sự kiện liên quan đến họ.

Theo tôi Somerset Maugh[1] - cũng là một điệp viên mật trong đại chiến thế giới lần thứ nhất - đã nói chính xác trong một tác phẩm của mình, rằng chỉ có hành động mới để lộ bản chất thật của con người. Con người trước thế giới xung quanh chỉ thể hiện những gì anh ta muốn. Anh ta dường như tạo cho mình một dung mạo, cho người khác tiếp nhận anh ta như anh ta mong muốn. Để hiểu được con người trên thực tế, cần phải quan sát những cử chỉ, nét mặt vô thức, không kiểm soát của anh ta. Đôi khi con người nhập vai đến nỗi dần trở thành người mà anh ta thể hiện. Nhưng con người dường như cởi bỏ giáp bị của mình trong cuốn sách anh ta viết, trong bức tranh anh ta vẽ, và trong các công việc ngày thường không gì có thể che giấu nổi tính tầm thường trong hành vi của con người. Nhìn sâu vào tâm

---

(1). Somerset Maugh (1874-1965) - nhà văn Anh, tác giả tiểu thuyết "Mặt trăng và đồng xu", "Nhà hát",... và nhiều truyện ngắn khác.

hồn, ta có thể khám phá ra những bí mật sâu kín nhất của con người.

Những gì chúng ta nói chẳng có ý nghĩa gì hết, quan trọng là những gì chúng ta làm. Và dù có nói gì thì tôi vẫn nhận thức được rằng không bao giờ mình tìm hiểu được đến cùng tính cách của tất cả các điệp viên mà tôi từng làm việc. Ví dụ như Kim Philby vĩnh viễn là một câu đố đối với tôi.

Là một điệp viên, ông gần như không mắc sai lầm và qua năm tháng đã thu thập được một khối kinh nghiệm khổng lồ. Ông biết, những cái bẫy nào có thể giương lên với ông và làm thế nào để không rơi vào bẫy. Nhưng trong khi đó ông không phải là một thiên tài. Về trí tuệ Philby không thể so được với Burgess, Blunt, Maclean, thậm chí với Cairncross. Tôi cảm nghĩ, ông cũng không phải là một sinh viên xuất sắc hay đặc biệt có tài. Chắc chắn là Kim có những khả năng trí tuệ lớn, nhưng về mặt này thì Guy Burgess còn vượt xa ông.

Nhưng trong lúc đó Kim Philby lại có một phẩm chất hiếm có, mà người khác không có được, cụ thể là kỹ năng đánh giá thực tế các sự kiện. Nhiều người xem xét các sự kiện chỉ dựa trên quan điểm của mình, từ đó mà giữ đánh giá của họ và thực tế có sự khác nhau lớn. Philby luôn xem xét các vấn đề từ mọi phía và truy đến tận những chi tiết bị che giấu. Ông có tài trác tuyệt định hướng trong các tình huống phức tạp và tiên đoán một cách bản năng xem chúng sẽ phát triển như thế nào. Chính khả năng này đã giúp ông trở thành bậc

thầy lão luyện trong nghề tình báo mật. Chỉ cần cho ông hay có một khó khăn nào đó xuất hiện, là Kim sẽ tìm được một lối thoát nhanh chóng, hiệu quả, hoàn hảo và chính xác. Burgess, người không công nhận một uy tín nào và không cần đến bất kỳ lời khuyên của ai, cũng phải kính trọng Philby sâu sắc. Khi ông gặp cản trở, ông đều đến gặp Kim và làm những gì Kim bảo. Vậy mà hiểu biết của Philby đâu có rộng như của Guy người thông thạo mọi lĩnh vực, từ chính trị, âm nhạc, nhà hát cho đến nghệ thuật nói chung.

Tôi thì nghĩ, mặc những thiếu sót, Kim Philby thực tế vẫn là nhà tình báo vĩ đại nhất của thế kỷ. Tuy tôi thường có cảm giác rằng, đánh giá đó phù hợp hơn với Maclean. Nhưng nếu lấy số lượng và chất lượng thông tin khai thác làm tiêu chí thì tôi có thể làm chứng: chúng tôi nhận được từ Philby loại thông tin chính xác và có hiệu quả. Và chính là nhờ ông mà chúng tôi biết được hoạt động của phe đối phương, nắm được vị trí cắm gián điệp của họ và những âm mưu tiến hành chiến dịch phá hoại.

Nhưng còn nếu coi mục đích của tình báo là cung cấp cho Chính phủ hoặc các nhà hoạt động nhà nước quan trọng các thông tin giúp họ có những quyết định phù hợp thì lúc đó Donald Maclean mới thực là điệp viên của thế kỷ. Ông đã cung cấp cho chúng tôi những thông tin chính trị, kinh tế và khoa học, giúp các nhà lãnh đạo của ta định hướng chiến lược cho hơn 10 năm, mà là những năm như thế nào! Trong mười mấy năm đó,

thế giới chuyển từ cuộc đại chiến 1939 - 1945 sang cuộc "chiến tranh lạnh". Còn gì quan trọng hơn đối với chúng tôi vào thời đó bằng việc thông thạo chiến lược của Anh - Mỹ đối với các nước Đông Âu?

Một tình huống khá kỳ lạ đặt ra: MGB khen ngợi Kim Philby không hết lời và gần như không một nhân viên nào đánh giá đúng công lao của Maclean. Thông tin của ông không gây được chú ý trực tiếp đối với MGB, họ quan tâm nhiều hơn đến hoạt động tình báo tại địa bàn thuần tuý, hơn là đến chính trị. Tôi nghĩ, chỉ có Molotov và nhân viên của ông, những người duy nhất thực tế nhận thông tin từ Maclean, là có thể đánh giá hiệu quả của hai điệp viên này.

Cá nhân tôi chỉ có thể nói một điều: dù Philby có là điệp viên thế kỷ hay không, ông vẫn luôn là một câu đố bí ẩn. Tôi không biết rõ ông như biết Burgess, Cairncross hay Blunt, cho dù Blunt cũng là một người khá kín đáo.

Dù tôi kính phục Philby, dù tôi biết rõ công việc của ông, nhưng tôi chưa bao giờ cảm thấy gần gũi thực sự với ông. Ông không hé mở với tôi bản chất thật của mình. Mà không chỉ với tôi. Không một người Anh nào, không một người phụ nữ nào từng chung sống với ông có thể nâng được tấm màn bí ẩn vững chắc như thép mà Kim chắn quanh mình. Ông là một tình báo viên với đầy đủ ý nghĩa của từ này, tình báo đã trở thành sự nghiệp cả đời ông, và ông sống chết với nó đến tận hơi thở cuối cùng.

Có lẽ, sự e dè của tôi trong quan hệ với Philby, Burgess và Blunt là xuất phát từ cảm giác thiếu tự tin. Chỉ cần gặp họ là tôi đã hiểu ngay rằng, họ vượt hẳn tôi về tri thức. Đó là những trí tuệ thực thụ, được hấp thụ sự giáo dục tuyệt vời trong gia đình và một nền học vấn tại các trường đại học tốt nhất. So với họ tôi không chỉ trẻ người và thiếu kinh nghiệm, mà còn cảm nhận sâu sắc sự kém cỏi của mình. Trường hàng hải Leningrad là một cơ sở đào tạo không tồi, nhưng không thể sánh với Cambridge được.

Tôi còn đầu xanh, tuổi trẻ, kiêu hãnh, can trường và không ngu ngốc. Tôi hiểu, để làm việc hiệu quả thì tốt nhất là tôi không nên ganh đua với họ, mà nên chăm chú lắng nghe, cố gắng hiểu và chiếm được lòng tin cậy của họ, tỏ thái độ kính trọng họ. Chúng tôi khác nhau trên mọi phương diện, thậm chí cả trong đánh giá lòng trung thành với lý tưởng của mình. Tôi trung thành với lý tưởng cộng sản, vì cấp trên yêu cầu điều đó, chế độ nước ta đòi hỏi điều đó và vì tôi là đảng viên Đảng Cộng sản. Đó là chuẩn mực hành vi vào thời gian đó, mà lòng trung thành của tôi cũng chỉ là hình thức. Phải mất nhiều năm sau, khi tôi đã về già, tôi mới hiểu sự lãnh đạo không sáng suốt đã đưa nước ta vào ngõ cụt như thế nào.

Bộ ngũ Cambridge chọn lý tưởng vì những lý do hoàn toàn khác. Niềm tin của họ nảy sinh từ sự phân tích sâu rộng lý thuyết và thực tế. Vào thập kỷ 30, khi họ còn là thanh niên, tình hình kinh tế và chuyện của

Anh không lấy gì làm tốt đẹp. Nghèo đói và thất nghiệp tồn tại song song với xa xỉ lãng phí. Lòng nhân từ, sự khao khát công bằng và niềm cảm thông với người nghèo đã chỉ đạo mọi hành vi của họ. Họ kinh hoàng khi tiên liệu trước sự lớn mạnh của chủ nghĩa phát xít ở Đức và châu Âu: Italia, Pháp và thậm chí cả ở Anh. Khủng hoảng của hệ thống tư bản và nỗi bất bình của người lao động cũng tác động đến quan điểm của họ. Họ đi đến kết luận, phải bằng mọi giá, mọi phương tiện giúp đỡ Liên Xô.

Đó là vào đầu những năm 30. Dần dần thế giới quan của họ thay đổi, nhưng rút lui thì đã muộn rồi, còn phản bội lại lý tưởng của mình thì họ không thể.

Thường thường, người ta coi công việc của tình báo viên như một việc phi đạo đức, còn bản thân người điệp viên là một kẻ vô nguyên tắc. Đối với bộ ngũ Cambridge thì quan điểm đó là rất sai lầm.

Giờ đây tôi cho rằng, bộ ngũ Cambridge thực sự là những người ưu tú. Đến tận ngày nay tôi vẫn khó mà tin việc mình đã từng làm việc với những người văn hoá cao, học vấn và niềm tin vững vàng đến như vậy, những người đã nhìn ra sự xuống dốc của Liên Xô vào thời điểm mà chúng ta đều tưởng tình hình nước nhà là tuyệt vời. Mặc dù vậy họ vẫn tiếp tục phục vụ cho sự nghiệp .

Người Anh lại có định kiến sẵn về những người này. Họ không thể nào chấp nhận được việc các nhà quý tộc

lại có thể chối từ giàu sang, lòng tự tôn, tình yêu mà lựa chọn mạo hiểm và liều lĩnh; làm sao họ có thể vin vào huyễn hoặc rằng những hy sinh của họ là để phục vụ cho lý tưởng cao cả nào đó? Họ không hiểu làm thế nào những người này lại leo lên gần như là nấc thang cao nhất của danh vọng tại đất nước mình, vì sao họ lại không bị bắt đúng lúc, và cuối cùng vì sao người ta lại cho họ cơ hội chạy trốn đến Liên Xô, nhờ đó mà tránh khỏi bị trừng phạt. Trong kỷ nguyên phản bội và lừa lọc ấy, người Anh không thể hiểu được tại sao bộ ngũ Cambridge lại vẫn trung thành với lý tưởng của mình.

Tất cả thành viên bộ ngũ Cambridge đều vẫn nguyên là đại diện tiêu biểu cho dân tộc và giai cấp mình. Và đó là điều ngạc nhiên nhất đối với người Anh trong toàn bộ sự kiện xảy ra.

Nhưng tôi có thể hiểu được hành động mà phương Tây coi là khó hiểu của những người này. Trước nhất, tôi kính phục chủ nghĩa yêu nước của họ. Cả năm người, đặc biệt là Guy Burgess, đều có một tình yêu thiết tha, sâu sắc đối với nước Anh. Nhiều người cho họ là những kẻ phản bội, nhưng tôi thì không. Tôi không phóng đại khi nói mình biết rõ hơn ai hết giá trị quý giá những tài liệu họ cung cấp cho chúng tôi, nhưng tôi vẫn khẳng định: không một người nào trong số họ muốn gây hại cho đất nước mình. Họ hoạt động chống lại Mỹ, điều đó chính xác. Họ chuyển cho chúng tôi tất cả những gì lọt vào tay họ, thậm chí đôi khi còn quá nhiều là đằng

khác. Nhưng chưa bao giờ tiết lộ cho chúng tôi bất cứ bí mật nào khả dĩ có thể gây phương hại đến nước Anh.

Hồi còn là sinh viên Trường Đại học Tổng hợp Cambridge họ đã tham gia vào cuộc vận động giúp đỡ người nghèo đang ngày càng sâu rộng. Họ gia nhập phong trào cộng sản. Và họ không hề có mảy may ý nghĩa phản bội lại Tổ quốc. Các thành viên bộ ngũ Cambridge đấu tranh cho chiến thắng của cách mạng thế giới. Mọi điều còn lại đến sau. Những mất mát đi đôi với cách mạng không ngăn được bước chân họ. Trước tiên, họ luôn trung thành với lý tưởng của mình là xây dựng nên một xã hội công bằng không có giai cấp, có khả năng đối đầu với chủ nghĩa phát xít. Mục tiêu đó đưa họ lại gần với nước Nga. Tất cả năm người không chỉ ở trong Đảng Cộng sản hay cảm tình với nó. Họ coi mình là những nhà cách mạng chân chính.

Họ nguyện trung thành với sự nghiệp cách mạng và đã trung thành với nó đến cùng.

MỤC LỤC

	Trang
Chương I: London, tháng Hai năm 1948	7
Chương II: Tôi đã đến với KGB như thế nào?	22
Chương III: Những người được lựa chọn	47
Chương IV: Những người trong bóng tối	156
Chương V: Những cuộc gặp gỡ tại London	213
Chương VI: Báo động	267
Chương VII: Cuộc chơi cuối cùng	305
Chương VIII: Ba công dân Liên Xô	389

Ảnh bìa 1 *(từ trái sang phải):* Anthony Blunt, Donald Maclean, John Cairncross, Kim Philby, Guy Burgess.